VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học hải ngoại
mai kim ngọc • thụy khuê • quyên di

phỏng vấn nguyễn huy thiệp
nguyễn quí đức
paris chiều tái ngộ
trần hồng châu
nhà ở phố
lê minh hà
kẻ lưu đày trên quê hương
khoa hữu

truyện
trần hoài thư • bùi bích hà • an phú vang
thơ
bùi vĩnh phúc • huỳnh liễu ngạn • nguyễn bá trạc
hoàng xuân sơn • hồng khắc kim mai • đặng hiền
dung nham • hồ minh dũng • trần văn nam
thời sự
quỳnh giao • trúc chi • nguyễn quốc trụ

SỐ 128 • THÁNG 12 NĂM 1996

Văn Học

số 128 ● tháng 12, 1996

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	3	thân hữu anh em sử học...
BÙI VĨNH PHÚC	9	*mùa xưa*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	10	joseph brodsky
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	17	phỏng vấn nguyễn huy thiệp
MAI KIM NGỌC	23	những truyện không viết
HUỲNH LIỄU NGẠN	38	*sắc không*
VĂN HỌC	39	phỏng vấn thụy khuê
THỤY KHUÊ	42	nhất linh
NGUYỄN BÁ TRẠC	52	*giữa hai hàng chữ*
VĂN HỌC	54	nói chuyện với quyên di
TRẦN HỒNG CHÂU	66	paris chiều tái ngộ
HOÀNG XUÂN SƠN	85	*màu sắc nỗi buồn*
TRẦN HOÀI THƯ	86	người mẹ
KHOA HỮU	94	*kẻ lưu đày trên quê hương*
LÊ MINH HÀ	97	nhà ở phố
HỒNG KHẮC KIM MAI	102	*cho em hoàn xanh bóng mượt*
ĐẶNG HIỀN	103	*em tháng chín*
AN PHÚ VANG	104	thằng bé thả diều...
DUNG NHAM	116	*ba bài ngắn*
HỒ MINH DŨNG	117	*gửi người hoa mai tứ thời*
BÙI BÍCH HÀ	118	cái địa chỉ cũ
TRẦN VĂN NAM	123	trăng mãi ngàn năm
NGUYỄN VY KHANH	124	người lính trong truyện THT
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	133	Đọc Mặt trận Sài gòn
QUỲNH GIAO	135	Thương tiếc lê thương
TRÚC CHI	138	thư gửi tạ trọng hiệp
NGUYỄN QUỐC TRỤ	143	tạp ghi
VĂN HỌC	149	hộp thư
VĂN HỌC	151	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1996
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Số báo bạn đọc đang cầm trên tay kết thúc năm 1996, để vào tuần đầu tiên tháng 1.1997, Văn Học Tết Đinh Sửu mở đầu một năm mới. Nhân dịp này, chúng tôi xin gửi lời cảm tạ đến tất cả các bạn văn và bạn đọc đã ủng hộ Văn Học trong năm vừa qua.

Văn Học số 128 cũng tạm thời kết thúc mục "Hai mươi năm văn học Việt Nam Hải ngoại" vì đã kéo dài hơn 18 tháng qua. Do hạn chế số trang, Văn Học không thể giới thiệu hết tất cả các nhà văn hải ngoại. Cho tới nay, vẫn còn nhiều nhà văn quan trọng Văn Học chưa có hân hạnh giới thiệu với bạn đọc. Cho nên từ sau số Tết, Ban Chủ biên sẽ mở mục "Văn liệu" để tiếp tục công việc còn đang dang dở. Không bị gò bó trong một công thức phỏng vấn cố định, Văn Học sẽ tùy theo từng trường hợp tìm cách giới thiệu tác giả và tác phẩm linh động hơn. Trên số này, chúng tôi đã thử tiếp cận các tác giả Mai Kim Ngọc, Thụy Khuê và Quyên Di bằng ba cách khác nhau.

Phần tiểu luận Văn Học 128 có đóng góp của Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Quốc Trụ, Mai Kim Ngọc, Thụy Khuê và Nguyễn Vy Khanh

Văn xuôi có bài tùy bút đặc sắc của Trần Hông Châu, truyện ngắn của Lê Minh Hà (một nhà văn nữ ra đi từ Miền Bắc), cùng những truyện ngắn đặc sắc khác của Bùi Bích Hà, Trần Hoài Thư, An Phú Vang.

Phần thi ca có tác phẩm của Nguyễn Bá Trạc, Bùi Vĩnh Phúc, Huỳnh Liễu Ngạn, Hoàng Xuân Sơn, Khoa Hữu, Hồng Khắc Kim Mai, Đặng Hiền, Dung Nham, Trần Văn Nam, Hồ Minh Dũng.

Phần thời sự văn học có Nguyễn Xuân Hoàng, Quỳnh Giao, Trúc Chi, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Quí Đức.

Một lần nữa xin giã từ 1996, và chờ đón 1997 với niềm lạc quan.

Văn Học.

Thân hữu anh em của sử học Việt Nam, người ở đâu?

Tạ Chí Đại Trường

Trong tình hình hiện tại của VN vừa vì trình độ chung, vừa vì áp lực của chính trị, mọi sự phức tạp không dành sẵn dễ dàng cho một nền sử học khoa học ngoài sự phức tạp của chính chuyên ngành. Đã nói sử học là xét về lịch sử của con người, của một tập đoàn người lớn nhỏ, nhưng cách ghi lại trong quá khứ không những bị bào mòn - có khi mất hẳn - vì thời gian mà còn thấy được ghi nhận thiếu sót, sai lạc bởi người đương thời. Lịch sử là của con người sống giữa biến động của thiên nhiên, đồng loại nên việc tìm hiểu lại nó cũng phải cần đến cả sự phụ giúp của gần như toàn thể các ngành khoa học được nghĩ ra. Nói "gần như toàn thể" là vì trong quá khứ, phương pháp luận sử học đã kể ra các khoa học phụ giúp tuy khá dài nhưng phần lớn nằm trong lãnh vực khoa học nhân văn, còn với sự tiến bộ của nhân loại trong thời gian gần đây thì quả khó có một giới hạn nhờ cậy của sử học như đã kể: các chuyên ngành cũ tăng tiến khả năng, các chuyên ngành mới chìa bàn tay giúp đỡ.

Ấy vậy mà với sử Việt viết gần đây về thời gian và khu vực trước khi xứ sở thế giới hoá, chúng ta vẫn chỉ thấy những tác phẩm trích cú tầm chương, tán rộng từ một mớ tài liệu cũ vốn rất giới hạn - giới hạn đến mức nhiều người, kể cả sử gia xưa đã than phiền về tài liệu ít oi để lại - mà căn bản vẫn chỉ là quyển *Đại Việt sử ký toàn thư* của triều đình thế kỉ XVII. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số đặc biệt (1992?) về Hồ Quý Li là một ví dụ trong hàng trăm bằng chứng khác. Óc nhân tuần và giới hạn quan điểm Tống Nho (đối với sử gia đời nay thì như là một di chứng nấp dưới quan điểm mới) đã khiến cho học giả không thấy được những gì khác ngay chính trên những dòng chữ ít oi để lại trong quyển *Toàn thư* chẳng hạn. Người ta chỉ theo sử gia xưa chửi mắng Dương Tam Kha phản phúc, chê

trách Đinh Lê lập nhiều hoàng hậu ngang nhau, dè bỉu lối vợ chồng táo quân Đinh Tiên Hoàng - Dương Hậu - Lê Hoàn, mạt sát Trần loạn dâm ... (hay ở một mặt khác thì lờ các chuyện này đi mà tâng bốc tinh thần trung trinh vì dân vì nước của các nhân vật đó). Người ta không chịu nghĩ ra một thời đại mà dấu vết truyền thống theo dòng mẹ dưới các vương quyền phụ hệ đã kéo dài đến 5 thế kỉ sau thời ngoại thuộc, khiến bà E. Porée-Maspéro khi tìm dấu vết truyền theo dòng mẹ trên bán đảo Đông Dương, lúc kể đến Việt Nam đành chỉ lấy bằng cớ nơi huyền sử Hồng Bàng vì Hùng Vương là một trong 50 con theo bà Âu Cơ lên núi sau khi li thân với ông Lạc Long không cần quan tòa định đoạt. Dấu vết rành rành mà không ai chịu thấy ông Lê Hoàn, vài ông vua Lí là phú nông là địa chủ để đưa lên đấu tố trong lịch sử. Tinh thần phe phía và di chứng đại-Hán khiến sử gia Trung Quốc bài bác vai trò lịch sử của một ông Triệu Quang Phục bịa đặt của người anh em thù nghịch - dù không phải là người thì ông ta cũng có vai trò lịch sử chuyển qua hành động thực sự nơi đám vua quan, dân chúng tin tưởng vào ông. Như cây thánh giá giữa đám Thập tự quân tác động vào lịch sử trung cổ Châu Âu, Cận Đông...

Chỉ riêng về tài liệu chữ viết mà ít người trong nước chăm chú đến các dân tộc chung quanh mình nhất là của tập họp Bách Việt của nền văn minh Man (E. Porée-Maspero) mà có người đầy tinh thần chủng tộc -chớ chê Hitler!- đã muốn chiếm cả Trung Hoa, Đông nam Á bằng sức tưởng tượng của mình. Đám Nam Man đó đầy dẫy trong sử sách Trung Hoa, thế mà trừ một vài trích dẫn của học giả ngoại quốc, không ai ở VN nghĩ đến chuyện tập họp các tài liệu dân tộc học xưa ấy vào trong một luận án chẳng hạn để người sau có tài liệu tập trung mà đối chứng, phát hiện thêm. Ví dụ trong mộ cổ Lũng Hòa có các "bánh đồng" nằm trong tay người chết, chẳng có nhà khảo cổ VN nào có kiến thức cổ tiền học thực sự nghĩ đó là tiền bởi vì đã có cổ thư Trung Hoa nói đến một dân tộc ở Vân Nam dùng bánh đồng (đồng đúc thành từng miếng) làm tiền, chẳng màng đến các loại bán lượng, ngũ thù, khai nguyên... Chớ trách điều đó xảy ra ở Miền Bắc bị bao vây bằng lí thuyết và chiến tranh - cũng chính bởi lí thuyết phát sinh tự nguyện trói buộc; ngay ở Miền Nam "tự do", như chúng tôi từng nhắc lại, ông Trương Bửu Lâm đã bị một nhật báo đem ra tố khổ chỉ vì đề nghị lấy thêm tài liệu Trung Hoa để sử Việt phong phú và chính xác hơn.

Lịch sử VN được sáng tỏ hơn nhờ khảo cổ học. Các công trình của khảo cổ gia VN (có khi với sự trợ giúp của các chuyên gia xã hội chủ nghĩa) không phải không có điều khả thủ nhưng có lẽ nên có một sự kiểm chứng nghiêm túc trở lại để loại trừ các ràng buộc gắt gao của nguyên tắc

"chính trị là thống soái" trước kia. Chúng tôi đã nhắc nhiều lần đến một tinh thần của chủ nghĩa dân tộc cực đoan nằm trong các công trình đào bới của các chuyên gia nội địa - và sau 1975 lại nảy thêm tinh thần địa phương chủ nghĩa đến ngang ngược, lố bịch. Thấy ở đâu có đồ đồng mang mấy chữ S xoắn nằm ngang là gọi ngay đồ đồng Đông Sơn như truyền nghề tổ từ đất Đông Sơn Thanh Hóa đi vào Nam. Một đống qua đồng ở Long Giao, vài chiếc ở Bình Thuận có các hoa văn đó liền được ghép ngay với Dốc Chùa khoảng 3000 năm về trước rồi cho rằng văn minh Đông Sơn đã xuất hiện thời ấy nơi này mà không chịu thấy sự tương phản gắt gao giữa rìu Dốc Chùa là một cục đồng trơn lu và mấy cái qua nét khắc rằn rện phức tạp ! Sao không chịu nghĩ rằng đó là vũ khí của đám Hòa nghĩa quân Lí Tài chẳng hạn lúc bỏ Tây sơn theo Nguyễn Ánh - qua đồng là vũ khí đặc biệt của Trung Hoa có mặt ngay trên chữ Hán cổ, và hiện tại!

Trong một tình trạng kĩ thuật còn thấp, người ta cũng đã cố gắng lan qua các chuyên ngành khác trong chừng mực có thể được. Ở ngành văn bản học chẳng hạn, ông Hoàng Xuân Hãn và các học giả khác đã dùng bằng chứng kị húy để định thời đại. Nhưng cùng với một số tìm tòi khác, hầu hết đều thông qua phán đoán của giác quan (tất nhiên cái đầu tham gia như quyết định cuối cùng.) Chẳng ai dùng kĩ thuật để xem bức truyền thần của Nguyễn Trãi (thế kỉ XV) hiện còn, là thật sự được vẽ lên lúc nào (hay ít ra tờ giấy đó được chế tác vào lúc nào?) Và cũng mong rằng người ta sử dụng kĩ thuật tân tiến để định tuổi các bức họa trên vách đá ở Sapa mà lâu nay cứ gọi là của thời kì đá mới đá cũ (nói dựa theo vết tích ở các hang động Châu Âu, Châu Phi).

Đúng là các chuyên ngành khoa học nhân văn đã được sử dụng nhiều, phụ giúp cho việc làm sáng tỏ lịch sử VN. Nhưng còn các khoa học tự nhiên? Sử quan xưa ghi những chuyện xảy ra trong đời vua họ, hoặc dửng dưng như ghi sự kiện hoặc với ngầm ý - mà run sợ - cảnh cáo chủ họ theo quan điểm của lý thuyết dạy dỗ: sao chổi xuất hiện, động đất, hạn lụt... là Trời phạt Con-mình (làm hại lây đến các con của Con-mình.) Nhưng người Việt đời nay có nhờ các nhà khoa học tìm được ý nghĩa gì, đi sâu thế nào trong các sự kiện ấy? Dễ dễ thì thấy chuyện con lân (một sừng) thời Tiền Lê, Lí là con tê giác Java, chuyện các frères siamois, á nam á nữ của đời Trần, con lai thời Trịnh Lê có thương khách ngoại quốc vào... Khó hơn một chút thì chắc các con vật trắng (hươu trắng, sẻ trắng...) của Lí Trần là các dị dạng sinh học kiểu bạch tạng (albino). Giế lúa 9 nhánh mà nông dân dâng cho Lí Thái Tông ở Ô Lộ là vì đất phì nhiêu hay cũng là một dị dạng sinh học? Nhưng có viên chức nào ngoài việc làm cho nhà

nước ở đài thiên văn chịu khó tính xem các sao chổi ghi ở *Toàn thư*, có đúng không? Sử quan xưa có thấy được ông Halley trên bầu trời VN không? Hay chỉ chép lại Bắc sử? Các trận động đất có thật không hay chỉ vì cất nhà trên đất mềm chẳng hạn - giống như chuyện "cù dậy" ở đồng bằng sông Cửu Long? Cây me ở điện Tây Sơn được loan truyền là 300 năm tuổi, có nhà thực vật học nào nói lời phán quyết cuối cùng không? Giải thích của chúng tôi về việc Nguyễn Ánh gặp nước ngọt giữa biển là do dòng chảy dồi dào của sông Mekong có đúng không? Có thể vì khả năng bản thân và hoàn cảnh riêng cùng tình hình đất nước khiến chúng tôi không thấy những điều ước muốn trên đã được thực hiện chưa nhưng nếu có thì vấn đề còn rất sơ sài. Ông Hoàng Xuân Hãn đã tìm hiểu nhiều về lịch xưa. Bác sĩ Trần Văn Tích ghi nhận và giải thích các bệnh tật của người xưa tuy khuynh hướng văn thể đã khiến ông đi sâu vào trường hợp của các nhân vật tiểu thuyết và huyền thoại chứ không phải chỉ lịch sử. Chúng tôi thấy trong một thư mục có bài của Ho Peng Yoke "Natural Phenomena Recorded in ĐVSKTT" - *Journal of the American Oriental Society* 84, 2(1964): 124-149.

Tuy nhiên lại đọc được một trường hợp giải thích bừa bãi thật đáng tiếc mà chúng tôi đã nhắc trong hồi kí cải tạo *Một khoảnh Việt Nam Cộng hòa nối dài* (Thanh Văn 1993). Đó là bài của một ông Phó tiến sĩ kiến tạo học (tectonic) tốt nghiệp ở Liên Xô đăng trên tờ *Học tập*, tiền thân của tạp chí *Cộng sản*, nơi các bài đều có tính cách chỉ đạo, phản ánh tinh hoa của Đảng và đưa đường dẫn lối cho các chính sách. Ông ta bảo (đại khái): nước VN nằm trên một vị trí (độc nhất) đặc biệt của trái đất, nơi gặp gỡ của hai đường đứt gãy hành tinh (failles à type planétaire) Thái Bình Dương và Địa Trung Hải mà điểm cắt là Hà Nội (*) ! Chúng tôi không phải là dân chuyên ngành nhưng cũng lấy làm lạ. Học sinh trung học ở VN (lớp Sáu và lớp Mười) nghe giảng rằng hai đường đứt gãy ấy nằm dọc theo các hải đảo Thái bình dương từ Nhật xuống Đài loan Phi Luật Tân Nam Dương và từ Đại tây dương qua Ấn Độ (có các bình nguyên Ấn-Hằng bị lấp) chạy dài theo quần đảo Nam Dương; cuối đường là nơi tụ hội của hai vết nứt nên nhiều hỏa sơn địa chấn nhất: hỏa sơn Karataoa từ cuối thế kỉ trước rung chuyển nửa vòng trái đất, núi lửa Pinatubo của Phi mới đây có bụi tro mù trời Thành Phố HCM rớt phủ trắng xoá mái nhà, đường phố. Còn núi lửa ở VN chỉ là thắng cảnh của Tây nguyên (Biển Hồ, Ngọc Lĩnh), là một kỉ niệm mà người phu cạo mủ cao su không biết đến. Nếu muốn đi ngang VN thì vết gãy Thái bình dương hoặc phải rộng trùm nước Tàu, hoặc phải quẹo vào vịnh Bắc bộ, còn vết gãy Đại tây dương phải băng qua Miến Thái Lào, nơi có các đường xếp nếp bắc-nam (chứ không

phải đông-tây kiểu nếp gấp Nam Dương) hướng dẫn chiều của các dòng sông Irrawaddy, Salwen, Menam, Mekong cùng các phụ lưu của chúng. Sao lạ thế? Đành phải giải thích là ông khoa bảng này tìm cách tự an ủi trước quyền lực nên nịnh hót Đảng mà ngầm ý miệt thị lớp lãnh tụ tiểu học có thể lừa bịp được. Một cuộc sống hai mặt của trí thức xã hội chủ nghĩa đến là thần tình !

Chẳng phải cần đến một sự lừa bịp như thế. Vả lại một vị trí đặt biệt không hẳn đương nhiên dẫn đến một nền văn minh cao cho dân tộc nào lập cư trên đó. Dân da đỏ Châu Mĩ sống hàng vạn năm trên biển than đá, dầu mỏ mà chưa ra khỏi thời kì đồ đá. Đám conquistadore Tây Ban Nha mang tội với lịch sử vì sự hiện diện của mình nhưng giá không có họ thì các đền đài Aztec, Inca cũng đổ nát như thường, như các đền đài Maya hoang tàn các thế kỉ trước thời đó.

Thôi đừng nói chuyện giả tưởng của quá khứ. Hãy liều lĩnh nói chuyện tạm gọi là giả tưởng của tương lai. Sự tiến bộ của kĩ thuật đã đem các khoa học nhân văn đến một tầm mức chính xác hơn. Tuy các nhà khảo cổ không muốn dùng xe ủi máy cạp đất để đào di chỉ như nhà kĩ nghệ đào than đá, và có cả một khuynh hướng khảo cổ - dân tộc học rị mọ với bay với chổi với sàng sảy ở một di chỉ nhỏ cả hàng năm trời để tìm xem đám thường nhân xưa nơi ấy sống như thế nào - may ra còn cho biết họ suy nghĩ như thế nào, gấu ó yêu thương nhau làm sao, nhưng người phát minh ra phép đo phóng xạ C14 xứng đáng được giải Nobel khi giúp cho nhân loại biết được chính xác hơn những người trong quá khứ đã ở vào khoảng thời điểm nào chứ không phải chỉ có một sự so sánh mù mờ bất đắc dĩ về sự tương đối của các lớp đất đá tro bụi. Miễn là chớ cưỡng đoạt thành quả như khi thấy các lớp đất ở Hoa Lư được xác định vào thế kỉ VI liền gọi là của văn minh Đinh Lê thế kỉ X!

Bởi vậy mới có ước muốn nhờ kĩ thuật kiểm chứng thời điểm bức truyền thần của Nguyễn Trãi. Và quá phận mơ mộng hơn khi chúng tôi nghĩ xem có ai nắm bắt được âm hóa thạch ở đâu đó để người sau nghe tiếng người xưa trên một loại băng từ nào đấy.

Văn bản học chẳng hạn, có cần đến informatique không? Trên các tài liệu xưa của ta được giữ lại thường chứa nhiều tầng lớp văn bản chồng chất qua tay người nhuận sắc, sao chép - ở một chừng mực đường nét tổng quát thì có thể nói là đã biểu hiện nhiều tầng lớp thời đại. Chỉ 21 năm di tản mà một anh đem thành ngữ "mục hạ vô nhân" trách móc đã được hiểu là nói về bọn "dưới cả mục súc, không phải là người" thì điều gì xảy ra với chữ Hán chuyển qua tiếng Việt cả hơn ngàn năm? Hãy nghe, nhìn chữ "đả kích", "tiểu tâm" trong phim Hồng Kông phụ đề, lồng tiếng so với chữ

tương tự ta thường dùng. Chữ Hán mà ta đọc là "bồi hồi" có bộ chỉ bước chân đi, nghĩa là đi qua đi lại chứ đâu phải chỉ một tâm trạng xốn xang tuy rằng "đi qua đi lại" cũng có lúc vì tâm trạng xốn xang. Cách nhau có một li vẫn là khác biệt và người cộng sản Việt Nam trong thời chịu ảnh hưởng vương-hoá mới như đã từng xảy ra trong lịch sử, nay muốn và đã đổi *đơn giản, phản ảnh...* thành *giản đơn, phản ánh...* cũng không thể đổi hết vô vàn chữ Hán (Việt) khác đã Việt hoá không những về mặt hình thức mà còn về ngữ nghĩa nữa. Chút xê dịch đó đã khiến cho Lương Khải Siêu đọc sách Phan Bội Châu phải chê là "văn chưa được nhã thuần". Một ông đầu xứ, đỗ Phó bảng triều đình Việt mà viết văn (Hán) còn thô, hẳn không phải vì ông dốt, vì cả giám khảo trường thi Hội dốt mà vì chữ Hán của người Việt đã xê dịch đối với chữ Hán của người Trung quốc. Một chừng mực nào đó cũng giống như chữ và tiếng Anh trên các vùng thế giới khác với British English vậy. Đồng thời ta cũng chớ nên quên rằng các dân tộc khác nhau vẫn có những nét sinh hoạt, văn hóa giống nhau đến mức gây ngạc nhiên, ngoài sự giống nhau vì từ tính chất con người căn bản. Ví dụ thể thơ lục bát vẫn thường được khoe là đặc điểm của VN lại cũng đã thấy ở vài quẻ hào của Kinh Dịch và cũng xuất hiện ở dân tộc Chàm! Vậy thì, trở lại vấn đề tăng tiến hiệu quả cho khoa văn bản học, có thể nào tập hợp các đặc tính từ ngữ, cú pháp... của văn Hán, Hán Việt của từng thời đại, từng vùng vào một khuôn thước nào đấy rồi sai máy đọc một văn bản cần xét định để nó chỉ ra thời đại, vùng xuất hiện của văn bản (hay từng phần của văn bản?). Có tay anh hùng nào, có bậc nữ lưu nào đem phần-mềm của mình cho sử gia sử dụng không?

Không phải chỉ là ơn cá nhân mà là tổ quốc ghi công đấy!❐

* Trung thực mà nói thì chúng tôi không còn có tài liệu ấy trong tay lúc này để kiểm chứng lại nhận định. Có lẽ tác giả nghĩ đến đường đứt-gãy trượt sông Hồng tất nhiên đi qua Hà nội. Hình như tác giả vào thời điểm viết chưa bắt kịp lý thuyết về các mảng lục địa (hay mảng lục địa - đại dương) chồm lên nhau tạo ra các subduction zones, nghĩa là phần khai triển thuyết Weggener (thuyết lục địa trôi) như từ thập niên 70. (Xem bản đồ của tạp chí *National Geographic Society*, April 1995)

mùa xưa

BÙI VĨNH PHÚC

Đi trong rừng gió giật. Trời mưa
Bầy ngựa đen sải qua đồi chớp
Những lá cây rụng đầy ảnh lạ
Chớp lóe. Tiếng gió rền im bặt âm xưa
Con chim gai phục trong bụi lửa
Những dóa hồng giấu tắt nụ cười
Tiếng chim hót. Trời xanh dập trong lồng ngực
Mùa xưa. Mùa xưa còn dấu chân người
Những tàn tro. Những con đường gió giật
Hồ nước xanh một chất trần gian
Những bông hoa đỏ. Mùi thơm bay trong trí nhớ
Lũ thời gian như ngựa sải qua ngàn
Tiếng trống dập. Trời thu bật máu
Những chớp lửa rền không một âm vang
Mùa xưa. Mùa xưa thao thiết
Hương đầy nỗi nhớ trần gian
Cánh cửa lay. Con trăng bạc lạnh
Chùm hoa vàng. Nỗi nhớ. Sương mù
Một ngọn lửa rung rung máu đỏ
Gió trả về những tiếng gọi không
Những lá cây rụng đầy ảnh lạ
Chớp lóe. Tiếng gió rền im bặt thinh không.

Joseph Brodsky:
Tôi hết còn tin tưởng vào nơi chốn ấy.

Nguyễn Quốc Trụ

Ngay từ năm 1972, khi J. Brodsky "chiều" theo lời yêu cầu của nhà nước, rời khỏi nước Nga, vì tội danh thành phần ký sinh, nhà thơ ăn bám, ông vẫn luôn luôn bị hỏi về nước Nga, và nhất là khi nào thì trở về quê hương. Ông thường trả lời đại để: "Tôi thấy thật khó mà tưởng tượng tôi như là một du khách, một diễn viên đi trình diễn tại một nơi mà tôi đã sinh ra, đã trưởng thành... Kẻ sát nhân còn có thể luyến tiếc phạm trường, nnhưng thật là vô duyên khi mầy mò diễn lại một màn yêu đương. Tôi có thể về đó như là một cá thể rất riêng tư và gặp gỡ một vài bạn bè, nhưng về để cười cười nói nói, nhận những lời chúc tụng, tôi thấy thật khó chịu". Nước Nga hết còn hiện hữu. Nó trở thành ngôn từ đối với ông. "Tôi hết còn tin tưởng ở xứ sở đó. Tôi không quan tâm. Tôi đang viết bằng tiếng nước tôi, và tôi thích tiếng nước tôi. Tôi thật sự không biết giải thích như thế nào cho ông thấy. Xứ sở là...những người của nó. Tôi là một trong những người đó, và tôi thấy quá đủ hoặc quá thiếu về tôi rồi... Khi Thomas Mann từ Đức đến California, người ta hỏi ông về văn chương Đức, ông trả lời: "Tôi ở đâu, văn chương Đức ở đó". (German literature is where I am)(1). Nếu một người Đức dám chấp nhận điều này, tôi cũng dám chấp nhận. Bây giờ tôi hoàn toàn sửa soạn để chết tại đây. Cũng chẳng quan trọng chi chuyện đó. Vả chăng tôi cũng không biết chốn nào khá hơn. Mà nếu có biết, tôi cũng chưa kịp sửa soạn để đổi dời."

Sự không trở về Nga của J. Brodsky tương phản với Solzhenitsyn. Nhưng đã có thời cả một chế độ và bộ phận đầu não của nó là Bộ Chính Trị đã run sợ trước một cá nhân Solzhnesyn. Tầm vóc anh hùng và sự ám ảnh mà ông gây ra đối với họ, những con người bên trong điện Cẩm linh, có lẽ không một nhà văn nào sánh nổi, nhất là ảnh hưởng của nó trong

lịch sử hiện đại. Cả nhân dân Nga xô lẫn Tây phương đều không chịu nổi Solzhenitsyn, về bộ râu của ông, còn dị hợm hơn cả của Dostoyevski, về sự quan trọng và luôn cả tự coi mình là quan trọng, nhưng trên hết vẫn là về thái độ không khoan nhượng của ông với cả chủ nghĩa Cộng sản lẫn dân chủ hiện đại.

Nhưng Bộ Chính Trị Đảng Cộng sản Liên xô chẳng những không chịu nổi mà còn tỏ ra khiếp sợ. Ngày 23 tháng Sáu, 1992, khi B. Yeltsin ký sắc lệnh huỷ bỏ tất cả những điều luật thường vẫn được dựa vào đó để bách hại đám đông và vi phạn nhân quyền, sắc lệnh này đã đem hồ sơ mật về Solzhenisyn ra trước ánh sáng. Và người ta mới thấy được sự xuẩn ngốc, nỗi khiếp sợ của Bộ Chính Trị trước một con người dám chống lại cả một chế độ. Trong bao nhiêu năm trời, họ loay hoay với câu hỏi phải làm gì với ông: Dụ dỗ, làm câm nín? Liệu sẽ thắng qua tuyên truyền, phỉ báng, hay là phải bắt bỏ tù? Lạ một điều là ông không bao giờ thất vọng. Thái độ bất cần, bất cẩn của ông cũng thật đáng nể. Ngay năm 1965, ông đã từng gọi Lênin là con rắn độc. Hơn thế nữa ông đã tiên đoán được ngày tàn của chế độ đó: Đây là một chính quyền bị liệt, hết còn trông mong gì được nữa (paralyzed, without prospects). Và đây là Solzhenitsyn vào năm 1971, sau khi nhà ông bị lục soát, ông viết cho trùm KGB, Yuri Andropov: "Trong bao nhiêu năm tôi đã im lặng trước luật rừng của đám côn đồ dưới quyền ông, trước sự kiểm tra tước đoạt thư từ giao dịch, do thám, làm tình làm tội những người quen biết, nghe lén điện thoại, khoét lỗ tường, đặt máy mghe lén...Nhưng sau cuộc lục soát vừa rồi, tôi không im lặng nữa". Không phải lỗi ở ông nếu những tác phẩm quan trọng nhất, những năm tháng đẹp đẽ nhất đều ở sau ông.

Thế kỷ này, câu chuyện về phẩm giá, về tư cách con người, không thể có cá nhân nào vươn tới tầm vóc Solzhenitsyn. Nếu cuộc đời của Solzhenitsyn là tác phẩm vĩ đại nhất của ông, ngược lại, Brodsky luôn cưỡng lại sự bi thảm, và thần thoại hoá: "Đừng bao giờ để cho họ đánh gục ngay trong ý định tự hạ mình trở thành nạn nhân của chế độ đó." Ông kính phục và coi Solzhenitsyn là Homer của Liên bang Xô viết. Nhưng ông không thể nào chấp nhận một sự dấn thân chính trị, coi đó không phải là một giải pháp đối với ông. Brodsky sinh năm 1940 tại Leningrad. Khi còn là một học sinh, sự tức giận, nổi loạn của ông ít nhắm vào ý thức hệ Cộng sản mà về vẻ u ám của văn hóa Xô viết và sự thừa mứa, nơi nào cũng có hình ảnh Lãnh tụ. "Có cậu bé Lê nin, như thiên thần có cánh trong mớ tóc nâu", ông viết trong hồi ký thời trẻ. "Rồi Lênin của những năm 20, 30, chẳng có một sợi tóc trên chỏm đầu, mặt nghệt ra...". Bộ mặt này đã ám ảnh mọi người dân Nga. Cố gắng tránh né bộ mặt này là bước

đầu tiên của ông để trở nên lạnh lùng, dửng dưng. Stalin chết năm 1953, Brodsky khi đó 12 tuổi. Ai cũng khóc và mong mỏi ông khóc. Nhưng thật là xấu hổ, khi đó, và bây giờ, một vinh dự, ông đã không thể khóc. Về nhà, thấy mẹ khóc, ông ngạc nhiên, cho tới lúc cha nháy mắt ra dấu thông cảm, ông nhận ra chẳng có lý do đặc biệt gì để mà bực mình vì cái chết của Stalin.

15 tuổi, ông bỏ học. Từ 1956 đến 1962, ông làm 13 nghề. Theo cả đoàn thám hiểm địa chất tới biên giới Trung hoa, tới Siberia, tới đỉnh băng sơn. Làm trợ tá tại nhà xác, cưa xẻ, moi bộ đồ lòng tử thi..."Vậy mà tôi lại thích nghề đó, ông có tin tôi không?". "Thật xấu hổ khi bỏ nghề". Trong những năm cuối của tuổi 20, ông bắt đầu làm thơ. Ông nhập vào một đám người viết trẻ, có Y. Rein, D. Bobyshev và A. Naiman. "Ý tưởng về cá nhân, một người của riêng người đó, riêng chính người đó, đó là tài sản đáng tự hào của chúng ta", sau này ông viết. "Nhưng khả năng thực hiện thật nhỏ nhoi, nếu kể như sau cùng điều đó hiện hữu". Con đường độc nhất là văn chương, và kinh nghiệm riêng tư về đọc sách. Và Brodsky nổi loạn chống lại chế độ bạo chúa bằng cách trầm mình vào ngôn ngữ, vào Pushkin và Baratynsky, Mandelstam và Tsvetayeva, Pasternak và Akhmatova. Ông học tiếng Balan, và đặc biệt, tiếng Anh. Thật khó mà có được những cuốn sách tiếng Anh. Sau cùng ông có được hai tuyển tập thi ca in bởi Oscar Williams, và Louis Untermeyer, thật quí giá, trong đó có hình đen trắng những người hùng của ông, trên tất cả, có Auden, Frost, và Hardy. Qua những bức hình nhỏ xíu đó, ông tưởng tượng ra họ, tiếng nói, nhân cách của họ.

Năm 1961, Rein, người lớn nhất trong bọn, đưa Brosky tới yết kiến người chị, Akhmatova, lúc này là nhà thơ vĩ đại nhất hiện đang còn sống của nước Nga, một bà lớn, nữ thần thi ca diệu kỳ, như ông sau này đã gọi bà. Ông đọc vài bài thơ, bà tỏ vẻ thích, và sau đó nhận đỡ đầu cả nhóm, đặc biệt ngưỡng mộ, và lo lắng cho Brodsky, và năm 1962, đã tiên đoán số phận bi thảm của ông: I don't weep for myself now. But let me not be on earth to witness The golden stamp of failure On this yet untroubled brow. (Tạm dịch: Bây giờ tôi không khóc cho chính tôi. Nhưng đừng để tôi có mặt trên trái đất để chứng kiến dấu vết của sự thất bại Trên vầng trán chưa muộn sầu này).

1963: Thời kỳ Băng tan, với Kruschev. Nhưng chẳng được bao lâu, thời kỳ tân- Stalinist kéo dài 20 năm sau đó. Ngay cả bây giờ, một vài sử gia vẫn tự hỏi tại sao chính quyền Cộng sản bắt đầu cuộc thanh trừng bằng cách bắt giữ một nhà thơ 23 tuổi chưa được nhiều người biết tới. Nhưng đó chỉ là một bí mật đối với người nào nghi ngờ bản năng của thú

dữ khi nhận ra đâu là nguy cơ lớn lao nhất đối với chế độ. Và bắt lầm còn hơn bỏ sót. Tiếp theo sắc lệnh của Tối cao Xô viết, tăng cường cuộc chiến đấu chống lại những thành phần vô dụng đối với xã hội, KGB Leningrad đã bắt giam Brodsky về những tội: Có quan điểm thế giới có hại cho nhà nước, thoái hóa, hiện đại, bỏ học và dĩ nhiên, ăn bám... ngoài chuyện làm thơ xấu xa, làm hư hỏng tuổi trẻ. Một số nhà văn nhà thơ đứng sau lưng ông, nhưng đông minh quan trọng nhất của ông là một ký giả tên là Frida Vigdorova, người đã can đảm tham dự phiên toà, ghi lại hết diễn biến rồi quảng bá những tài liệu đó.

"Bản tin" của nữ ký giả này được coi như một tác phẩm văn học mang tính chống độc tài, chống chế độ tập trung quyền lực, hơn cả những tác phẩm của Havel:

Tòa án: Công việc của anh?

Brodsky: Tôi làm thơ, dịch thuật. Tôi tin rằng...

Tòa án: Không có "Tôi tin rằng". Đứng thẳng lên. Không được dựa vào tường. Trả lời Tòa án như đã được chỉ định. Nào, bây giờ, anh làm việc toàn thời gian phải không?

Brodsky: Tôi nghĩ tôi có một việc làm toàn thời gian, vâng.

Tòa án: Trả lời rõ rệt.

Brodsky Tôi làm thơ. Tôi nghĩ chúng sẽ được xuất bản. Tôi tin tưởng rằng...

Tòa án: Tòa không cần biết tới chuyện "Tôi tin rằng". Hãy trả lời, tại sao anh không làm việc.?

Brodsky: Tôi làm việc. Tôi làm thơ.

Tòa án: Toà không quan tâm tới chuyện đó. Toà quan tâm tới xí nghiệp mà anh làm việc.

Brodsky: Tôi có hợp đồng với nhà xuất bản.

Tòa án: Hợp đồng đó có cho anh đủ tiền để nuôi sống bản thân không? Hãy kể chúng ra. Cho biết rõ ngày tháng, số tiền.

Brodsky: Tôi không nhớ rõ. Luật sư của tôi giữ những hợp đồng đó.

Tòa án: Toà hỏi anh.

Brodsky: Ở Moscow, hai cuốn sách dịch thuật của tôi đã được in.

Tòa án: Kinh nghiệm làm việc của anh?

Brodsky: Nhiều hay ít...

Tòa án: Toà không quan tâm đến chuyện nhiều hay ít.

Brodsky: 5 năm. Tòa án: Anh làm việc ở đâu?

Brodsky: Trong xưởng thợ. Với đoàn thám hiểm...

Tòa án: Đại khái, chuyên môn của anh là gì?

Brodsky: Thi sĩ. Dịch giả.

Tòa án: Ai chỉ định anh là thi sĩ? Ai cho anh vào hàng ngũ những thi sĩ?

Brodsky: Chẳng ai cả. Ai cho tôi vào hàng ngũ nhân loại?

Tòa án: Anh có học về cái đó không?

Brodsky: Học về cái gì?

Tòa án: Để trở nên thi sĩ. Anh không hề cố gắng học xong Trung học, nơi mà người ta sửa soạn cho anh, người ta dậy anh...

Brodsky: Tôi không tin chuyện này liên quan đến học vấn.

Tòa án: Như vậy là thế nào?

Brodsky: Tôi nghĩ...vậy thì, tôi nghĩ điều đó đến từ ông Trời.

Một người làm chứng nói con trai của ông ta đã rơi vào ảnh hưởng xấu xa của B. và bỏ việc làm, quyết định nó cũng là thiên tài. Cũng người này đã nói thơ của Brodsky, những suy tư về thời gian, sự chết, tình yêu, có vẻ chống Xô viết.

"Bài nào?" Brodsky ngắt lời. "Hãy kể tên một bài"

Người đó chịu thua. Vigdorova viết thư cho Chuckovskaya về phiên toà: " Có thể một ngày nào đó, anh ta sẽ trở thành một nhà thơ lớn. Nhưng làm sao tôi quên nổi vẻ mặt anh ta như thế nào, lúc đó- không trông mong một sự trợ giúp, ngạc nhiên, khôi hài, và thách đố, tất cả cùng một lúc".

Sau cùng ông bị kết án năm năm, lưu đầy nội xứ. Ông làm việc tại một trang trại ở Norinskaya, vùng đất sũng nước gần Bạch hải. Chỉ có Akhmatova, người đã từng trải qua những nỗi thống khổ nhiều hơn thế nữa, đã từng mất bao nhiêu thân quyến, bao nhiêu bạn bè trong cái lò xay thịt người là những năm tháng dưới sự thống trị của Lênin và Stalin, chỉ có bà mới có thể nở một nụ cười kèm theo lời nhận xét cay đắng: " Hãy thử tưởng tượng bản tự thuật mà họ đang sáng tạo cho thằng em tóc hung của chúng ta? Chính anh ta đã mướn tụi nó làm đấy!"

Khi được hỏi ông nghĩ gì về những năm tháng lưu đầy đó, Brodsky nói cuối cùng ông đã vui với nó. Ông vui với chuyện đi giầy ủng và làm việc trong một trang trại tập thể, vui với chuyện đào xới. Biết rằng mọi người suốt nước Nga hiện cũng đang đào xới "cứt đái", ông cảm thấy cái gọi là tình tự dân tộc, tình máu mủ. Ông không nói dỡn. Buổi chiều, ông có thì giờ ngồi làm những bài thơ "xấu xa", và tự mình cho phép bị quyến rũ bởi "chủ nghĩa hình thức trưởng giả" từ những thần tượng của ông. Hai đoạn thơ sau đây của Auden đã làm ông "ngộ" ra:

Time that is intoleran
Of the brave and innocent
And indifferent in a week
To a beautiful physique,

Worships language and forgives
Everyone by whom it lives;
Pardons cowardice, conceit,
Lays its honours at their feet.
(Tạm dịch: Thời gian vốn không khoan dung
Đối với kẻ can đảm và ngây thơ,
Và dửng dưng trong một tuần lễ
Trước một thân hình đẹp,
Thờ phượng ngôn ngữ và tha thứ
Mọi người nhờ họ nó sống;
Tha thứ sự hèn nhát, hợm hĩnh,
Để vinh quang của nó dưới chân chúng).

Ông bị xúc động không hẳn bởi cách mà Auden truyền đi sự khôn ngoan -làm bật nó ra như trong dân ca- nhưng bởi ngay chính sự khôn ngoan, ý nghĩa này: Ngôn ngữ là trên hết, xa xưa, lưu tồn dai dẳng hơn tất cả mọi điều khác, ngay cả thời gian cũng phải cúi mình trước nó. Brodsky coi đây là đề tài cơ bản, trấn ngự của thi ca của ông, và là nguyên lý trung tâm trong thơ xuôi (prose) và sự giảng dạy của ông. Trong cõi lưu đầy như thế đó, ông không thể tưởng tượng 20 năm sau, khăn đóng, áo choàng, ông bước lên bục cao nơi Hàn Lâm Viện Thụy Điển nhận giải Nobel văn chương, nói về tính độc đáo của văn chương không như một trò giải trí, một dụng cụ mà là sự trang trọng, bề thế xoáy vào tinh thần đạo đức của nhân loại. Nếu tác phẩm của ông là một thông điệp đơn giản, đó là điều ông học từ đoạn thơ của Auden: "Sự chán chường, mỉa mai, dửng dưng mà văn chương bầy tỏ trước nhà nước, tự bản chất phải hiểu như là phản ứng của cái thường hằng- cái vô cùng- chống lại cái nhất thời, sự hữu hạn. Một cách ngắn gọn, một khi mà nhà nước còn tự cho phép can dự vào những công việc của văn chương, khi đó văn chương có quyền can thiệp vào những vấn đề của nhà nước. Một hệ thống chính trị, như bất cứ một hệ thống nào nói chung, do định nghĩa, đều là một hình thức của thời quá khứ muốn áp đặt chính nó lên hiện tại, và nhiều khi luôn cả tương lai..."

Trước khi rời nước Nga, Brodsky viết cho Tổng Bí thư Đảng Cộng sản, Leonid Brezhnev: "Tôi thật cay đắng mà phải rời bỏ nước Nga. Tôi sinh ra tại đây, trưởng thành tại đây, và tất cả những gì tôi có trong hồn tôi, tôi đều nợ từ nó. Một khi tôi không còn là một công dân Xô viết, tôi sẽ vẫn luôn luôn là một thi sĩ Nga. Tôi tin rằng tôi sẽ trở về, thi sĩ luôn luôn trở về, bằng xương bằng thịt hoặc bằng máu huyết trên trang giấy... Chúng ta đều bị kết án bởi cùng một điều: Cái Chết. Tôi, người đang viết những giòng này sẽ chết. Còn ông, người đọc chúng, cũng sẽ chết. Tác phẩm,

việc làm của chúng ta sẽ còn lại, tuy không mãi mãi. Đó là lý do tại sao đừng ai can thiệp kẻ khác khi kẻ đó đang làm công việc của anh ta".

Chẳng gì chứng tỏ Brezhnev đọc thơ. Cũng không có hồi âm. Có rất nhiều nhà thơ có tài có thể ở vào chỗ anh ta khi đó, Etkind viết. Nhưng số phận đã chọn đúng anh ta, và ngay lập tức anh hiểu trách nhiệm về địa vị của anh- không còn là một con người riêng tư, nhưng trở thành một biểu tượng, như Akhmatova đã trở thành một biểu tượng quốc gia của người thi sĩ Nga, khi bà bị số phận lọc ra giữa hàng trăm nhà thơ, năm 1946. Thật quá nặng cho Brodsky, ông có một bộ não tệ, một trái tim tệ. Nhưng ông đã đóng vai ông tại toà án một cách tuyệt vời. Brodsky không được may mắn với sức khoẻ của ông. Tim ông đã bị mổ hai lần. Ông hút thuốc còn nhiều hơn Bogart, uống nhiều cà phê hơn Balzac.

Khi tôi (David Remnick) tới gặp ông thực hiện cuộc phỏng vấn cho tờ Washington Post, một nhiếp ảnh viên tới. "Ông có thuốc lá không?" Brodsky hỏi thay cho câu chào hỏi: "Tôi đang chết vì thèm thuốc". Ông từ chối vai trò kẻ tuẫn nạn nổi tiếng và chỉ làm việc làm của ông, làm thơ, nhưng khi bị đòi hỏi, ông tiến lên, ở toà án, ở lưu đày xứ người, ông làm việc này một cách tuyệt hảo. Y. Rein, là bạn và cũng là một nhà thơ lớn đã từng tuyên bố tại Moscow: Nước Mỹ hãy nhớ lấy lời này. Brodsky là một tiếng nói Nga lớn lao nhất của thời đại anh ta. Anh ta đến từ một thời đại tiếp theo những trại tù, những cấm ngăn, một thời đại tự nuôi nó bằng văn chương trong khi chẳng còn chi, nếu có chăng chỉ là trống rỗng. Và anh luôn luôn là số một của chúng tôi".

Nadezhda Mandelstam, trong hồi ký "Hy vọng bị bỏ rơi", viết, Brodsky là một người trẻ tuổi đáng kể, người sẽ đi đến một chung cuộc hẩm hiu (bad end), tôi sợ vậy. Bà đã nhầm. J. Brodsky đã đi đến tận cùng, đúng, nhưng ông đã chết khi tác phẩm được hoàn tất, được in ra trong những ngôn ngữ quan tâm tới ông, tại một nơi là nhà, hay đại khái đủ như là nhà. Đó là ngôn ngữ, chứ không phải tự thuật. Với tiếng nói Nga, ông luôn luôn là kẻ trung thành. Với nước Nga, ông luôn luôn nghi ngờ, cho tới cùng. Đối với ông, thơ ca, không phải anh hùng ca. Chẳng bao giờ còn bất cứ lý do gì để trở lại St. Petersburg.❐

(1) Thomas Mann qua Mỹ năm 1933 sau khi chế độ Nazi cầm quyền ở Đức. (CTND).

(Về Solzhenitsyn, theo "The Solzhenitsyn's Files", bài điểm sách của David Remnick,

The New Yorker số Oct, 30, 95.

Về Brodsky, theo bài viết của cùng tác giả, The New Yorker số Feb, 12, 96)

Phỏng vấn Nguyễn Huy Thiệp

Nguyễn Quí Đức thực hiện

31/10/96 tại Seattle, WA

1. Xin ông cho biết cảm tưởng sau khi xuất ngoại sang Mỹ, cũng như cảm tưởng về những người Việt mà ông đã gặp được tại đây.

Tôi có cảm tưởng rất là phong phú sau khi được đến thăm những nơi như là Washington D.C., các bang North Carolina, Iowa, Connecticut, New York, Wisconsin, Lousianna, New Mexico, Washington, v.v., và các đại học lớn như là Yale, Harvard, University of Massachusetts, Tulane, Duke, Madison, University of Washington, Suffolk, Carolina-Wilmington, Columbia, v.v., cũng như một vài trường trung học ở các bang.

Khi sang đây tôi đã đi qua những vùng nông thôn cũng như các thành thị và tôi luôn luôn so sánh Việt Nam với Mỹ để tìm ra những điều giống hoặc khác nhau. Tôi thấy rằng những điều người Việt mong muốn và những điều người Mỹ mong muốn thì rất khác nhau. Còn những điều không mong muốn thì giống nhau. Cả hai nơi, người ta cùng không mong muốn nghèo khổ, chiến tranh.

Tôi cũng nhận thấy đời sống ở Mỹ quá sức đầy đủ tiện nghi và phương tiện (thư viện ở một trường trung học lớn bằng thư viện quốc gia tại Hà Nội). Đời sống ở đây cũng rất mệt nhọc, đòi hỏi, và đắt đỏ. Ở Việt Nam tôi đã nghĩ đến nước Mỹ, nhưng khi qua đây rồi thấy nó khác lắm. Ở Việt Nam không hình dung ra được nước Mỹ.

Riêng về giới Việt Kiều thì tôi thấy có nhiều người thuộc các thành phần, các tầng lớp khác nhau, mà vì hoàn cảnh đã sang Mỹ trong những thời gian khác nhau. Nhưng có vẻ như mọi người Việt ở Mỹ đều đã luôn luôn cố gắng vượt qua được những khó khăn để hòa nhập vào đời sống Mỹ, và quá trình đó của là gian khó, nhưng họ đã rất thành công. Và khi

họ hòa nhập được như vậy thì họ đã tìm ra được tiếng nói chung đối với xã hội Mỹ. Họ cũng tiếp tục được truyền thống cần cù, ham hiểu biết. Tôi có cảm tưởng rằng phần lớn lứa tuổi trung niên đã từng trải, có nghề nghiệp rồi thì có nhiều cơ may thành công. Tuổi trẻ sinh viên thì thông minh, cố gắng giữ được cái gì đấy như là danh dự của người Việt, cộng đồng người Việt. Đấy là điều đáng quý.

Tầng lớp nào, già trẻ, trí thức, bình dân, buôn bán, cũng hướng về đất nước. Họ mong rằng Việt Nam có thay đổi, mong muốn tiến lên ngang bằng các quốc gia khác, để cho đời sống vật chất nhân dân khá hơn, nhiều tự do, nhiều dân chủ hơn, đấy là những mong muốn xác đáng.

2. Những người Việt có khả năng tại hải ngoại thật sự có cơ hội đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước hay không?

Ở Việt Nam hiện nay dĩ nhiên có những luật lệ riêng. Tổ chức về xã hội, văn hoá, kinh tế đều không đúng tiêu chuẩn quốc tế. Nhưng Việt Nam không thể tự ý sinh hoạt theo chuẩn mực riêng. Điều cần thiết là muốn cho Việt Nam tiến bộ, phát triển, mình phải có các chuẩn mực thế giới. Hiện có các đại học Mỹ đang muốn mở chi nhánh tại Sàigòn và Hà nội, như vậy các thanh niên Việt Nam sẽ được vào đấy học–họ sẽ cần trợ cấp–và họ sẽ được đào tạo tương đương với các sinh viên ở Mỹ. Đấy là công việc tốt. Dù là ở phương Đông hay phương Tây, ta cần có các chuẩn mực chung.

3. Nếu thế, ông có quan tâm về vấn đề người Việt Nam hướng về phương Tây, theo lề lối của phương Tây quá độ hay không?

Phương Đông vẫn có thể giữ được truyền thống của mình, nhưng không thể bỏ đi những chuẩn mực quốc tế về văn hóa, kinh tế, khoa học, về vấn đề quản lý, giao thông, v.v.... Muốn xã hội Việt Nam thay đổi, cần có tất cả nổ lực của người Việt trong và ngoài nước.

4. Các nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp thường có tâm ác. Có những nhân vật có những hành động khủng khiếp, mất nhân tâm. Vì sao?

Cuộc sống đa dạng, nhiều nhu cầu. Mọi công việc, mọi sự kiện, mọi con người đều có hai mặt. Thiện và ác chỉ là hai mặt của đời sống. Trong cái thiện có cái ác. Trong cái ác có cái thiện. Ở trong đạo Phật, người ta nói có vạn pháp, tức là vạn phương pháp hành xử. Vấn đề là nhà văn phải

nhìn nhận cho đúng mọi hoàn cảnh, thời gian. Người đọc cũng phải cần có cách chấp nhận sự đa dạng, phải trái.

Tôi không nghĩ trong chuyện của tôi có tâm ác nhiều đâu. Nghệ sĩ, nhà văn cần sự đối lập, và nếu cần làm nổi bật cái trắng thì đôi khi phải tô đậm cái đen. Đấy là một phương tiện để so sánh. Tôi tin người đọc có cách cảm nhận đúng, và tôi viết là mong muốn nói lên điều hữu ích. Tôi không muốn cái gì một chiều. Nếu không, chỉ là chìm đắm, mộng tưởng hão huyền, và không nhìn thẳng sự thật cuộc sống. Và như vậy không thể đương đầu với mọi sự.

Việt Nam sau Đổi Mới là một xã hội đóng kín lâu mà vở ra. Nó như là phụ nữ sanh ra đứa con. Bao giờ có cái gì biến chuyển mạnh mẽ thì nó phải có cái tiếng kêu khủng khiếp lắm. Phụ nữ sanh con đau đớn, tiếng kêu của phụ nữ nó thảm thiết lắm. Xã hội cũng thế, và khi chuyển biến để vượt lên, để sinh ra một cái gì mới mẻ, thì nó cũng cần có những tiếng kêu thảm thiết. Điều đấy nó đau đớn lắm.

Nhà văn phải là một tấm gương phản ảnh xã hội. Tôi mong người đọc nhìn nhận được cái đau đớn đó. Nó cần thiết cho việc hình thành sáng tạo một cái gì mới mẻ, phản ảnh một xã hội mới mẻ.

Một cái xã hội đóng kín như xã hội Việt Nam tôi phải ví nó như cái chuồng bò. Khi mà có một vài cái lối thoát thì mọi sự áp chế, mọi áp lực nó tung ra. Nó kêu lên thảm thiết. Và nó mang nhiều ngộ nhận. Con bò đực vừa mới thoát ra ngoài thì thấy cái gì cũng tưởng là con bò cái. Cỏ nào cũng là cỏ non. Một khi ra ngoài được lâu, trông thấy mọi chuyện rồi thì mới thấy mình đã ngộ nhận. Nhà văn cũng thế. Có những thời gian chúng tôi không biết gì nhưng viết được rất nhiều, viết tuôn trào. Sau này khi tiếp xúc được với thế giới bên ngoài thì mới thấy là mình không biết gì nhiều, và lúc biết nhiều hơn thì lại không viết được gì nữa. Và lúc đó mới thấy chuyện mình làm, những điều mình viết, nó vô nghĩa, cuộc sống nó vô nghĩa.

Trong một xã hội đang chuyển biến, thì đội ngũ trí thức, không chỉ là các nhà văn, gần như là những tiên tri, những người hướng đạo, những phát ngôn, mồi lửa. Bản thân giới trí thức là ánh sáng, giúp người ta vương tới. Đấy không phải là công việc của một cá nhân mà là của cả giới trí thức. Tôi là một người trong giới đó. Chắc là tôi là người đầu tiên làm được việc đấy. Và có lẽ tôi làm được nhiều hơn.

Như tôi đã nói, khi mà xã hội thay đổi, nó có hai mặt tốt xấu, thiện ác. Bước đi đầu tiên nó làm mất thăng bằng. Đứng hai chân một chỗ thì lúc đó giữ được cân bằng yên ổn. Bước một bước chân là mơ mộng, là phiêu lưu, là ảo tưởng, là sai lầm. Nhưng bước kế tiếp thì trở lại được thăng

bằng. Xã hội muốn vượt lên thì cần có những bước chân mơ mộng, ảo tưởng, thậm chí là sai lầm.

Trong tác phẩm cũng có sai lầm, không đúng cả được. Người đọc phải chọn ra cái cần thiết. Khi sợ cái sai, khi sợ mặt trái, khi sợ cái ác, thì là sợ tiến bộ.

Trong thâm tâm tôi nghĩ thay đổi nó cũng đưa đến cái tiêu cực, cái dung tục, cái ác. Nhưng đấy là cần thiết. Người tỉnh táo thì đứng trên cái thành kiến hay dở, trên cái thiện cái ác.

Khi phân tích các tác phẩm của tôi, người ta thường chỉ nói đến khía cạnh chính trị. Nhưng tôi viết về mọi sự ngộ nhận. Ngộ nhận chính trị, ngộ nhận giới tính, ngộ nhận tôn giáo, ngộ nhận luân lý. Ngộ nhận chính trị gồm có sức mạnh của quyền hành, bạo lực, của đồng tiền. Những lãnh vực khác, trong mọi thể chế, vẫn có ngộ nhận, lỗi lầm.

Có người nói rằng tôi là nhà văn phản kháng. Nhưng tôi phản kháng cái gì? Tôi phản kháng mọi thứ. Tôi viết về con người, về xã hội đen tối. Tôi phản kháng mọi thứ xấu, tôi không phản kháng riêng một thể chế chính trị. Thể chế chính trị đó nó có quy luật riêng. Nó là một trật tự xã hội riêng, khác với ở Mỹ, ở những quốc gia khác. Tôi không làm gì phạm pháp thì tôi không vấp phải khó khăn nào.

5. Nguyễn Huy Thiệp viết về những lỗi lầm và tính chất tiêu cực của cộng sản, và cùng lúc báo nguy về tương lai một Việt Nam tư bản, hướng về phương Tây, với những con người chuyên cạnh tranh, thiếu lòng tin, thiếu sự độ lượng. Những nhà văn sau Nguyễn Huy Thiệp thì sao? Họ là ai, và sẽ đưa ra giải pháp nào cho Việt Nam?

Tôi chỉ thường chú ý đến công việc của riêng mình. Tôi lo về bút pháp, kỹ thuật của riêng tôi. Tôi ích kỷ, cho nên ít để ý đến các nhà văn khác. Tôi cũng có dịp gặp gỡ các nhà văn khác, nhưng ở Việt Nam người ta nói người đánh cá gặp nhau không bao giờ bàn về chuyện đánh cá. Tôi không biết ai chịu ảnh hưởng của tôi. Tôi biết khi những tác phẩm của tôi ra đời thì có nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi, những bài lý luận phân tách về văn của tôi. Đấy là điều rất hiếm ở Việt Nam. Và tôi biết cũng có 200 bài luận án văn chương của các sinh viên viết về tác phẩm của tôi. Tôi cũng tự hào vì những điều đó.

Có những vấn đề mà văn học thể không giải quyết được trong một thế hệ nhà văn. Không một con người nào, không một nhà văn nào đấy tài tình đến độ giải quyết được vấn đề thời đại trong giai đoạn mình đang sống. Sẽ có những lớp sau, như những đợt sóng kế tiếp, phá vỡ những ảo

tưởng. Chúng sẽ không tồn tại mãi được. Lớp sau sẽ không còn mộng mơ hão huyền nữa. Còn vấn đề của những thế hệ mới thì bản thân tôi biết thế nào được? Tôi không làm tiên tri. Tôi nghĩ khái niệm tiên tri rất là phù phiếm. Văn học nó là kinh nghiệm cá nhân, của thời thế. Hãy viết hay, tốt về kinh nghiệm đó, về xã hội đó. Tôi không dám nghĩ mình dám làm tiên tri. Những cố gắng của tôi là nhằm thay đổi ngôn ngữ, hình thức, nội dung. Nếu muốn nói đến những đóng góp của tôi về văn học, xin lưu ý về những khía cạnh đó. Tôi viết khác với nhiều người là vì trong văn của tôi thường chỉ có hành động và đối thoại.

Mỗi giai đoạn lịch sử có những nhà văn của nó. Giai đoạn 1986 đến 1996 là giai đoạn sôi động tại Việt Nam. Đã đến lúc xã hội Việt Nam cần có chuẩn mực quốc tế. Và như thế cũng phải có những nhà văn đạt được hiểu biết bác học để cho tác phẩm của mình đạt được những tiêu chuẩn phù hợp.

6. Sau khi xã hội chủ nghĩa và cộng sản bị sụp đổ thì dường như người ta ít để ý đến những văn nhân, nghệ sĩ trong các nước như Nga sô hoặc Hungary, Bulgary, v.v. Người ta hiện đang lưu ý về văn giới tại Việt Nam có phải là vì Việt Nam là một trong những mấy nước còn theo xã hội chủ nghĩa hay không? Trường hợp Nguyễn Huy Thiệp, và việc ông được mời sang Mỹ có nằm trong trường hợp đó hay không?

Tôi nghĩ khác. Người ta chú ý đến những chuyển biến trong đời sống một quốc gia. Mà cũng có những gì nó liên tục. Những cái gì cũ còn lại sau những biến chuyển tức là những gì có giá trị. Nếu cái gì không có giá trị tất sẽ bị mất đi. Hãy hình dung một con người bước lên đường. Hành lý chỉ chọn cái gì cần thiết nhất mà thôi. Họ sẽ mang áo quần cần thiết nhất, những cuốn sách nào cần nhất.

7. Xin cho biết nhận xét về văn học Việt Nam hải ngoại. Nền văn học đó có ảnh hưởng gì trong nước hay không?

Tôi thấy văn học Việt Nam hải ngoại giữ gìn được tiếng nói dân tộc. Và cùng lúc làm giàu thêm cho đời sống tinh thần của người Việt trong và ngoài nước. Cần có thêm văn học hải ngoại trong nước, và văn giới hai nơi cần liên hệ gần gũi, trao đổi với nhau, để làm phong phú thêm cho đôi bên, và không nên kỳ thị, không nên để bị thành kiến chi phối.

Hai nền văn học trong và ngoài nước cần liên hệ với nhau để có được tiến bộ trong nước. Muốn gia tăng sự hiện diện của văn học Việt Nam hải

ngoại ở trong nước thì phải có giao lưu giữa các cá nhân nhà văn, giữa những tổ chức xã hội, và các tổ chức nhà văn, tổ chức văn học trong và ngoài nước. Phải làm sao mà chính quyền Việt Nam cũng phải có cách nhìn độ lượng, tự do hơn, bao dung hơn với văn học và văn giới hải ngoại. Nhà cầm quyền, tổ chức xã hội tại Việt Nam, cần phải hiểu rằng quan điểm của nhà văn nó khác với quan điểm nhà cầm quyền, nó khác với quan điểm của những người có tham vọng chính trị. Nhà cầm quyền cần hiểu rằng văn học nó cần thiết cho đời sống. Nó cần thiết cho đời sống tinh thần. Việc bản thân tôi được đi Mỹ là một dấu hiệu cởi mở của nhà nước Việt Nam. Tôi chỉ là một ví dụ.

Với độc giả Văn Học, tôi nghĩ rằng họ chính là những cái nguồn động viên cảm hứng của nhà văn. Khi còn thích thú đọc sách, trân trọng với văn học thì đó là điều quý giá vô cùng. Và các tác giả hải ngoại và trong nước - trong đó có tôi - lấy đó là nỗi động viên vô hạn đối với bản thân mình. Tiếng nói của đất nước, dân tộc, thông qua tác phẩm của các nhà văn, tôi nghĩ nó là điều có giá trị nhất định. Mặc dù là những giá trị phù phiếm, ảo tưởng, vớ vẩn, các tác phẩm cũng chứa đựng tuyệt vọng, khát vọng, dung tục, đau đớn, niềm vui, nỗi buồn. Nếu mất đi tiếng nói thì không còn gì cả - bởi vì phát ngôn, biểu lộ, và ngôn ngữ là chứng tỏ chúng ta còn sống, sự sống vẫn còn. Khi sang Mỹ, tôi thấy nhiều tạp chí, sách báo Việt Nam in ra thì trong thâm tâm tôi rất là cảm động.

8. Khi qua Mỹ, ông không đến được tiểu bang California, nơi có đông người Việt sinh sống nhất. Ông có tiếc điều đấy không?

Do thời giờ hạn hẹp, rất tiếc tôi không đến California được. Nhưng tôi nghĩ rằng đến Mỹ cũng không đến mọi nơi được. Ngoài California, còn có nhiều nơi tôi chưa đến thăm được, cho nên tôi lấy làm tiếc lắm. Tôi hy vọng có cơ hội khác để đến được những nơi mà tôi chưa đến được dịp này.

9. Ông có lời cuối nào?

Xin cám ơn tạp chí Văn Học, cám ơn quý vị cố gắng duy trì tác phẩm, tạp chí Văn học, và xin chúc độc giả nhiều hạnh phúc và may mắn.

Những Truyện Không Viết

Mai Kim Ngọc.

Tôi rất ngại những đề tài về lý luận văn học. Thỉnh thoảng, viết vấn đề này từ cái nhìn của người đọc, nhưng dù giới hạn như vậy cũng thấy lấn cấn. Lại càng ngần ngại hơn vì thỉnh thoảng chính mình cũng có sáng tác đôi chút, trộm nghĩ bản thân viết chưa đến đâu, lý luận văn học càng nhiều chỉ tự mình đặt thêm gánh nặng cho mình. Tôi trộm nhớ đến ông hương sư làng tôi, viết sai chính tả lu bù mà làng trên xóm dưới hễ có dịp là ông ra rả thuyết trình về chuyện văn chương thơ phú. Chuyện nực cười trong trà dư tửu hậu có thể thoáng qua, nhưng chuyện nực cười trên giấy trắng mực đen thì bao giờ mới chịu theo gió bay đi.

Nhưng hơn năm qua, tôi đã học hỏi được bạn văn xa gần trên Văn Học bao nhiêu điều hay ho thích thú của về chuyện *viết cho ai, tại sao mà viết, viết về gì,* vân vân. Đã hưởng thụ thì phải đóng góp, nên chi lượm lặt đôi điều đã viết, tôi xin góp phần với mục *'tác giả tác phẩm'* này.

Tuy nhiên tôi sẽ không viết về những truyện ***đã viết***. Hôm nay tôi chọn lựa viết về những truyện ***không viết*** hay ***viết mà không đăng***, của bản thân cũng như của một vài bạn thân.

*

Tôi xin bắt đầu bằng những chuyện **viết mà không đăng**. Đó là thời tôi làm nội trú các bệnh viện Sài Gòn, trên dưới ba mươi năm về trước. *Không có huấn luyện về môn văn, chuyện viết văn với tôi như một sinh* hoạt nối dài của nghề y. Y học lấy con người - lành cũng như bệnh - làm đối tượng. Tiểu thuyết cũng lấy con người làm đối tượng, vậy là hai môn bộ kể như anh em một nhà.

Thật vậy sinh lão bệnh tử là cơm gạo của nghề y. Người y sĩ hàng ngày cọ xát với cái đau cái chết, có rất nhiều dịp được thấy những hoàn cảnh mà con người xử lý mọi chuyện một cách rất trung thực, phơi bầy những diện nội tâm rất đặc biệt mà thường ngày giấu kín hoặc không tiện

lộ ra. Mỗi cuộc đời là một bài học về nhân sinh, và bệnh nhân bằng cách cư xử rất thật, đã gián tiếp dậy cho thầy lang bài học ấy.

Người y sĩ còn được học về sự sống qua gia đình bệnh nhân. Săn sóc người bệnh sắp qua đời sau nhiều tháng sống dở chết dở, những nhọc nhằn gian lao ấy làm phát hiện ra những nét đẹp bao la của tình người trong liên hệ vợ chồng cha con anh em. Nhưng bên cạnh sự tận tụy tuyệt vời ấy, người sống vẫn phải có những lo lắng rất thực tế, có khi đến chỗ dung tục... Người vợ trẻ bên giường người chồng hấp hối cân nhắc những ưu tiên khác nhau, một mặt là những đau thương và phí tổn để kéo dài cuộc sống của chồng thêm vài ngày, mặt khác là tương lai sinh kế bên kia đám tang cho bản thân cũng như đám con dại...Người trưởng nam đưa đám người cha tỉ phú, không khỏi bận tâm về những thương vụ dở dang của cha, những trương mục ngân hàng cần phải kiểm lại... Và nhiều khi bản chúc thư của cha không hẳn là không tạo ra buồn phiền hay oán giận cho đám con, mặc dầu con nào cũng thực lòng thương bố, hết lòng thương bố... Những yếu tố trái ngược ấy, tiêu cực hay tích cực, thanh thoát hay dung tục, tạo ra những hành động những suy tư rất phức tạp, phát hiện ra những diện thâm sâu của tâm hồn mà bình thường ta không thấy.

Không bắt buộc phải ở trong nghề y mới biết chuyện này, nhưng tôi có thiên kiến là nghề y được thấy cái đau cái chết (cơm gạo của nghề) nhiều hơn nghề khác. Do đó, người y sĩ có nhiều cơ hội ghi nhận được rằng nếu cái xấu đã nhiều thì cái tốt còn nhiều hơn nữa, và tựu chung ta có thể lạc quan mà yêu con người, mà vinh hạnh làm người.

Với quá trình như vậy, chuyện người y sĩ **muốn** viết tiểu thuyết gần như dĩ nhiên. Còn viết được hay không thì lệ thuộc vào nhiều yếu tố xung quanh cho mỗi trường hợp cá biệt. Tôi xin kể ở đây vài kinh nghiệm riêng. Hồi đó, đỗ nội trú xong, luận án đã soạn sẵn, rảnh rang tôi ngồi viết vài truyện ngắn.

Tôi nhớ truyện đầu tay tôi viết về cái khốn khổ của một người một đàn ông rất kiêu hãnh về gia đình nhỏ hạnh phúc của mình, luôn luôn phiền hà bè bạn về vợ nấu ngon thế nào, tần tảo thế nào, con học giỏi làm sao với những phần thưởng này phần thưởng nọ...Mãi đến khi thằng con thứ hai phải mổ, anh mới biết loại máu của con bất thường, nếu đối chiếu với loại máu của chính anh. Có 'gien' lạ lạc vào gia đình anh... Sau cơn giao động khủng khiếp không thiếu gì hung bạo và dung tục, anh bình tâm lại, tha thứ cho vợ và chấp nhận con, tiếp tục sống một đời bình thường đầy nét xây dựng...

Tôi nhớ đã rất sung sướng về cái khả năng phục hồi của người đang ông đã nhặt nhạnh những mạnh vụn của hạnh phúc cũ, để sống tiếp một

cách tốt lành, cho bản thân cũng như cho đám con nít... Sự việc phần lớn dựa trên sự thật. Tôi chỉ hư cấu khi phân tích tâm lý người chồng khi anh ta thăng hoa lên được từ cái đau mọc sừng để thấy cái tốt lành nơi người thân mặc dầu những lỗi lầm đã qua...

*

Truyện thứ hai tôi viết đối chiếu cái chết của một người trung đội trưởng dân vệ với cái chết của một vị cư sĩ nổi tiếng. Người dân vệ bị thương nặng, đau đớn dầy vò mà vẫn cắn răng không một tiếng than. Gốc gác nông dân, anh sống rất thực, rất ít kiểu cách, vậy mà cung cách khi ra đi lại nhẹ nhàng oai hùng. Anh trối trăn cho vợ là em còn trẻ đẹp, muốn đi bước nữa thì cứ đi, nhưng gắng chọn người tử tế để mấy đứa con khỏi khổ. Anh căn dặn đội phó của anh những việc phải làm để tránh thất trận tái diễn cũng như để cải thiện mức sống của đội viên... Sau hết, anh dặn đừng vì anh tử trận mà anh em tàn ác với thương binh của chúng. Anh đòi hỏi rất nhiều ở chính bản thân, rất ít ở người xung quanh kể cả kẻ thù, khi sống cũng như khi chết.

Còn ông cư sĩ già mặc dầu một đời tu học về cái vô thường của kiếp người, khi chết, tuổi thọ đã cao, vẫn khăng khăng nắm lấy cái đuôi của đời sống, nhất định bằng mọi giá muốn mua thêm vài giờ vài ngày của cuộc sống phù du...Ông còn dặn hỏa thiêu xác ông và giữ tro lại để mai sau chôn chung với tro của bà vợ trẻ.

Hai cuộc đời ấy, hai con người ấy gặp nhau ở bệnh viện trong mẫu số chung của kiếp người, ông cư sĩ nhà giầu chết già vì bệnh tật, anh dân vệ nghèo nhà quê chết trẻ vì trận mạc. Khi viết về họ, tôi bị ám ảnh bởi vấn đề là thánh thiện của tâm hồn là bẩm sinh hay qua tu học rèn luyện...

*

Truyện thứ ba viết về một người đàn ngoại tình. Chị khoảng hai mươi bảy hai mươi tám, mắt to, mặt trái soan, chân dài, mình thon thắt đáy lưng ong, tóm lại một hoa khôi miệt vườn xinh đẹp và đầy sức sống thường thấy minh họa trên trang bìa những tiểu thuyết về đồng quê miền Nam. Trời sinh ra chị như để thăng hoa tuổi trẻ và đam mê nam nữ. Chồng chị là một tư chức, hình như làm thư ký cho hãng Bastos, bệnh lao đã đến thời kỳ chót, da bọc xương, nằm ngắc ngoải ở bệnh viện Hồng Bàng.

Chị chăm sóc chồng hết sức chu đáo, cứ một hai ngày lại mang món ngon vào cải thiện khẩu phần nhà thương cho chồng. Chị rất công phu, mỗi lần mang món hủ tiếu gà cá thích khẩu cho anh, chị để nước dùng riêng trong chiếc bình thủy, tới đầu giường mới đổ chung vào bánh để khỏi ủng nước... Tần tiện, hôm nào anh mệt ăn bỏ mứa, chị ăn giùm cho

chồng, không mảy may sợ lây bệnh. Chị bảo, "vợ chồng đầu gối tay ấp với nhau, nữa còn chăng kiêng, kiêng gì chuyện bát đũa."

Một hôm khám bệnh xong tôi vào Chợ Lớn ăn mì. Lúc ngang cổng bệnh viện tôi thấy chị leo lên ngồi đệm sau Vespa của một thanh niên kính đen, răng vàng, tóc chải tém, giày mỏ vịt, đã đợi ở đấy tự bao giờ. Tôi thoáng nghĩ bà chị thì đàng hoàng mà thằng em thì lại có mòi du đãng. Mãi đến khi tình cờ vào cùng một tiệm mì, thấy họ ngồi trong góc tiệm đầu mày cuối mắt tha thiết như cặp chim câu, tôi mới biết mình đã đoán sai về liên hệ gia đình của họ.

Rồi anh đau nặng hơn, chị càng chu đáo tận tụy. Bệnh anh nguy kịch, chị xin phép ở lại đêm, tối tối trải chiếu lên hành lang ngủ để mỗi khi anh gọi chị có thể chạy tới liền. Lúc nào chị cũng tóc tai bơ phờ. Mấy cô y tá và những bệnh nhân cùng phòng đều nhìn chị với cảm tình lẫn thán phục. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn thấy chị nhí nhảnh leo lên chiếc Vespa của anh bạn trai tới đón...

Rồi sau cùng, nhờ thuốc, nhờ chị tận tình săn sóc, nhờ phúc phần, anh dần dà khỏi bệnh. Đúng lúc ấy, chị bị đánh ghen. Chị bị Hoạn Thư sộc vào túm tóc xé quần áo tấn công ngay ở đầu giường anh. Chị còn bị Hoạn Thư lớn tiếng mắng là con đĩ. Cũng may cô y tá đã tinh mắt giằng kịp bình ớt bột từ tay Hoạn Thư, nếu không thương tích chị còn trầm trọng bội phần. Nhân viên bệnh viện kéo cả hai người đàn bà ra khỏi trại. Trước khi bị lôi đi, chị quỳ xuống khẳng định với anh là chị bị oan. Người giống người thôi, mụ Hoạn Thư đã trông lầm, và nếu chị quả có hư hỏng thì xin mấy ngàn hồn ma bệnh của nhà thương này cứ bắt chị hộc máu máu chết ngay trước mặt anh. Chị thề vậy mà không sao, chỉ có anh bất thần ôm ngực ho rũ rượi rồi thổ ra gần một bát huyết...

Tôi không gặp lại chị nhưng biết chị vẫn đến săn sóc anh chu đáo như cũ... Có thể tôi tưởng tượng, nhưng mỗi lần thăm bệnh buổi sáng, tôi thấy anh lúng túng lẫn với ngậm ngùi, rõ ràng là xấu hổ lắm... Tuy nhiên, anh tiếp tục bình phục và sau cùng kể như khỏi hẳn.

Hôm anh xuất viện, chị trang điểm xinh xắn dắt hai đứa con nhỏ khấu khỉnh tới đón chồng về nhà. Hai đứa trẻ cỡ năm sáu tuổi, áo quần bảnh bao, một trai một gái, lanh chanh giúp mẹ xách mấy gói đồ lặt vặt của bố... Tết năm ấy, tình cờ tôi gặp anh chị đi lễ Lăng Ông, anh dắt con gái chị dắt con trai, riêng chị còn cầm cành lộc mới bẻ được sân đền. Trước khi họ lẫn vào đám đông, tôi thấy anh đưa tay đỡ eo ếch chị, như âu yếm như che chở cho vợ giữa cảnh ồn ào chen lấn...

Từ đấy về sau tôi không gặp lại gia đình ấy nữa. Tuy nhiên thấy những cặp vợ chồng hạnh phúc, tôi lại nhớ đến anh chị. Tôi tò mò về anh.

Sức khỏe đã không có, lại phải đối đầu với cái nhục bị cắm sừng của bản thân cộng thêm cái nhục của vợ bị người ta gọi là con đĩ, anh đã làm những cố gắng phi thường nào để giữ được gia đình khỏi tan vỡ. Cái bàn tay anh đặt lên eo ếch chị tối giao thừa ở Lăng Ông phải chăng còn nặng yêu thương, hay chẳng qua là thói quen lâu ngày... Hay anh chỉ là người chồng đụt, sẵn sàng tin chị khi chị chối bay chối biến là chị oan...

Về phần chị, rõ ràng chị là người không may mắn, so với đàn bà khác. Trời làm chị dung nhan xinh đẹp, thân thể lại tràn trề sức sống, cái trinh tiết nơi chị khó khăn vạn lần so với những phụ nữ cằn cỗi không sinh khí. Hay chẳng qua là tại chị hư. Nhưng nếu chị hư thì cái gì làm cho chị vừa hư vừa tốt vừa đảm đang, đã nuôi chồng khỏi bệnh lại chăm sóc con cái chu đáo... Hai đứa bé khấu khỉnh bụ bẫm là bằng chứng cho tình mẫu tử của chị, và không có chị thuốc nào cứu được mạng anh.

Còn hai em bé, chúng quá trẻ để hiểu chuyện người lớn... Nhưng lớn lên, nếu thành đạt vì đủ cha đủ mẹ, vì không phải nếm mùi dượng ghẻ dì ghẻ, chúng có biết cái giá cha mẹ chúng đã phải trả không? Từ cái nhịn nhục của anh, cho tới cái nhịn thèm của chị khi chấp nhận sống với người chồng chỉ còn một phần tư lá phổi, bao nhiêu hy sinh đã được thi hành một cách âm thầm bởi cha mẹ để chúng nên người... Tôi hy vọng nhờ tính độ lượng di truyền, đến khi hai em bé lấy vợ lấy chồng, chúng sẽ khoan dung với lỗi lầm hay nhược điểm của người thân như cha mẹ chúng đã khoan dung.

Tôi viết về chuyện gia đình anh chị, hư cấu về tính dung hay cù lần của anh... về tâm hồn giản dị mà lại vô cùng phức tạp của chị một lúc chứa đựng cái tốt hồn nhiên lẫn cái ham sống tha thiết đến vô kỷ luật... về cuộc đời sau này của hai cháu...

Viết xong, tôi đưa cho một ông bạn của ba tôi để xin ý kiến. Ông cũng là người Bắc tản cư vào nam như gia đình tôi. Ông am thông văn chương của cả hai miền, hình như có thế lực với chính quyền và được đọc cả sách cấm do Hà Nội phát hành. Theo giao tế của người Bắc, tôi gọi ông là bác.

Bác bảo tôi viết cũng được, gắng thêm chút nữa thì sạch nước cản. Nhưng đề tài tầm thường quá, toàn những chuyện lắt nhắt thôi, mua vui thì khả dĩ, nhưng không nói lên điều gì quan trọng, không có sứ điệp gì ra hồn để nhắn nhủ bạn đọc. Văn dĩ tải đạo cháu ạ. Cái tâm sự của người vợ hư, của những người chồng bị cắm sừng, chẳng qua là chuyện chổi cùn rế rách, không có gì đáng nói so với vận mệnh đất nước.

Còn nữa, bác trách tôi quá nương tay với tội lỗi, mấy người đàn bà hư trong truyện tôi chẳng bị trừng phạt gì. "*Phạm tội thì phải lãnh phạt,*

Crime et Châtiment mà cháu," bác nhắc đến tác phẩm vĩ đại của Dostoyevsky. Chỉ nghe nói mà chưa đọc tác phẩm ấy, tôi hỏi bác:

"Dostoyevsky xử lý chuyện ấy làm sao hở bác?"

Hình như bác cũng chưa đọc, nên xoay sang văn học Việt để dẫn chứng. Bác nhắc tôi vụ cụ đồ Chiểu cho cọp ra xử lý vị hôn thê bội ước của Lục Vân Tiên. Tôi thưa với bác là khó quá, mấy người đàn bà hư tôi biết đều sống ở Sài Gòn, cọp dữ đâu mà gặp. Còn mấy con cọp sở thú bị nhốt chuồng sắt, các bà có gặp cũng chẳng hề hấn gì. Bác bực dọc với sự thiếu óc tưởng tượng của tôi, "Có khó gì đâu hả cháu, chúng nó cỡi Vespa chở nhau đi ăn mì thì dễ quá. Cứ cho xe be cán nát hai đứa ra là ổn..."

Bác chỉ thích truyện người trung đội trưởng dân vệ. Nhưng bác khuyên tôi bỏ bớt đi cái phần về ông cư sĩ già có bà vợ trẻ, cho truyện nó chỉnh. Tôn giáo là sức mạnh của thế chống cộng của chúng ta. Những biểu tượng tôn giáo, dù là một ông cư sĩ không thuộc một đền chùa nào, vẫn phải được vinh hiển trong văn học. Rồi bác cho tôi xem vài tác phẩm miền Bắc. "Cháu coi, chúng đang nỗ lực dùng văn chương để đề cao người anh hùng vô sản của chúng và băng hoại những giá trị tinh thần của chúng ta... Văn học miền Nam không thể lơ là được... Phải dõng dạc đưa lập trường của chúng ta vào truyện vào thơ."

ít hôm sau nghĩ lại, bác đi xích-lô tới bảo tôi nên hư cấu thêm một chi tiết:

"Đừng để người trung đội trưởng dân vệ chết, cháu ạ. Vì chết là thua cuộc, là bỏ cuộc... Anh ta phải sống, phải hồi phục trở về đánh bại trung đoàn du kích của chúng..."

Sau cùng, bác khuyên tôi nên 'nghiên cứu' mấy cuốn sách truyện Việt cộng mà viết ra những tác phẩm chống lại họ. Cứ dùng đòn 'gậy ông đập lưng ông' mà đánh."

Thấy nét ngần ngừ nơi tôi, bác như chợt nhớ ra điều gì:

"Cháu ạ, đừng nghe chú X. nhé."

Chú X. là một ông bạn gia đình khác mà tôi rất quý. Bác rất kỵ chú, nhưng vụ này thì chú bị nghi oan. Cho là đã đoán trúng nguyên do của sự chao đảo của tôi, bác nói tiếp:

"Chú X. bị mấy đứa xấu mồm tẩy não, bảo bác là mâu thuẫn, là một mặt cho Việt cộng là tồi bại nhất thế giới, mặt khác lại viết lách ngoan cố như Việt cộng. Chúng nó bảo bác chống Việt cộng mà lại trở thành âm bản của Việt cộng. Nhưng tin bác đi, phải như thế mới đánh được chúng nó."

Bán tín bán nghi, tôi chạy sang trường văn để nghe thêm một ý kiến thứ hai. Tình cờ hôm ấy có người giảng về sứ mệnh văn học. Tôi lõm bõm

nghe nhắc đến Camus, đến Sartre, đến Gide... đến văn học dấn thân... văn học phải ghi lại lịch sử... văn học phải tả lại bức tranh xã hội... văn học là lương tâm của nhân loại... Một cây bút là một sư đoàn, vân vân và vân vân... Tóm lại, họ tân học tây học, không nói '*Văn Dĩ Tải Đạo*', nhưng đại cương là họ đồng ý với ông bạn văn nhân của ba tôi.

Thủa ấy mới hai mươi bốn tuổi đời, tôi chóng ngã lòng. Tôi kết luận văn chương không phải là chuyện dễ, như có người đã nêu lên một cách châm biếm:

Văn chương nào phải là đơn thuốc
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu

Là y sĩ, tôi nghe câu này thấy nhột lắm. Xem ra văn chương phải bao gồm luôn cả bao nhiêu là môn bộ khác, từ xã hội học cho tới lịch sử cho tới luân lý triết học... Siêu nhân mới nên viết văn. Tóm lại làm văn học khó quá... Y khoa xem vậy mà dễ hơn...

Và tôi quay về chúi đầu vào y khoa. Mãi cho tới mươi năm gần đây, nghề nghiệp đã rảnh rang, con cái đã lớn, tôi bắt đầu đọc sách văn học trở lại. Tôi thấy những tác phẩm thật hay thật lớn không bắt buộc nói những chuyện lớn theo diện quốc gia, chính trị, xã hội, luân lý, hay lịch sử. Những tác giả tôi thích như Marquez, như Lỗ Tấn, như Gide, như Tolstoi, như Hemingway, như Flaubert, như Nguyễn Du... lấy những chuyện cá nhân của những người rất tầm thường làm đề tài. Tâm sự cô Kiều hay bà Anna Karenine không phải chuyện có tầm vóc làm cho nước giầu dân mạnh, ông già đánh cá của Hemingway không phải là một vĩ nhân mà đời sống ảnh hưởng đến người khác...

Không có những mệnh đề lịch sử, xã hội, giáo dục, triết học gì làm chủ đề cho những kho tàng văn học của nhân loại ấy... Chỉ có những con người tầm thường loay hoay để sống với nghịch cảnh, và trong khi loay hoay như vậy phát hiện ra những điều nhiều khi lạ lắm đẹp lắm, thâm sâu trong mỗi chúng ta...

Và bỗng dưng tôi nghĩ những con người tầm thường tôi gặp hàng ngày không kém phức tạp duyên dáng hay ly kỳ so với những nhân vật của các tiểu thuyết hay. Chất liệu vô cùng quý hóa như vậy, dù mình không có nghề, không có tài, cố gắng ghi lại cũng là việc nên làm. Dù sao thì cũng tốt hơn ngồi không, hay lãng phí thì giờ cho những việc không mấy bổ ích như mạt chược hay nhảy đầm...

*

Tôi chỉ tiếc là có thể có những người khác có tài đã được chứng kiến những hoàn cảnh đặc biệt, đã thấy được những diện đặc biệt của đời sống mà vì những ngớ ngẩn thời thượng hay vì những áp lực này nọ đã không

viết. Đến đây, tôi nhớ một anh bạn đồng nghiệp đã kể cho tôi một kinh nghiệm sống của anh.

Sau một cuộc hành quân vào một vùng sôi đậu, sau một đêm một ngày tối mắt tối mũi trong phòng mổ bệnh viện dã chiến để cứu sống những người bị thương của cả hai bên, anh đi thăm trại bệnh.

Anh sững sờ khi qua phòng dành cho những người bị bỏng. Một người đàn bà trẻ đang quỳ bên một chiếc giường nhi đồng, loại giường cũi Mỹ viện trợ hồi ấy. Áo bà ba cởi mấy nút khuy cổ vén trần một bên ngực, chị ấp chiếc vú căng sữa vào lan can giường. Bên trong giường, một đứa trẻ khoảng một tuổi, hai chân quấn băng trắng, đang nằm nghiêng ôm vú mẹ bú... Thế cho con bú khốn khổ của chị làm anh bước lại xem xét sự tình. Anh khám phá ra chị bị còng tay vào giường con, không tiện đứng mà cũng không tiện ngồi nếu muốn cho con bú. Thấy anh bước vào, người đàn bà trẻ quay lại. Mắt sáng lên với căm thù khi vấp phải bộ đồ trận rằn ri của anh. Rồi ngẩng khuôn mặt trẻ đều đặn nhưng đầy xây xát còn lấm những vệt nước mắt khô, chị nhìn thẳng vào mắt anh. Anh không bao giờ quên được cái nhìn ấy...

Người lính quân cảnh già canh tù binh cho anh hay chị ta là Việt cộng. Trước khi bị bắt chính chị đã tích cực tham chiến, đã chính tay gây thương vong cho đồng đội của anh. Đứa bé quen sữa mẹ, không chịu bú bầu. Trong những ưu tiên khốc liệt của tình trạng đặc biệt sáng hôm ấy, với những người bị bị thương nặng hay ngắc ngoải nằm la liệt xung quanh, chuyện người đàn bà quỳ áp ngực vào song giường cho con bú là chuyện bình thường trong khung cảnh bất bình thường. Lại còn có thể coi như là nhân đạo, vì chị được ở với con thay vì bị giải đi lấy cung như một tù binh. Chồng chị là người cán binh bị đạn vào bụng được anh mổ đêm qua.

Chị yên lặng nghe lén lời báo cáo của người quân cảnh. Rồi chị nhìn trộm anh, với một cái gì lúng túng trong ánh mắt. Người quân cảnh kết luận, "Ngữ này nguy hiểm lắm. Trông vậy mà xểnh ra là nó giết mình không gớm tay."

Anh nghĩ đó là cái nhìn của người quân cảnh. Riêng anh mới rời trường thuốc lại tình nguyện vào một binh chủng oai hùng, anh không chấp nhận như vậy... Nghề của anh đã khắc vào tim vào óc anh rằng sự sống là quý, rằng tình mẫu tử là thiêng liêng, rằng không có gì đẹp hơn, tích cực hơn, thăng hoa con người hơn là cảnh người mẹ trật vú cho con bú... Truyền thống sĩ quan của binh chủng anh cũng như cốt cách gia đình anh dạy cho anh rằng đàn ông phải trượng phu, và quý trọng đàn bà là một chân lý hiển nhiên...

Anh điều đình với người lính một khoan nhượng nhỏ cho người mẹ.

Không xong, anh toan tự tay xử lý. Hành động đầy cảm tính của anh khi toan cởi còng cho tù nhân gặp ngay tức khắc cách xử lý lễ phép nhưng nghiêm túc của người trung sĩ.

"Bác sĩ đừng cản em làm bổn phận," người lính già nhã nhặn nói, bàn tay bác đặt nhẹ lên báng súng lục đeo bên hông.

Lần đầu tiên trên đời người y sĩ trẻ phải đối phó với một cảnh thương tâm, mà ai cũng đúng theo thế nhìn của mình, mà cái gì cũng sai cả... Từ cái nhìn hận thù người đàn bà dành cho anh, cho tới cái bàn tay gân guốc dám nắng của người quân cảnh trên báng súng lục, cho tới tất cả những chết chóc đang diễn ra xung quanh, tất cả đều có lý do, mà tất cả lại đều vô lý...

Lần đầu tiên anh ghi nhận được những giới hạn của chính anh, của những giá trị phải trái của anh. Những chân lý cũ của anh, bẩm sinh cũng như thu hoạch qua nghề y, quay cuồng như những chiếc lá chết trong cơn lốc của hoàn cảnh...

Nghe anh kể, tôi có cảm tưởng hôm ấy, ngoài những mạng người mà anh cứu sống được, anh còn thu hoạch được một cái nhìn độc đáo về thân phận con người trong thời loạn. Tài năng là một chuyện không dám bàn, nhưng xúc cảm của Tolstoi đã thúc đẩy ông viết Chiến Tranh và Hòa Bình chắc cũng chỉ mãnh liệt đến thế.

"Sao cậu không viết?"

Anh không trả lời nhưng tôi cũng biết tại sao. Phải chăng câu chuyện lớn quá, mung lung quá, khó quá. Phải chăng áp lực xung quanh đòi anh phải có chiến tuyến, làm anh khó viết cho thật với cái nhìn của anh. Phải chăng hồi ấy phong trào phản chiến tại Mỹ đang phá hoại nỗ lực tự vệ của miền Nam, một truyện như truyện của anh, dù không lấy chính trị làm trọng tâm, sẽ vẫn bị chụp mũ... Hay giản dị hơn, anh đã không may như tôi và đã gặp một ông bạn của gia đình giống như ông bạn của ba tôi ngày xưa, những người muốn hướng dẫn văn học về ngả này hay ngả nọ, những người thích bình giải về nghệ thuật mà thực ra không có khả năng cũng như khiếu thẩm mỹ để hiểu nghệ thuật. Tôi nghĩ họ không đông, nhưng đủ đông để việc gặp họ cũng không phải là hiếm xảy ra...

Nghe chuyện anh, tôi tiếc ngao ngán. Anh tha thiết với dân chủ, có một ý niệm chính trị rất mạnh về sự sai lầm của cộng sản, nhưng anh vẫn mở mắt mở tim để thấy những vấn đề của con người, từ người quân cảnh có trách nhiệm, cho tới chị cán bộ cho con bú, cho tới chính anh.

Cuốn truyện anh *không viết* phải là cuốn truyện hay lắm... Cũng hay như bao cuốn truyện *không viết* khác vì tác giả không chịu những du di này nọ để thích nghi với những áp lực xung quanh... Biết đâu không chủ

tâm mà nó còn là một cuốn truyện chính trị sâu sắc, cho thấy cái giá quá đắt con người phải trả cho giải pháp bạo lực để thống nhất đất nước... Nhưng dù sao đi nữa, sự việc vẫn là những mất mát cho văn học, của nước ta cũng như của nhân loại.

Tôi nghĩ chuyện viết văn học là một sinh hoạt có sinh lực vô cùng vô tận. Tôi không nản chí vì một số bạn văn bi quan cho rằng chúng ta hết đề tài, nhất là trong cảnh *'đời lưu vong'* tại hải ngoại. Tôi ngạc nhiên với ý kiến ấy, vì đời sống của lưu dân cũng như người bản xứ vẫn nhộn nhịp và phức tạp xung quanh chúng ta. Mà còn đời sống thì vẫn còn cơ hội thu lượm những kinh nghiệm sống mới để làm những phát hiện mới về con người. Tôi chỉ sợ viết không xuể thay vì hết chuyện viết. Khó chăng là viết cho hay.

*

Tuy nhiên những cảm nghĩ về văn học vừa bàn chỉ là những cảm nghĩ cục bộ phần lớn dựa trên kinh nghiệm riêng với tầm nhìn cụ thể và giới hạn. Những mất mát ở đây chỉ là những mất mát về những diện của đời sống hữu hạn này. Nó thấm gì với cái mất mát khi ta quên nhìn sự việc trong một khía cạnh trường cửu hơn, bao gồm không những kiếp này, mà còn cả cái thế giới trước sau.

Liên hệ đến cái nhìn vô thủy vô chung này là những **truyện không viết** của một người bạn rất thân khác mà bây giờ nghĩ lại tôi mới thấm hết ý nghĩa. Chúng liên hệ đến những kỷ niệm thơ ấu của anh, những chuyện có lẽ đã cho anh loáng thoáng ghi nhận được những diện *siêu hình* về đời sống, nhưng thấy không đủ rõ hay có lẽ không có thì giờ để viết ra rành mạch. Tôi xin ghi lại lời anh bằng ngôi thứ nhất, với chút sắp xếp và hư cấu cho gọn ghẽ dễ đọc...

*

Hồi ấy tôi học lớp ba hay lớp nhì tiểu học. Thày giáo ra đề, **'tả căn phòng em thích nhất trong nhà em'**. Có lẽ thày muốn chúng tôi lấy nguồn cảm hứng từ bài giảng văn mẫu về một buổi tối ở nhà vô cùng êm ả trong cuốn tập đọc giáo khoa thư. Cậu học trò làm bài, cha đọc báo, mẹ và chị may vá, còn bà nội thì kể truyện cổ tích cho các em nhỏ... Thậm chí cả ông nội nữa cũng xoay được một vai trò hữu ích cho bức tranh hạnh phúc đại gia đình.

Vấn đề là gia đình tôi tuy bình thường êm ả, nhưng buổi tối ở nhà tôi không giống như trong giáo khoa thư. Thứ nhất, mẹ tôi buôn bán khá bận nên buổi tối không may vá mà kiểm soát lại sổ sách. Ông bà tôi không ở chung với chúng tôi, và ông nội tôi mất sớm, tôi chỉ có một hình ảnh rất mơ hồ về ông, một ông cụ đeo kính lão, râu tóc để theo kiểu của người già

thời ấy, không bao giờ mặc âu phục, thoải mái với chữ nho hơn là chữ quốc ngữ. Ông chiều cháu hầu hết những chuyện cha mẹ ngăn cấm... Hình dáng thân yêu tôi có về ông, có lẽ tôi đã dựng bằng những câu chuyện người lớn kể lại nhiều hơn bằng kinh nghiệm bản thân. Phân tích ra mà nói, ông tôi là sản phẩm của khao khát thầm kín nội tâm của tôi hơn là một kỷ niệm đã xảy ra.

Còn cha tôi không đọc báo buổi tối (ông mang nhật trình vào sở đọc), mà kèm các anh chị tôi học. Ông tạo ra một bầu không khí rất căng thẳng cho chúng tôi, vì phương pháp sư phạm của ông thời ấy còn dựa rất nhiều trên roi vọt thay vì tâm lý trẻ thơ. Mãi về sau khôn lớn, nghĩ lại tôi mới thương cha tôi đã bỏ công ra dạy con cái, và mới thấy những buổi tối thật sự xảy ra trong gia đình tôi na ná và một cách rất trừu tượng giống cái buổi tối ở nhà của cuốn tập đọc. Ngay hôm ấy thì quả thật tôi không thấy sự êm đềm ấy...

Thành thử tôi không nghĩ đến nhà ngoài (căn phòng rộng dành cho sinh hoạt gia đình buổi tối), và tôi chọn một căn phòng khác cho vào luận văn. Đó là căn phòng trên gác mở ra sân thượng, thường bỏ trống, đồ đạc vỏn vẹn có cái ban thờ nhỏ bày chiếc bát hương và mâm ngũ quả bằng gỗ hình như để lại bởi gia đình chủ cũ, một ông tham biện kiểm lâm nổi tiếng phóng đãng. Nghe nói ông có vợ mán vợ mường trên rừng, và không xa lạ gì với chốn cầm ca của thành phố. Ông chết trẻ vì bệnh lao. Tôi không nhớ thấy có bài vị hay di ảnh của ai. Chỉ có ngày rằm tháng bảy hay ngày tết mẹ tôi mới bày ít hoa và cắm mấy thanh hương.

Tôi viết về căn phòng này trong bài luận tiểu học của tôi. Và tôi viết về người bạn vong niên tôi khám phá được trong căn phòng ấy. Ông cụ xuất hiện trong thời gian tôi bị ốm thương hàn, khoảng hơn năm trước ngày tôi làm bài luận. Hồi ấy bệnh chưa có thuốc trị, cách chữa độc nhất là nằm nghỉ, ăn cháo lỏng cho khỏi thủng ruột, và cách ly với người thân. Theo lời dặn của đốc tờ S., mẹ tôi ngày hai buổi hấp hạt cải cho thật nóng gói vào chiếc bịch vải để chườm cho tôi. Tây y thời ấy xem ra cũng chẳng khác đông y bao nhiêu... Cũng theo lời đốc tờ, mẹ tôi cho kê giường tôi trong căn phòng bỏ không để bệnh tôi khỏi lây sang các anh chị tôi. Mọi người nói chung không được vào phòng, trừ mẹ tôi. Lấy cớ bà đã bị thương hàn rồi nên miễn nhiễm, bà ngủ luôn với con để tiện chăm nom.

Tôi nhớ mấy hôm đầu tôi rất khốn khổ phải nằm suốt ngày trên giường, nhớ trường, nhớ lớp, nhớ bạn chơi, toàn thân vô cùng mệt mỏi, trong khi đời sống chỉ còn vọng lại từ ngoài đường vào với những âm thanh huyên náo buổi khi thành phố thức giấc và ánh nắng mai sáng dần qua kẽ cửa, tiếng xe cộ tiếng rao hàng của mấy người bán rong trong ngày, cái êm ả

tạm thời khi mọi người nghỉ trưa, và sau cùng bữa cháo tối khi ngoài song bầu trời hoàng hôn bừng sáng lên độ nửa tiếng trước khi tối hẳn...

Nhưng sang đến tuần thứ hai, thời gian tôi bắt đầu mê man theo lời mẹ tôi sau này kể lại, cuộc sống trong phòng bệnh bỗng trở nên kỳ thú lắm nhờ ông cụ xuất hiện. Tôi chỉ ốm nặng khi mẹ tôi lay tôi dậy cho tôi ăn cháo. Còn suốt ngày, tôi sống rất bình thường với cụ. Tôi nghĩ chỉ một mình tôi biết sự hiện diện của cụ. Người làm đi ngang qua phòng để mang quần áo ra sân thượng phơi, hình như thấy tôi mà không bao giờ thấy cụ ngồi gần cửa sổ ung dung đọc cuốn sách chữ nho. Những khi ấy, có khi cụ buông sách xuống đùi nhìn tôi mỉm cười đồng lõa, rồi đọc tiếp. Cụ sống bên tôi bình thường như một người thân trong gia đình.

Không những ông cụ có phép tàng hình mà chính tôi tự nhiên có hai đời sống song song. Với mẹ tôi, tôi ốm liệt giường, da bọc xương, trong khi sự thật tôi vẫn đứng ngồi thong thả. Tôi vẫn đọc truyện Sách Hồng và chơi bi quanh quẩn bên cụ. Một hôm sau khi thăm tôi, ông đốc S. dừng lại cửa phòng thấp giọng xuống nói với ba mẹ tôi mấy câu, có lẽ về bệnh tình của tôi. Tiễn ông xong, mẹ tôi trở lại bên giường. "Con muốn mua đồ chơi gì, mẹ mua cho con," mẹ tôi hỏi. Nét mặt bà vô cùng dịu hiền nhưng rất buồn, nước mắt chạy quanh. Tôi bảo tôi thèm chơi chiếc tầu bay bằng gỗ diêm chạy bằng chong chóng lắp dây cót cao su. Ước mong của tôi được mẹ tôi thi hành tức thì, tuy món đồ chơi khá đắt tiền ngày thường chắc tôi không được chiều như vậy.

Hôm ấy, đưa tôi chiếc tàu bay mới mua, mẹ tôi nói "Để bao giờ khỏi bệnh, con chơi." Tôi không đợi đến khỏi bệnh. Quay chong chóng mấy vòng để lên giây cót, tôi thả cho tàu bay bay. Chiếc tàu bay bay khoảng hai thước tây rồi rơi suống sàn gỗ. Mẹ tôi nhặt chiếc tàu bay trả lại cho tôi, tôi lại quay chong chóng lên giây cót rồi lại thả cho tàu bay, cứ thế cho đến lần cuối cùng chiếc tàu lọt qua cửa sổ và bay ra ngoài. Tôi biết nó sẽ rơi xuống mái nhà hàng xóm bên cạnh sân thượng, và như vậy kể như là mất luôn. Tôi chống mình lên toan đứng dậy chạy ra cửa sổ, nhưng cố gắng phi thường sau hai tuần ăn cháo lỏng làm tôi hoa mắt, và hình ảnh cuối cùng tôi ghi nhận là nét mặt hốt hoảng của mẹ tôi. Những sinh hoạt bận rộn của mẹ tôi sau đó, tôi không hề hay biết. Tôi chỉ biết khi tôi tỉnh dậy thì trời đã tối, ba tôi có mặt bên giường, căn phòng bừa bộn với bếp còn đang cháy, bịch hột cải mới hấp bốc mùi thơm hăng hăng, và ông đốc S. đang đặt ống chích xuống chiếc bàn con đầu giường.

Mọi người không ai hay biết là ông cụ đã lách ra giữa hai song cửa để thu hồi chiếc tàu bay cho tôi, và đã chơi với tôi như mẹ tôi đã chơi với tôi lúc đầu. Chỉ khác là với cụ, chiếc tàu bay bay rất xa, rất cao, và mặc dầu

chỉ là món đồ chơi bằng gỗ diêm mảnh dẻ, cả cụ và tôi vẫn có thể cỡi lên và bay lên không trung. Chúng tôi đã bay sang câu lạc bộ Kiến Hương bên kia đường, và đỗ xuống sân quần vợt của hội để coi mấy người Pháp đánh ban.

Thật ra có lúc chúng tôi không cần chiếc tàu bay gỗ diêm mà vẫn bay được. Về sau, chán chơi tàu bay, ông cụ dạy tôi cách nhảy từ sân thượng xuống khoảng không, để cất cánh bay đi...

"Con biết bay mẹ ạ, ông cụ dạy con..." tôi thều thào nói trong tư thế nhọc mệt suy nhược thường lệ của bệnh nhân ốm thương hàn. Ba tôi cau mày, ông đốc S. như trấn an, như thương hại, đưa tay vỗ nhẹ vai ba tôi. Ông khẽ nói, "Không sao, không sao đâu, anh ạ, thương hàn là như vậy..."... Tôi không quên được nét mặt mẹ tôi lúc ấy. Sợ hãi, nước mắt đầm đìa, nhưng vẫn gắng ôn tồn bà nói, "Mẹ biết, mẹ biết con mẹ giỏi lắm..." Rồi bà lại nói, "Con ngủ đi cho khỏi mệt, mai mẹ mua chiếc tàu bay khác cho con..." Tôi ngạc nhiên là mẹ tôi không thấy chiếc tàu bay đã được thu hồi đặt ngay bên cạnh bịch hạt cải của mẹ tôi trên mặt bàn con đầu giường...

Sang đến tuần thứ ba, ba tôi vào phòng bệnh thăm con hàng ngày. Ông vẫn không dự phần vào việc điều dưỡng, lãnh vực của mẹ tôi, nhưng nét mặt ông đăm chiêu hơn. Ông đốc S. tới thăm tôi thường hơn, và lần nào ông cũng vỗ vai ba tôi và nói "Không sao, không sao đâu..." Riêng tôi, tôi chỉ suy nhược trong thế giới của ba mẹ tôi và ông đốc S. Còn cuộc sống của tôi với ông cụ vẫn vui vẻ, trong sáng vô tư, và sinh động. Và trong cuộc sống ấy, tôi còn gặp thêm một người đàn bà rất đẹp nữa. Khác với ông cụ, ngay từ đầu tôi biết người đàn bà này là ma.

Ma hiện ra vào khoảng gần sáng lúc cơn sốt của tôi vừa hạ. Đêm ấy có lẽ quá mệt mỏi vì săn sóc tôi, mẹ tôi đã ngủ say khi tôi tỉnh giấc. Con ma bắt đầu như một gói nhỏ từ bần thờ rơi xuống đất, lớn dần thành người đàn bà cỡ mẹ tôi, ăn mặc rất đẹp theo kiểu tôi chưa từng thấy trong cảnh sống tỉnh thành. Ma đánh phấn rất trắng, mắt sắc như dao cau, mày mảnh và cong như vừng trăng lưỡi liềm, đầu vấn khăn nhung tóc thả đuôi gà... Mãi gần đây coi tuồng Quan Âm Thị Kính trong Văn Miếu nhân chuyến thăm Hà Nội, thấy vai nữ Thị Mầu, tôi mới biết ma ăn vận theo lối ca kỹ của chèo cổ Bắc Việt. Ma không bước đi như người ta, mà lướt tới như một hình bóng trên chiếc đèn kéo quân. Rồi ma áp mặt vào màn. Như vậy một lúc khá lâu, cho đến khi tôi vươn tay với bắt thì ma biến mất...

Sau đó thì tôi bắt đầu phục hồi. Nhưng cả tuần sau và cho đến bây giờ, tôi vẫn đinh ninh nhớ ma hiện trở lại, và tôi đã theo ma ra sân thượng để hái nho nơi giàn nho mọc từ hông nhà mọc lên... Giàn nho xum xuê, quả sai nhưng nhỏ và chua không ai muốn ăn, chỉ trừ những con chim lạ

đầu có bờm như mũ chào mào đội ngang, ban đêm mắt sáng xanh như mắt mèo và tiếng kêu the thé... Và tôi gặp lại người đàn bà ăn mặc giống Thị Màu đuổi mấy con chim lạ để giúp tôi hái nho... Tất nhiên là chuyện phi lý, vì giàn nho ấy mọc ở một nơi khác, trên hiên ngôi nhà ba tôi xây ở làng quê cách tỉnh gần trăm cây số, mà chỉ nghỉ hè hay lễ lạc chúng tôi mới về chơi...Chỉ có điều hôm sau tôi thức dậy, có mấy quả nho đặt trên chiếc bàn con đầu giường...

*

Hôm làm luận, tôi cao hứng kể lại một phần những chuyện ấy... Tôi không nhớ nguyên văn bài luận tôi viết vụng về đến đâu, và trong khoảng một trang, tôi chọn chuyện gì, bỏ chuyện gì. Tôi chỉ nhớ tôi kết luận "thích nhất là những hôm Cụ về đọc sách hay dậy em bay". Bài luận được hai điểm trên mười. Câu kết của tôi bị thày xoá ngang và hạ bút phê "Lạc đề" bằng mực đỏ. Tôi không buồn, chỉ vững tin hơn cái chân lý đã biết, là có nhiều chuyện không nói với người lớn được.

Gần đây tôi có dịp về thăm lại làng cũ tại quốc nội, cảnh vật đã hoàn toàn thay đổi. Dân làng đã chạy một con đường gạch xuyên qua cơ ngơi của cha tôi. Ngôi nhà đã bị san bằng chỉ còn mấy móng nhà, có lẽ tại quá nhiều xi-măng nên không bõ công đào lên lấy gạch vụn. Tôi nghĩ đến giàn nho quả sai nhưng nhỏ và chua, dây nho to như cổ tay và sần sùi mọc theo mấy cột lớn để trổ lá xum xuê trên mái hiên cao.. Và tôi nghĩ đến những con chim đêm đầu bờm mắt xanh lè từ những nơi bí mật nào tối tối về ăn những quả nho chua, như những người bạn huyền bí của một thế giới huyền bí mà tuổi thơ hồi ấy cho phép tôi ra vào như một thế giới hiện thực. Tất cả đã biến mất, và trước mặt tôi chỉ còn ba ngôi nhà nhỏ xấu xí và vuông như ba hộp diêm, nghe nói xây bằng gạch gỗ từ ngôi nhà lớn để thưởng công cho những anh hùng cách mạng của làng. Tất nhiên là tôi không có cơ hội về tìm lại căn gác xép của ngôi nhà trên phố, nơi hư thực lẫn lộn trong phép màu của tuổi thơ hay trong cơn sốt như thiêu như đốt của trận ốm thương hàn. Tinh lỵ ấy đã bình địa vì tiêu thổ kháng chiến ngay từ tiếng súng đầu tiên của chiến tranh Việt Pháp...

Nhiều năm qua, tôi cho tất cả chỉ là chuyện mê sảng của con nít bị ốm thương hàn. Còn ông cụ bí mật thường ngày sinh hoạt trong phòng bệnh của tôi, chẳng qua là cái khao khát của trẻ thơ không được sống những kinh nghiệm sống với một ông nội chiều cháu mà anh chị tôi kể lại...

Nhưng có nhiều sự kiện dù dùng tâm lý học cũng không cắt nghĩa nổi. Là người đàn bà có hình dáng từ dung nhan đến trang điểm giống hệt Thị Màu một đêm sốt thương hàn thập tử nhất sinh năm xưa dẫn tôi hái nho trên giàn nho dại tại thôn trang nơi làng quê xa cách cả trăm cây số

của cha tôi, giống đến nỗi khi gặp lại Thị Mầu tại Văn miếu quốc nội gần đây, tôi bàng hoàng nhận ra ngay cố nhân. Phải chăng Thị Màu năm xưa là hồn ma của một người ca kỹ có liên hệ mật thiết và đau thương với đàn ông, trong đó có ông kiểm lâm phóng túng chủ nhà cũ...Hay với chính tôi trong một kiếp trước và một cảnh sống phóng túng trước trong giới cầm ca?

Tôi tiếc thấm thía là đã không 'sành đời' hơn để tận dụng phép màu nhiệm của tuổi thơ hồi đó, khi mọi chuyện chưa bị mai một vì thời gian và còn rõ ràng hơn... Tôi cũng tiếc là bây giờ không có thì giờ cũng như không có tay nghề để vớt vát được những gì còn nhớ để viết lại được cái thật của những chuyện rất huyễn mà chỉ tuổi thơ mới thấy được...

Thật ra tôi định viết một hai lần những kinh nghiệm ấy, nhưng sợ mang tiếng mê tín dị đoan, nên lại thôi. Bây giờ sắp về hưu, tôi mới vững lòng tin vào sự hiện hữu của những hiện thực khác với cái hiện thực thường ngày, vô cùng huyền bí mà vẫn rất hiện thực... Như kinh Phật dạy, tôi nghĩ loài người bị giới hạn bởi năm giác quan nên khi tiếp thu thế giới bên ngoài chỉ thoải mái với cái hiện thực của năm giác quan ấy. Tựa như loài cá, dù có phát triển đến đâu, dù có trở thành người, nếu vẫn ở trong môi trường của nước, cá cũng sẽ không thể nào tưởng tượng nổi cái hiện thực của lửa, một thực thể không thể có dưới thủy cung.

Có lẽ chỉ nhờ tuổi thơ chưa mất hẳn những khả năng cảm nhận **ngoài tầm** của ngũ quan, chưa quên hẳn kinh nghiệm sống của những kiếp trước, và trong cơn sốt thập tử nhất sinh của trận ốm thương hàn tôi đã loáng thoáng thấy được những diện mới lạ của cả thế giới bên ngoài hay trong nội tâm, thoát ly được những bó buộc của không gian lẫn thời gian... Về sau đọc văn học của người Nam Mỹ, nhất là của Gabriel Garcia Marquez, tôi thấy họ cũng rất gần những hiện thực gọi là huyền ảo này. Những nghệ sĩ này có lẽ có nhờ mang trong máu cái hoang sơ nguyên thủy của người da đỏ nên có khả năng bắt được những thực thể siêu ngũ quan một cách bén nhậy hơn chúng ta. Nhờ đó họ bắt được những diện mới lạ của đời sống, và phát huy những khám phá đặc thù ấy trong tác phẩm của họ... Còn tôi, sản phẩm của một quá trình trưởng thành và học vấn trong tư duy xây dựng trên kinh nghiệm sống rút từ ngũ quan, tôi đã đánh mất những khả năng nguyên thủy của bản thân...

*

Đọc lại những gì vừa viết về kinh nghiệm của anh bạn không viết văn, tôi chợt thấy rất gần gũi với cái nhìn của anh về con người và đời sống. Quá gần gũi, nhiều lúc kể lại chuyện anh, tôi có cảm tưởng như ngôi thứ nhất tôi dành cho anh, một phần nào chính là cái ngôi thứ nhất

sắc không
HUỲNH LIỄU NGẠN

từ xa xôi mấy hướng trời
hoang vu ngóng dợi nỗi đời tan theo
em đi bóng mộng lưng đèo
bỏ tôi với tháng năm vèo theo năm
chiều hôm con nước dã rầm
mà khuya cũng vội dành lòng với tôi.

biết đi lạc giữa cuộc đời
sắc không chỉ một nét cười phiêu linh.

của tôi. Tôi nghĩ đến một tác phẩm Pháp được đọc hồi trung học, cuốn *Le Livre de Mon Ami* của Anatole France, trong đó cậu bé cắp sách lững thững băng qua vườn Luxembourg để đến trường khi lá vàng lác đác rơi trên vai những pho tượng trắng, chính là tác giả của một tuổi thơ không còn nữa...

Trở về đề tài văn học. Một lần nữa xin nhắc lại một định đề hiển nhiên, là *tiểu thuyết là câu chuyện của con người, của đời sống*. Mà đời sống thật ra xúc tích hơn đời sống ta thường tiếp thu bằng ngũ quan của chúng ta. Nếu tiểu thuyết chỉ giới hạn trong đời sống ấy, thì sự mất mát cho nghệ thuật quá nhiều.

Tuy nhiên tôi nghĩ sự mất mát có thể cứu rỗi được. Có lẽ giải pháp là trở về với cái tâm căn bản, tự giải phóng khỏi cái tương đối của ngũ quan.

Nghĩ cho cùng, kinh nghiệm sống từ ngũ quan đem lại không gì mới lạ so với cái hiểu biết sẵn có trong tâm của mỗi chúng ta. Đức Phật không sống một giờ trong phòng thí nghiệm, chỉ nhờ chiếu quán cái tâm cũng suy ra được những chân lý mà khoa học thực nghiệm sau bao thế kỷ mới rị mọ khám phá ra được một phần. Tôi nghĩ cũng như khoa học, những **khám phá** lớn lao về nhân văn cũng có sẵn trong **tâm** chúng ta, và một nền văn học nghệ thuật đẹp chưa từng thấy, sẵn có trong cái tâm ấy, sẽ được khám phá nếu chúng ta biết chiếu quán nó...❐

thụy khuê

Tên thật là Vũ thị Tuệ
Ngày sinh (trên giấy khai sinh): 27.2.1944
Ngày sinh thật: (ngày ta) 9 tháng 8, giờ Thân, năm Giáp Thận.
tại làng Doanh Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
Sang Pháp du học từ 1962, và ở lại Pháp cho đến bây giờ.
Viết tiểu luận văn học từ 1985, đăng trên các báo Tự Do (Phần lan), Văn Học (Mỹ), Thông Luận (Pháp), Thế Kỷ 21, Người Việt (Mỹ), Diễn Đàn (Pháp), Hợp Lưu (Mỹ), Phụ Nữ Diễn Đàn (Mỹ). Hiện cũng đang cộng tác với Đài Phát thanh RFI (Radio France International)
Đã xuất bản: *Cấu trúc thơ* (Văn Nghệ, 1995)

Trả lời phỏng vấn

Tại sao viết? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?

Đây là những câu hỏi, hướng về bản chất của người cầm bút, khi đọc những câu trả lời trên Văn Học trong năm qua, người đọc lại thấy rõ tình hình người viết rất nhiều. Do đó, chúng thật sự là những câu hỏi dẫn đến nội tâm của văn chương, mà những báo chí văn học như Bách Khoa ngày trước đã có lần đặt ra cho người viết và những nhà phê bình nổi tiếng của thế kỷ này như J. P. Sartre hay Roland Barthes đều đã phân tích rạch ròi. Trong *Lược Khảo Văn Học*, tập I, do Nam Sơn xuất bản năm 1963, Nguyễn Văn Trung cũng đã lược thâu những quan điểm triết học và phê bình văn học để mổ xẻ, đào rộng vấn đề, và áp dụng vào văn học Việt Nam. Ở đây, tôi xin đưa ra vài lời bàn phiếm về những câu hỏi này.

Tại sao viết? nhắc nhở tôi đến một chương trình truyền hình, phỏng

vấn Chagall cách đây đã lâu. Để trả lời câu hỏi: Tại sao ông vẽ như thế này? Tại sao có mầu hồng ở đây? Tại sao có chấm tím ở chỗ kia? Chagall hiền hòa cười: Tôi không biết. Tôi cần phải làm thế, tôi cần phải để mầu hồng chỗ ấy, mầu tím chỗ kia ... (j'ai besoin ..., j'ai besoin ...). Hai con mắt nai của Chagall mở rộng vào khoảng không gian trước mặt, mở vào vùng thơ chưa tỏ, mực chưa nhòe, nhưng dư âm của hai chữ j'ai besoin ... ám ảnh người nghe, người nhìn, như một động lực vô hình không biết đến từ đâu, nhưng vô cùng mạnh mẽ và xúc động. Vừa siêu hình, vừa có thực.

Cái động lực ấy, Lâm Ngữ Đường gọi là "con trùng" - Tôi bị "con trùng" nó đục, mỗi lần bị con trùng nó đục thì người ta viết, cũng như ... "thông dâm là một loại trùng ở trong bụng, nó bắt người ta phải thỏa mãn tính dục". Tóm lại, theo Lâm Ngữ Đường thì nghệ thuật là một du hí phát biểu cá tính của ta. Và cũng không thể giải thích bằng lý do này hay lý do khác, vì không có lý do. Các cụ gọi là thể hứng. Tiếng Pháp có chữ pulsion, như là pulsion sexuelle, và ở chỗ cái tôi đang ngồi viết đây cũng là có cái "besoin", cái nhu cầu phải viết. Và nhu cầu ấy cũng lại phát xuất từ chính cơ thể của cái tôi.

Vậy viết, vẽ hay yêu cũng giống như các động tác khác của cơ thể như ăn, như ngủ, là do nhu cầu nội tại của cơ thể thúc đẩy con người.

Tất cả những "thứ" ấy không có lý do. Và do đó khi đưa những lý do tôi viết vì thế này, tôi yêu vì thế kia là tôi nói vội, chưa suy nghĩ kỹ, hoặc tôi chỉ trả lời phần ngoại giới, chưa đi đến phần nội tâm của câu hỏi.

Bây giờ *Viết như thế nào?* Trả lời câu hỏi này cũng không đơn giản. Trả lời câu hỏi này tức là trả lời câu hỏi về bút pháp, về quan niệm thẩm mỹ học của từng người. Tôi nghĩ, mỗi người có một cách viết khác nhau và chính cách viết ấy tạo nên bút pháp, biểu hiện con người nhà văn. Nhất Linh, trong *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* có chỉ cách cho nhà văn viết tiểu thuyết. Và cách này bị Nguyễn Văn Trung cho là độc tài. Có thể Nhất Linh và Nguyễn Văn Trung nói hai điều khác nhau: Nhất Linh nói về kỹ thuật. Nguyễn Văn Trung muốn bàn đến tư tưởng, đến quan niệm thẩm mỹ. Do đó, chỉ riêng về mặt kỹ thuật và quan niệm, đã có những chỗ bất đồng rồi. Cũng như khi nói đến Trường viết văn Nguyễn Du, thì có người mỉm cười, ngoại quốc không ai có trường viết văn cả! Thế nhưng ở nước ta lại khác. Hình như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lê Lựu, Dương Thu Hương ... đều có học qua trường viết văn cả.

Vậy khi đặt vấn đề *Viết như thế nào?* tức là đặt vấn đề phong cách con người phải như thế nào? Trong các môi trường bị hạn chế, phong cách giáo khoa, giáo dục văn chương được đẩy mạnh. Nhưng không vì

thế mà con người không phá giới. Ngược lại, ở những môi trường tự do hoàn toàn, không bị hạn chế, không có sự giáo dục phong cách, thì người cầm bút đôi khi lại không biết đi theo con đường nào? Đôi khi lại tự rào thêm vòng tròn cho ấm cúng, cho đỡ lạc.

Vậy quả là rất khó khăn, khi phải tìm đường trong sự tự do. Tóm lại, tự do vừa là một lợi khí, vừa là một cản trở cho những người cầm bút chưa có đủ bản lĩnh để tự tìm kiếm. Và sự kiềm chế đôi khi lại có thể là mảnh đất dụng võ cho những cao thủ thâm sâu nội lực, rèn dũa và đẽo gọt phần tuyệt hảo của chính mình, để tung ra những chưởng vô cùng ngoạn mục.

Viết cho ai đọc?

Thuở nhỏ và vị thành niên, người ta viết nhật ký, rồi viết lưu bút ngày xanh. Lớn hơn nữa, người ta làm đặc san Trưng Vương, Chu Văn An, Gia Long, Nguyễn Bá Tòng, Hồ Ngọc Cẩn ... Nhưng theo cụ Phan Khôi, thì ta chẳng có cái gì gọi là "nhật ký văn học" theo đúng nghĩa của nó cả. Cụ tìm từ cổ đến giờ, Tây, Tàu, Nhật đều có nhật ký, nhưng ta thì không. Bởi vì người mình không có tính nhẫn nại, viết được ít lâu rồi bỏ. Trừ loại bút ký thì có nhiều. Và cụ Phan Khôi kết luận là người mình "kém văn hóa".

Do vậy mà biết rằng, ngay cả cái loại sách "viết cho mình đọc không thôi" mình đã không bằng người khác rồi, còn nói chi đến việc viết cho ai đọc? Bàn xa quá, nhưng cứ tạm bàn vậy.

Thật ra thì viết cho ai đọc cũng thế: Khi viết nhật ký - tất nhiên là viết chỉ cho riêng mình đọc - và ngay trong việc viết cho mình- mà tìm ra được những điều bổ ích, thì cũng đáng được in: Đó là loại sách "nhật ký văn học" mà cụ Phan Khôi nói ở trên.

Vậy chủ đích viết cho ai đọc? không phải là vấn đề, mà đôi khi trái lại: Khi cố tình viết cho nhiều người đọc, nhưng nội dung lại không mang được điều gì bổ ích cho ai, thì rồi sách cũng sẽ chết yểu. Les mots của Sartre có thể là cuốn "hồi ký tuổi thơ", nhưng thật ra đấy là cuốn sách tra hỏi về căn nguyên ngôn ngữ của con người, phát sinh từ môi trường tạo tác. Cho nên "lưu bút ngày xanh", nếu đạt tới một tầm mức nào đó, thì cũng có thể trở thành một kiệt tác văn chương.

Sách không chọn người đọc. Sách đến với người đọc như những hẹn hò không định trước, vượt qua không gian và thời gian. Vì thế mà chúng là những cuộc phiêu lưu đầy bất ngờ và đầy lý thú.❐

Nhất Linh

Thụy Khuê

Trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX, Nhất Linh là một trong những khuôn mặt tiên phong trên bước đường xây dựng một nền văn hóa hiện đại. Hàng đầu về ảnh hưởng những tác phẩm của ông, của Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn, trong việc cải tiến xã hội Việt Nam. Hàng đầu trong phương pháp xây dựng kỹ thuật tiểu thuyết. Có thể nói: Trước Nhất Linh, tiểu thuyết Việt Nam chưa thành hình. Sau Nhất Linh và Khái Hưng, Việt Nam có những tiểu thuyết xứng đáng góp mặt với văn học thế giới.

Nhưng sự nghiệp văn học của Nhất Linh cho đến nay dường như vẫn chưa được biết đến toàn diện: Miền Bắc khai trừ Nhất Linh vì lý do chính trị, miền Nam không để ý đến sự hiện diện văn học của Nhất Linh sau 54. Hôm nay, chúng tôi cố gắng vẽ lại hành trình văn học và chính trị của Nhất Linh, và giới thiệu những tác phẩm quan trọng xuất hiện sau 54, chưa được dư luận văn học quan tâm đúng mức.

Nhất Linh, tên thật là Nguyễn Tường Tam (1), sinh ngày 25 tháng 7 năm 1906, tại huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, trong một gia đình sáu trai, một gái.. Trừ người anh cả Nguyễn Tường Thụy, là công chức không dính líu đến văn nghệ và chính trị, từ người anh thứ hai Nguyễn Tường Cẩm, mất tích ở gần Hà Nội, đến Nhất Linh -Nguyễn Tường Tam, Tứ Ly Hoàng Đạo -Nguyễn Tường Long, Nguyễn Thị Thế, Thạch Lam -Nguyễn Tường Lân và bác sĩ Nguyễn Tường Bách, đều là những người tham dự vào văn chương. Nguyễn Thị Thế và Nguyễn Tường Bách viết hồi ký về gia đình Nguyễn Tường; và năm anh em Nhất Linh có những đóng góp tích cực trong việc quản trị các cơ sở báo chí và nhà in của Tự Lực Văn Đoàn.

Thích văn chương từ nhỏ, năm 16 tuổi Nhất Linh đã có thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn, và năm 18 tuổi, có bài Bình Luận Văn Chương Về Truyện Kiều, đăng trong Nam Phong Tạp Chí.

Cuối năm 1923 đậu bằng Cao Tiểu. Nhưng vì chưa đến tuổi vào trường cao đẳng, nên làm thư ký sở tài chính Hà Nội. Ông viết Nho Phong, và kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Lấy vợ và theo ban cao đẳng. Lúc đầu, năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ.

1926, Nguyễn Tường Tam vào Nam, gặp Trần Huy Liệu, Vũ Đình Di

định cùng làm báo. Nhưng vì tham dự đám ma Phan Chu Trinh, hai người này bị bắt, Nguyễn Tường Tam phải trốn sang Cao Mên, sống bằng nghề vẽ và tìm đường đi du học.

1927 du học Pháp. Đậu cử nhân khoa học. Ở Pháp ông nghiên cứu về nghề báo và nghề xuất bản.

1930 trở về nước. Nhất Linh cùng hai em là Hoàng Đạo và Thạch Lam xin ra tờ báo trào phúng Tiếng Cười, nhưng thiếu tiền, chưa ra được báo thì giấy phép quá hạn, bị rút.

Trong 2 năm, 30 đến 32, Nguyễn Tường Tam dạy tư ở các trường Thăng Long và Gia Long. Ở đây ông quen với Trần Khánh Giư -Khái Hưng. Sẵn có tờ Phong Hóa của giáo sư Phạm Hữu Ninh vừa đình bản, Nhất Linh mua lại và tục bản tờ Phong Hóa.

Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 1932, báo Phong Hóa ra 8 trang lớn, chú trọng về văn chương và trào phúng, tạo ra ba nhân vật điển hình: Xã Xệ, Lý Toét và Bang Bạnh.

Tự Lực Văn Đoàn được thành lập năm 1933 với 7 người: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí và Thế Lữ. Về vai trò lãnh đạo của Nhất Linh, Tú Mỡ kể lại:

"Anh Tam thuê một cái nhà nhỏ ở ấp Thái Hà để mấy anh em làm việc. Tôi đi làm thì chớ, về đến đấy bàn bạc về cái tôn chỉ của nhà báo và soạn bài vở dự bị cho đủ in trong sáu tháng. Anh Tam vừa viết, vừa vẽ. Anh đặt ra mục này, mục nọ, giao cho mọi người. Anh có lối làm việc rất khoa học. Anh đã giao cho ai việc gì thì chỉ có chuyên việc ấy. Nhiều lúc tôi muốn viết những bài thuộc về loại khác, anh khuyên chỉ nên chuyên về một lối. Có lẽ là một điều rất hay cho chúng ta. Tôi có thể nói, anh Tam là người đã tạo ra Tú Mỡ vậy.(2)"

Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa vì Hoàng Đạo viết bài châm biếm Hoàng Trọng Phu.

Tờ Ngày Nay, trước đã ra kèm với Phong Hóa, nay tiếp tục và kế tiếp Phong Hóa. Tháng 12 năm 1936, trên báo Ngày Nay, Nhất Linh phát động phong trào Ánh Sáng cùng nhóm Tự Lực, chống lại các nhà ổ chuột ở các khu lao động.

Năm 1939 Nguyễn Tường Tam lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Hoạt động chống Pháp của nhóm Tự Lực trở thành công khai.

Năm 1940, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, bị đầy lên Sơn La, đến năm 1943 mới được thả. Trong thời gian này, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay.

Cuối năm 1941, Ngày Nay bị đóng cửa.

1942 Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội vì bệnh lao.

Nguyễn Tường Tam sang Quảng Châu, Liễu Châu, gặp Nguyễn Hải Thần và Hồ Chí Minh mới ở tù ra. Nguyễn Tường Tam cũng bị giam mất 4 tháng. Trong thời gian từ 42 đến 44, ông học Anh văn và Hán văn, hoạt động trong Cách Mạng Đồng Minh Hội, rồi về Côn Minh hoạt động trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sự tranh chấp, bắt bớ và thủ tiêu giữa hai đảng Việt Minh và Việt Quốc càng ngày càng gia tăng. Giữa năm 1945, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Giang với quân đội, nhưng rồi lại quay lại Côn Minh và đi Trùng Khánh. Có thể giai đoạn này đã được phản ánh trong Giòng Sông Thanh Thủy.

Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, báo Ngày Nay lại tục bản, khổ nhỏ, ngày 5 tháng 3 năm 1945 và trở thành cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng, với Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách.

Biến cố 19 tháng 8 năm 1945 bùng nổ. Việt Minh lên nắm chính quyền. Ngày Nay bị đóng cửa và phân tán.

Sau chiến tranh Việt Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1946, Khái Hưng rời bỏ Hà Nội, tản cư về quê vợ ở Nam Định. Tại đây, ông bị công an Việt Minh bắt. Ông bị thủ tiêu vào năm 1947.

Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách sang Trung Quốc. Hoàng Đạo mất ở Quảng Châu tháng 8 năm 1948.

Thời điểm năm 1946, Việt Minh và Quốc Gia chủ trương hòa hoãn và hợp tác. Đầu tháng 6 năm 1946, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Nội. Hợp tác với chính phủ liên hiệp kháng chiến, giữ ghế bộ trưởng ngoại giao, cầm đầu phái đoàn Việt Nam dự hội nghị trù bị Đà Lạt. Ông được cử làm trưởng phái đoàn đi dự hội nghị Fontainebleau, nhưng ông từ chối và bỏ sang Tầu, gặp cựu hoàng Bảo Đại, và ông ở lại Trung Quốc 4 năm.

Năm 1951, ông trở về Hà Nội và tuyên bố không thuộc đảng phái nào, không hoạt động chính trị.

Vài tháng sau, vào Nam, mở nhà xuất bản Phượng Giang, tái bản những sách của Tự Lực Văn Đoàn.

Năm 1953 lên Đà Lạt ở ẩn, sống với hoa lan ven suối Đa Mê.

1958 rời Đà Lạt về Sàigòn, chủ trương tờ Văn Hóa Ngày Nay, phát hành được 11 số thì bị đình bản.

Dính líu đến vụ đảo chính ngày 11 tháng 11 năm 1960, ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm gọi ra xử ngày mùng 8 tháng 7 năm 1963. Nhất Linh uống thuốc độc tự tử ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963.

Trong 40 năm hoạt động văn học và chính trị, Nhất Linh đã hoàn thành trên 20 tác phẩm, và những sách sau đây đã được xuất bản:

Nho phong, viết năm 1924
Người quay tơ, 1926
Anh phải sống, viết chung với Khái Hưng 1932-1933
Gánh hành hoa, viết chung với Khái Hưng 1934
Đời mưa gió, viết chung với Khái Hưng 1934
Nắng thu, 1934
Đoạn tuyệt, 1934-1935
Đi Tây, 1935
Lạnh lùng, 1935-1936
Hai buổi chiều vàng, 1934-1937
Thế rồi một buổi chiều, 1934-1937
Đôi bạn, 1936-1937
Bướm trắng, 1938-1939
Xóm Cầu Mới, 1949-1957
Viết và đọc tiểu thuyết, 1952-1961
Giòng sông Thanh Thủy, (3) 1960-1961

Trừ hai tác phẩm đầu, Nho Phong và Người Quay Tơ, là những tác phẩm dò đường, Nhất Linh còn viết theo lối cũ. Sự nghiệp văn học của Nhất Linh có thể chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn đầu từ 1932 đến 1936 với các tác phẩm chủ yếu mang nhiều tính cách luận đề: Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng. Và giai đoạn sau, từ Đôi Bạn, Bướm Trắng đến Xóm Cầu Mới, Dòng Sông Thanh Thủy Nhất Linh đã ra khỏi giới hạn luận đề để viết về con người và viết cho nghệ thuật.

Ở Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng Nhất Linh vẽ nên cảnh xung đột trực tiếp giữa lối sống cũ và mới. Để bênh vực người phụ nữ, Nhất Linh đã không ngần ngại đẩy đưa hoàn cảnh đến những mức độ cực đoan nhất, và lấy phần quyết thắng về phe Loan, người phụ nữ tân thời, tranh đấu cho quyền làm người trong xã hội Khổng Mạnh.

Ở Đôi Bạn, Nhất Linh đi xa hơn. Ông không đựa trên tình tiết, không dựa trên cốt truyện để xây dựng tiểu thuyết nữa. Nhất Linh đi sâu vào địa hạt phân tích nội tâm, xây dựng nghệ thuật trên sự tinh vi của nhận thức, với cảm giác, xúc giác, khứu giác được hình thành như tác nhân chủ yếu trong cơ lực của con người, giao hoa giữa nội tâm và ngoại giới. Ở đây, Nhất Linh đã cho người đọc thưởng lãm những mùi hương, những say sưa của hạnh phúc, của ánh nắng chiều, của mùi thời gian thoáng nhạt. Dũng với Loan trong Đôi Bạn đã khác xa Dũng với Loan trong Đoạn Tuyệt. Dũng Loan trong Đôi Bạn "cao" hơn, giúp ta nhớ lại, duyệt lại, học lại

những cảm giác đã mất, đi vào những thời gian và không gian liên tưởng, và cho chúng ta những rung động mới, những ấn tượng mới.

Với Bướm Trắng, Nhất Linh đi sâu vào khía cạnh triết lý. Trương, trong Bướm Trắng, biết mình bị lao, chỉ còn sống được có một năm, bập bềnh giữa sự sống và cái chết. Qua Trương, Nhất Linh phân tâm con người trước cái chết. Bằng một lối nhìn trầm lặng, ngọn bút Nhất Linh bình thản đi vào các cửa ngõ nội tâm, biến dạng và bối rối của Trương, không phải để tìm kiếm một lối thoát cho Trương, mà để cùng nhập cuộc phiêu lưu không định hướng của dòng đời.

Có một nghịch lý là đối với phần đông độc giả, dường như tên tuổi Nhất Linh chỉ gắn liền với các tác phẩm luận đề như Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, ... Khi Nhất Linh từ bỏ tiểu thuyết luận đề, đấu tranh xã hội để bước vào tiểu thuyết nghệ thuật và tư tưởng, thì Đôi Bạn, Bướm Trắng đã ít người đọc hơn. Sau 54, Nhất Linh cho ra đời những tác phẩm không kém phần quan trọng, nhưng ít được dư luận biết đến, hoặc nếu đề cập, cũng không được đánh giá đúng mức, đó là tập tiểu luận Viết Và Đọc Tiểu Thuyết và hai cuốn trường giang tiểu thuyết Dòng Sông Thanh Thủy và Xóm Cầu Mới (4).

Viết Và Đọc Tiểu Thuyết (5) là cuốn tiểu luận biên khảo, viết trong khoảng 8 năm, từ 1952 đến 1960. Vỏn vẹn trong 100 trang sách, Nhất Linh đã gom góp và cô đọng kinh nghiệm viết của mình trong suốt đời cầm bút. Có thể nói đây là cuốn cẩm nang để xây dựng nghệ thuật tiểu thuyết. Chính trong cuốn tiểu luận cơ bản này, Nhất Linh đã trình bày những cái mà ông gọi là "lầm lỗi" của mình, trong những tác phẩm trước của ông, với mục đích chỉ dẫn người viết tránh khỏi lỗi lầm đó. Nhất Linh nêu ra 7 lầm lỗi của mình:

- Lầm lỗi thứ nhất là lúc mới viết sách, tôi chỉ chú ý đến ý thích riêng của mình. Tôi thích viết những chuyện về đời riêng của tôi, mà tôi thấy rất lý thú. Tức là đứng vào địa vị chủ quan mà nhận xét.
- Lầm lỗi thứ hai là thích những câu văn vẻ.
- Lầm lỗi thứ ba là đã viết những truyện quyến rũ người đọc.
- Lầm lỗi thứ tư là để cái ý định dùng tiểu thuyết làm một việc gì (tức là tiểu thuyết luận đề) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay.
- Lầm lỗi thứ năm là viết văn một cách cầu kỳ.
- Lầm lỗi thứ sáu là cho tiểu thuyết gia là người nghĩ cách giải quyết một vấn đề.
- Lầm lỗi thứ bẩy là viết tiểu thuyết để làm luân lý.

Trong sự phân tách những "lỗi lầm" ấy, Nhất Linh nhận định rằng:

Sự hoan nghênh, nhất là cuốn Đoạn Tuyệt, của những nhà phê bình, đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực. Ở đây, xin mở ngoặc: Trương Chính cho Đoạn Tuyệt là kiệt tác của văn chương Việt Nam. Nhất Linh viết tiếp: Sau 20 năm, giở Đoạn Tuyệt đọc lại, tôi chỉ thấy có một vài đoạn tả mẹ chồng, nàng dâu có đôi chút giá trị. Còn những cái về xung đột mới cũ thì đến nay chẳng còn gì là hay nữa. Độ ấy tôi chỉ coi nhân vật là những quân cờ để đánh một ván bài.

Nhất Linh định nghĩa một cuốn sách hay: "Một cuốn sách hay phải có giá trị trong không gian và thời gian". Và ông đưa ra 7 nguyên tắc thực hiện cái hay trong tiểu thuyết:

- Điều thứ nhất là cuốn tiểu thuyết đó không cần có văn chương.
- Điều thứ hai là những nhân vật đều có vẻ sống và linh động.
- Điều thứ ba là những việc xảy ra đều đúng sự thực.
- Điều thứ tư là tác giả diễn tả bằng chi tiết chứ không bằng lối giảng giải.
- Điều thứ năm, sách hay không phải hay ở cốt truyện.
- Điều thứ sáu là phải sâu sắc: Dưới những cái mà tác giả viết, còn ẩn một thứ gì khác cần phải khám phá.
- Điều thứ bẩy là sự thành thực của tác giả.

Và Nhất Linh đề nghị một định nghĩa hoàn chỉnh về tiểu thuyết như sau: "Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực, cả bề trong lẫn bề ngoài. Diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời." (trang 41, sđd)

Trong hơn 50 trang cuối của cuốn sách, Nhất Linh chỉ dẫn những phương pháp để chọn lựa đề tài, xây dựng các nhân vật, tính tình, hình dáng, cử chỉ, lời nói, các việc xảy ra, tìm chi tiết, ... Nhất Linh đưa ra những nhận xét cụ thể và trả lời những vấn đề đặt ra cho người chưa có kinh nghiệm viết tiểu thuyết, thông qua kinh nghiệm của chính ông, của Thạch Lam trong Xuôi Dòng hay của các tác giả nổi tiếng trên thế giới.

Phần cuối cùng, dành cho người đọc, để trả lời câu hỏi : Đọc sách như thế nào? Cùng với Thạch Lam, Nhất Linh nhắn nhủ:

"Kể riêng về mặt văn hóa, nước mình có một số nhà văn có thể sánh ngang với các nhà văn nước khác, nhưng trình độ độc giả lại thấp kém; các nhà văn Việt Nam không thể sống nổi được nếu cứ cố viết có nghệ thuật cao. Vì sinh kế họ sẽ phải viết theo thị hiếu của độc giả mới có người coi và sách mới bán được.

Nền văn hóa của một nước cao hay thấp không phải ở chính các nhà văn mà chính là ở độc giả.

Riêng tôi, tôi không muốn ngừng lại khi viết những dòng chán nản

này. Hai cuốn Đỏ Đen của Stendhal và Đỉnh Gió Hú không được người đương thời ưa chuộng, nhưng sau cùng hai cuốn đó lại là những cuốn hay nhất trong dăm cuốn hay nhất của nước Pháp và của nước Anh. Chậm tuy có chậm nhưng cũng là kim cương trong bóng tối, lan mọc trong hang, thế nào cũng có ngày ánh sáng long lanh và hương thơm ngào ngạt." (trang 101 - 102, sđd)

Những lời trên đây của Nhất Linh gửi đến độc giả như một chúc thư văn học, và hy vọng rằng, những tác phẩm hay nhất của Nhất Linh như Đôi Bạn, Bướm Trắng, Xóm Cầu Mới sẽ được độc giả tìm đến kịp thời, không quá chậm.

Thanh Thủy là một dòng sông nhỏ, chảy qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, gần Hà Giang. Dòng Sông Thanh Thủy là cuốn tiểu thuyết duy nhất của Nhất Linh viết về chính trị. Dòng Sông Thanh Thủy được viết khá vội vàng, trong thời điểm 60-61. Thời kỳ Nhất Linh đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm truy lùng và bắt bớ. Giá trị nghệ thuật của Dòng Sông Thanh Thủy thua Đôi Bạn, Bướm Trắng và Xóm Cầu Mới. Nhưng Dòng Sông Thanh Thủy có giá trị lịch sử và nhân văn. Đây là câu truyện về giai đoạn kinh hoàng của cách mệnh, hai đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng, gọi tắt là Việt Quốc, và Việt Minh thanh toán nhau trong bắt bớ và thủ tiêu. Thế mèo vồ chuột đã được Nhất Linh mô tả trong Dòng Sông Thanh Thủy một cách lạnh lùng và tường tận. Ngọc, cán bộ Việt Quốc, và Thanh, cán bộ Việt Minh, vừa yêu nhau, vừa tìm cách thủ tiêu nhau trong hành trình cách mệnh, bối cảnh Trung Quốc: Mông Tự, Côn Minh, biên giới Việt - Trung, dòng sông Thanh Thủy. Nhất Linh đã phân tích nội tâm những con người bình thường như Ngọc, như Thanh, như Nam ... một khi đã bị guồng máy "cách mệnh" lôi cuốn đi, họ có thể trở thành những kẻ sát nhân, tàn ác. Dòng Sông Thanh Thủy được viết dưới ngòi bút của Nhất Linh nhà văn, chống lại tính cách phi nhân của cách mệnh mà Nguyễn Tường Tam đã từng tham dự. Nhưng ở thời điểm 60-61, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng vẫn chưa đoạn tuyệt với môi trường chính trị. Và chính lúc Nhất Linh viết Dòng Sông Thanh Thủy lại là lúc Nguyễn Tường Tam trở lại với chính trị, nhập cuộc tranh đấu chống sự độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm. Dòng Sông Thanh Thủy như một lá cờ trắng lung linh giữa sa mạc chiến trường, mà người cầm cờ bơ vơ, chưa biết lúc nào ngọn cờ sẽ tan trong biển máu? Bởi con người khi đã lỡ sa chân vào cuộc đời, thì có thể an nhiên lên suối Đa Mê tu tiên, viết sách, không tham dự vào thế cuộc, vào chém giết được không? Nhất Linh đặt câu hỏi, và cuộc đời Nhất Linh đã là một sự trả lời trọn vẹn.

Xóm Cầu Mới là tác phẩm dang dở của Nhất Linh. Dang dở nhưng không sao. Bởi đây là cuốn tiểu thuyết không có cốt truyện, được Phượng Giang in thành hai tập, trên 700 trang. Bản thảo bị thất lạc nhiều năm - theo nhà xuất bản Phượng Giang- đã được tìm thấy tình cờ vào ngày giỗ thứ mười của Nhất Linh. Đây là cuốn tiểu thuyết quan trọng hàng đầu của Nhất Linh, mang những kỳ vọng của Nhất Linh về một cuốn tiểu thuyết trường giang trên 10 ngàn trang, diễn tả những phức tạp muôn mặt của cuộc đời. Tác phẩm đã được viết đi viết lại tất cả 5 lần. Lần đầu năm 40 tại Hà Nội. Lần thứ hai năm 43 tại Quảng Châu. Lần thứ ba năm 49 tại Hương Cảng. Về nước năm 51, Nhất Linh viết lại lần thứ tư tại Hà Nội. Và trước khi in một số chương trên Văn Hóa Ngày Nay, Nhất Linh sửa lại lần chót bên dòng suối Đa Mê, tại Fim Nôm Đà Lạt vào năm 57.

Xóm Cầu Mới viết về cuộc sống của một xóm nhỏ, với năm gia đình ở trong các địa vị xã hội khác nhau, vào thời điểm nửa đầu thế kỷ XX. Khác với những tiểu thuyết trước của Nhất Linh -tác phẩm thường giới hạn trong một loại hạng người, thường thường là trí thức tiểu tư sản như trường hợp Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, Đôi Bạn, Bướm Trắng-. Ở Xóm Cầu Mới Nhất Linh khảo sát nhiều hạng người. Ông tạo ra một xã hội nhỏ, trong đó mỗi nhân cách giàu nghèo đều có tương quan mật thiết với nhau. Mỗi chân dung nhân vật đều linh hoạt và sâu sắc về dung mạo cũng như về đời sống tâm linh. Có thể nói tiểu thuyết Việt Nam, cho tới đây, mới chỉ diễn tả phần hiện thực trông thấy, phần kể chuyện, phần mô tả. Từ Ngô Tất Tố, đến Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, ... tiểu thuyết Việt Nam chưa ra khỏi kỹ thuật kể chuyện. Đến các thế hệ sau như Nguyễn Mộng Giác, Lê Lựu, Dương Thu Hương ... vẫn còn lệ thuộc vào lối kể chuyện với nhiều tình tiết. Dù kể thật hay, dù có nhiều chi tiết tinh vi như Tô Hoài, thành thật như Nguyên Hồng nhưng vẫn là kể. Người viết đứng ngoài, mô tả dung mạo, tạo tình tiết, viết tâm tình nhân vật. Cái sự kể ấy tạo nên một liên tục giả tạo, liên tục ước lệ của văn chương.

Ở Xóm Cầu Mới Nhất Linh không kể. Mà chính Cô Mùi, chàng Siêu, Bé và Đõi, bà Ký Ân, U già, Bác Lê, ông Năm Bụng, v.v... những người ấy tự tạo ra chân dung và bản chất của họ, qua ngòi bút Nhất Linh. Tất cả những suy nghĩ của Nhất Linh về kỹ thuật và nghệ thuật tiểu thuyết đã được Nhất Linh áp dụng trong Xóm Cầu Mới. Người đọc cảm nhận mối liên lạc ngầm giữa các nhân vật. Một sự giao cảm quê mùa giữa Bé và Đõi: Mối tình chân. Những đi lại thích thú, tinh vi giữa ý nghĩ của Mùi và Siêu, sự đồng tình nghịch ngợm cảm giác giữa Mùi và Siêu, một mối tình

trên nguyên tắc là loạn luân giữa hai anh em con dì, nhưng qua mạch giao cảm tự nhiên và thần tình của cuộc sống, tất cả trở nên bình thản, trong sáng, không mảy may tội lỗi.

Nhất Linh với cách nhìn vừa dõi sâu vào mạch cảm, mạch sống của con người, đã tạo nên chân dung của mỗi nhân vật, ngỏ cho ta nhìn thấy tương quan giữa mỗi cá thể với nhau -qua ngả cảm giác-. Xóm Cầu Mới là một cuốn tiểu thuyết cổ điển nhưng không thể lỗi thời. Bởi cách nhìn ấy, cách viết ấy của Nhất Linh, nhiều người viết trước ông chưa bằng, nhiều người viết sau ông chưa tìm thấy hết cái hay để học.

Nhất Linh, trong Xóm Cầu Mới, đã xóa bỏ cái liên tục ước lệ của lối kể chuyện trong tiểu thuyết hiện thực lãng mạn, và mở ra mối tương quan giăng mắc tâm linh và thể xác giữa các nhân vật trong đời sống. Ông tạo môi trường bằng cách thả từng nhân vật vào trong môi trường ấy với những đặc tính cá nhân của họ, để tự bản chất của mỗi người sẽ tỏa ra những mạch máu, mạch cảm ràng buộc họ với nhau, tạo nên một xã hội sống, đầy sinh động. Xóm Cầu Mới không có cốt truyện. Nó là cuộc đời giăng mắc. Và cuộc đời bằng phẳng. Không có cốt truyện để kể, nhưng vô cùng quyến rũ và linh động vì đó là sự sống.❐

Thụy Khuê
Paris tháng 9, năm 1996

(1) Theo tiểu sử Nhất Linh, Nguyễn Ngu í, Sống Và Viết Với ..., Sàigòn 1966, Xuân Thư in lại, không đề rõ xuất xứ và năm tái bản. Trong phần chú thích, Nguyễn Ngu í viết: "Tiểu sử này, do chính Nhất Linh đọc cho tôi viết và đã xem lại trước khi in, tôi xin giữ trọn vẹn và không thêm đoạn đời từ thu 1954 đến thu 1963, để giữ chút kỉ niệm về anh. Khi tái bản sẽ in bổ túc." Và Nguyễn Ngu í mất tháng 8 năm 1977 tại Sàigòn. Hình như sách chưa tái bản khi còn sinh thời Nguyễn Ngu í, cho nên chúng ta không có được phần tiểu sử Nhất Linh từ 54 đến 63, do chính Nhất Linh biên soạn.

(2) Trích Chân Dung Nhất Linh của Nhật Thịnh, Đại Nam tái bản, không đề rõ xuất xứ và năm tái bản.

(3) Thực ra là Dòng Sông Thanh Thủy. Nhưng không biết chính Nhất Linh viết Giòng hay do nhà xuất bản.

(4) Các cháu của Nhất Linh như Duy Lam, Thế Uyên, đều có ý chê những tác phẩm của ông xuất bản sau 54. Và cả em ruột Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách cũng viết trong hồi lý: "Sau này, ở miền Nam, anh lại viết thêm vài cuốn như Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy ... Những tác phẩm này kém xa ngày trước vì anh không còn những cảm thụ độc đáo như ngày còn trẻ và cũng mất cả vẻ hồn nhiên trong tâm linh, sau khi đã trải qua những ngày vật lộn chính trị kinh hồn."

(Việt Nam, Những Ngày Lịch Sử, trang 50, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản, Montréal, 1981)

(5) Viết Và Đọc Tiểu Thuyết được Nguyễn Văn Trung nhắc đến trong cuốn khảo luận Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết, do Cơ Sở Báo Chí Và Xuất Bản Tự Do in lần thứ nhất, 1962, tại Huế, Xuân Thu tái bản tháng 7, 1990 tại Hoa Kỳ. Ở trang 63, Nguyễn Văn Trung viết:

"Quan niệm chủ trương tính cách đa nguyên của tiểu thuyết như thế (tức là có nhiều thẩm mỹ học, nhiều cách mô tả -chú thích T K), khác hẳn quan niệm của ông Nhất Linh chẳng hạn. Nhà văn đàn anh này, lúc tới chặng đường cuối cùng cuộc đời văn nghiệp của mình, muốn ngoảnh mặt lại để truyền kinh nghiệm, dạy bảo đàn em mới lớn lên, cách viết tiểu thuyết, xây dựng nhân vật như mình đã thực hiện. Dĩ nhiên, không thể nghi ngờ thiện chí và không thể không cảm phục lòng quảng đại của ông, nhưng có lẽ ông đã vô tình độc tài mà không biết: Phải chăng như thế chỉ có một thẩm mỹ học về tiểu thuyết, thẩm mỹ học tiểu thuyết của Nhất Linh? Nhưng người ta thấy rằng những người hôm nay có những cảm nghĩ khác hẳn với con người thời Tự Lực Văn Đoàn, không thể bày tỏ những cảm nghĩ đó bằng kỹ thuật diễn tả Tự Lực Văn Đoàn."

Có thể là Nguyễn Văn Trung hơi khắt khe khi viết những dòng này chăng? Nhất Linh dường như không có tham vọng trình bày quan niệm thẩm mỹ học của ông, mà chỉ muốn đưa ra những điểm rường cột về kỹ thuật viết tiểu thuyết, ông chỉ cho những người đi sau, một số "astuce/ truc" để viết tiểu thuyết, và những cái "truc" ấy áp dụng cho quan niệm thẩm mỹ nào cũng được cả. Ví dụ: Khi mới viết, người ta hay viết về đời mình, người ta hay làm những câu văn vẻ và sáo, người ta cố viết chuyện lôi cuốn, có nhiều tình tiết éo le, người ta hay nghĩ cách giải quyết vấn đề, hay viết văn cầu lỳ, hay làm luân lý, ... những nhược điểm này có thể xuất hiện trong nhiều quan niệm thẩm mỹ khác nhau.

Giữa hai hàng chữ

NGUYỄN BÁ TRẠC

Mấy năm nay vợ chồng tôi quanh quẩn bầy gà,
bầy thỏ, cặp công, đàn chim cu gáy,
dăm con mèo hoang và một con chó già

Mùa hè xách nước tưới cây
mùa thu quét lá vàng rơi
Khu vườn xanh hơn hồi mới đến

Thơ biến thành gà trống gáy sớm mai
chim cu gù bóng mát
chim sẻ kêu ríu rít
con công dục ồ ề như chú con trai
tập thổi kèn trôm pét

- "Vậy cuộc sống của bạn ấm êm hạnh phúc lắm?"

Vâng. Đó là thỏa hiệp. Sinh ra,
lớn lên, bệnh hoạn, già nua, trở về cõi chết.
Mặt này hạnh phúc. Mặt kia đau thương.
như nước sông Hằng từ núi cao đổ xuống
mang tro than của những người đã chết
chẩy trôi ra biển không ngưng nghỉ

Giòng sông ấy quạ rỉa xác người,
người ăn thây cá,
cá ăn thây người
chẩy trôi giữa dói nghèo và những đền đài xa xỉ

Tiếng nước trôi kia
lên tiếng hói
hay không lên tiếng hỏi
nhiều điều chưa thấu hiểu

Nhưng tôi biết con chó già nua ngước mắt nhìn biết ơn
khi tôi sửa lại cái chuồng lạnh lẽo mùa đông
và lũ gà xôn xao khi có ó diều bay tới

Tôi hiểu tình yêu như cây cối hàng ngày cần vun quén
Mùa hè, cây khát nước gấp hai
Mùa thu lá rơi đầy mặt đất

Con thỏ đào hang khi sắp đẻ
con người đào huyệt từ lúc mới sinh

- "Nhưng đêm nay, tại sao bạn viết?"

- Tại sao không?

Nói Chuyện Với Nhà Văn Quyên Di

Văn Học: Anh là nhà văn chuyên viết cho tuổi thơ và tuổi trẻ, xin anh cho biết một vài chi tiết về tuổi thơ của anh.

Quyên Di: Tôi sinh năm 1947 tại Bạch Mai, Hà Nội. Nguyên quán của tôi là làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, nơi đào được cái trống đồng nổi tiếng. Bố mẹ tôi đưa tôi về nguyên quán sống một thời gian. Lúc đó Pháp và Việt Minh đang đánh nhau, gia đình chúng tôi tản cư sang làng Thượng Vĩ, Hà Nam. Năm 1951, gia đình chúng tôi hồi cư Hà Nội, tôi đi học trường chi nhánh của Cứu Thế Học Đường ở Ô Cầu Giền. Tháng 8, 1954 gia đình chúng tôi di cư vào miền Nam. Chúng tôi cư ngụ trong khu vực chợ Vườn Chuối, quận Ba Sài Gòn. Tôi học trường tiểu học di chuyển Bàn Cờ ở đường Phan Đình Phùng (hình như bây giờ là đường Nguyễn Đình Chiểu). Khi trường tiểu học Phan Đình Phùng dành riêng cho nam sinh được xây cất xong, tôi được chuyển qua học trường đó. Tuy học giỏi, đứng đầu lớp liền trong ba năm, tôi lại thi rớt trong kì thi tuyển vào lớp đệ Thất trường công. Bố mẹ cho tôi học trường Trung Học Công giáo Nguyễn Bá Tòng. Tôi học ở đó cho đến khi tốt nghiệp Trung Học. Tôi là học sinh ngoan, học giỏi trong suốt thời gian học Trung học, nhưng vẫn thi rớt trong những kì thi tuyển vào các Đại học có thi tuyển. Ghi danh học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, tôi thấy đây mới là "chỗ" của mình, hình như không cần học mà vẫn đậu, có những chứng chỉ đậu đầu lớp.

VH: Thường thì nhà văn có ký ức tốt. Anh có thể kể cho nghe một vài kỷ niệm trong tuổi ấu thơ của anh?

QD: Dạ, nhiều lắm. Khi gia đình tôi tạm cư ở Thượng Vĩ, sáng sáng bố mẹ tôi cắp tráp và cái bảng nhỏ đề hàng chữ "Thư Hương đường, xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam" ra chợ bán thuốc. Bố tôi là

Đông Y Sĩ, hiệu là Thư Hương. Ở nhà còn lại chúng tôi. Ông anh cả có bổn phận chăm sóc các em và đưa cả bọn xuống hầm trú ẩn khi máy bay Pháp đến dội bom. Anh tôi thích làm linh mục, thường khi bố mẹ ra chợ là anh đóng vai ông cha bằng cách khoác một cái chiếu rách thủng ở giữa vào người, giả làm áo cha rồi làm lễ, chúng tôi quì chung quanh dự lễ. Một lần, đang "dâng lễ" như vậy thì máy bay Pháp đến thả bom, anh cả tôi lính quýnh chạy mà không rút đầu ra khỏi cái chiếu được! Bình thường mỗi lần máy bay Pháp thả bom, anh tôi chỉ kịp bế cô em nhỏ thôi, còn những cô cậu khác thì phải tự xuống hầm lấy. Tôi nhỏ quá, chạy xuống hầm không kịp, anh cả tôi lấy chân gạt tôi rơi xuống, và bà chị tôi đỡ lấy tôi. Những chuyện này xảy ra khi tôi còn nhỏ lắm, vậy mà suốt đời tôi không quên.

VH: Anh nói chuyện nhiều trước đám đông, chắc anh có khiếu ăn nói từ hồi nhỏ?

QD: Thưa anh, trái lại. Hồi nhỏ tôi là đứa trẻ yếu kém về nhiều mặt, nhất là về chuyện ăn nói. Tôi nói ngọng, nói cà lăm. Nhà nghèo, người gầy ốm, lại thêm mấy cái tật đó, tôi trở thành một đứa bé nhút nhát, im lìm.

VH: Như thế, để có thể nói năng lưu loát như bây giờ, chắc anh phải tập luyện nhiều?

QD: Thưa anh, cũng trái lại. Tôi không nhớ là từ lúc nào tôi hết nói ngọng và nói cà lăm. Chỉ biết rằng khi tôi bắt đầu dạy học lúc 19 tuổi thì tôi nói năng tự nhiên và trôi chảy trong lớp học. Dần dà, vì phải thuyết trình trong nhiều dịp, tôi nói năng lưu loát hơn.

VH: Anh vừa là nhà văn, vừa là nhà giáo. "Nhà" nào đối với anh quan trọng hơn, nói cách khác, anh nghiêng về "nhà" nào hơn?

QD: Tôi làm nhà giáo do cuộc đời đưa đẩy chứ không do chọn lựa, cũng không tốt nghiệp Đại học Sư phạm, nhưng rồi sau đó tôi yêu nghiệp nhà giáo. Tôi được gọi là nhà văn, vì độc giả thấy tôi viết văn và có sách xuất bản, chứ chính bản thân tôi không cố ý trở thành nhà văn; thế nhưng tôi cũng thích viết văn. Có người bảo tôi là nhà giáo có chất văn nghệ; cũng có người bảo tôi là nhà văn có chất nhà giáo. Tôi không cho những điều đó là quan trọng. Trong con người tôi có cả hai khuynh hướng

đó, và chúng không mâu thuẫn với nhau, không chống lại nhau. Tôi hạnh phúc được sống con người của chính tôi.

VH: Anh nói anh dạy học từ lúc 19 tuổi. Sớm quá! Đầu đuôi thế nào mà anh vào nghề dạy sớm như thế?

QD: Khi học Trung học tôi có ý hướng sau này đi tu làm linh mục. Vào những năm cuối bậc Trung học, tôi đã có đủ giấy tờ để vào đại chủng viện Sài Gòn sau khi xong Trung học. Nhưng đúng lúc tôi xong Tú Tài 2, bố tôi mất. Tôi lúng túng và bối rối vì khi đó mẹ tôi không có việc làm mà tôi lại có các em nhỏ. Vị linh mục bảo trợ khuyên tôi nên ở nhà giúp mẹ hơn là vào chủng viện. Tôi nghe lời. Các linh mục điều hành trường Nguyễn Bá Tòng thương tôi vì khi là học sinh, tôi ngoan ngoãn và học giỏi, nên cho tôi vào dạy hai lớp đệ Thất. Tôi còn nhỏ quá, có khi vào trường bằng cổng giáo sư, bị ông giám thị giữ lại vì tưởng là học sinh đi lộn cổng. Có vị linh mục còn phải đi lại trước cửa lớp tôi dạy cả tháng trời, phòng khi học trò nghịch phá quá thì vào "mắng giúp", hoặc nếu tôi không dạy được thì vào dạy giúp. Rất may, không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Thế là tôi vừa đi học vừa đi dạy. Năm sau nhà trường tăng giờ dạy, đồng thời tôi cũng được nhận dạy thêm ở một số trường khác. Tôi đến đại học rất ít, thường là mượn "course" của bạn bè mà xem thôi. May mắn tôi hoàn tất học trình một cách tốt đẹp.

VH: Ở Việt Nam hồi đó, anh chỉ dạy học thôi, hay có tham gia những công tác giáo dục khác?

QD: Từ năm 1973, tôi là nhân viên điều hành và giảng huấn của Trung Tâm Tu Nghiệp Giáo Chức Công Giáo Việt Nam. Mùa hè chúng tôi thường đi các tỉnh mở những khóa tu nghiệp sư phạm cho các giáo chức Công giáo. Tôi cũng cùng một nhóm bạn giáo chức, tổ chức các khóa hướng dẫn sinh hoạt học đường và sinh hoạt giới trẻ tại Đại học Thành Nhân.

VH: Trở về chuyện văn chương, anh có bài đăng báo từ lúc nào?

QD: Năm học lớp nhì Tiểu học, tôi đã có bài đăng báo. Mẩu "truyện ngắn" đầu tiên của tôi có tựa đề là "Đôi Bạn", được đăng trong mục "sáng tác mới" gì đó trên Phụ Trương Gia Đình - Học Sinh của nhật báo Ngôn Luận. Tôi xin phép đóng mở ngoặc kép chữ "truyện ngắn", vì nó ngắn

lắm. Tôi viết đã ngắn, người phụ trách còn gọt giũa cho gọn gàng nên nó càng ngắn hơn.

VH: Anh ký tên Quyên Di từ hồi đó?

QD: Dạ không, dạo đó tôi kí tên lung tung, lúc bút hiệu này lúc bút hiệu khác, tôi nhớ có khi còn kí cả bút hiệu phái nữ nữa. Trẻ con mà!

VH: Vậy anh ký bút hiệu Quyên Di từ lúc nào?

QD: Khi tôi về làm việc với bán nguyệt san Tuổi Hoa, năm 1964. Lúc đó tôi đang học lớp Đệ Tam.

VH: Quyên Di có nghĩa là gì?

QD: Chính tôi cũng không biết rõ. Một anh bạn chọn giúp tôi cái bút hiệu đó. Tôi hỏi ý nghĩa, anh ta bảo nếu độc giả hỏi thì anh sẽ cắt nghĩa cho. Quả nhiên ít lâu sau có độc giả hỏi thật. Tôi hỏi lại anh ta thì anh ta cười khì mà nói rằng nghe cái âm điệu nó hay hay thế thôi, chứ không có nghĩa gì cả. Khi tôi đi dạy học, học trò hỏi tôi ý nghĩa bút hiệu của tôi. Không biết trả lời ra sao nên tôi cười cười ra vẻ bí mật và nói "đố em nào tìm được ý nghĩa bút hiệu của thầy." Tuần sau vào lớp, có một học sinh giơ tay, nói là đã hiểu ý nghĩa bút hiệu của tôi rồi. Tôi hỏi em ý nghĩa đó thế nào và làm sao em biết được. Em trả lời là về nhà lật Hán Việt tự điển của ông nội, thấy Quyên có nghĩa là dòng nước nhỏ, Di là để lại, vậy Quyên Di có nghĩa là thầy "để lại một dòng nước nhỏ". Tôi xấu hổ đỏ mặt. Về nhà lật tự điển, tôi thấy chữ Quyên có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa là "đẹp, tốt", tôi chọn nghĩa này. Cái "sự đẹp tốt được lưu lại" nghe thanh lịch và... sạch sẽ hơn là "để lại một dòng nước nhỏ". Cách đây ít năm, tôi sang Úc, anh em báo giới bên đó có viết bài chào mừng. Anh bạn tác giả bài đó có nhã ý chọn một cái nghĩa rất hay cho bút hiệu Quyên Di của tôi. Theo anh, Quyên là chim Đỗ Quyên, tức con chim Quốc (Cuốc), con chim khóc thương vì vận nước; Di là chuyển động; như thế Quyên Di là kẻ vì vận nước mà phải đi hoài, hết nơi này đến nơi khác. Thực ra tôi chưa có được một lí tưởng cao quí như thế, nhưng quả nhiên tôi có đi nhiều thật.

VH: Chuyện anh đi nhiều, chút nữa xin được hỏi anh. Bây giờ mình tiếp tục chuyện văn chương. Anh cộng tác thế nào với tờ Tuổi Hoa ở Việt

Nam dạo đó?

QD: Một ngày nọ, có anh bạn hỏi tôi có biết làm thơ không, tôi không dám nhận là biết. Anh ta hỏi tiếp là nếu không làm thơ được thì có đọc thơ được không. Tôi đáp là biết. Anh bèn rủ tôi về làm việc cho báo Tuổi Hoa. Anh nói là độc giả gửi thơ về nhiều quá, đăng không xuể, mà bỏ đi thì uổng. Vì vậy Tuổi Hoa cần một người... tuyển thơ, nghĩa là phân loại các bài thơ ấy theo từng chủ đề, chọn trong mỗi bài thơ những câu hay, rồi viết lời nối kết, diễn ý theo từng đề tài để giới thiệu những câu thơ đó. Tôi mở mục "Vườn Thơ Tuổi Hoa" và làm công việc đó. Sau đó, tôi mở thêm mục "Viết Cho Tuổi Trăng Tròn", nói chuyện với những bạn đọc thuộc lứa tuổi mới lớn về các vấn đề của họ. Một thời gian sau, tôi làm thư kí tòa soạn bán nguyệt san này. Bút hiệu Quyên Di được biết đến qua tờ Tuổi Hoa.

VH: Ngoài tờ Tuổi Hoa, anh có chủ trương hay thực hiện tờ báo nào khác ở Việt Nam không? QD: Có. Tôi chủ trương bán nguyệt san Ngàn Thông, cũng là tờ báo dành cho tuổi trẻ, nhưng nhắm vào lớp tuổi lớn hơn độc giả Tuổi Hoa một chút, nghĩa là vào khoảng tuổi 17 trở lên. Bán nguyệt san Ngàn Thông ra được 40 số thì đình bản.

VH: Tác phẩm đầu tiên của anh được in thành sách là cuốn nào?

QD: Cuốn "Tuổi Trăng Tròn 1" và sau đó là "Tuổi Trăng Tròn 2", gồm những bài đã đăng trong mục "Viết Cho Tuổi Trăng Tròn" trên báo Tuổi Hoa.

VH: Độc giả đón nhận tác phẩm đó ra sao?

QD: Có lẽ do lòng quí mến có sẵn của độc giả Tuổi Hoa dành cho mục này, "Tuổi Trăng Tròn" được tái bản nhiều lần. "Tuổi Trăng Tròn 1" đã được bán ra tới ngàn thứ 20.

VH: Anh còn những tác phẩm nào nữa đã được xuất bản ở Việt Nam trước đây?

QD: Ngoài "Tuổi Trăng Tròn 1" và "Tuổi Trăng Tròn 2", tôi có "Vết Chân Chim", "Tuổi Ươm Mơ", "Thoáng Mây Bay", những tập "Quà Tặng Học Trò" như "Cánh Phượng Rơi", "Thu", Chuông Đêm"...

Ngoài ra, tôi có viết chung sách giáo khoa với một số nhà giáo khác, các môn Sinh Hoạt Học Đường, Công Dân Giáo Dục, Quốc Văn, từ lớp Sáu đến lớp Mười Hai.

VH: Ra nước ngoài, anh vẫn tiếp tục làm nhà văn và nhà giáo, phải không?

QD: Vâng. Vì hoàn cảnh đưa đẩy, tôi tiếp tục viết văn, làm báo và dạy học. Năm 1978, tôi làm báo Dân Chúa với một số linh mục miền Đông Nam Hoa Kì. Năm 1979, tôi chủ trương tạp chí Phương Đông, cùng với kí giả Đông Duy, tờ này đình bản sớm. ít năm sau, tôi chủ trương tờ Tiếng Mẹ, cũng chỉ ra được vài số. Tôi viết cho Quan Điểm, Đồng Nai, Văn Học. Hiện tại tôi chủ trương bán nguyệt san Tuổi Hoa và tạp chí thần học - tu đức Thời Điểm Công Giáo. Tôi in được vài cuốn sách nhỏ, như "Hành Trang Lên Đường", "Tương Lai Giới Trẻ Việt Nam Hải Ngoại", viết chung "Đường Vào Tình Yêu" (sách hướng dẫn hôn nhân) với một số tác giả khác. Năm ngoái, tôi xuất bản hai cuốn: tập truyện "Hoa Hồng Nhà Kín" và tập suy tư cảm nghiệm "Nhìn Xuống Cuộc Đời". Tôi phụ trách huấn luyện và chia sẻ kinh nghiệm sư phạm cho các giáo chức giảng dạy Việt ngữ tại miền Bắc cũng như miền Nam California, Orlando (Floriada), Arlington - Dallas (Texas), New Orleans (Louisiana), Washington D.C. - Virginia. Ngoài ra, tôi hướng dẫn lớp Văn Hóa - Văn Chương Việt Nam của Trung Tâm Phát Triển Ngôn Ngữ thuộc Đại học Long Beach.

VH: Anh còn làm việc trong lãnh vực truyền thanh, phải không?

QD: Vâng, tôi phụ trách chương trình phát thanh thiếu nhi Tuổi Hoa và chương trình phát thanh Công giáo "Tin Vui Gửi Thời Đại Mới". Cả hai chương trình này phát trên đài Little Saigon Radio, nghe được tại miền Nam California và Houston, Texas.

VH: Anh tìm đâu ra giờ để làm tất cả những công việc ấy?

QD: Tôi cũng không biết. Tôi không phải là người xếp đặt giỏi, chỉ biết hết sức cố gắng. Thú thật, có những buổi sáng thức giấc, tôi cảm thấy buồn phiền, vì biết ngày hôm ấy mình phải làm xong những việc gì, đồng thời cũng biết là mình không thể nào làm hết ngần ấy công việc trong một ngày.

VH: Có bao giờ vì quá nhiều công việc mà anh bị rối trí không? Khi ấy anh làm gì?

QD: Có chứ ạ. Lúc ấy tôi bỏ hết công việc, đi dạo hay ra công viên nằm trên cỏ. Khi thấy lòng nhẹ nhàng, tôi trở về làm tiếp.

VH: Nghe nói anh hay đi xa, mỗi năm cũng phải mươi chuyến. Hơi tò mò một tí nhé, anh đi đâu? Đi làm gì mà đi lắm thế?

QD: Có mấy việc khiến tôi phải đi nhiều: đi mở các khóa huấn luyện và tu nghiệp giáo chức dạy Việt ngữ; đi nói chuyện với các phong trào, đoàn thể hay các nhóm giới trẻ; đi nói chuyện về văn hóa Việt Nam với các tổ chức văn hóa và các dòng tu; đi chia sẻ kinh nghiệm làm tông đồ với các anh chị em tông đồ giáo dân Công giáo khác. Tôi đi đến tác tiểu bang có đông người Việt, đi Pháp, đi Úc...

VH: Nghe anh nhắc đến chuyện đạo, xin có một câu hỏi: anh là con người của văn chương, nhưng anh dùng văn chương để phục vụ mục tiêu tôn giáo; cũng như người đọc nhận định rằng anh Nguyễn Đức Lập dùng văn chương để phục vụ mục tiêu chính trị. Trường hợp anh, anh nghĩ gì khi làm như thế?

QD: Có lẽ anh không có ý đặt lại vấn đề "nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân sinh" chứ? Câu hỏi của anh thật thú vị, vì nó giúp tôi nhìn lại chính con người mình. Tôi cũng đang tự hỏi tại sao mình làm như thế và tôi tìm thấy câu trả lời: Cuộc sống mỗi người đều có nhiều khía cạnh, trong đó có khía cạnh tôn giáo. Những người cầm bút có thêm khía cạnh văn chương nghệ thuật. Mỗi người, do bản chất, nền giáo dục được hấp thụ, ảnh hưởng xã hội v.v... sẽ chọn hay sẽ chịu ảnh hưởng một hai khía cạnh nào đó một cách sâu đậm. Tôi chịu ảnh hưởng tôn giáo và văn chương. Đời sống tôn giáo cũng là tôi mà đời sống văn chương cũng là tôi. Khi tôi đưa văn chương vào tôn giáo hay đưa tôn giáo vào văn chương, là tôi sống thật và sống trọn vẹn con người của tôi. Tôi thấy tôn giáo cũng đẹp mà văn chương cũng đẹp. Khi cái đẹp của tôn giáo hòa hợp được với cái đẹp của văn chương, nó sinh ra một cái gì đó, rất cao quí và có sức quyến rũ mãnh liệt. Và tôi bị, hay nói đúng ra là được, lôi cuốn bởi cái cao quí và quyến rũ đó.

VH: Đọc "Hoa Hồng Nhà Kín" và "Nhìn Xuống Cuộc Đời" anh xuất

bản năm ngoái, người ta thấy anh có những cảm nghiệm và suy tư thật sâu sắc. Nhưng thường thường người đọc vẫn gọi anh là nhà văn thiếu nhi; anh có buồn không?

QD: Không những không buồn mà lại cảm thấy vui, thưa anh. Được làm bạn của thiếu nhi, của tuổi trẻ, còn gì hãnh diện hơn? Chỉ có điều tôi hơi xấu hổ, vì không biết đã đáng được gọi là "nhà văn thiếu nhi" chưa. Tôi sợ những gì mình viết, dù rằng cho thiếu nhi, vẫn chưa có được ngôn ngữ và tâm tình thiếu nhi trọn vẹn. Dù sao, trong cuộc sống thường, tôi vẫn có nhiều lúc rất... thiếu nhi. Tôi nghĩ, dù mình bao nhiêu tuổi đi nữa, trong lòng mình vẫn có một chú bé hay một cô bé. Cô bé hay chú bé đó chỉ muốn chạy ra ngoài chơi. Khi cô, chú ấy thấy có một người nào cũng... thiếu nhi và sẵn sàng chơi với mình, thì sẽ chạy ra chơi ngay.

VH: Đọc bài anh viết hay sách anh xuất bản, người ta thấy anh thường viết với I một số chữ mà lâu nay mọi người thường viết với Y. Thí dụ anh viết Hoa Kì thay vì Hoa Kỳ, nước Mĩ thay vì nước Mỹ, lí do thay vì lý do. Anh có nghĩ điều này là lập dị; hoặc e ngại rằng một số người cho rằng anh chịu ảnh hưởng của một khuynh hướng chính trị không? Lý do nào khiến anh viết như thế?

QD: Không riêng gì tôi viết như thế. Học giả Nguyễn Khắc Xuyên, học giả Nguyễn Hiến Lê cũng viết như thế. Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức xuất bản năm 1931 cũng viết như thế. Alexandre de Rhodes, một trong những người có công nhất trong việc chế tác chữ quốc ngữ cũng viết như thế. Những vị kia không biết có chịu khuynh hướng chính trị nào không, nhưng riêng ông cố đạo Alexandre de Rhodes thì chắc chắn không chịu khuynh hướng chính trị nào của thời đại hiện nay cả. Chữ quốc ngữ là một hệ thống kí âm tiếng Việt theo mẫu tự La tinh, hoàn toàn không có tính cách tượng thanh hay tượng hình như chữ Hán, nên không thể nói vì cái LI nó dài nên phải viết là LY! (Nếu nói như vậy thì tại sao sợi Mì nó dài mà người ta không viết là Mỳ?) Cũng vì chỉ là hệ thống kí âm nên nghe như thế nào ghi lại như vậy, không phân biệt là chữ Hán hay chữ Nôm, như một số người cho rằng chữ Hán viết với Y còn chữ Nôm viết với I! (Nếu nói như vậy thì chữ LY và DỊ đều là Hán cả, vậy mà sao không viết là LY DỴ ? Cũng thế sao không viết là CHÝ LÝ?) Bởi thế, khi viết I với những chữ có thể viết với I, lí do duy nhất là muốn áp dụng một luật chung vốn có từ khi chữ quốc ngữ được sáng chế, chứ không tự nhiên đổi ra viết lung tung nữa.

VH: Anh có thể đưa ra một "luật chung" nào về vấn đề này không?
QD: Tôi rất thích cái "luật chung" mà học giả Đoàn Xuân Kiên ghi nhận trong bài "Chữ Quốc Ngữ Qua Những Biển Dâu" đăng trong Thời Điểm Công Giáo số 15, tháng 11-1992. Cái "luật chung" đó như sau:

Chỉ viết Y trong những trường hợp sau đây:

a) ở đầu một tiếng và sau đó có âm Ê. Thí dụ: yên, yêu, yết...

b) ở âm chúm môi /u/ (ngoại trừ khi viết với qu).

Thí dụ: uy, tuy, khuya, chuyện...

c) ở sau qu nhưng theo sau có Ê hoặc NH.

Thí dụ: quyền, quyết, quỳnh...

d) sau âm ngắn của /a/ (tức là chữ Â).

Thí dụ: may, mây, dây, đày...

đ) Đứng độc lập thành một tiếng.

Thí dụ: Y, Ý...

Chỉ viết I trong những trường hợp sau đây:

a) ở phần âm chính của vần.

Thí dụ: bí, chim, đi, hí, kì, kim, lì, sính, sĩ, tị, tím, vì, vịnh...

Theo qui tắc này thì sau qu chính là phần âm chính của tiếng, vậy phải viết với i : quí, quít, quỉ, quì...

b) sau một nguyên âm làm âm chính, hay là trong những trường hợp I là một bán nguyên âm. Thí dụ: ngùi, đói, người, củi, hời, chuối, hỏi, trai...

Nguyên tắc chính tả này được dựa theo: - Nguyên tắc nguyên thủy của Alexandre de Rhodes. - Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức. - Những khuyến cáo của các Ủy Ban khảo cứu về chữ Quốc ngữ và của Bộ Văn Hóa Giáo Dục VNCH.

VH: Anh có viết truyện dài không?

QD: "Vết Chân Chim" và "Thoáng Mây Bay" là những tập truyện dài. Sang đây tôi có viết truyện dài "Nguyễn 12BA2", đăng tên tờ Đồng Nai. Truyện này viết về những sinh hoạt trong nhà trường và ngành giáo dục Việt Nam sau biến cố 30 tháng 4, 1975. Viết nửa chừng thì bỏ dở. Bây giờ không biết đã cất những tờ báo đăng từng kì truyện dài đó ở đâu nữa.

VH: Nghe nói anh cũng làm thơ. Sao không thấy bài thơ nào kí tên Quyên Di được đăng báo?

QD: Tôi có làm thơ. Thơ không được hay cho lắm, và kí tên là Trần

Đông Hoài. Tôi cũng không đăng những bài thơ này lên báo bao nhiêu, thỉnh thoảng chỉ đăng trong báo Thời Điểm Công Giáo, hoặc đọc trong các chương trình phát thanh do tôi phụ trách.

VH: Anh có thể cho nghe một hai bài không?

QD: Tôi có mấy bài thơ giúp tuổi trẻ yêu quê hương, dân tộc. Anh nghe một bài nhé:

Nương giấc mơ về thời dĩ vãng
Ở chốn quê hương đẹp tuyệt vời
Bát ngát hương cau trong gió thoảng
Và ánh trăng đêm tỏa rạng ngời.

Có tiếng à ơi mẹ ru con
Vang lên trên những nẻo đường mòn
Vách đất làm sao ngăn giọng hát
Trong căn nhà có trái tim son.

Xào xạc tre già kẽo kẹt đưa
Cúi mình che hết những nắng mưa
Cho măng mọc thẳng từ lòng đất
Tình thương kể biết mấy cho vừa.

Quán nước đầu làng dưới gốc đa
Cô hàng duyên dáng lại mặn mà
Trầu cau cô bán cùng nước vối
Quà quê sao thanh dạm, thật thà.

Ruộng lúa đang thời con gái lên
Hạt thơm sữa mới ngọt môi mềm
Chờ đợi một mai bông lúa chín
Nuôi dân no đủ buổi bình yên.

Hàng dừa lả lướt vùng biển xanh
Nghe thủy triều lên giấc mộng lành
Dải cát vàng ươm lòng quyến rũ
Gọi về triệu giọt nước long lanh.

Một vùng đất nước đẹp như mơ

Với dòng sông mát chảy lặng lờ
Với núi đồi xanh cùng sương bạc
Và thung lũng mộng tựa bài thơ.

Việt Nam phong cảnh thật nên duyên
Muôn thuở xinh tươi vẻ dịu hiền
Ôm ấp hồn quê tình dân tộc
Tấm lòng viễn khách mãi không quên.
(Việt Nam Đất Nước Nên Thơ)

Về thơ tôn giáo, tôi cũng làm được mấy bài, xin anh nghe thử một bài:

Chiều xuống chậm, không gian chừng dịu lại
Ánh nắng vàng nạm bạc những ngọn cây
Trong hương chiều còn phảng phất đâu đây
Mùi huệ trắng mênh mông ngoài đồng nội.

Chậm lại đi, người lữ hành, chớ vội
Hãy để lòng thêm một chút vấn vương
Ánh nắng chiều còn lấp lánh bên đường
Và đồng cỏ còn thơm tho ngát mộng.

Hãy dừng lại khi trời còn gió lộng
Để thấy lòng thơm một chút hương hoa
Bông huệ kia, không lộng lẫy kiêu sa
Nhưng duyên dáng và đẹp tươi quá thể.

Lòng Thiên Chúa yêu thương không xiết kể
Dù chỉ là bông huệ giữa cánh đồng
Cũng điểm tô hương sắc của không trung
Đẹp hơn áo Salomon diễm tuyệt.

Người lữ khách, trên đường trần mải miết
Kiếm tìm gì cho cuộc sống hôm nay?
Những lắng lo ôm chặt cả đôi tay
Những suy tính cho trán nhăn sầu não.

Hãy lắng nghe lời Cha hiền nhủ bảo
Việc ưu tiên là tìm kiếm Nước Trời

Những nhu cầu Thiên Chúa chẳng buông lơi
Sẽ ban đủ, nên không cần tích lũy.

Nước Thiên Chúa là tấm lòng xả kỉ
Là tôn vinh Cha cả ở trên trời
Là yêu thương chung tất cả mọi người
Là quảng đại, thứ tha, không thù hận.

Như chim trời, bông hoa không vướng bận
Những mưu toan, lo lắng chuyện thiệt hơn
Dâng lên Ngài cả thân xác, tâm hồn
Ta sẽ được Ngài thương ban tất cả.
(Bông hoa đồng nội)

VH: Cảm ơn anh đã chia sẻ những bài thơ chân tình. Thơ anh có tính... giảng đạo. Đời sống anh thế nào? Anh có những lỗi lầm thường tình không?

QD: Thưa anh, có chứ. Mà có thể là có nhiều. Tâm hồn tôi cũng yếu đuối, dễ lầm lỗi lắm. Đời sống tôi cũng tầm thường, tôi chỉ tin vào tình thương, lòng quảng đại của Thượng Đế và cố gắng vươn lên sau những khi vấp phạm.

VH: Anh có dự tính gì về những sinh hoạt tương lai không?

QD: Tôi vừa phóng lên Internet home page của Tuổi Hoa và Thời Điểm Công Giáo, nằm trong home page littlesaigon.com. Tôi đang học để làm cho những home page đó hoàn hảo. Tôi cũng đang cố gắng hoàn hảo hóa những sinh hoạt của gia đình thiếu nhi Tuổi Hoa, gồm khoảng 40 em, tuổi từ 4 đến 16. Tôi cố gắng giúp các em trau giồi tiếng Việt, sống tinh thần văn hóa và nếp sống Việt Nam. Ngoài ra, tôi không dám có thêm dự tính nào khác hơn chuyện tiếp tục theo đuổi những sinh hoạt đang có.

VH: Xin cảm ơn anh. Có gì lời gì nhắn với các độc giả?

QD: Xin cảm ơn anh cho tôi cơ hội được ngỏ lời với độc giả. Cảm ơn độc giả đã theo dõi trọn vẹn cuộc đàm thoại của chúng tôi. Lòng quí mến của độc giả là động lực cần thiết đối với chúng tôi, những người cầm bút sáng tác văn chương. ❐

Paris chiều tái ngộ

Trần Hồng Châu

Thôi nhé chào Paris bé bỏng
Chào và chào tái ngộ Paris!

Gần nửa thế kỷ trước tôi đã từ biệt Paris trong một chiều rất Đường thi và cũng rất đô thị hiện đại. Hình như, với những hoàn cảnh gây xúc động lớn, mọi ý niệm không gian, thời gian đều nhạt nhòa, xáo trộn. Nhìn trên mặt bàn formica bọt bia Ancre Pils tràn đầy *ly bội tích cộng truyền*. Nghe *sổ thanh phong địch ly đình vãn* trong phòng đợi hãng Air France gắn máy phát thanh ồn ào, nhộn nhịp.

Nhưng đặc biệt là "nụ cười bình minh và tóc hoàng hôn" người nữ tiếp viên hàng không chờ đón ở ngay cửa phi cơ màu ánh bạc. Hồi đó những người "phi nữ" này trông đều như hoa hậu, như tranh vẽ, khác hẳn bây giờ họ giản dị, bình thường, gần gũi nhân sinh hơn nhiều. Có thể nhận thấy biến chuyển cùng hướng tại những phim trường Hollywood. Bây giờ, các nữ tài tử trông y hệt cô hàng xóm, hay cô gái bán bar dưới phố, có khi còn "xấu quá trời" nữa là khác. Không còn hình bóng huyền thoại những minh tinh, những stars, của thập niên 30 và 40, những Garbo, Dietrich hay Monroe, những nàng tiên rao bán mộng mơ và thoát ly cho nửa phần nhân loại chúng ta!

Tôi đã đau xót giã từ một vùng kỷ niệm êm đềm. Chân đi nhưng mắt còn nhìn theo với, cố thu góp một lần cuối, tất cả đường nét, màu sắc từng là thành tố của một thời xây dựng trí thức và tình cảm. Nhất quyết không muốn vĩnh biệt Paris mà chỉ là tạm biệt! Tạm biệt. Hẹn tái ngộ. Như đứa trẻ thơ, mẹ lôi đi tuồn tuột nhưng vẫn gò lưng, ngoái cổ lại, để nhìn vớt vát những vật nhỏ xinh xắn bày trong tủ hàng.

Hẹn gặp lại Paris! Tin chắc là có một vòng hoa Aloha huyền nhiệm,

vòng hoa "xin trở lại!" hướng dẫn đường về chốn cũ như một Bắc đẩu si tình. Và hôm nay tôi hân hoan trở lại Paris, với lời ước hẹn xưa cùng mái tóc đã điểm sương...

*

Tôi muốn chọn lựa, tách rời, *abstraire* ra một phần không gian và thời gian hội ngộ Paris, tháng sáu vừa qua. Trên mình thành phố, chu vi đều đặn như hình tượng trái xoài nhiệt đới khổng lồ, tôi muốn cắt xén, chọn ra những miếng ngọt ngào nhất của khung trời kỷ niệm. Tôi muốn nói riêng đến quận 5 thân thuộc, âu yếm và nhiều "cái tôi" đĩ vãng nhất. Cũng như trên một khuôn mặt, người ta có thể rất thiên vị, chỉ yêu riêng đặc biệt một đôi mắt đắm đuối, hay một vầng trán mộng mơ, tóc xõa lòa xoà như những bụi cây leo rủ xuống bờ tường, dọc sông Seine gần bên Notre Dame. Đó là những khu phố, những góc nhỏ Paris mà gót chân tôi đã lún sâu hơn xuống đất. Có một phần bản thân còn để lại đó vết hằn sắc nét nhất, y nguyên như dấu chân bất biến, bất diệt trên mặt trăng không gió nắng, không xâm thực.

*

Từ métro ra tôi ngược lên dốc đường Lhomond. Con đường hẹp lát đá, pavés vuông vức, mỏi mệt, già nua khi ẩn khi hiện như một dòng sông hồi tưởng. Lề đường, có chỗ chỉ rộng lối một thước, xe hơi đậu, hai bánh bên phải leo hẳn lên bờ. Ở cuối dốc là một tiệm cà phê, terrace dinh lên cao như giữa sườn núi với mấy chiếc lọng đỏ, vàng, nở bừng thành những bông hoa quỳ siêu thực nóng, ấm, mời chào...Cảnh một quán rượu nơi nghỉ mát cheo leo vùng núi Thụy Sĩ. Đầu dốc xa xa, bóng dáng điện Panthéon, đỉnh chóp cao tròn, thấp thoáng như một lời mời gọi cố đi tới, cố vươn lên nữa... Đó là đầu não, là ngọn hải đăng. Cánh tay mặt là Rue de la Montagne Ste. Geneviève và Polytechnique, cánh tay trái là rue d'Ulm và Normale Sup. Hai cánh tay, giữ hai ngọn đuốc ngời sáng, ở một thành phố mà trọng lượng trí thức có thể nói là thuộc vào bậc nhất thế giới.

Normale Sup. Ngôi trường cổ kính vẫn như xưa, trầm ngâm thu mình sau vòng tường chật hẹp, giữa lòng đô thị náo nhiệt. Mảnh vườn trung tâm, vây bọc bởi một đai hành lang vuông vức, vẫn xanh tốt như thuở nào. Một ốc đảo vỗ về, an ủi và thiết tha. Vẫn bồn nước trung tâm với suối nước mát rượi vọt lên cao. Vẫn dãy ghế dài chào đón, và những bóng người trẻ tuổi lướt nhẹ trên lối đi ngang dọc... Một vườn hoa của Arcadia xưa, đậm nhạt dáng vẻ gợi cảm của mấy gã chăn cừu, như trong tưởng tượng Poussin, được dàn trải trên khung vẽ. Thời gian qua... Họ sẽ ra đi, reo rắc tâm tư, trí tuệ lên trang sách, vào lớp học, mong làm trọn nhiệm

vụ người thầy, người "chăn dắt". Để trí thức nhân loại mãi mãi được truyền đạt và kế thừa.

Trở ra đường Lhomond, đến nhà số 2 tôi dừng lại trước cửa. Như đã dừng trước đây gần nửa thế kỷ, thời mới từ gare de Lyon đổ bộ xuống phố phường Paris. Hay đúng hơn *lên* Paris, *monter* à Paris. Vì hào quang và địa vị độc tôn của kinh thành ánh sáng. Từ bất cứ điểm nào, từ bất cứ thành phố nào trên đất Pháp, đi Paris đều gọi là *lên* Paris, bất chấp vị trí và phương hướng. Bỡ ngỡ, bâng khuâng trước ngôi nhà trọ cũ. Bức tường xám, mầu thời gian, nhiều vết loang lổ. Chiếc cửa gỗ nặng nề mà mỗi khi chúng tôi về khuya, bà chủ, cũng nặng nề không kém, nghe tiếng gọi to: "Cordon SVP!", liền bấm nút từ phòng ngủ cho cửa ra vô từ từ mở...

Chẳng còn gì! Màn kịch kết thúc, đồ đạc đã dọn đi hết từ lâu rồi. Người-du-khách-trong-thời-gian bàng hoàng bước vào một kịch cảnh khác. Một cơ sở mệnh danh là "Phòng phát triển du lịch". Những cô thư ký đỏm đáng, lịch thiệp cho biết là bà chủ nặng nề của khách sạn đã đi vào lòng đất đâu từ hai chục năm trước đây, còn sở du lịch được thiết lập tại địa điểm đã hơn bốn năm rồi! Tường vàng nhạt, sạch bong điểm thêm ảnh quảng cáo phong cảnh những miền đất xa xôi. Vóc dáng, vừa hùng mạnh vừa thanh thoát, của những chiếc phản lực liên lục địa in lên nền trời nhiệt đới, khêu gợi, mời mọc...

Người du khách đi tiếp. Trôi tiếp trên đường. Nhìn, nhưng tưởng như chẳng thấy gì. Place de la Contrescarpe gần đấy, rất quen đấy, nhưng cũng xa xôi, lạ lẫm. Cái vẻ đìu hiu, lầm lỳ, như một hòn Trường Sa trước đây của ngã ba hầu như cũng biến mất. Cây cối, hoa lá nhiều thêm, vui mắt hơn, nhưng càng làm du khách thêm ngỡ ngàng. Cho tôi xin lại, xin lại cái trần trụi, cô quạnh xưa của công trường! Chính cái nghèo nàn, chênh vênh đó mới là gạch nối giữa cuộc đời thường nhật và thế giới mộng huyễn thường đi song song như bóng với hình, thân mật, gắn bó hơn ta thường tưởng.

*

Tôi từ từ bước xuống bậc thềm cao vô tận của điện Panthéon, vượt qua tiền đình, được biến thành một biển ánh sáng trưa hè lấp lánh, để bước qua hàng cột khổng lồ vào sân trường Luật. Tôi vốn rất thân thương, gần gũi với những cây cột lim thẳng, mạnh, vững chãi của chùa chiền xưa, miền châu thổ sông Hồng. Bè bạn tâm tình với những cột cẩm thạch, *dorique* nghiêm nghị, *ionique* diễm lệ, của kiến trúc Hy Lạp cổ điển, hay hậu duệ của chúng là lớp cột đền đài dinh thự Paris hôm nay. Thẳng vút, sừng sững. Như cây tùng già chơ vơ bên sườn núi, chống đỡ một trời thủy mặc nhạt nhòa trong họa phẩm xưa. Thẳng, chắc nịch, rõ ràng trắng đen,

như hàng ngàn điều khoản trong quyển dân luật Napoléon mà hai năm đầu cử nhân chúng tôi phải in vào óc như các vị tiền bối nho học xưa, nhớ từng câu, từng đoạn Tứ thư, Ngũ kinh.

Sân trường hẹp, nhưng dãy hành lang thì mênh mông biển Sở. Vẫn thế. Sạch hơn nhưng không hiểu sao lại có vẻ ngập ngừng, tranh sáng tranh tối, không sáng sủa như xưa. Vẫn những bảng trình bày giảng khóa từng năm học, với tên các vị giáo sư khả kính. Họ là những ông thủ từ của tòa đền Pháp lý, quanh năm khoác áo thụng đỏ khi bước vào giảng đường, mà lời nói, đầy tính chất huyền linh, tiên tri, còn dội vang lên như phán quyết của một bài sấm ngữ. Tôi yêu dấy bảng giảng khóa to rộng này. Chỉ độc hai màu: giấy trắng, mực đen. Chỉ độc một "co" chữ cổ điển. Co chữ không bao giờ già và nhất định không thể chết được, dù nghề in có vẽ vời ra hàng trăm kiểu chữ mới, hoa hòe hoa sói đi nữa. "Co" chữ romain đẹp nghiêm trang, đơn giản, gọn ghẽ, sắc nét, như tinh thần pháp lý toát ra từ tòa nhà cổ kính, mến yêu.

Nói chung, cốt lõi của luật pháp, cũng như ngôi trường, không thay đổi mấy. Tuy "ngày xưa" chỉ phất phơ qua đây như một môi trường phụ, tôi vẫn thấy dâng lên cả một trời kỷ niệm từng chia sẻ với vài người bạn cũ. Bây giờ kẻ mất, người còn. Người ở trong, kẻ ngoài nước. Tản mát khắp bốn phương theo một *diaspora*, địa bàn nhiều bi phẫn. *Diaspora* tái diễn sau mấy ngàn năm, kể từ ngày một dân tộc khác cũng đứt ruột lìa khỏi linh địa tổ tiên, trên ven biển Địa trung. Hình tượng một biến cố, một đổi thay long trời lở đất, đầy đủ lớp lang như bất cứ bi kịch nào của nhân loại.

Bạn bè đâu? Tuyết sương xưa đâu rồi nhỉ? Tôi thấy hiện trên màn ảnh ký vãng vài khuôn mặt mờ nhạt, xa vắng. Th. giọng nói nhỏ nhẹ miền Nam, vừa là luật sư, vừa là giáo sư Dân luật. Nh. tính tình vui vẻ, rất yêu thơ và hình như đang giảng dạy kinh tế ở Pháp thì phải. B., vì ở ngoại quốc khá lâu, tiếng Việt nghe lơ lớ, "tức cười", mỗi khi bước lên bục, giảng về công pháp quốc tế tại ngôi trường cũ kỹ đường Duy Tân. V., giáo sư kinh tế, nổi tiếng là gàn, vì hỏi vấn đáp một thí sinh có khi lâu tới gần năm mươi phút, hay rất sợ những tờ giấy bạc "truyền nhiễm, đầy vi trùng", mỗi khi đi mua hàng ở chợ được thối tiền lại!

Đôi cánh hồi tưởng chập chờn như bướm nhỏ. Tôi thấy mình nhẩy bịt mắt bắt dê, rất vô nguyên tắc, từ vật này sang vật khác. Chẳng cần hữu lý, chẳng cần mạch lạc. Từ cặp kiếng dầy cộm của bà phụ khảo Luật Hiến Pháp, đến cây bút chì xanh đỏ to tướng tôi thường dùng để gạch lem nhem lên những đoạn thiết yếu trong tập giảng khóa Dân luật in ronéo. Dân luật là môn bắt buộc nên lười mấy cũng phải dán mắt vào trăm nghìn

hàng chữ nhỏ li ti, mỗi khi "đếm ngược" đến ngày thi, thấy thời gian càng thu hẹp, co rút dần như mảnh da lừa huyền thoại. Từ những cuốn Dalloz và Sirey, nặng chình chịch vì kho án lệ đồ sộ, và vì trọng lượng giấy in không kém gì gạch lát công trường Panthéon, đến cái phất tay áo rộng mầu đỏ đen, đầy kinh nghiệm và uy tín của vị giáo sư luật Hành chính, mỗi khi gặp một đoạn thích thú mà ông cho là rất gợi cảm, rất... nên thơ, (có thể có chất thơ trong một án lệ hay một thuật ngữ luật nào đó, được lắm chứ!).

Tôi lặng lẽ bước ra cửa trường. Chân lảo đảo, lòng trí bất định vì kỷ niệm xưa di động hỗn loạn, ngang dọc trong đầu. Nhưng ngoài cửa, hàng cột khổng lồ vẫn chắc nịch, thẳng vút, minh bạch, đen trắng, rất vô tình và tự tin, đứng đó như từ bao thế kỷ rồi! Chúng chẳng buồn lý đến nỗi xao xuyến, bàng hoàng của một cá nhân nhỏ bé, vừa đặt bàn chân đè mạnh lên bóng chúng đổ xuống thành những vệt đêm dài giữa trưa hè, vẫn sắc nét và không cảm tính...

*

Tôi bừng mắt dậy sau giấc ngủ chớp nhoáng trong chiếc xe hơi của người bạn. Dải đất cổ kính, êm ả này chẳng giống không gian vô bờ miền Viễn Tây Mỹ của hiện tại quen thuộc. Đường hẹp, xe nhỏ. Người Paris đã nổi tiếng là có thể ... "khéo co thì ấm", đưa chiếc xe bốn bánh vào đậu bên lề đường, chỉ dài độ ba thước, một cách ngon lành, gọn ghẽ. Về đây kỷ niệm! Hàng hàng, lớp lớp dồn dập, xô về như sóng trào. Tôi yêu vòng đai hàng rào sắt đen, điểm kim nhũ của vườn Luxembourg. Đẹp như hàng rào Versailles, hàng rào công trường Stanislas ở Nancy, hay chung quanh điện đài Aranjuez gần Madrid. Những hàng rào kiên cố thường mang ý niệm ngăn chặn, vây hãm. Nhưng đây, ngược lại, là ngưỡng cửa, là sườn tầu, mời mọc khởi đầu một cuộc viễn du trong thời gian.

Tôi bước vào vườn, vào con tầu chòng chành còn nguyên men say một thế giới nửa thực, nửa hư. Đúng rồi, gần nửa thế kỷ trước đây, tôi vẫn quen ngồi trên một chiếc ghế dựa, đôi chân thoải mái gác lên một ghế khác. Có thể ngay bên bờ hồ nhỏ dưới thấp, gần trung tâm vườn. Có thể trên cao, dưới bóng những cây marronnier d'Inde, lá xanh tươi nhìn xuống hồ nước từ xa. Để học thi hết trang này sang trang khác, để thầm thì tâm sự như trong mơ qua mái tóc hoàng hôn của một tâm hồn đông điệu.

Tôi yêu những bồn hoa rủ và hàng lan can, ranh giới giữa hai miền cao thấp của khu vườn "tìm thấy lại". Khu vườn nửa cổ điển nửa lãng mạn, nửa Paris nửa Florence... Những bồn hoa gọi về kỷ niệm Watteau. Buồn và lãng mạn của buổi sau vũ hội. Trống rỗng đào thêm hư vô của những *Fêtes galantes*, mầu sắc mỏi mệt dưới ánh đèn khuya, hay trong

những khu vườn đã mòn lối đi. Những hàng lan can gợi nhớ một bao lơn đồng lõa, ngập ánh trăng, của Juliette, hay hàng mi nhòa lệ, cũng ngập ánh trăng, của người kỹ nữ *mộng đề trang luỵ hồng lan can.*

Tôi yêu bồn nước Fontaine de Médicis với cặp tình nhân cẩm thạch, trong một tư thế tuyệt vời mê đắm đến quên hết những hiểm nguy đang rình rập quanh mình. Tia nước phun, long lanh ánh trời chiều, vỡ vụn thành muôn hạt li ti, chợt dựng trong chớp mắt một cầu vồng óng ả làm hình bóng người đối diện bên kia bồn nước cũng đi vào lung linh sương khói. Cảnh vật hiện tại, như lớp sơn dầu họa sĩ chập chờn bao phủ, pha trộn với màu sắc quá khứ! Hay cả hai chỉ là một thực thể trong một khoảnh khắc của Vô cùng. Như những dấu chân trên mặt địa cầu trùng điệp in trùm lên nhau. Như vô vàn ấn bản của quá khứ, hiện tại và tương lai, luôn luôn được tái tạo, hoà đồng.

Ờ, ở đây ta đã hẹn đến lần thứ L rồi nhỉ

Các em gái nhỏ mình vươn vươn xây vườn xanh trên sa mạc lối đi!

Những bóng dáng ngậm ngùi của quá khứ, giờ đây chắc đã nhuộm nhiều màu hoa tuyết trên mái đầu. Những thiếu nữ mảnh mai, duyên dáng trong tấm robe nhiều mầu, đang lướt đi bên hồ nước, hay "thành tượng" trên ghế để tích lũy thêm cho da thịt một số tia tử ngoại cần thiết... Họ là di duệ trìu mến của lớp sinh viên xưa, từng thèm khát trí thức và tình yêu trong khu vườn đầy chất thơ, hôm nay, chợt sôi động. Như một vườn hoa Epicure, theo định nghĩa nguyên thủy, còn mang nặng ám ảnh và tiếc nuối một cánh phù du hạnh phúc nào đó. Hạnh phúc của con người bình thường trong cuộc đời dung tục, nhưng trước hết phải là những lạc thú tâm hồn đã! Hay chính họ là những hồn xưa, đang sống lại, trong một niềm cảm thông vô hạn, với đầy đủ thịt da và hơi thở trần gian, hơi thở tình người. Không biết nữa. Nhưng, người trở về quá khứ tưởng như đang chập chờn bước trong mây. Trong vô giác. Trong thực ảo. Trong nhớ quên. Cho đến khi ra khỏi vườn, trở về thế giới thực tiễn, đầy bụi và tiếng động, bên ngoài hàng rào sắt kỳ diệu...

*

Đại lộ St. Michel là linh hồn của quận 5, của Quartier latin. Cái trục mà một phần lớn đời sống Đại học và trí thức Paris xoay quanh. Từ chục thế kỷ nay. Từ thời Abélard, hiện thân của tinh thần độc lập tư tưởng, bắt đầu suy tư lại mọi vấn đề triết học và tôn giáo. Từ thời cái mầm non Đại học Paris nẩy chồi lớn mạnh trên đồi Ste. Genevieve qua bàn tay phù thủy của Abélard rồi Robert de Sorbon, hai khuôn mặt lớn của Trung cổ đại. Cũng là thời Abélard, sau khi làm cách mạng tư tưởng, đã cùng Héloise làm cách mạng về "những lý lẽ của trái tim", gây chấn động và giông bão

tình cảm trong một quá khứ cực kỳ bảo thủ.

Cái trục trải dài như, sau này, phần nào Broadway hay Fifth ở New York, Michigan Ave. ở Chicago, nhưng ngắn hơn, thêm nhiều chất trẻ, nghệ sĩ và lãng tử trong khuôn khổ cảnh quan trí thức của Tả ngạn. Cuộc sống sinh viên Paris chẩy trôi ở đây, bổ túc thêm thời gian mài miệt trong giảng đường và các phòng thí nghiệm. Nay không còn là thời người ta nói *amore* thay cho amour và *bellitas* cho beauté. Nhưng những thuật ngữ triết, kinh tế, ngữ học, xã hội học... hiện đại, dù không phải là tiếng latin, vẫn dội vang như một bài thai kỳ bí cho người ngoại đạo, dù nghe được trong quán cà phê hay dọc theo khu vườn quanh tu viện Cluny. Ngôn từ phù chú của những thuật sĩ thời đại mang tên Derrida, Barthes, Etiemble, Levi. Strauss.. đang ngự trị trên đỉnh đồi trí thức của Bờ trái sông Seine. Gìn giữ ngọn lửa thiêng ủ ấp từ thời có người dám nói "không" với những thế lực tinh thần cực quyền, với cái Establishment đương thời. Không ngừng khai phá. Không ngừng hướng về phía trước. Đó là khẩu hiệu!

Vật đổi sao dời... Làm sao cưỡng lại được cái chuyển vận triền miên của vũ trụ và con người. Theo tinh thần Đạo học Đông phương chúng ta cứ là ngọn cỏ uốn theo chiều gió, nhưng không bao giờ gẫy. Chúng ta nhập thiên nhiên, đồng hóa với thiên nhiên hơn là đối kháng, để tìm lấy bình an cho tâm hồn. Biết thế, nhưng trước cuộc đổi thay hưng phế, vẫn không ngăn nổi nỗi ngậm ngùi tràn lan như sóng biển. Đại lộ này vốn là nơi ngược xuôi của những dòng thác người trẻ tuổi, tay ôm sách, bước đi nhanh. Tôi yêu cái dáng ôm sách tỳ vào ngực của những nữ sinh viên đông đại với tôi, hơn là cảnh đeo sau lưng những túi cắm trại nặng nề, làm trĩu xuống những bờ vai trẻ siêng năng của thập niên 90.

Cho theo với dòng xuân thu nhịp chân người nữ sinh viên
Áo vướng vương vương áo bồ đài son và trang hiện sinh sách triết học.

Áo bồ đài son! Áo khoác ngoài mà phần trùm đầu, hình bồ đài, như nhiều kiểu mũ thời Trung cổ Âu châu, được dính liền vào cổ. Chi tiết thời trang khá thịnh hành thời hậu chiến. Khi không trùm đầu thì "bồ đài" được lật ra sau lưng, để lộ lớp vải lót, thường là màu son đỏ tươi. Trên đường St. Michel sao mà xuất hiện lắm bồ đài thế! Bồ đài giấy nhỏ đựng frites - khoai chiên - thơm, rực rỡ như những thỏi vàng. Bồ đài đựng hạt dẻ marrons nướng. Chaud les marrons! Bồ đài cầm đến bỏng tay, nhưng nặng cả một trời hương vị thơm bùi, của đồng nội, núi đồi. Và môi thắm trên bồ đài kem: Bừng nở một hồng nhật giữa trời băng dương! Bồ đài bằng bột gaufrette cầm đến lạnh cóng tay, vì nhiều khi chất kem choco-vanille chúng tôi yêu thích nhất, chẩy hẳn ra ngoài thành nhiều vệt nâu, vàng ngà như nham thạch... lạnh!

Tôi đưa mắt nhìn bốn phía. Sao phố phường bỗng như vắng lặng, hắt hiu, tuy người đi lại vẫn tấp nập hai bên bờ đại lộ. Có lẽ bây giờ là cuối niên học, chỉ còn lác đác vài lớp thi cử chậm. Hay vì trường ốc, từ hai mươi năm, đã ít nhiều phân tán, vượt khỏi biên giới quartier latin. Hay vì tâm hồn không còn là tâm hồn xưa. Điều không chối cãi được là nhiều khi thực thể tâm lý không cùng chung tần số với thực thể vật chất, với ngoại cảnh bao trùm không liên hệ.

Những cái gì xưa, nay không còn nữa. Những cái gì xưa không có, nay đột nhiên xuất hiện. Có khi thật là công kềnh, tràn lan trăm ngàn chướng ngại vật. Đang xây là hệ thống métro chạy dưới lòng đường St. Michel, nối liền ga Luxembourg với trạm Châtelet. Những máy đào, ủi đất khổng lồ, nằm chình ình giữa đường. Bánh xe răng cưa và cần cẩu vươn lên cao thành những con bọ ngựa siêu thực, cứng cỏi, xám xịt. Bắt đầu có trạm métro mới Cluny-la Sorbonne. Nhưng nay lại thêm nhiều hạn chế trên tuyến đường ngầm mở rộng từ ga Luxembourg. Không còn nữa, những lúc ào ào, đơn thương độc mã, không trạm kiểm soát, đi ngang dọc khắp vùng Sceaux, Antony, Robinson hay Massy, Palaiseau đầy hương hoa đồng nội! Một đổi thay đặc biệt nữa . Những chỗ "tiện nghi công cộng" lộ thiên giữa lề đường mang tên một hoàng đế La mã thời hậu Julius - Vespasien - vespasienne - cũng không còn nữa. Dẹp chúng đi, những vật kịch cỡm, phản bội mỹ thuật là rất phải. Những người Paris kỳ cựu vẫn tâm sự là thấy tiếc nuối làm sao ấy. Những chuyện linh tinh, nhỏ mọn, nhưng cũng thật là khó hiểu!

Nhưng có những cái mất mát không gợi một chút tiếc thương. Cái hạ cấp nhem nhuốc, cái tiểu tụy rất khả nghi của khu phố La Harpe, St. Séverin, La Huchette... đổ vào đường St. Michel chẳng hạn. Hết rồi những mảnh tường cùi hủi dán đầy tuyên cáo và hiệu triệu chính trị đao to búa lớn! Những affiches rách nát, ướt đầy hồ keo còn chảy dòng dòng như mủ máu, rỉ ra từ lớp ung nhọt đại đô thị. Hết rồi mớ cột ngang dọc, chống đỡ mấy ngôi nhà sắp sụp đổ! Hết rồi bầu không khí hoang vắng, bất an, từ đó hiện ra bóng dáng một hai người Bắc Phi, bước thấp bước cao, lảo đảo trong bộ quần áo đen đủi, nhầu nhĩ. Chai rượu chát cầm tay, vừa nghênh ngang vừa nhẫn nhục, trong lúc "lòng rỗng không túi cũng rỗng không". Nỗi buồn lưu vong và nghèo túng được dìm sâu trong từng ngụm rượu đắng. Cuộc đời lỡ trớn còn dư vị nơi đáy bình khổ đau, ở mãi tận cùng tầng thứ chín một địa ngục không lối thoát. Đây có thể là một khung cảnh hậu chiến tan nát, thê lương. Đây có thể là những khuôn mặt hậu chiến ngơ ngác, quằn quại đau từ đáy lòng. Có phải khu phố này là chất liệu lý tưởng cho một trường phái "tân biểu hiện" tổng thể, nói lên được cuộc

khủng hoảng nội tâm lớn lao của thời đại chúng ta?

"Hôm nay" có nghĩa là đổi mới và tiến bộ. Hãy tin như vậy! Thay vào đổ nát, tang thương ngày xưa là những mặt đường tương đối sạch sẽ và nhiều xe rác nhỏ, diêm dúa như xe sân golf. Xe sơn màu lá mạ, có những cô lái xe cũng xinh xắn, nhẹ nhàng như xe, đôi khi di động cả trên lề đường để làm đẹp thành phố. Bộ mặt mới của khu này còn có nghĩa là một tập hợp tiệm ăn nhỏ làm đám du khách, quần áo xộc xệch, mắt mờ rộng, càng phân vân thêm.

Phần đông là tiệm ăn Hy Lạp mới nhập tịch. Đứng gần quầy hàng sẽ thấy một pha trộn hương vị khá đặc biệt. Mùi rượu chát thoang thoảng chất nhựa thông, mùi thịt cừu gây gây, mùi lá nho hấp, và từng mớ bánh mì thịt nướng trong tủ kiếng... Phải rồi, ngự trị ở chính giữa bếp như một bộ máy-cái, một bảo vật kim ngân ngọc ngà của nền ẩm thực Địa Trung Hải là cái trục nướng thịt. Nó to hơn đoạn tre bương quết chả quế của chợ Hôm Hà Nội hay những hàng giò chả nổi danh ở Đình Bảng, Ước Lễ và Cẩm Giàng miền đồng bằng sông Hồng. Nó quay chầm chậm, quanh nguồn nhiệt phát ra từ một lò điện ẩn bên tường. Những miếng thịt được xếp chặt, đều đặn, từ trước trên trục kim khí, như hạt bắp bám quanh lõi, bén lửa, quyện hương thơm gia vị, từ từ ửng vàng thành một mùa trái chín.

Sức hấp dẫn, thức tỉnh vị giác, vẫn y nguyên như thời các bộ lạc bắt đầu biết chế biến thịt thú rừng trên lửa củi và lá vàng khô. Người bếp chính, áo tablier trắng, tay cầm con roi dài to bản như mã tấu, nghiêm chỉnh đứng bên lò lửa. Một nghệ sĩ hay võ sư sắp trình diễn? Anh chàng, mình đầy kinh nghiệm và kỹ thuật, bắt đầu chém phạt lia lịa chung quanh cái trục, ít nhiều huyền thoại trong giờ phút này, và rồi từng miếng, từng miếng... thịt bún chả Việt Nam rơi lả tả xuống mặt bàn đã lau chùi kỹ. Xin mời bạn nâng ly thưởng thức món thịt nướng và rượu raki chẩy vọt từ bình thành từng tia dài. Rượu chôi tuột vào nơi những cổ họng từ lâu thèm khát ẩm thực trong một khung cảnh lạ, nhiều chất kích thích.

Các nhà sưu tầm, khảo cổ, và sử gia từ Elgin đến Schliemann, từ Spengler đến Grousset, đều ghi nhận là qua bao thăng trầm lịch sử, qua bao xáo trộn nhân chủng: cổ Hy Lạp, La mã, Goths, Ý, Venetia và nhất là Thổ Nhĩ Kỳ ở thời cận đại, ông chủ quán hôm nay đường St. Séverin nhất định không còn là di duệ chính thống của những người xây điện Parthénon hay đền Apollon ở Delphes nữa. Cho nên ta có thể thoải mái quên đi anh hùng ca Homer hay triết học Platon mà hạ sơn, xuống là là mặt đất. Xuống cõi đời bình thường này, sống những lạc thú vị giác rất trần gian, rất nhân sinh cụ thể với ly rượu chát và mấy chiếc soulavsky -bánh mì thịt nướng- chắc chắn không phải là món ăn trân qúy bằng sữa và mật ong của các

linh thần xưa trên đỉnh Thi Sơn!

Nghe tiếng ồn ào, lách cách dĩa chén, tiếng nói chuyện lơ lớ của đám thực khách, câu được câu chăng. Nghe một điệu hát lơi lả, u buồn từ máy phát thanh như còn mang nặng hơi nắng một miền gió cát thổi về bến cảng. Nhìn một con két xanh nhẩy nhót trong lồng với một nắm lông đầu mầu son đậm. Nhìn dáng đi nhún nhẩy bỏng lửa của cô hầu bàn, váy chẽn ngắn, tóc và mắt đen, sâu thăm thẳm. Tự nhiên tôi cảm thấy tất cả cái oi nồng, mệt mỏi, cái chán chường, thoáng điểm chút sắc dục rã rời, khúc mắc, của một khung cảnh, một ambiance rất levantine, rất alexandrine mà chắc Durrell phải thấy ngay là gần gũi, quen thuộc. Tôi muốn quên hẳn Durrell đi trong lúc này. Nhưng môi trường và ấn tượng vẫn còn đó. Như một hải đảo giữa lòng Boul'Mich. Tôi nhớ lại bữa tiệc ngoài vườn, giữa trưa hè, của một người bạn Chypre ở ngoại ô Paris -Montrouge- thời còn đi học. Cũng bầu không khí và xúc cảm mường tượng như vậy, nhưng tôi chỉ ý thức lờ mờ, không xác định được rõ ràng là cái gì. Hôm nay, thêm kinh nghiệm Durrell và tuổi đời, mọi chuyện có vẻ rõ nét hơn. Cảm ơn Durrell! Cảm ơn giác quan chai lì nhưng vẫn muôn vàn tinh tế của Durrell!

Giác quan gọi về lớp lớp kỷ niệm trên đôi cánh hồi tưởng. Âm, sắc, vị, mùi... là những sứ giả tiền trạm của quá khứ. Tiếng một loài chim hót gợi nhớ Combourg cho René trên bước đường lữ thứ. Chiếc bánh ngọt của mẹ, hàng rào tầm xuân, cánh hoa pervenche, xanh như mắt nữ công tước, là những âm hưởng thời gian trong thế giới tuổi thơ của Proust... Tôi cũng đi tìm những vang vọng xưa ở dọc lề đường Sommerard và rue des Ecoles, ngay chỗ giáp ranh đổ vào đại lộ St. Michel. Nơi đây vị giác, không thành kiến, của người sinh viên trẻ ở thập niên 50, từng được thưởng thức cái ngọt bùi, thơm nhè nhẹ, của kẹo hạnh nhân quý phái và pain d'épice mộc mạc, bình dân. Để rồi tất cả hầu như tan loãng vào hương hoa tâm hồn mà người gái Paris -người thầy tình cảm- mặn mà, hồn nhiên, đã đem lại cùng với bó lilas còn đẫm sương mai ngày cuối tuần...

Dragée, kẹo hạnh nhân nguyên hạt, giống như một bông tai đá quý, một khuôn mặt trái soan đầy nét thơ. Praline, kẹo hạnh nhân nghiền vụn. Cũng từng ấy mùi vị, nhưng âm hưởng praline làm nhớ tới những Pauline, Micheline của giảng đường văn và triết đường St. Jacques. Vậy thì làm sao có đủ can đảm bỏ một chiếc praline vào miệng để triệt tiêu những hình hài khả ái đó trên mặt khu rừng, đầy dặc gai lưỡi nhậy cảm đến mức tối đa, và làm sởn da gà, nếu nhìn qua góc độ kính hiển vi. Ngược lại vẫn có thể, không nghĩ ngợi gì, phũ phàng nắm lấy, rồi nhai ngấu nghiến chiếc kẹo bé bỏng trong cuồng loạn của một cung cách xử thế sadistic

nào đó. Praline! Praline! Cũng một vật đẹp nhưng có thể đưa tới những tác phong đối lập, tất cả đều khả dĩ biện minh! Mầu dragée và praline. Trắng, xanh da trời, hồng nhạt, tím hoa cà... Mầu Vệ nữ. Mầu pastel. Mầu valisère của những nửa khuya hiện hữu nhất. Mầu sắc những tâm hồn dịu dàng, tế nhị gần như yếu đuối, *kiều vô lực*. Mầu sắc mờ loãng, mong manh như cửa mở về mộng mơ của những vùng trời ấn tượng đã được cô đọng, níu giữ trên khung vải từ cuối thế kỷ trước.

Pain d'épice, bánh hương liệu có mùi quế, gừng, đinh hương, thoang thoảng phong vị Đông phương và không khí nồng nực của một vĩ tuyến nhiệt đới... Tôi vẫn nhớ trường hợp E. Quinet thuở hàn vi. Đem cái bánh đó tới trường, nhấm nháp bên cạnh cao lương mỹ vị của bọn con nhà...kiểu dưỡng. Để có vẻ như bánh ngọt "ăn chơi bời" mà thực ra vẫn no lòng, vẫn rẻ tiền. Cái sĩ diện, cái tự ái và óc sáng kiến, tháo vát của con nhà nghèo!

Một sản phẩm đáng yêu khác nữa của những dòng sông phố nhỏ đổ vào trường giang St. Michel. Kẹo lạc, nougat de Montélimart. Kẹo được cắt thành từng thỏi màu ngà bóng, điểm thêm đậu phụng hay pistachio, trông như mặt đá cẩm thạch nhiều đường vân tròn, ngang dọc. Tôi đã yêu tha thiết những miếng kẹo dẻo quánh, bùi thơm này. Có phải vì hồi quang tuổi trẻ và quê hương? Chúng ta khó mà quên được mảng kẹo kéo "càng kéo càng dài..." ở một thời xa xôi. Cũng mầu ngà, cũng vị bùi thơm của đậu phụng và chất bột, đường nấu keo lại cho thật đúng độ dẻo quánh, ngon lành. Ngon đến nỗi lũ học trò nhỏ chúng tôi đứng chờ... càng suýt soa thán phục, khi thấy khối kẹo cứ trườn mình dài ra như một dải ruban bất tận, nhưng cũng dễ đứt ra từng đoạn với cái búng tay rất là phù thủy của ông hàng kẹo, Satan quyến rũ và đầy quyền uy.

Hương vị đậm đà của quê hương tuổi ấu thơ, tuổi kẹo kéo và Quốc văn giáo khoa thư... Hương vị tương ứng ở tuổi thanh xuân, nơi đất lạ, với sức quyến rũ huyền hoặc của kẹo nougat và praline, praline... Những mảnh hồi tưởng vụn, nhỏ, nhưng cũng thật là lớn lao! Được trân trọng sàng lọc qua màng lưới tình cảm bắt nguồn từ cửa ngõ giác quan rộng mở. Tôi cố đuổi theo thời gian đã mất. Mong manh như cánh bướm, khuất lấp đâu đây ở những bến bờ kỷ niệm nào? Tiếc thay chẳng còn tiệm bánh kẹo xưa ở đường Sommerard và rue des Ecoles nữa. Đành phải đi tìm những kỷ vật ngọt bùi ở một khu phố khác vậy! Chỉ còn bánh hương liệu, pain d'épice, tương đối dễ kiếm trong bất cứ tiệm thực phẩm nào. Nằm dài như một khối bông bọt biển xốp, mầu mật ong chín đậm, bên những chai St Emilion hay Evian trong như lòng suối bạc.

Kỷ niệm về thực phẩm ở khu St Michel, thập niên 50...Tôi gói ghém cẩn thận mớ kẹo bánh vang bóng một thời trong hành lý. Để về chia sẻ với

ít người bạn vong niên cùng chung một hậu trường tình cảm. Người Mỹ không mấy ưa thích những món ăn cứng rắn hay quá dẻo quánh (có phải là chiết trung?) hoặc nhiều hương liệu mạnh. Những dân tộc có một nền văn hóa cổ xưa, một "túi khôn" rộng lớn, thường có vị giác khá đặt biệt. Ưa chế biến hay thưởng thức những món ăn tinh vi, phong phú như một công trình nghệ thuật. Cho nên, về một phương diện nào đó, có lẽ chúng ta gần gũi Âu châu hơn Tân lục địa non trẻ, chưa nhiều kinh nghiệm sống...

Kỷ niệm về thực phẩm ở khu St. Michel... Có thể vì từ trường vị giác dàn trải mênh mông, tác động mạnh trên thân xác đến không cưỡng nổi. Thực ra đại lộ này muôn hình vạn trạng. Nó là cây đại thụ, gốc rễ bờ sông Seine, ngọn ngành Blvd Montparnasse. Nhưng tưởng như khởi sự từ lòng đất vút tới trời xanh. Nó nằm dài theo độ hoành, tôi muốn dựng nó đứng lên cho hẳn một độ tung. Vì tâm tư đã tiếp cận thời và không gian để chuyển xoay mọi vật, bất chấp lý trí, lương tri và các định luật vật lý. Nó là cây nhân sinh, lá không tuổi, hoa không tàn. Tôi từng bắt chước nàng Tấm đan những chiếc lưới nhỏ buộc bao nhiêu trái kỷ niệm, vừa ngọt ngào, vừa cay chua, lên ngang dọc lá cành. Tôi ngồi bên bờ thời gian, dưới gốc cây thân thương, mình kết bằng từng mảng dĩ vãng, nghe thơm ngát như sóng dậy trong lòng.

Đại lộ St. Michel... Dòng sông lớn chảy qua tâm hồn tuổi trẻ sinh viên Paris. Cũng là dòng thời gian. Dòng sông hồi tưởng. Vi lô san sát bên bờ. Giữa dòng là muôn cánh hoa kỷ niệm. Muôn mặt trời của thể hiện rực rỡ. Muôn cành củi mục của những giấc mơ không thành. Cái tôi nhỏ bé nào rồi cũng trở về tan loãng trong đám đông, trong đại ngã, trong dòng chủ lưu vĩ đại:

Du tử say! Mênh mông dòng-người-toàn-thể
Xin dâng lòng đã quặn đau vì tình bảy mối
Xin dâng đợt sóng nhỏ trong đại dương tâm linh!

Tôi thầm hẹn với "đại lộ sinh viên" là sẽ trở lại nhiều lần trong những ngày còn lưu lại bên bờ sông Seine. Những người sinh viên già, từng tắm mình trong vầng sáng Paris, thường mang theo hội chứng St Michel. Như một dấu ấn ăn sâu vào thịt da. Tôi sẽ còn trở lại chia sẻ tâm tình với đường xưa lối cũ!

*

Qua mấy phố nhỏ quanh co, trước kia tôi thường đi đến mòn chân, đây là cổng thân quen của Sorbonne. Cổng bên hông, đường V.Cousin, dành cho sinh viên. Mầu thời gian không xanh. Cũng không tím ngát như lọc qua cái nhìn tái tạo sự vật của thi nhân. Nhưng in đậm dấu vết thịt da

và tâm hồn của bao đợt sóng thế hệ trên đường tầm sư học đạo...

Cửa mạch vòng cung, vừa nặng nề vì quá lớn, vừa thanh thoát như muốn bay bổng lên trời xanh do ma lực của đường nét kiến trúc. Vẫn đám sinh viên bán báo chính trị và phát truyền đơn đối nghịch. Có lúc xô xát đến vỡ đầu, chảy máu, để mấy hôm sau lại đứng bên nhau, bình thản, rao bán mấy món hàng ý thức hệ thời thượng. Thời tôi, ở phía cực hữu vẫn là Le Pen, lúc đó chỉ độ ngoài hai mươi. Và ở phía bên tả, Jacques Vergès bắt đầu xuất hiện (nay hình như người con đảo Réunion, mang nửa dòng máu Việt đó đã phần nào thay đổi?). Huynh trưởng của họ, về phía Jacques, là Cl. Roy, R . Garaudy... (cả hai, nay đã rũ sạch bụi bậm ý thức hệ loang máu của một thời nông nổi!). Về phía Le Pen là Th. Maulnier, R. Brasillac, những người mà ta không chấp nhận thái độ chính trị, nhưng vẫn mến phục văn tài sâu sắc và thật là quyến rũ. Xa hơn, trong thời gian, về phía Việt Nam, có thể có cả Phan Chu Trinh, Phan văn Trường rồi Nguyễn An Ninh... Vì qua khung cửa này, vào trong, là thế giới của tự do tư tưởng. Thế giới chính kiến muôn màu, mặc dầu truyền thống vẫn là truyền thống.

Tôi bước vào sân trong. Trời xanh lồng lộng. Những phiến đá vuông, nhỏ, vẫn dội vang tiếng ngàn xưa dưới chân du khách. Những bậc hè cẩm thạch vẫn trắng trong như lòng tuổi trẻ. Những hàng hiên cửa võng vẫn vươn lên, mình cánh cung, như xưa. Tôi hơi rùng mình. Thời gian như ngưng đọng. Cái nhìn của Sorbonne. Của người mẹ. Của người tình:

Mẹ Sorbonne da mồi tóc bạc
Nhưng không tuổi và trẻ hơn hiện tại.

Những giây phút huyền nhiệm. Có lúc người và vật dường như cảm thông quấn quýt lấy nhau. Trói buộc lẫn nhau bằng ngàn sợi dây vô hình, bằng màng lưới thần giao. Tôi đứng sững giữa sân trường. Chết đứng. Nước mắt thấm ướt gò má. Sao lại có thể như vậy? Ủy mị, yếu đuối quá đi thôi! Bèn lấy kính mát ra đeo, dằn lại dòng điện cảm xúc đã làm rung chuyển toàn thân. Bốn mươi năm rồi còn gì! *Tứ thập niên gian hựu phùng quân*. Lý, Đỗ và họ Tô ở Hoàng Châu! Hãy cho tôi vay mượn ngôn và từ để nói lên một xúc động chưa từng kinh qua. Cho tôi giải tỏa niềm ngậm ngùi reo vui này. Như một mảng khí áp, một khối tích tụ chặn ngang lồng ngực vừa trải qua cơn địa chấn.

Cái nhìn của Sorbonne. Cái nhìn của mẹ, của người tình. Sau bao nhiêu thập niên dâu biển, hựu phùng quân! Không phải cái nhìn ngỡ ngàng, chua xót khi thấy cố nhân đã sánh bước với người xa lạ nào đó. Cũng không phải như trong một cuộc viễn quy, khi qua Bờ Hồ hay Chợ Hôm, chợt thấy ngôi nhà thân yêu đã có người lạ ở, và mình chỉ còn biết đứng loanh quanh đâu đó, ngắm nhìn xót xa như một ngoại nhân. Đây là

cái nhìn cảm thông không trọng lượng mà cũng nặng ngàn cân, khi đường biên ngăn sông cách núi giữa người và sự vật không còn nữa. Có phải cây, đá, với người, xưa vẫn thầm thì tâm sự, đồng hóa, trong cái Đại Hòa đồng của Đại Ngã không cùng?

Sorbonne. Người mẹ, người tình không thể mất. Dù vật đổi sao rời. Vẫn đó sộ, sừng sững trước mắt như một hiện diện trìu mến. "Ở đấy", rất thực, cụ thể, rất "hôm nay". Và đồng thời vẫn nằm sâu trong đáy tim người trở về, từng gìn giữ bóng hình quá khứ, tham lam, độc chiếm như ôm chặt con búp bê bé bỏng, xưa cũ, trong lòng. Hai hình tượng của cùng một sự vật, in chồng lên nhau. Ăn khớp như hai chị em song sinh, tuy vẫn có những dị biệt nhỏ. Hai hình tượng xuyên qua trục thời gian, ly cách bởi bốn mươi năm thời lượng toán học. Khoảng cách có thể gần xa tùy theo thời gian tâm lý. Ở giữa là muôn vàn kỷ niệm: gợi nhớ, liên tưởng, tái tạo, mường tượng, từng lúc, từng ngày mỗi khi nghĩ tới ngôi trường cổ kính. Tất cả những sợi kỷ niệm nhỏ đan xen, bền chặt, ráp nối hai hình tượng xưa và nay ở hai đầu, kết thành một khối kỷ hà nhịp nhàng trên trục thời gian. Để gìn giữ sinh mệnh của những vật mến yêu từng thấy và được gặp lại...

Tôi bước nhẹ vào tòa nhà lớn, đi qua những dẫy hành lang mênh mông và giảng đường một thời quen thuộc.

Tiếng đàn thần diệu dẫn tôi đi
Qua những sân cung rộng hải hồ

Tiếng đàn là tiếng thời gian. Là lời giảng reo rắc trí tuệ và xây dựng tình cảm. Nối tiếp truyền thống Khổng Khâu, Chu An và Socrate, bóng dáng như còn phảng phất đâu đây. Cung điện là đây, nơi mẹ Sorbonne tâm tình rộng mở, nơi đồn trú ngàn năm của Tinh thần và Sáng tạo. Cũng là cung điện riêng của một tâm hồn xây bằng kỷ niệm, bằng ý thức hiện hữu và tồn tại qua những thăng trầm lịch sử của người mộ đạo, trên đường hành hương, về chiêm ngưỡng lại nơi chốn cũ.

Amphi Descartes, đại bản doanh của ban Văn chương Pháp. Tôi yêu vóc dáng vị thần nữ, áo lụa trắng dài tha thướt, như đang nhẩy múa giữa một vùng sương khói mờ nhạt rất ấn tượng, dàn trải trên bích họa lớn, ngay sau lưng bàn giáo sư. Đó cũng là khuôn mặt của Thơ. Nhạc điệu lụa trắng. Hình tượng sương khói lãng đãng. Có cần nhắc lại là, trong những năm đèn sách của tôi, Thơ luôn luôn hiện hữu. Luôn luôn được mổ xẻ nơi đây. Bởi những người thầy có kích thước lớn. Những hải đăng, những la bàn không mỏi mệt trong "đạo học mênh mông sánh biển trời". Họ vẫn còn đây! Nhào nặn trí óc và tâm tư tôi. Bồng bế tuổi thanh xuân của tôi, kèm theo lời dặn dò thân thương: "Phải tiến xa, đi lên những con đường

mà các thế hệ trước chưa từng đi, hay tưởng không hề có!". Họ vẫn quanh quất đâu đây:

M. Levaillant. Mái tóc bạc phơ và cả một cuộc đời đuổi theo dấu chân V. Hugo. Cũng một tuổi trẻ bị con qủy thơ ám. Và một chút hương xưa: ở một thời điểm nào đó, người giáo sư mới ra lò đã rất mộng mơ đi vào cuộc đời tình cảm của không ai khác hơn là Anna de Noailles!

J.M. Durry. Cái duyên dáng thanh tao và đài các của người phụ nữ thượng lưu Pháp. Da trắng, mắt xanh nâu, áo dài đen. Chúng tôi tin chắc, sau mỗi giờ giảng về Apollinaire hay J.Laforgue, bà lại thong thả trở về chiếm lại chỗ trống trong tranh Renoir ở trung tâm những bức nổi danh như Mme Charpentier hay Moulin de la Galette. Với phong thái an nhiên, tự tại nhất, vì những khuôn vải bất diệt đó mới đúng là địa chỉ chính thức của bà!.

P. Moreau. Ông thầy "ruột". Khuôn mặt dài rất Baudelaire, trán rộng mênh mông, cằm nhỏ. Đi sâu vào văn học thế kỷ 19 và 20 như một tín đồ ngoan đạo. Cái mẫm cảm, sắc bén có chiều sâu của một thẩm quan bao trùm, dường như còn phân vân giữa cổ điển và lãng mạn, giữa hai vẻ đẹp apollinienne và dionysiaque. Ông thầy say sưa nói đến chiếc váy dài ba tầng của những buổi dạ hội đầu thế kỷ, đẹp và nhịp nhàng như cơ cấu tam đoạn luận, như quy tắc ba thống nhất của kịch cổ điển, như kiến trúc bất biến của một số công trình xây dựng bằng cẩm thạch cổ đại. Một buổi chiều, cùng tôi bước trên lối đi trải thảm lá vàng, giữa mùa thu Fontainebleau, ông ngậm ngùi nói về sắc hoàng hôn trong rừng vắng, về những "khổ đau nhỏ bé của tuổi già", les petites misères de l'âge. Rồi thong thả nhẹ ngâm: *Nous n'aurons plus jamais notre âme de ce soir!*. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ còn tâm hồn buổi chiều hôm nay nữa.

Amphi Turgo và nhất là amphi L.Liard... Đẹp vàng son như một phòng tiếp khách điện Versailles. Qua những sân cung rộng hải hồ... Chúng tôi đã có mặt ở đây hàng giờ, chăm chú nghe Merleau-Ponty ("Vấn đề mà triết gia đặt ra không phải là *cái tuyệt đối tuyệt đối* mà là cái tuyệt đối trong tương quan với bản thân"...) để một lúc sau lại theo ông sang Collège de France, ngôi trường không bằng cấp, không giảng khóa cố định ("chủ nghĩa hiện sinh có thể là nơi hội tụ của những trào lưu tư tưởng hiện đại, bề ngoài có vẻ rất khác biệt"...).

Hay, vào sáng thứ sáu, cùng hẹn nhau đến ngồi chung quanh V. Jankelevitch, hùng biện và tinh tế. Khuôn mặt triết gia khổ hạnh, mắt sâu vời vợi, mệt mỏi nhìn ra những khoảng không gian mơ hồ. Hình như Vladimir lúc nào cũng gánh nặng tất cả nỗi u sầu của một trí thức lưu vong. Gánh nặng gấp đôi con người bình thường, trong hoàn cảnh xa xứ.

Sống giữa Paris, nhưng hồn đau còn vật vờ, dưới trời xám mênh mông của quê hương, bên bờ sông Volga. Hôm nay, ngồi lại đúng chỗ cũ trong giảng đường, tôi bỗng thấm thía, như chưa từng bao giờ thấy, nỗi buồn của vị thầy cũ. Ông đã ra đi nhưng hội chứng ly hương còn triền miên ở lại với chúng tôi...

Quang cảnh Sorbonne, *đến nay thấm thoắt mấy tinh sương*, tất nhiên cũng có một số đổi thay. Các thế hệ nhân viên giảng huấn, từ ba mươi đến sáu mươi tuổi, con cháu những người đã khuất, tiến lên, tiếp nhận ngọn đuốc. Tre già măng mọc. Đợt sóng sau chồng lên đợt sóng trước... và, cứ thế mãi cho sự liên tục của Đời sống, của Tư tưởng và Nghệ thuật... Nhưng tôi tin là anh hồn các vị thầy cũ của tôi vẫn quanh quất, đâu đây. Tan loãng trong một bầu khí quyển linh thiêng. Muôn ngàn phân tử chập chờn khắp bốn phương, nhưng luôn luôn trở về nơi chốn hội ngộ, do một hấp lực huyền bí nào đó. Người sinh viên của thập niên 50 đã trở về ngôi nhà cũ đây! Ngôi nhà kỷ niệm thân thương. Vẫn còn như nghe thấy tiếng giảng bài, tiếng đọc thơ... Tôi nghĩ là sân trong, đại sảnh và nhà nguyện Sorbonne phải trở thành một thứ Westminster Abbey, với những nấm mồ cẩm thạch của các vị thầy cũ, vây quanh mộ Abélard và R.de Sorbon.

Từ các hòn đảo giảng đường tôi trở ra "dẫy hành lang biển rộng Sorbonne". Ngồi, như gần nửa thế kỷ trước, trên chiếc ghế dài bằng gỗ sồi cổ kính, nơi "chúng tôi" từng ôn bài thi và tâm tình vụn. Vẫn thế. Vòm mái thanh thoát, đá lát sàn trơn bóng. Đây là những đại lộ bên trong tòa lâu đài để tuổi trẻ mộng mơ và thoải mái đi lại ngược xuôi. Lâu lâu, một vài lần trong năm, hệ thống hành lang lại được biến thành sàn nhảy hay nơi triển lãm sách báo. Một người gác dan, áo đồng phục, trịnh trọng cho biết là những hoạt động giải trí và văn hóa ở đây vẫn tồn tại như xưa. Kỷ niệm như vậy là còn nguyên vẹn trong ngôi nhà hoài niệm!

Tôi nhắm mắt hình dung lại quá khứ. "Phòng" triển lãm thì sách trên sách dưới, sách trong sách ngoài. Và các tác giả, nghiêm chỉnh ngồi ký sách, thì chẳng khác gì ba tòa linh thần trong một Hall of Fame. Đài tôn vinh không phải vai u thịt bắp mà chất xám não bộ, hệ thống tế bào siêu đẳng, quý phái nhất. Ở đây tôi đã gặp Robbe-Grillet tóc đen, râu quai nón, nét mặt sống động, Fr. Sagan, học sau tôi vài lớp, mặt trái soan dài, nét trẻ trung, hóm hỉnh không khác gì một cô sinh viên lớp dự bị... J.Prévert, dáng dấp khoan thai, trầm tĩnh, với điếu Gauloise không bao giờ rời đôi môi. Kỷ niệm đáng ghi nhất là tác phẩm Tristan Tzara đề tặng tôi, một độc giả trẻ luôn luôn ái mộ những nỗ lực khai sơn phá thạch trong nghệ thuật. Lúc đó nhà thơ đã già rồi, cử chỉ mệt mỏi, nhưng cẩn trọng, trong từng nét chữ. Tôi ôm chặt trước ngực cuốn sách nhỏ nhà Seghers xuất

bản. Nóng ấm như một mặt trời sáng tạo. Như một ngọn đuốc tình cảm truyền lại cho thế hệ tới sau. Hãy tưởng tượng Tristan Tzara, vị tiền bối sáng lập ra phong trào Dada!

Còn những buổi dạ hội Sorbonne, đầu xuân hay trước mùa Giáng sinh nữa! Cũng diễn ra tại đây, những hành lang lịch sử. Hình tượng quá khứ từ từ trở về, chập chùng màu sắc. Chúng tôi đã hẹn nhau từ chiều thứ sáu, *Tu viens?* sau những giờ mọt sách trong thư viện hay làm luận văn đến mờ cả mắt. Tên những người con gái ấy có cái gì thật là nhẹ nhàng êm ái. Nhiều âm hưởng bình thanh. Lời thì thầm nhỏ to của gió xuân. Tiếng trầm trầm như sóng lam biển lặng tan biến trên bờ cát. Tên những người con gái ấy... Từng âm tố một, dường như cũng được giăng mắc đầy hoa kỷ niệm. Hương say cỏ dại. Xúc cảm thịt da. Vị ngọt trái chín cây giữa trưa hè...Đã có nhiều buổi hẹn hò với chất keo sơn và hấp lực tương tác của những từ trường cảm và tình. Hôm xưa, hôm nay, chiều thứ bảy? *Sàn nhảy chập chờn như biển gió.* Bụi phấn hương. Sương khói thuốc thơm và vị rượu mạnh làm tê dại đầu lưỡi. Tiếng sột soạt của hàng trăm áo dạ hội tha thướt, uyển chuyển được khuếch đại lên thành tiếng áo, tiếng chân từng đoàn Tân cung nữ trong *Oán Bái Công Văn?* Hưng phấn làm ngôn từ bỗng trở nên cường điệu, tuy bao nhiêu nước đã chảy qua cầu sông Seine từ dạo ấy!

Những bóng người chợt đi qua đời chúng ta ở một thời điểm nào đó... Có nên khơi lại lớp tro dĩ vãng không? Cuốn Bottin Paris còn nằm im trên bàn với những số điện thoại mã số 75 nổi danh. Nhưng tôi đã không dùng đến chìa khoá mầu nhiệm này. *Thương hải tang điền* trên mặt địa cầu. Trên cả những *phù dung như diện* và tâm hồn đẹp nhất. Tôi muốn giữ nguyên vẹn những hình ảnh xưa. Và chắc phía bên kia cũng vậy thôi. Vì bài học Mai phi, người tình siêu đẳng. Cành mai vương giả, một thời sủng ái, từng muốn ai đó chỉ được giữ lại hình bóng đẹp nhất của mình ở tuổi hai mươi thôi. Gìn giữ mãi, cô đọng, hóa thạch, trong hoài niệm, một khuôn mặt tuyệt vời, như không hề có phiên bản nào khác trong thời gian. Bằng những đường lối và phương tiện khác nhau, Mai phi và tác giả "Đi tìm lại thời gian đã mất" đều cố gắng chống lại tàn phá ác liệt nhất của thời gian. Tôi nghĩ, trong trường hợp tương tự, chúng ta chỉ cần khôn ngoan và lặng lẽ đi theo dấu chân người xưa thôi!.

Như một nghi lễ không thể thiếu được tôi bước ra mặt tiền Sorbonne, nhìn lại khu vườn nhỏ có tượng Montaigne. Nơi trước đây tôi hay lui tới, lắm lúc có một mình, tưởng như đang tâm sự thầm kín với người hiền xưa. Hoa lá cành xum xuê vây bọc, khuất lấp mấy khối hình cẩm thạch. Paris nhiều cây, nhiều màu xanh, mát mắt hơn trước. Nhưng có lẽ Montaigne

cũng cảm thấy mất mát hơn trong khung cảnh mới. Không còn trời xanh trong vắt như tư tưởng con người không ngừng săn đuổi hạnh phúc giữa một thời đại nhiễu nhương. Không còn mây trắng lững lờ, nhàn tản như con người Phục hưng, hưởng thụ toàn diện, và tự buông trôi theo dòng đời. Tôi muốn nghe một thông điệp, một lời nhắn nhủ, từ tâm hồn lớn lao đó. Tâm hồn báo hiệu tinh thần và trí thức mới của thời đại chúng ta.

Một phụ giáo cổ văn La mã lân la chuyện trò và chụp cho khách lạ một tấm ảnh. Anh còn rất trẻ, ngoài ba mươi thôi - tuổi trẻ nhất trong ban giảng huấn - tò mò hỏi khách từ phương nào lại nơi đây. Khách bỗng nhiên cảm thấy một tâm hồn Hạ Tri Chương, khi về quê cũ, gặp em nhỏ tươi cười hỏi khách ở đâu tới, *tiếu vấn khách tòng hà xứ lai*. Rue des Ecoles 1996... khách đã thành người xa lạ vì tuổi đời và chiều dài ly biệt. Đành ngậm ngùi, cố đứng vững bên ven bờ hiện tại để khỏi chìm đắm quá sâu vào dĩ vãng. Nơi mà theo định luật hoán cải của thời gian thường có quá nhiều buồn chiều và lá vàng thu! Thực ra, khách chỉ có một quê hương, một đất mẹ, tâm điểm của mọi tình mến thương, ở mãi tận bên kia đại dương. Một quê hương đau khổ, tan nát! Nhưng cũng như Holderlin có thêm Hy lạp là quê hương tâm tưởng, quê hương trí thức, khách cũng từng ôm ấp, vỗ về thêm một quê hương, quê hương đèn sách vùng Tả ngạn. Nơi có khối óc và trái tim Sorbonne. Nơi có những "người thầy tình cảm" diễm lệ mà một ánh mắt, một nét môi, một dáng chuyển mình cũng có thể làm nghiêng ngửa cả một tâm hồn!

Từ rue des Ecoles tôi quay sang rue St Jacques. Hình như tuân theo một trường lực huyền bí, kết tụ từ lâu, lâu lắm rồi. Trong cuộc đời sinh viên, không sớm thì chiều, mỗi ngày tôi hay ngược đường St Jacques, một đoạn của trục đường nối liền Biển Bắc với La Mã xưa. Nó đã có một thời vàng son. Đường của những chiến binh bắc tiến, của đoàn người trẩy hội hướng về Lourdes hay St Jacques de Compostelle. Chúng tôi, những thế hệ sinh viên kế tiếp, lại còn thêm cho con đường một chiếc áo khoác nhuộm màu trí thức thực đậm nét. Nó là con đường suy tư, ôm một bên mình toà nhà đại học cổ kính. Giống như "đường Triết lý" quanh co quanh khuôn viên đại học Koenigsberg, nơi Kant hàng ngày vẫn đi những bước tản bộ đều đặn như kim đồng hồ. Dĩ nhiên tuổi trẻ Đại học, trên đường St Jacques, không hề có dáng dấp khắc khổ, buồn thiu của nhà triết học thiên tài!

Tôi đứng im, chiêm ngưỡng tòa lâu đài đồ sộ của Trí thức, nằm dài theo đoạn đường lịch sử như một nữ hoàng không tuổi. Nhà lững thững theo đường, đường lững thững theo nhà, để làm nên một tổng thể hòa hợp hiếm có. Đứng ở đầu nào, nhìn về phía trước, thì cũng là một phối cảnh

nhịp nhàng của những đường kỷ hà ngang dọc. Ba bốn tầng nhà dài vô tận thành một khối. Ba bốn dãy cửa sổ đều đặn, ngang dọc. Trên ngọn đỉnh, từng dãy ống khói và cửa tò vò đều đặn, ngang dọc. Một cây tháp nổi cao lên, sừng sững, đơn độc. Chóp tháp tròn, mầu xanh, nửa lá cây nửa da trời, tương phản với toàn khối hình kỷ hà, góc cạnh, đa số chạy theo chiều ngang, tương phản với mầu xám những tảng đá xưa, mầu thời gian lên nước.

Mùa đông, áo choàng tuyết trắng trong giấc ngủ phục hồi. Mùa hè, áo xám ửng lên, phơn phớt mầu mơ chín nắng hoàng hôn. Tôi vẫn gọi Sorbonne là một hải thuyền Trí thức và Tình cảm bập bềnh giữa biển đời dung tục, duy vật và tương đối vô cảm này. Như một chứng tích bất diệt. Để nói lên cái phần cao cả, linh thiêng nhất của con người, luôn luôn hướng thượng, và mang nỗi nhớ khôn nguôi một quê hương Chân, Thiện, Mỹ nào đó. Nếu có một ngày bất hạnh, cơn hồng thủy bỗng dâng cao, chìm ngập tất cả, thì Sorbonne vẫn hiên ngang là một trong những chiếc thuyền Noé. Để cứu vớt và gìn giữ những bảo vật đẹp nhất, vốn vẫn là lẽ sống của con người.

Tôi đứng im, chiêm ngưỡng..., đông hóa với cảnh vật. Toà nhà xưa vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, sừng sững *ở đó* như một hiện diện lịch sử. Đẹp vì đường nét đã được lột đến cốt lõi. Ở đây kiến trúc hầu như biến thành ý niệm. Công trình xây cất công kềnh gạch đá chỉ còn là một nhạc điệu, nhạc điệu ngợi ca Cảm xúc và Suy tưởng. Có những đền đài, chùa miếu, những cảnh trí thiên nhiên đẹp, mang tới cho tâm hồn những niềm vui không cùng. Mỗi lần diện đối diện lại cùng reo vui, như cung bực chưa từng bao giờ lỗi nhịp. Tôi nhớ mặt nước Sông Hương, xanh một mầu đẹp khó tả, tưởng có lẽ chỉ những người tình học trò mới cảm thông nổi. Tôi nhớ nốt nhạc kỳ diệu là chùa Một cột, rớt từ trời xanh xuống giữa trái tim Thăng long. Nở bừng như bông sen ngàn năm. Như một lời nguyện cầu Thiền và Ngộ miên trường. Tôi nhớ dải mây bay, rất hiện hữu mà cũng rất siêu hình, buộc quanh đỉnh Cổ Yếm thuộc dãy Yên tử sơn của quê hương tuổi ấu thơ. Tôi nhớ những phiến đá lịch sử, những bụi cỏ dại mang nặng *hồn thu thảo* của đường Appienne, ngoại thành La mã, từng quen thuộc, quấn quít bước nhàn du của người lữ khách. Cảnh trí ở ngoài nhưng đồng thời cũng là nội tâm. Mỗi lần đối diện lại cùng nhìn nhau không nói. Cảm thông trong im lặng. Dáng vẻ không già, không đổi thay. Nhưng luôn có một cái gì mới, một khám phá, làm bản thân như được tắm trong dòng Suối Trường xuân.

Hầu như hàng ngày, vì thế tôi hay đến bên bờ đường St Jacques. Nhìn dòng sông kỷ niệm trôi, trong khi chính mình dường như đứng im, cô

Mầu sắc nỗi buồn
HOÀNG XUÂN SƠN

Chiều đang tay xa vòng đời u ám
con tầu ngấm ngầm mang sức kiệt thai hoài
mắt thủy khô sợi lìa cuống biển
nắng trong nhà hỏa táng trên vai

Mùa đông mang ký ức mù xuống phố
vào ngõ thông phong lạnh cắn sâu
trong quán rượu bẽ bàng nơi sẽ tới
giọt thâm vàng óng nỗi buồn rầu

Gọi đàn lên tình cầm liêu vắng
nốt hóa xanh đồng khúc chiều tà
nhu cỏ như mai sau vĩnh hằng đất cát
bồi hồi ngâm bạch tuyết cư

Kinh nhạc dầy quanh đêm khấn hát
nhớ một lời tưởng đến một người
ngụm nước trong môi tình bỏng rát
đồng thiếp yên bình huyền mộng ru bay.

đọng hóa thạch bên bờ nhộn nhịp, nhưng cũng thật là hoang vắng. Nhìn, trước khi giã biệt, ngôi Trường mẹ. Alma mater. Mẫu hiệu. Nhìn trân trân như cố thu hết vào một võng mạc đắm say từng đường nét, từng mầu sắc. Để nhớ và yêu. Để có thêm hành trang cho những buổi đăng trình khác.

Mẹ Sorbonne, biểu tượng Paris, da mồi tóc bạc, nhưng không tuổi và trẻ hơn Hiện tại!

Tôi sắp đi về hướng Orly... Ảnh tượng khuất lấp, chìm dần sau màn sương tâm cảnh nhạt nhòa...

Thôi nhé chào Paris bé bỏng
Chào và chào tái ngộ Paris!

Người Mẹ

Trần Hoài Thư

Đã rất lâu tôi không gặp mẹ tôi. Tôi thầm thì với chính tôi khi người con gái cài lên ngực áo tôi một chiếc hoa hồng. Tôi nói, buồn xo. cám ơn cô. Thưa ông, ông còn mẹ không? Vâng. Tôi còn mẹ. Như vậy ông là một người hạnh phúc. Lời cô gái rập khuôn theo bài thơ. *Đóa hoa màu hồng vừa cài trên áo...* Vâng, đóa hoa màu hồng vừa cài trên áo tôi đây. Có nghĩa là mẹ tôi vẫn còn sống. Và có nghĩa là tôi là người hạnh phúc. Không, lúc này là lúc tôi thèm một mình vào một quán rượu, để gọi một chai bia, một cốc rượu. Lúc này là lúc tôi muốn ẩn tránh mọi người.

Tôi mang tấm hình mẹ tôi, lên xe, tìm một góc quán, kêu chai Bud và khóc. Mẹ tôi đây. đôi mắt vẫn như còn hằn những tia gân xanh xanh, đỏ đỏ. Buổi chiều sậm trên mái ngói. Lũ bồ câu đã bỏ bãi đậu xe, bay lên nóc chợ siêu thị. Dòng Hudson như thể thiếp ngủ dưới ánh hoàng hôn. Đàn chim biển cánh sậm như không chịu bay, trên sông. Tôi nhìn tấm hình. Má. Tôi thầm thì. Má. Tôi nhìn đôi mắt. Đôi mắt vẫn một màu lạnh căm, xám chì. Tôi lắc đầu. Có phải từ đôi mắt kia, một thời đã từng làm tôi sợ đến độ phải run bần bật, mà nước đái muốn chảy ra cả quần. Có phải từ đôi mắt đã ánh lên một nỗi dịu dàng vô tả, đau khổ vô tả khi bà rọi cây đèn bão lên cả thân thể tôi để tìm xem những vết bầm rịn máu, những lằn roi đỏ tươi, để xức dầu, xức muối. Bà đã đập tôi như thế đó. Nhưng bà cũng thương tôi như thế đó. Bà đã bạt tai vào má, vào mũi tôi khiến máu cam tôi phải tràn ra cả cốc, nhưng bà cũng đã khóc với tôi để nói: "Thấy con đau má cũng khổ lắm con biết không?". Trời ơi. Chẳng thà tôi được vất vào một xó trong cô nhi viện, chẳng biết mẹ, cha, thì đỡ khổ cho tôi biết dường nào.Tôi nói thầm: Má, mẹ của con. Tôi nói và một mình tôi nghe cái tiếng từ lâu tôi chẳng bao giờ nói.

Như vậy thật là lâu tôi xa mẹ tôi. Người ta bảo thời gian là liều thuốc mầu nhiệm để xoa dịu vết thương. Nhưng đối với tôi, lúc này, vết thương vẫn còn mưng mủ. Không phải tôi là một đứa con bất hiếu, vô tâm. Bằng cớ, tôi đang nốc vào từng cốc rượu. Bằng cớ tôi đang gọi lại một tiếng mà từ lâu tôi đã không hề gọi. Mắt tôi đã mờ trên dòng sông đỏ máu. Bên trời nào. Tôi không còn biết mẹ tôi sống chết thế nào. Bà đã không tha thiết gì với con của bà, thì tại sao tôi lại tha thiết chứ. Gần ba mươi năm, bà chỉ gửi cho tôi một lá thư, và chỉ một lá thư duy nhất khi tôi ở Mỹ này. Với lời than não nuột: "Dượng của con chết rồi", kèm theo tấm hình mới nhất của bà.

Bà không biết tôi đau đớn đến mức nào không. Bà không biết tôi đâu có liên hệ gì đến cái người đàn ông mà tôi gọi là Dượng. Tôi đã có ba tôi, người mà bà bỏ đi đành đoạn. Tôi đã đứng hẳn bên này hàng ngũ, nép dưới bóng ba từ cái tuổi biết được thế nào là cái bất hạnh của đứa con có mẹ bỏ bê vì tiếng gọi của tình yêu. Thì ra đoạn cuối của một câu truyện. Cái gút mắc của một thảm kịch. "Dượng của con đã chết rồi". Câu than oán của bà đâu có làm tim tôi thổn thức. Cái chết của người đàn ông của bà đâu có làm cho tôi phải đến chùa làm lễ cầu siêu, vào nhà thờ làm lễ cầu hồn. Mà ngược lại, tôi càng hiểu hơn về trái tim của bà. Hoàn cảnh chiến tranh, loạn lạc...Đôi lần tôi đã viện dẫn hoàn cảnh để biện minh cho việc làm của bà. Cũng như Thúy Kiều bôn ba lận đận cũng vì một đưa đẩy của định mệnh, khởi nguồn từ việc thân phụ của nàng bị bắt như những nhà phê bình phân tích. Tại chiến tranh. Tại định mệnh. Tại số phận. Nhưng rõ ràng, là không phải vậy. Đã có biết bao nhiêu người phụ nữ chung thủy, tiết hạnh. Đã có bao nhiêu người đàn bà can đảm, trung trinh. Chỉ có mẹ tôi. Bà chỉ là một người đàn bà tầm thường hơn tất cả mọi người đàn bà tầm thường. Bà bỏ bê gia đình, con cái. Bà sa ngã theo mắt môi đàn ông trong khi ba tôi thủy chung với bà. Bà..., Tôi lắc đầu, uống nốc hơi rượu. Rượu đắng hay cổ tôi đắng. Tôi nhắm mắt lại. ừ. Tôi không thể chấp trách bà được. Mỗi người đều có một cõi đời riêng. Họ phải sống cho họ trước hết. Họ có quyền ly thân, ly dị, tàn nhẫn với chồng, bỏ bê con cái. Họ có quyền hưởng thụ điều mà họ gọi là hạnh phúc. Tôi đâu có quyền trách ai. Bà cũng là con người. Bà cũng biết yêu, và nương nhờ vào tình yêu để mà sống. Đáng lẽ tôi phải chúc mừng bà, về tình yêu bất diệt của bà. Con người có một thời để yêu và một thời để chết. Có phải vậy không?

Quán rượu hiu hắt. Dưới kia còn có bãi hoang, phủ cỏ dại. Mấy khúc

đường sắt trơ vơ như một dấu tích lạc loài buồn bã giữa một xã hội văn minh kỹ thuật. Một vài toa tầu bỏ hoang, xiêu vẹo, cũ sét nổi lên giữa những lùm cây cao quá đầu người. Tôi lại nhớ đến chân đèo Rù Rì. Ngày xưa, tôi hay nhìn xuống đèo, giữa bãi hoa hướng dương vàng thắm, và cỏ xanh rì, vài chiếc toa sắt bỏ hoang xiêu đổ bên con đường rầy bị phủ bởi cỏ dại. Ngày xưa tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về tại sao tôi lại không có ba, nhưng cứ mỗi lần nhìn khúc đường sắt là dường như tôi muốn bật khóc. Tuổi thơ của tôi tội nghiệp như thế đó.

Người đàn bà ấy bồng đứa con, mái tóc buông ra rũ rượi, hàng khuy nút bật tung, thấy lộ cặp vú chảy và cả những đường gân xanh. Tiếng la gào của bà cùng với tiếng khóc thét của con bé. Khóc. Mắt con bé cứ nhắm lại, rồi lại mở ra theo từng nỗi vật vã điên cuồng của bà. "Cứ cán tôi đi. Cứ giết chết mẹ con tôi đi. Cứ hành cứ hạ mẹ con tôi đi cho thỏa mãn lòng dạ các người". Rồi bà lại nhào dưới bánh trước của chiếc xe vận tải, nằm ụ trước sân nhà. Cả xóm kinh động. Cả khu vang dậy lời tru gào. Con chó nhà anh Sơn tru lên. Đám người càng lúc càng đổ xô về. Đám con nít vỗ tay. Đám người lớn bu quanh sân. "Chị Ba thôi đứng dậy đi. Làm như vậy người ta cười chết". Bác Sơn gái cúi đầu đỡ người đàn bà dậy. "Đừng đụng vào tôi. Để tôi chết dưới bánh xe. Để các người vui mừng hả dạ". "Thôi chị Ba vào trong nhà đi. Chị xem con Tỵ của chị, răng nó nghiến lại, cả người nó run cầm cập khổ chưa". Rồi bác Sơn lôi người đàn bà. Người đàn bà vùng vẫy. Da mặt bà tái mét. Đám con nít lại vỗ tay. Con bé lại khóc thét. Bỗng nhiên người đàn bà nhìn thấy thằng nhỏ đứng ở góc sân. Bà lại thét lên: "Tao giết mày". Rồi bà vứt con bé xuống đất, đuổi theo thằng nhỏ. "Tao giết mày. Tao giết mày". Nhưng thằng nhỏ đã bỏ chạy. Hai chân khẳng khiu của nó chạy băng băng trên bờ ruộng rau muống, đôi khi bất kể giữa đám rau xanh còn đọng nước mưa. Chiều mờ tối trên đồng rau bạt ngàn. Người đàn bà lảo đảo. Bà vưa thở hổn hển, vừa tiếp tục "Tao giết mày". Bóng thằng nhỏ biến mất trên cánh đồng rau. Khi đến khu Trường Tàu, nó dừng lại, như con chó bị đuổi sau một chặng đường dài, quay lại thở dốc.

Nhìn lại đằng sau: Xóm ẩn dưới những hàng dừa, lùm tre. Căn nhà ngói là nhà Cầm. Vườn mía cũng là vườn mía nhà Cầm. Cây mít độc nhất cũng là của nhà Cầm. Nó ghét cả xóm. Nó thù mọi người, ngoại trừ căn nhà ấy. Cầm ơi, tao sợ phải trở lại cùng căn nhà dưới dốc. Tao sợ cả người mà tao kêu là má, là mẹ. Bà đã mất trí rồi. Chỉ có mày. Mỗi một mình mày là đứa bạn của tao. Tao chắc chắn phải bỏ đi, nhưng tao không thể bỏ mày. Bỏ mày tao buồn lắm. Thằng nhỏ nhắm khẽ đôi mắt. Nó nghĩ mình sẽ

phải khóc khi xa con bé. Nó cứ nhớ hoài đến chiếc lúm đồng tiền, và đôi mắt long lanh dưới ánh trăng. Nó cứ nhớ hoài đến những đêm trong vườn mía khi con bé thì thầm tụi mình chơi trò chơi vợ chồng đi. Trò chơi vợ chồng tao không biết. Nó lắc đầu. Con bé tỏ vẻ thành thạo. Này mày ôm tao, tao ôm mày. Mày hôn lên má tao. Tao hôn lên má mày. Rồi mày sẽ hái bông vạn thọ, bông cúc, bông trang tặng tao. Rồi tao sẽ nhận lại. Chừng nào tao gật đầu, tao sẽ làm vợ của mày. ờ. Cầm ơi, tao đã đi hái bông trang, bông cúc, vạn thọ. Cả bông bưởi, bông lài nữa. Bông bưởi bông lài thơm lắm, chắc mày sẽ thích. Tao sẽ cài lên mái tóc của mày như mấy cô dâu. Có điều, tao bị lão già Tám giữ vườn bắt gặp, lão lấy gậy thọc lên, khiến tao sợ phải ôm cả nhánh bông mà nhảy đại xuống hồ rau muống. Thằng nhỏ nghĩ đến những nhánh bông mà nó đã giấu sẵn trong vườn mía, một đêm rồi hai đêm, rồi trăm ngàn vạn đêm, không ai chăm sóc, lòng đâm buồn muốn quay trở lại.

Nhưng trở lại để làm gì khi nó là một con chó ghẻ, một thằng ôn dịch trời đánh mà những người đàn bà trong căn nhà âm u ấy đã chửi rủa, hay một thằng con không cha như lời chế nhạo của lũ trẻ hàng xóm. Còn mẹ nó nữa. Bà đã mất trí rồi. Bà sẽ tát vào lỗ mủi nó. Và nó sẽ để từng giòng máu cam chảy xối xả. Rồi bà sẽ hét lên: Mày không biết phận mày lại đi chọc con người. Để người ta chửi lên đầu mẹ mày. Mày không biết con người ta là con vàng con ngọc. Còn mày chỉ là con chó ghẻ... Như vậy làm sao nó lại có đủ can đảm để bước chân trở lại. Và nó đi. Đi đâu giữa một Nha Trang đóng cửa. Đi đâu lúc bầu trời đầy sao chi chít. Đi đâu khi rạp xi nê Tân Tiến, Tân Tân đã đóng cửa. Tuổi thơ của nó đã gắn chặt vào từng thước đất, thước đường, vỉa hè của thành phố. Nó đã biết rõ cây me nào ở nhà ga sai trái, hay nhánh cây muồng nào ở ngoài bờ thành sân vận động để nó có thể trèo lên mà ngồi vắt vẻo nhìn xuống sân đấu. Nó đã biết rõ nhà nào có con chó berger hung dữ cũng như nhà hàng nào có nhiều bao thuốc Lạc Đà, Cotab, hay nắp ken xanh xanh đỏ đỏ. Và cả máu của nó cũng đã thấm vào đất cát của Nha Trang lúc nó bắt đầu tập đi xe đạp. Nhưng bây giờ Nha Trang đã bỏ rơi nó. Lạnh lùng và tàn nhẫn.

Như vậy nó chỉ còn một chỗ cuối cùng là về lại biển. Bởi biển thì quá bao dung. Bởi bãi cát thì êm, và trời thì sao chi chít để nó có thể nằm trên cát, nhìn sao mà tủi thân. Chắc chắn trên muôn ngàn vì sao, càng lúc càng sáng, càng lúc càng rung rinh, để nó có thể tìm được một bà tiên dịu hiền, khóc giùm nó, an ủi giùm nó. Chắc chắn sóng biển vọng về muôn ngàn lời êm ái, cùng với gió xôn xao hàng bàng, hàng dương, để ru nó vào giấc ngủ. Và nó nằm ở đấy co quắp. Không mền , không gối. Từ đấy, nó nhập

bọn đám trẻ đánh giầy của thành phố. Nó bắt đầu làm quen với bàn chải, si ra, cũng như mánh lới để chùi đánh làm sao cho bóng loáng. Nó yêu lũ bạn, bởi chúng nó có cùng chung cảnh ngộ, đa số là mồ côi. Chỉ có vài đứa bỏ đi hoang vì không chịu nổi cảnh dì ghẻ con chồng. Chỉ có một mình nó là đặc biệt nhất. Tao là con riêng. Nó nói. Con riêng là con gì? Nó giải thích. Là con không cha. Bộ cha mày chết rồi phải không? Tôi gật đầu. Mẹ tao nói thế. Như vậy mày còn có mẹ là nhất rồi. Nó nhún ai: Bả mất trí rồi. Bả làm vợ hầu, ai cũng hành hạ bả. Trong nhà bả làm tôi mọi cho chồng bả đi uống rượu. Bà lớn lên đồng lên bóng. Mấy đứa con bà lớn hành hạ tao. Rồi bả đập tao, bả đòi giết tao...

Bọn trẻ đã truyền nghề cho nó thật tình. Nó bắt đầu biết đời. Nó la cà các quán nhảy, nhìn những vũ nữ son phấn quần áo hở hang ôm sát những thằng Lê Dương, rồi đến bàn nước không cần hỏi trước, sà xuống chiếc giày Tây. Thường thường đám lính Tây dễ dãi. Họ vỗ đầu nó. Merci merci. Sau đó họ thưởng tiền. Nó chụp những tờ bạc đầu tiên trong đời với tất cả hãnh diện. Có khi nó lê la đến nhà điếm. Mắt nó làm quen với những mời mọc, hôn hít hoặc la rú đùa cợt. Những người đàn bà ngồi trong lòng lính Tây, bên những chai rượu, gói thuốc lá. Nó ngồi xuống, kéo chiếc giày để lên trên bục gỗ, tiếp tục lau, tiếp tục chùi. Có thằng Tây thương cho nhiều tiền thưởng. Có thằng rút chân lại, lắc đầu đuổi nó đi. Con người nó bây giờ quá phong trần. Nó tập hút thuốc. Cánh tay nó xăm hàng chữ Tình Đời Đen Bạc. Ban ngày nó và lũ bạn rủ nhau về chợ Đầm tìm những mang cá hoặc miếng thịt vất thừa, cột đùm vào dưới thân tre để cắm xuống đáy biển. Cứ khoảng mười lăm phút, cả bọn cùng nhau lặn xuống đáy, mò tóm những con khúm núm vô tội. Sau đó cả bọn cùng nhau vùng vẫy, nhào lặn, đập nước ầm ầm, và tiếng la, tiếng gọi như làm vỡ cả lồng ngực, cùng cả buổi trưa bãi biển. Nó không còn nhớ gì đến căn nhà dưới con dốc gần Trường Tàu ấy nữa. Nó không còn bị ám ảnh bởi những con mắt ngầu đỏ ấy nữa. Nó cũng chẳng còn thì giờ để còn nhớ đến chùm bông đã bỏ dấu trong vườn mía và cả cô bạn nhỏ với đôi mắt đen lay láy hôm qua ấy nữa. Với nó bây giờ là cuộc vui vô tận, và bàn chân của tuổi thơ cứ tiếp tục dẫm lên từng vuông đất và cát của Nha Trang, để sau này, nó hiểu rõ hơn về một quê hương, dù quê hương không dung dưỡng nó.

Một đêm mưa bão đã đuổi nó chạy băng băng giữa lòng thành phố tối đặc, rách toẹt những lằn chớp sáng lòe, cùng những tràng sấm ầm ầm kinh động. Nó nhào vào hàng hiên của một ngôi nhà thờ Tin Lành để tìm chỗ ẩn. Quần áo ướt dầm dề. Nó vừa vuốt mặt, vừa run cầm cập. Nó cảm thấy

choáng váng. Nó gục xuống trên nền xi măng trước cửa chính của nhà thờ và hôn mê.

Nó là tôi, hay tôi là nó. Thì cũng coi nó như một phần đời của tôi hôm qua đi. Có điều, chính cái đêm ấy là một đêm cho tôi hiểu thế nào là cái bất hạnh nhất của một đời người: Cái bất hạnh là một đứa con có mẹ mà như không, có cha mà như mất. Tôi đã tỉnh dậy trong căn phòng khách của ông giáo sĩ người Gia Nã Đại, ngơ ngác nhìn cô bé tóc vàng, thắt nơ màu hồng, ôm con búp bê. Tôi cũng đã thấy vợ chồng ông mục sư nhìn tôi lo lắng. Nỗi ấm cúng quá đỗi dịu dàng làm tôi phải tủi thân. Phải. Nó hay tôi. Thì tôi đây. Tôi đang kể về nó đây. Ông mục sư nói tiếng Việt rất giỏi. Ông hỏi về gia đình tôi. Tôi nói tôi có mẹ. Tại sao em lại không về với mẹ? Tôi nói là tôi không dám trở lại căn nhà địa ngục. Người ta coi tôi như một con chó ghẻ. Ngay cả má tôi cũng không hề thương xót tôi. Còn cha em ở đâu? Tôi nói tôi không có cha. Má luôn dặn tôi hễ ai hỏi cha con đâu thì nói cha con chết rồi nghe không? Tôi nghe tiếng bà mục sư thở dài. Tội nghiệp cho em. Vậy em có muốn ở lại đây với chúng tôi hay không? Chúng tôi sẽ dạy dỗ em. Em sẽ có bạn bè. Em sẽ được Chúa yêu thương đùm bọc em. Tôi hỏi Chúa ở đâu. Ông mục sư trả lời Chúa ở khắp cả thế gian. Tôi lại hỏi thế gian là gì. Thế gian là nơi chúng ta đang sống, hưởng tất cả ân phước của Chúa. Tôi cắn môi để khỏi bật khóc. Tôi nhìn ông bà mục sư tốt bụng. Tôi nhìn cô bé tóc vàng. Trong ánh điện căn nhà trở nên ấm cúng, mặc dù những chớp sáng loé lên trong bóng đêm ngoài khung cửa kính.Tại sao lại có sự bất công như thế này. Tại sao giờ này có triệu triệu đứa bé được vỗ về, nựng niu chiều chuộng, lại có đứa bé như tôi. Ông mục sư nhìn tôi trìu mến. "Ta biết có những điều con không thể hiểu. Ta chỉ muốn hỏi con. Con muốn có bạn không?" Tôi nói con đã có rất nhiều bạn. Lũ bạn đánh giày trong thành phố. Ông hỏi thêm: "Con có muốn đi học không?" Tôi lắc đầu. Tôi liên tưởng ngay đến ông thầy nghiêm khắc mà mỗi ngày tôi thấy gần rạp xi nê Tân Tiến, mang cặp kính lão, và những đứa bé đông tuổi, quì trên những vỏ sơ mít. Ánh mắt của chúng trông tội nghiệp làm sao. Hình như chúng ao ước được như tôi hay ganh tị cùng tôi cũng nên. Bởi vậy tôi đã thẳng thừng từ chối. Thế em muốn ta giúp gì em bây giờ? Tôi nói với ông: Xin ông bà giúp giùm mẹ con. Mẹ con quá khổ. Mẹ làm tôi mọi, nhưng người ta vẫn tiếp tục hành hạ bà. Trong trí óc thơ dại của tôi, tôi làm sao hiểu được tại sao mẹ tôi lại có mặt trong cái căn nhà địa ngục ấy. Cũng như tại sao tôi lại trở thành một con chó ghẻ phải bỏ nhà mà đi hoang. Phải, mẹ tôi đã quá khổ, và vẫn tiếp tục mang theo gánh khổ. Như những buổi sáng sớm gánh hai thúng chuối,

cam, bưởi, và thỉnh thoảng vài cặp gà ra chợ Đầm để bán, và chiều lại không quên mang về lít rượu trắng cho dượng. Như những ngày bà bị hành hạ tra tấn trong nhà lao Tây vì tội bán thuốc tây cho kháng chiến, sau khi cơ nghiệp của dượng bị khánh kiệt. (Nào ai biết hôm nay bà trở thành một nữ anh hùng, với bao bằng khen treo đầu nhà). Trong nhà, bấy giờ, bà là một kẻ cuối cùng, và độc nhất làm ra tiền, để cung cấp những bữa cơm bốc khói cho cả nhà. Bà điên cuồng chơi hụi, giựt hụi. Bà lại tiếp tục đẻ con. Bà bỏ guốc, dép, đi chân đất, lam lũ từ sáng sớm tinh sương đến nửa đêm. Bà tiếp tục la gào tru tréo. Tiếng của bà u uất nghèn nghẹn trong đêm, khi thì lọt ra khỏi căn nhà bếp bay đến các nhà hàng xóm, khi thì khan giọng và bà tiếp tục kể lể, nói với bốn vách tường. Khi ấy, tôi chỉ biết cúi đầu. Tôi khổ, nhưng bà còn khổ gấp ngàn lần tôi. Vì sao? Tại sao bà lại không chịu thoát khỏi cái địa ngục này. Tôi giận bà, thương bà, ghét bà. Tại sao? Tôi cầu cứu ông bà mục sư. Tôi van xin ông bà mục sư...

Sau đêm hôm ấy, có những biến cố mới xảy đến với đời tôi. Vợ chồng ông mục sư tìm đến nhà mẹ, ngỏ ý muốn nhận tôi vào cô nhi biện để nuôi dưỡng và dạy dỗ. Mẹ tôi đồng ý. Thế là tôi bị đẩy vào trong thế giới của những đứa bé bất hạnh. Tôi được người đời phong cho hai chữ mới là cô nhi, mặc dù tôi vẫn còn mẹ. Tôi được phát đồng phục, được dạy kinh thánh, được nhắm mắt cầu nguyện trước mỗi buổi học, giờ cơm, giờ ngủ. Tôi lớn lên bằng nỗi thương hại của loài người. Cứ mỗi lần có khách ngoại quốc đến thăm là chúng tôi có thật nhiều đồ chơi và quần áo. Họ vuốt tóc chúng tôi. Họ nhìn chúng tôi đứng giữa phòng sắp hàng hát: "Mến yêu Giê Su đêm ngày. Lòng con càng yêu thiết tha" hay "Học sinh hỡi Bết Lê Hem, trường yêu dấu chốn biển núi bên đồi xanh... Học sinh hỡi Bết Hê Lem, tại nơi này bao ý thơ đang nở hoa...", giữa tiếng dạo đàn dương cầm của cô giáo chúng tôi. Họ nói với chúng tôi về tình yêu của Chúa. Tôi nghe hoài nghe mãi tên Chúa, đến nỗi ứa cả nước mắt trong lời thì thầm mỗi đêm. Tôi trốn ra khỏi cô nhi viện, chạy xuống bờ biển Hòn Chồng, và khóc, nghĩ rằng, Chúa sẽ đến với tôi, thương tôi hơn bất cứ đứa bé nào khác. Tôi gọi xin Ngài cứu lấy mẹ tôi. Trời ơi, ngày xưa bà đẹp, lại biết cả chữ Tây nữa, lại hát thật hay nữa. Nhưng bây giờ bà chẳng khác một người ở đợ. Còn hơn người ở đợ nửa. Bà càng lúc càng kiệt lực trong khi dượng thì vô công rỗi nghề tìm quên trong men rượu và hai bà vợ lớn của dượng thì suốt ngày soi mói hết mẹ tôi rồi đến tôi. Còn mẹ tôi, cứ mỗi lần nghe hai bà than phiền về tôi, không cần biết nguyên do, lôi tôi ra mà đập túi bụi. Bà đập tôi để thỏa mãn tự ái. Bà dùng tôi để trút hết cơn phẫn nộ, số phận thấp hèn và bất công của bà. Bà cột hai tay tôi cùng cột đu để phơi

nắng. Bà đuổi tôi dài dài, dùng đòn gánh... May mà có ông bà giáo sĩ đến với tôi kịp thời. Hay may mà có Chúa ra tay cứu độ thằng bé này đúng lúc. Hay tiếng cầu nguyện của tôi đã được một Đấng Quyền Năng lắng nghe. Bởi vì, cuối cùng người cha mà nẹ bắt tôi nói là chết vẫn còn sống. Người đàn ông mà bà đã phụ bạc vẫn còn hiện diện. Để cứu lấy tôi, ôm lấy tôi trên phi trường sau khi bắt được tin tức của thằng con người, dắt tôi đi như con gà trống ốm dẫn bầy con... Mẹ, má... Lòng tôi ngổn ngang những tình cảm trái ngược. Khi thì giận bà. Khi thì thương hại bà. Khi thì xem bà không phải là mẹ. Khi thì kêu má như tiếng thầm thì trong những lúc yếu đuối nhất.

Như hôm nay, ngày Vu Lan, ngày bông hồng cài áo. Lá thư và lời than não nùng "Dượng con đã chết rồi" đã làm tôi ý thức một điều. Con người có một thời để yêu và một thời để chết. Riêng mẹ tôi thì hơn thế nữa. Bà đã dám sống cho tình yêu và chết cho tình yêu. Rằng tình yêu chính là lẽ sống. Vâng, thưa má, bây giờ con đã hiểu má. Con hiểu con tim của má. Con không trách má đâu. Bởi vì má có đời riêng của má. Và con thì cũng có đời riêng của con. Nhờ má mà con càng thấm thía thế nào là thân phận của một đứa bé không được may mắn. Nhờ má mà con biết rằng làm một đứa con không mẹ quả là đau khổ đã đành, nhưng làm đứa con có mẹ nhưng coi như không có, thì đau đớn biết chừng nào. Con đang cố gắng giữ gìn. Con không dám nhìn thêm một lần nữa những giọt nước mắt của con của con. Con cầu xin hạnh phúc kia mãi được bền vững. Nếu đổi lấy tất cả để lấy niềm hạnh phúc cho con cháu của con, con vẫn xin đánh đổi.

Vâng, người lớn đôi khi vị kỷ lắm. Họ muốn tìm hạnh phúc riêng cho họ. Chỉ tội nghiệp đứa bé trong cuộc. Bởi nó sẽ mang theo trái cay đắng suốt cả cuộc đời. ❐

đón đọc
Văn Học Tết Đinh Sửu
ra đầu tháng 1.1997

Kẻ lưu đày trên quê hương

KHOA HỮU

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh
Nguyễn Du.

Ta ở phương nam mưa lập hạ
nhớ bắc phương, nhớ mọc thành rừng
trông chớp bể nhập hồn đồng mụ
nghe sấm truyền kinh ngọn gió rung.

Bốn mươi năm ta - tên biệt xứ
bốn mươi năm mộng dữ, giờ thiêng
cá chậu chim lồng nhốt lịch sử
mảnh da sợi tóc bạc hoa niên.

Ta cảm ơn đời, ta sống sót
dẫu cho vàng đá cũng ô danh
môi câm ngực nín dòng hư thực
trải gan giãi mật chữ vô tình.

Ký ức mang ta về dất cũ
người ơi, im bặt tiếng trăm năm
thời gian như bóng ma ngồi mộ
thân xiêu hồn xõa khóc thầm trăng.

Nén hương cháy hắt hiu đời trước
ngọn nến chong vĩnh biệt đời sau
giấc ngủ ước mơ nào vuốt mắt
dất chìm nước nổi bãi xanh dâu.

Cám ơn, người phá ngôi đề họ
cướp nhà ta dất khói hương này
dòi nợ sống, dòi da người chết
hồn oan về quanh quất dâu dây.

Ta dã sống khác gì thú vật
trả sưu thân, trả thuế linh hồn
ta dã sống núi tù, sông trảm
bêu bình minh phơi xác hoàng hôn.

Ngày đi, ta áo chàm mặt nhọ
triện móng chân lừa thích trên lưng
ngày đi ta đồng hoang gió hú
bèo mây ơi, hẹn trước thăng trầm.

Ta đi chân đất tre ngoài ngõ
cành vẫy chào lá thốt tiễn đưa
ta đi sao thức đêm không ngủ
những xương khô bật dậy trong mồ.

Ta đi trăng huyết ràn rụa máu
tối đất oan khiên, đỏ hận thù
này các em ta lời dã cạn
hãy thề như, mẹ chẳng sinh ta.

Bốn mươi năm lạc phương trời khách
vẫn như chung chia nỗi dọa dày
lời thề cũ mừng khi gặp mặt
sao lạnh lùng đau thủa chia tay?

Bốn mươi năm mơ về cố quận
thần trí soi tỏ mặt mỗi nhà
người cũ mất, trẻ già đi vội
lớp lớn mòn, nhỏ mới sinh ra.

Quê nhà ta, ngôi mồ chôn sống
ta ném lên hòn đất sao dành
nước mắt giải oan thời vô vọng
cho người sống đỏ, chết đi nhanh.

Ta cúi hôn lên từng ngọn cỏ
kinh hoàng, cát bụi dưới chân ta
cỏ thêu chiếc áo tà dương cũ
khoác bóng ngàn năm dấu bụi mờ.

Ta mong nhu, nỗi mong ngoài cửa
lá báo tin thu chết vội vàng
con én bay suốt mùa di trú
chút lòng ta băng kín dông, tan.

Ta mong ta, gió giam dầu núi
hạ đi dày mưa tủi qua sông
mùa xuân ơi xanh trời trăn trối
cánh đào rơi như giọt máu đông.

Lịch sử ta bốn nghìn năm thật
sau bốn nghìn năm giả một ngày
một ngày cho người sau kẻ trước
ách bần cùng lũ lượt qua đây.

Đồng trụ chiết, rưng chiều cổ độ
sóng Bạch Đằng mấy lớp sông ngăn
vó ngựa sắt tung mù thư sử
quê nhà ơi ngoại thuộc, ai dâng?

Máu đá trăm năm xương bạch nhật
về nơi hoa hạnh cố nhân này
đêm ta chết dứng thù truyền kiếp
ngày còn tanh vết cắt phân thây.

Về ư? ví còn nơi về được
ví ta quên hết chuyện đau lòng
xin làm con dế hèn hóa kiếp
chốn bụi bờ cất tiếng hát rong.

Quê hương ơi, nhận giùm sợi tóc
tình yêu ta - chuộc thế gian này.

Nhà ở phố

Lê Minh Hà

Đến năm tôi sắp quá tuổi lấy vợ thì gia đình tôi đi khỏi số nhà ấy. Viện tôi có đợt phân nhà. Tôi lúc đó là kỹ sư hai, vì được tiếng là người Hà Nội, mà đã thế thì thế nào cũng có nơi ở rồi, dĩ nhiên không có tên trong danh sách. Lúc đó thèm một đêm trở dậy thấy mình là thằng kỹ sư nhà quê mới ra trường chỉ có cái bàn qua đêm ngay tại phòng làm việc.

Rốt cục tôi cũng nhận được mười hai mét vuông (12m2), một phòng trong một căn hộ hai phòng ở một khu cao tầng mới xây phía bắc ngoại thành Hà Nội. Sau khi đã ê mặt kèo nài ở đủ mọi nhà chức sắc trong viện, từ viện trưởng tới trưởng phòng hành chính, tới thư ký công đoàn và sau khi đã nộp ba chỉ theo yêu cầu để hoàn thiện nhà.

Phòng trong mười sáu mét thuộc về một anh bạn cùng viện. Anh này có cái mác như tôi từng ao ước: gốc quê, có địa chỉ thường trú là phòng làm việc cơ quan, nên sự xin nhà của anh không lắm nhiêu khê. Nhận nhà nhưng anh không ở. Anh có cái may lấy được vợ giàu nhà mặt phố nên vui lòng để lại cho tôi với giá sáu cây. Kể giá thế là rất mềm. Bố mẹ tôi tính toán một đêm rồi đưa tôi đủ số vàng để chồng cho anh. Sau đó thì bố mẹ tôi theo tôi ra ngoại thành ở.

Các cụ có phấn khởi không, tôi không rõ. Nhưng tôi thì cái hôm khuân đồ đạc xuống đường chờ xe cơ quan đến chở giúp cứ nao cả lòng. Dù gì thì tôi cũng ở số nhà này từ khi được sinh ra. Bố tôi cũng sinh ra ở đây. Ông tôi cũng vậy. Cụ nội đã xây nên nó.

Gốc gác nhà tôi vốn ở trên Thái. Giàu xó quê không bằng ngồi lê thành thị. Nói vậy nhưng thực ra cụ tôi bạt về Hà Nội chỉ vì nghèo. Nghe kể các cụ đã làm nhiều nghề, rất nhiều nghề. Cuối cùng trụ lại ở nghề buôn chè và nhờ thế mà xây nổi cái nhà mang số 81 ở Hàng Ngang này.

Ở chưa được mấy ngày thì tiếp quản thủ đô. Số nhà không đổi nhưng trong đó không chỉ có nhà tôi. Thoạt đầu, bà tôi mời một người bà con xa

là cán bộ kháng chiến về cùng ở. Rút lại nhà vẫn bị trưng thu. Tầng dưới vốn là kho chứa chè và cửa hàng, sở Nhà Đất điều thợ tới xây rất nhiều vách ngăn lửng chia thành từng ô nhỏ chừng mười sáu mét vuông. Mỗi ô ấy có một gia đình chiếm cứ. Nhà tôi trước ở trọn tầng trên, nay diện tích đó được chia cho hai gia đình nữa. Toa-lét, phòng tắm trên gác đến thời tôi lớn đã được sửa thành phòng xép vì nước không bao giờ lên tới nơi. Cả số nhà dùng chung một nhà vệ sinh hai ngăn, một bể nước, một mảnh sân chung. Tắm thì có một phòng riêng xây ở góc sân, không mái, cửa gỗ mục nên chỉ che được nửa chừng, ở ngoài có thể nhìn thấy nửa bắp chân người đang tắm.

Khi còn nhỏ, thật tình tôi thích sự đông vui đó. Trẻ con chưa biết xấu hổ, cũng không biết chờ đợi. Buồn ị thì mẹ đặt cho cái bô ở một xó. Tắm thì cởi truồng ra chờ mẹ kỳ cho. Chẳng phiền hà. Đầy thú vị. Cửa giả nhà nào cũng chỉ khép làm phép. Hành lang thì tối tăm. Chơi trốn tìm hết ý.

Đến lúc lớn rồi thì biết khổ. Các nhà hầu hết là con đàn. Con đàn lại sinh con. Vậy là mỗi gia đình đều có ít nhất ba thế hệ cùng chung sống. Cái sân chung đã nhỏ nay càng thêm nhỏ. Một nhà lì lợm đặt một cái chuồng gà công nghiệp để tận dụng cơm thừa của cả xóm. Nhà khác làm theo, quây một góc sân thả chú lợn choai. Cầu thang dẫn lên nhà tôi lúc nào cũng sặc sụa mùi phân gà và mùi nước vo gạo chua. Chẳng ai dám nói. Nghĩ cho cùng, nếu còn chỗ để mình làm thế thì hẳn mình cũng làm. Cũng là một món phòng khi nhỡ nhàng.

Người ở tăng lên gần gấp ba mà nhà tắm vẫn là nhà tắm ấy, nhà xí vẫn là nhà xí ấy. Phải mùa nóng, khu phố cổ khổ vì thiếu nước thì cả số nhà lúc nào cũng phảng phất mùi đất trồng rau ở ngoại thành. Không có nơi nào cho khí thoát ngoài cái ngõ tối hun hút lởm chởm vách ngăn bằng ván các nhà tự tạo và mảnh sân con vốn là đáy cái giếng giời. Mỗi buổi sáng, mảnh sân con chật người. Đàn bà lo cơm nước chuẩn bị đi làm. Đàn ông dậy muộn hơn lo đánh răng rửa mặt. Nhà tắm giờ này thường vắng, nhưng nhà xí thì luôn cửa đóng then cài. Cứ nhìn mấy người lảng vảng ở sân là biết ngay tất cả đang chờ nhập trạm luân chuyển ngũ cốc. Tôi, một mét bảy tư, râu quai nón, mà tính lại hay ngượng, cứ mỗi lần phải đi ngang các bà các cô để bước vào chỗ đó là người nổi rôm. Cả những lúc loay hoay trong nhà tắm cũng thế. Không biết giấu đi đâu hai cẳng chân đầy lông và cái mặt nhễ nhại nước.

Chưa ra trường tôi đã biết cái bi kịch của một số không ít trai Hà Nội. Không có nhà thì không lấy được vợ, mà không có vợ thì đừng nói tới chuyện phân nhà. Nhưng yêu, ai nhịn được yêu. Tôi đã yêu. Một cô bé cùng số nhà. Tôi lên năm cuối cùng thì em vào đại học sư phạm, khoa văn

hẳn hoi. Đúng khoa hai bác hàng xóm nhà tôi dạy. Một bác, bác già, là giáo sư cổ văn, cả đời sướng vui với những bản văn mới phát hiện được của những thời đại xa lăng lắc. Bác trẻ hơn thì nghiên cứu lý luận văn học. Ngày nào đi ngang cửa nhà bác cũng nghe loáng thoáng những là lý thuyết tảng băng trôi, những là chủ nghĩa huyền thoại - toàn những thuật ngữ tôi mù tịt.

Bà tôi và hai bác giáo sư là những người sống ý nhị và có uy nhất số nhà. Hàng xóm hay nhường bà và các bác lấy nước trước có lẽ vì vậy, chứ chẳng phải vì hai bác là học giả hay vì bà tôi là chủ cũ nơi đây. Ai về số nhà này cũng là theo quyết định của sở Nhà Đất, chẳng phải lụy bà tôi một mảy. Thời gian đã dài đến nỗi bà tôi chẳng bao giờ nhắc tới chuyện đó, mà anh em tôi lớn lên cũng chẳng mấy khi nhớ rằng lẽ ra mình đã là người làm chủ.

Khi tôi và em yêu nhau, cả số nhà đều có vẻ bị kích động. Bà và bố mẹ tôi im lặng một cách đáng ngại. Hai bác giáo sư thì đầy vẻ tán đồng. Em gái tôi có vẻ phởn. Nó chơi với em và thích em thành chị nó: "Đứa nào béo thì thường tốt bụng. Mẹ bạn em bảo thế. Nó mà làm dâu nhà mình thì yên chí cháu ông cháu bà đâu ra đấy. Vấn đề là phải chạy được một chân dạy ở Hà Nội. Ấy quên! Chị ấy! Bập bập!"

Nhưng quan hệ giữa tôi và cô gái nhà ngoài cùng thì tồi tệ hẳn. Nhà em và nhà cô ta ở sát vách nhau. Ngày xưa, khi buôn bán thì cũng chỉ được bán những thứ như ống chỉ, táo dầm hay ô mai thì nhà ngoài - xưa vốn là cửa hàng của nhà tôi - chẳng bao giờ gỡ ván cửa thông ra phố. Nay, nhà ngoài phá tường, lắp cửa sắt, mở cửa hàng bán đồ xa xỉ, từ thỏi son tới xi-lip đàn bà. Toàn bán buôn. Nhà giàu lên vù vù, nhưng càng ngày càng chật vì hàng họ. Họ tính chuyện mở rộng bằng cách ép nhà trong đi nơi khác. Dàn xếp không xong. Những xích mích vụn từ đời tám hoánh nào nay biến thành căng thẳng thường nhật. Yêu em, tôi cũng bị vạ vì những quan hệ dớ dẩn đó. Có lần em và tôi vừa líu ríu dắt xe ra phố, cô gái nhà ngoài đang ngồi đếm tiền chợt nói vỏng vót:

Lấy chồng thì lấy chồng gầy
Về ăn rau muống nó đầy người ra
Lấy vợ thì lấy vợ to
Về ăn rau muống nó co thì vừa.

Những tiếng cười như phá đố vỡ ra. Thật chẳng khác gì bị vả vào mặt mà hai đứa vẫn phải im lặng đi ngang. Lại có lần, tất cả đang quần tụ ở sân chờ lấy nước, ông giáo sư cổ văn chẳng biết nghĩ gì lại đùa: "Ấy cứ như cô Vi lại sướng. Từ ngày bung ra, tôi để ý ít thấy cô lai vãng ra cái sân này. Ăn thì gọi hàng đưa vào. Tắm gội thì ra dịch vụ nước nóng bên Hàng

Da..." Cô Vi chao chát: "Cảm ơn bác đã mừng cho nhà cháu. Cháu ít học thành phải đâm sấp dập ngửa sớm. Vậy mà lại may bác ạ. Chứ thời buổi này học cho lắm vào có thành thầy thành cô thiên hạ thì rồi cũng thành giáo dở mà thôi. Cháu đọc báo thấy bảo giáo viên mới ra trường bây giờ nhiều người mất dạy lắm".

Chủ ý cô nói chắc chỉ là cho chúng tôi nghe. Nhưng ông giáo sư im bặt, lùi lũi bê rổ rau lên gác. Nhìn ngang, mắt em ướt nước. Em gái tôi đang giặt đứng phắt dậy, nghĩ thế nào lại ngồi xuống hậm hực vò.

Em ra trường, bị phân về Uông Bí và chống quyết định. Tôi đã yên vị ở một viện làm thân công chức đời mới sáng dắt xe đi tối dắt về. Em gái tôi đã lấy chồng nhà giàu về xui tôi cưới. Bà tôi lúc đó mới quay ra thư thả: "Con Thảo hay nhỉ! Phận cháu không được dính vào những việc ấy. Yêu nhau ngần ấy năm, có chậm vài ngày nữa cũng chẳng sao. Tuổi con Thùy bằng tuổi mày. Vậy năm nay là năm kim lâu, không cưới xin gì được". Mẹ tôi tiếp ngay lời bà: "Bà nói phải đấy. Với lại cháu Thùy công ăn việc làm chưa đâu vào đâu. Con gái tiếng là ở phố buôn bán lớn nhưng cửa hàng cửa họ không, công việc không, lấy nhau vội thì khổ sớm". Nói rồi mẹ lại nhìn sang tôi, thương cảm: "Ấy là ý bà và bố mẹ thế. Con định thế nào thì nói để cả nhà cùng liệu".

Chuyện chẳng đâu vào đâu. Tôi cáu, bỏ ra phố. Ngang qua nhà em , thấy em lúi húi gỡ len. Lòng yêu tự dưng nguội dần.

Rồi chấm dứt. Không ngờ. Buổi sáng, tôi lăm le xuống sân tính chuyện khỏi phải xếp hàng vào nhà vệ sinh. Đã thấy em đứng đó cùng một bà cụ già. Mặt em bồn chồn khó tả. Cửa nhà vệ sinh mở. Em đi lướt qua bà cụ. Một tay em vén ống quần hoa mặc nhà. Một tay em cầm cái gầu cao su thủng múc nước dội. Bước chân em nhón nhén. Mặt em nhăn nhăn. Đột nhiên tôi thấy chán chường. Từ hôm đó, tôi tránh bước chân tới chốn ấy vào giờ cao điểm. Tránh gặp nhau ở sân nước. Những cuộc hẹn tối thứ bảy bắt đầu cách quãng. Rồi bặt hẳn. Em không biết vì sao. Mà có hỏi tôi cũng không biết trả lời sao. Cho tới một ngày bất chợt gặp nhau ở sân nước trước mặt nhiều người, em nói với tôi bằng cái giọng của một cô láng giềng lâu năm. Đến tận giờ tôi vẫn thầm biết ơn em và cả nhà em. Và tôi khâm phục bà tôi. Chẳng biết bà rõ chuyện của tôi đến chừng nào. Một hôm bà nói bâng quơ: "Ở ăn khốn khổ khốn nạn thế này yêu nhau mà lấy được nhau là khó lắm. Giả dụ đã thành vợ thành chồng thì có thể vì thế mà thương nhau hơn. Nhưng chưa ăn ở với nhau, hàng ngày nhìn thấy nhau xẹo xọ rồi thế nào cũng ngượng cũng chán. Mà chưa hẳn là chán nhau".

Mấy năm về sau, bà tôi nằm liệt, song rất tỉnh. Một hôm tôi đi làm về thấy đủ mặt cả nhà, lại có cả bà Toàn Phát bạn bà tôi, trước có cửa hàng

buôn tơ lụa ở Hàng Gai. Bà tôi lào thào: "Bà nói với bà Toàn Phát và bố mẹ cháu rồi. Đêm nay mày đưa bà vào bệnh viện để bà đi". Tôi giật bắn mình. Cả nhà khóc lặng lẽ. Bà ứa nước mắt. Tôi nhìn rõ một giọt rất to lăn vào chân tóc bà.

Bố tôi cáu bẳn: "Bà bệnh già. Cũng muốn chết ở nhà. Nhưng cầu thang nhà mình bây giờ bị che chắn cơi nới hết, làm sao đưa được bà đi. Không lẽ xin đập tường nhà hàng xóm dòng quan tài xuống phố". Tôi nhìn quanh. Tôi là cháu đích tôn của bà. Tôi thấy em đứng ở một góc nhà cùng với em gái tôi. Mắt em ướt nước.

Bà tôi "đi". Nhà em chuyển đi. Nghe nói nhà ngoài đưa hai chục cây. Ngày nhà em chuyển, không khí giữa hai gia đình tưng bừng lắm.

Nhà tôi cũng chuyển. Bố mẹ tôi muốn cưa đứt đục suốt bán luôn căn phòng cũ rồi đem tiền gửi tiết kiệm lấy lãi ăn. Nhưng con em tôi ra sức ngăn. Nó rất mạnh mồm: "Khi nào bố mẹ thiếu con lo. Cứ giữ nhà để đó cho anh Minh. Chẳng phải mặt phố thì cũng là nhà trong phố, cũng hàng nọ hàng kia chứ bỡn đâu. Thế nào cũng khá".

Hóa ra nó tính sát. Cũng vì còn giữ nhà cũ mà tôi không thành dân ngoại thành. Trời đất run rủi thế nào mà tôi lại lấy đúng cô con gái nhà ngoài. Vi đáo để và quá quắt ngày xưa lại thành cô vợ đảm và rất đỗi biết điều. Người thoải mái nhất về sự tôi lấy vợ là đứa em gái. Nó phấn khởi cũng bằng ngày xưa biết tôi yêu em. Nó bảo: "Anh cứ nhìn mà xem. Viện anh chẳng ai bằng anh. Bây giờ chỉ còn phấn đấu đi tư bản một chuyến, tham quan một hai tháng thôi cũng được để cho nhà vợ thêm phần hãnh diện. Thế là tha hồ ăn lộc vợ".

Nó đúng. Vợ tôi bán hàng ban ngày tầng dưới, ban đêm lên ngủ tầng trên. Căn phòng cũ nhà tôi nay đã được nới rộng bằng cách phá tường làm một cái cửa thông sang phòng bác giáo sư lý luận. Bác đi tư bản mấy chuyến về đủ tiền mua đất xây nhà ở nơi khác, để lại phòng cho vợ chồng tôi. Hàng xóm gần bây giờ còn mỗi bác giáo sư cổ văn. Vợ tôi hớn hở: "Đất cũ của các cụ, hợp với anh. Em và anh phải làm sao thôn tính dần các nhà khác. Đất này đang phát với chúng mình". Tôi nghe, cười thầm, bực bội nghĩ chờ đến tết Công gô bác giáo sư cổ văn cũng không đi khỏi đây được. Chẳng lẽ sang Pháp để giảng *Đại Cáo Bình Ngô* hay *Hịch Tướng Sĩ*?

Chính ở cửa hàng nhà vợ tôi gặp lại em. Em dường như chủ định đến đúng đó. Em gầy đi so với thời con gái. Vợ tôi vồn vã hỏi thăm và được biết em tìm mua hàng gửi cho chồng đang là nghiên cứu sinh ở Nga. Lúc em gói ghém ra về, tôi cần nhằn vợ bán cho em còn ăn lãi. Vi nói nhẹ nhàng: "Buôn bán như anh thì có nước đóng cửa hàng vì thiếu tiền nộp

Cho em hoàn xanh bóng mượt

HỒNG KHẮC KIM MAI

Biển quanh co trăm năm nhìn sóng chữ
Khoảng không không mua gió lộng dường chim
Liếc mắt thương em đồi trăng bỏ ngỏ
Dõi mộng theo hình choáng ngộp bờ tim

Đừng là sương hương căm tan nụ biếc
Đừng là tuyết chộn rộn mấy hàng thơ
Đừng là tơ nghe bình minh ly biệt
Đừng là tình lệ ứa dải khăn sô

Xin chớ đi rừng trần-ai rậm lá
Xin chớ hùa dợt nắng tím thong manh
Xin đưa tay xoay nhanh vùng quá khứ
Cho em hoàn bóng mượt gót chân xanh

Em dáng Thơ dẹp não nùng mỗi bước
Trước thu hà tắm gội những vầng mây...

thuế. Trên đời có phải mình chị ấy là người quen đâu. Chị ấy cần số lượng lớn. Cũng là để bán đi. Em ăn lãi có một giá, nhưng chị ấy mua được hàng thật. Mà lãi thế chưa gọi là lãi được, vì buôn bán là phải tính chuyện vốn đọng, hàng hư hao. Có anh trách em. Chẳng qua ngày xưa anh yêu chị ấy. Chứ chị ấy là người biết việc đấy. Em cũng không ngờ. Cứ tưởng vẫn như ngày xưa ở số nhà này, chỉ những sách với sách suốt ngày, nhìn sốt cả ruột. Chị ấy sẽ thành bạn hàng của em cho mà xem!" Nàng cười khó chịu: "Ôi, ông cả đời ở phố mà cứ như cả ngố. Không biết các cụ ngày xưa làm ăn lớn đến ngần nào mà xây được cái số nhà này, chứ nhà mình bây giờ tôi nhìn chỉ thấy có cô Linh là đáng mặt để bàn việc lớn".

Đêm đó, tôi mơ thấy cụ nội tôi - Người tôi chưa bao giờ biết mặt.❐

Em, tháng Chín
ĐẶNG HIỂN

Tháng Chín, thức dậy ở San Francisco
Hàng thùy dương rì rào phố biển
Mùa hè qua, đêm mua, làm dáng
Vết xe lăn dài nụ cười quỳnh dao

Tháng Chín không của riêng ai, thu cũng vậy
Em bắt đầu niên học Berkeley
Từ phượng hồng bỏ đi, từ trăng bỗng lạnh
Anh vờ nhìn ngọn Yosemite

Tháng Chín, đêm khuya về ngồi lặng
Nghe gió cười khúc khích rượu tan
Mai chắc sầu in trên đá
Em chắc quên rồi tháng Chín, trôi.

Mùa đông hát

Tháng Mười hấp nắng
Gió xa xôi
Bước vào thu, con đường lá
Hương em trong áo đêm nào

Dừng lại nụ hôn
Đời sống đồng bằng
Đôi giầy lê qua ngày cũ
Lạc nỗi buồn gần
Trên muôn vì sao có nhiều mắt nhớ
Rất kịch, rất thơ

Ngàn năm
Đành, mùa đông hát...

thằng bé thả diều trong chung cư

An Phú Vang

Đêm hôm qua con nhỏ mười tám tuổi thật, mười sáu trong giấy tờ ngủ lại trong phòng cậu Út hai. Năm giờ sáng, Hoàng Ngâu mở cửa phòng tìm thuốc lá. Trời đất! Chuyện gì xảy ra? Một đứa trên nệm, một đứa dưới thảm. Cách nhau cái chăn chùm đầu và cái gối. Phần trên thân thể thằng con trai che dưới chăn, mỏi mệt thở trong giấc ngủ. Đứa con gái, tóc ngắn; hô hấp đều đặn, giấc nồng. Khuôn mặt hơi bầu bỉnh, má ửng hồng; thân thể căng nhựa sống tuổi mới lớn.

Hoàng Ngâu khép nhẹ cửa phòng ra xe đi về Bolsa. Hắn nghêu ngao lúc vào xa lộ: "Năm mười sáu em bắt đầu thấy rát. Máu trong người cuồng cuộn khắp châu thân. Em đến nằm phơi mộng giữa vườn trăng. Trong bóng lá anh thấy mình chết điếng. Từ dạo đó anh đâm ra lười biếng. Bởi mộng đời còn lại có bao nhiêu." Mười một giờ Hoàng Ngâu trở lại nhà, tụi nó biến mất. Căn chung cư vẫn bình thường. Một ngày như mọi ngày ở Mỹ. Anh nhìn lô chén đĩa trong chậu, nhìn cái gạt tàn trong phòng ăn; những mẩu thuốc dư vất ngoài hè, sách báo vương vãi, lắc đầu... Chậu lan nhỏ ngã lăn một góc. Tên nào đậu xe đụng phải. Hoàng Ngâu sắp đặt lại cây lan. Hắn hốt mớ gỗ cây vụn cho vào chậu rồi xịt ít nước. Cây lan chắc sống không nổi. Chiếc lá độc nhất còn lại đã vàng một nữa...

*

Thằng bé tóc nhuộm, cắt kiểu mới, áo quần rộng thùng thình, Bolsa à la mode! Nó mặc quần jean đáy sâu xuống, nhìn phía sau suông đột bàn tọa; đôi bàn chân chỉ thiếu đôi giày thể thao, Air Jordan, là giống dân West L.A.!

"Em ở đây?"

Nó nhe răng cười, tay không ngừng cầm sợi chị giật giật cho con diều bay cao, cao lên, cao lên theo gió; qua khỏi nóc nhà hai tầng, qua khỏi hàng cây khuynh diệp.

"Dạ."

"Em qua lâu chưa?"

Mắt thằng bé vẫn không rời con diều giấy. Con diều đặc biệt, không lạ với Hoàng Ngâu thuở nhỏ bên nhà; bên này mua ngoài tiệm không có. Đầu diều hình thoi, hai cạnh phía sau dài hơn cạnh trước, dán theo cái khung tre hình bán nguyệt; kéo theo hai cái đuôi dài cả thước. Không biết nó kiếm đâu được tre ở xứ này. Thằng bé nhìn người thanh niên.

"Em qua được một năm. Nhà em ở căn bên kia, phía đàng sau chung cư này."

Nó đưa tay chỉ. Chung cư có hơn trăm căn. Người thanh niên nhìn theo, không biết chỗ nào là căn nhà nó ở.

"Em mấy tuổi rồi? Sao biết làm diều kiểu Việt Nam?"

Thằng bé nhe răng cười, ngây ngô; có chút bẽn lẽn của con gái. Nó níu nhẹ sợi dây lúc con diều chao chao trên cao; chân chạy đi theo lối đậu xe, đến sau chung cư 40. Đứa con gái nhỏ ló đầu ra, nói gì không biết. Cuộn dây thả diều được trao tay. Con Josie điều khiển lạng quạng... Diều thấp dần, "đại bàng gãy cánh", đuôi vướng vào cột ăng ten. Thằng bé hét lớn:

"Josie, chạy đi cho có gió. Chạy đi cho diều bay lên!"

Con nhỏ nhớm giò. Bụt! Sợi dây cước câu cá dùng thả diều đứt. Thằng bé méo mặt.

"Thôi rồi! Tao làm con diều khác, ngày mai thả tiếp."

*

"Ê, Josie! Mày đi party với tao không?"

Con Josie dán mũi vào cửa lưới, hét lớn:

"Ở đâu dzậy?"

"Dưới Bolsa."

"Xì, xa quá. Ba mẹ tao không cho."

Thằng nhỏ thả diều hôm qua với cổ lên.

"Không đi thì thôi. Tao rủ đứa khác."

Nó bỏ đi một hơi. Lẩm bẩm gì không rõ.

Frank, tên Mỹ của cậu bé, ở trong chung cư vừa một năm. Nó ngồi một chỗ không yên, chân cứ ra vô thấp thỏm như con lật đật. Frank quen từ ngõ trước ngõ sau, hồ bơi, sân đánh banh như quen thuộc với ruộng nương vườn tược. Má nó ru rú cả ngày trong nhà; nơi hai mẹ con chia phòng với người khác. Cực chẳng đã bà ra ngoài, đi chợ, đổi "check welfare", lãnh phiếu thực phẩm. Tivi và phim bộ là niềm vui trói chân bà trong phòng. Như Josie, là nỗi hân hoan, mấy tháng mùa hè đã giữ Frank chạy rong bên ngoài, thả diều như một cái cớ để gặp nhau. Lớn đến tuổi

này, con trai con gái đều muốn tìm cho mình một điểm đặc biệt. Frank không tụ năm tụ ba, hút thuốc nói chuyện về gái. Nó chỉ biết lõm bõm vài câu ca dao lúc coi phim cải lương. Không đủ để mơ mộng khi tivi phần đông đưa ra những mẫu thần tượng vật chất... Nó đang tuổi lớn, giam hãm hoài trong nhà chịu sao thấu.

Chiều nay trong bãi đậu xe của chung cư, con nhỏ mặc áo hở bụng, phía trên bó sát ngực bắt mắt quá. Hai cánh tay trần, lông tơ dài mơn mởn. Từ thắt lưng quần jean Levis 555 lên tới gấu áo là một khoảng hở. Bụng trần phơi phới. Lỗ rún hạt bưởi, không cần chiếc nhẫn móc vào người ta cũng để ý nhìn. Katie đang với tay lấy gì đó. Khoảng bụng trắng căng ra gọi mời. Frank ngớ mặt ra. Mất nó bị thôi miên; đầu mường tượng về một phim người lớn được coi với mấy thằng bạn. Nó lân la làm quen. Chưa kịp mở lời, con nhỏ đã chạy đi chỗ khác. Thằng bé đứng chưng hững. Trở về cắm cúi làm diều. Niềm vui còn mang được từ ruộng đồng cây cỏ. Frank dán cái đuôi dài thêm. Nó cắt giấy in màu từ phần quảng cáo làm cái đầu diều. Cũng hoa hoè hoa sói dữ tợn. "Đừng rớt đại trên mái nhà nữa nghen mầy. Hạ cánh ẩu là tao bỏ luôn." Nó nhẽn miệng cười, nói một mình; tưởng tượng được ánh mắt vui của con Josie, lúc cầm lon cước thả diều, chạy lạch bạch trên lối chung cư.

*

Hoàng Ngâu dọn về đây hơn một tháng. Căn nhà cũ của người bà con, anh bán lại hơn mười năm, tưởng không còn gì để níu kéo mình nữa. Nhưng anh trở về, ở lại đó... Có nỗi gì tình cờ đưa đẩy, anh chưa thấy được. Quanh đi quẩn lại, hai ba lần dọn nhà, cuối cùng căn chung cư này lại là chỗ ở của anh. Mười mấy năm trước thành phố này nhỏ xíu. Xen kẻ vào những ô vuông nhà cửa là vườn cam, là ruộng đồng. Dân ở đây đông không bằng một phần mười dân số những thành phố trong county. Chủ nhà cho mướn với giá hời. Mấy thằng nhỏ vừa sang, lương ba cọc ba đồng chịu cũng không nổi. Cuối cùng người mướn lại cho mướn. Có thêm hai ba mạng vào ở chung cùng với Hoàng Ngâu, Út Hai. Toàn dân độc thân tại chỗ. Bọn họ xúm nhau chia tiền nhà, tiền ăn, điện nước, và nỗi vui cùng sự chán chường với cuộc sống. Phòng gia đình vừa được trưng dụng cho Hoàng Ngâu. Hai trăm năm chục đồng cho chỗ ngủ, chỗ để computer, vài thùng sách vở... Anh có một yêu cầu nhỏ:" Ê, không ai nằm chỗ tao nghe. Tiền nhà tao trả sòng phẳng như những đứa ngủ trong phòng. Đây là 'giang sơn' riêng. Thằng nào dắt gái về đừng nhào lên đó!"

Người đứng tên mướn căn chung cư cười đồng ý. Tụi ở đây ẩu lắm. Mùa hè con gái nghỉ học đi rong rong trong chung cư trông vui như mở hội. Bãi đậu xe có những cuộc họp chợ choi choi bất thường mà quyến rũ. Dân

độc thân căn 30 chiều chiều đứng hút thuốc bên ngoài nhà xe ngắm "ghế". Như cậu Út Hai, đi làm về, đội nón lưỡi trai đen thêu chữ Marlboro màu đỏ chói, tay cầm điện thoại, vừa nói vừa liếc lên cửa sổ chung cư 40.

"Bữa nay anh không đi câu cá..."

Thằng nhí nói nhỏ như thở qua ống liên hợp, mắt nhìn Josie thấp thoáng sau cửa sổ trên lầu bên kia. Hai đứa chỉ cách một con đường nhỏ, ba mươi thước bề ngang.

"Có người mới vào ở tạm. Cái ông Josie thấy bữa cuối tuần đó."

Đứa con gái tóc dài, học lớp chín, đứng trong cửa ngóng cổ nhìn.

"Nhà bên đó vui hé. Người ra vô nhộn nhịp. Má ghẻ em thất nghiệp rồi. Lúc này bả canh kỷ lắm. Không dám chạy qua đó chơi thường."

Thằng nhí nhìn lên.

"Lúc nào em đi học lại?

"Còn hơn ba tuần nữa"

"Anh đưa em đi mỗi sáng nghe"

"Làm sao được!"

"Anh cũng thất nghiệp rồi. Đi làm chán quá! 'Cho hãng' nghỉ dài hạn."

Có tiếng cười của đứa con gái. Bên này ai đó vừa về, dừng lại nhăn mặt.

"Sao cứ mở cửa nhà xe hoài. Tụi quản trị chung cư cảnh cáo mấy lần rồi đó ông."

Thằng nhí hơi quê, đứng dậy. Nó liếc sang cửa sổ nhà bên cạnh, nói vào điện thoại cái gì đó. Josie dơ tay vẫy lại rồi mất hút.

*

Con gái còn đi học ở chung cư này nhiều lắm, đông nườm nượp như người đi trẩy hội. Katie, đứa mặc áo hở rốn, Frank gặp bữa nọ, nổi nhất trong đám. Đúng ra nó mười tám rồi với bảy tám năm trong trại tị nạn. Tuổi trong giấy tờ chỉ còn mười sáu! Người trong nhà nghe ai xúi bậy khai nhỏ lại cho nó hai tuổi hồi còn bên Thái Lan; định cư ở Mỹ muốn đi làm, đi chơi nhiều lúc cũng khó. Qua lại giao hảo với tụi nhí ở căn này hoài, Katie trở thành người nhà. Đôi khi ở chơi trễ quá nó ngủ lại vì "bà ngoại khóa cửa sau mười giờ đêm, giờ giới nghiêm của con cháu". Nhà có ba phòng, thằng trả tiền nhiều nhất chiếm phòng ngủ lớn trên lầu, có khóa, có phòng tắm, muốn làm gì thì làm. Năm người còn lại chia nhau hai phòng, cũng trên lầu. Nói chung chỗ ở nơi đây "toàn cha mẹ, chẳng có con cái và người giúp việc". ít đứa nào chịu làm việc nhà vì tụi nó ham chơi, chén bát dơ chạy ra khỏi bồn rửa là thường. Katie sang chơi, đôi khi nó phụ một tay; chùi cái bếp, rửa đống chén. Những lúc đó thấy nó hồn nhiên như chim như chóc; như đứa em gái nhỏ trong nhà giúp anh giúp

chị. Nó lúi húi làm việc trong bếp như người nội trợ. Đôi lúc Katie tự nhiên làm người ta tưởng lầm đây là chỗ ở của nó. Đói bụng, trong nhà không còn cơm, Katie lục tủ lấy mì gói ra nấu ăn; lại còn mời người khác rồi làm luôn cho họ. Nhìn cách ăn mặc của Katie, vài thằng trong nhà hau háu con mắt. Áo thun ngắn hở bụng, bó sát bên trên. Ngực mười tám, đã nảy nở phơi phới, đôi lúc bềnh bồng theo bước chân mạnh bạo tuổi lớn.

Tim, tên một thằng ở trong nhà, nhất định tán con nhỏ này. Y có lẽ là người trưởng thành nhất trong đám nhí. Ở Mỹ cũng lâu. Đi học chưa ra trường nổi vì bị đuổi! Cũng dân học trung học thuở mới qua, lúc cộng đồng chỉ lèo tèo ba quán phở "ăn xong rồi quên", Tim nổi trôi theo nghề nghiệp từ phía bắc đến phía nam vùng này. Từ một anh thợ hàn đồ điện tử lên đến chuyên viên. Bây giờ là kỹ sư hàng không qua giấy tờ tự điền! Cái hôm xỉn quá quên tính ngày tháng...thằng quái và người yêu thứ nhất lỡ với nhau trong xe. Con nhỏ còn tuổi trung học có bầu, không tiền bạc cũng không bảo hiểm. Tim đang thất nghiệp, trăm sự đổ cho welfare. Lên sở xã hội, con bồ Tim khai theo lời thằng kép xúi khi cái bụng không còn giấu được. "Tôi không biết ai là cha đứa bé." Bà già cán sự lớn tuổi nghe hoàn cảnh tội nghiệp, cho cô ta đầy đủ từ tiền mặt, phiếu thực phẩm, đến thẻ y tế miễn phí để sanh nở.

Tim đứng ngoài hút thuốc, tỉnh như "người Hà Nội". Đứa bé gái chào đời được bố ban tên Couvoisier làm kỷ niệm. Tên một loại rượu sang làm bên Pháp, người Việt hay dùng khi tiệc tùng. Tim uống đêm đó, xỉn quá đưa đến kết quả là đứa con. Bà mẹ Bắc kỳ rốn của Tim khó như gì, khoe của khoe con như gái Pháp khoe thân hình mùa hè tắm nắng bãi Cane; cuối cùng đành chấp nhận con dâu. Lỡ rồi! Cho tụi nó đám cưới. Tim tổ chức cũng đình đám lắm. Cô dâu thay hai ba áo trong tiệc cưới. Áo màu trắng trinh nguyên làm lễ ở chùa, chiều tiếp khách... Áo màu hồng cắt bánh cưới năm tầng huy hoàng! Tưng bừng nhất là màn giới thiệu hai họ. Bà mẹ chồng cứ mặt cứ nhơn nhơn lên, sung sướng nghe con mình được "bốc" như mây. Giọng nói trịnh trọng của người điều khiển chương trình: "Kính thưa quí vị... chú rể... 'Bachelor Degree' Y State University!" Người quen biết gia đình Tim nhìn nhau mỉm cười. "Cái thằng 'học đại' bị đuổi mà." Thì tính người ta vậy biết sao giờ. Mẹ con nhà này thế đó. Họ khoe ơi là khoe, không có cũng khoe!

Vài năm sau Tim ly dị vợ. Hắn âm thầm chuyển hết tiền cho người nhà giữ, để lại đúng vài trăm trong trương mục tiết kiệm. Cô vợ tưởng nắm được cái cán theo luật... cuối cùng chới với. Giấy tờ ký xong, hai tay không mang con về nhà bố mẹ ruột, gậm nhấm nỗi sầu. Cô ta ở một thành phố xa, mỗi tháng ngong ngóng mấy trăm bạc bố đứa con gởi lên. Thằng

bố mất dạy, lúc nhớ, lúc cố quên tiền trợ cấp... Tính toán đủ thứ để chơi con vợ. "Nó đâu có tiền để đi luật sư. Tụi mày nghĩ coi, tháng này tao gởi đủ, tháng sau tao thiếu một nửa. Vợ cũ tao nếu đi luật sư nhờ đòi tiền thiếu, hai trăm đô la; trước khi lấy được, nó phải mất ít nhất ba lần số đó. Tiền đâu mà nó trả chi phí." Tim khoe như vậy đó. Rõ là thứ mất dạy.

*

Bây giờ là những ngày cuối mùa hè, Katie còn rảnh rang, tìm sang chung cư tụi nó chơi. Cô ta đi dạo dạo bên ngoài, nhìn qua cửa sổ như ngại điều gì. Trong nhà hình như chỉ có một người. Cô bấm chuông, Tim ra mở cửa. Hắn mặc vỏn vẹn áo T-shirt và quần jean cắt ngắn, chỉ toe ra ở đùi.

"Đi đâu dzậy cô nhỏ?"

"Đi vòng vòng chơi. Hoàng Ngâu có ở nhà không anh Tim?"

"Tụi nó đi cả rồi. Có lẽ xuống dưới phố uống cà phê. Tối nay đi nhảy đầm với anh không?"

Katie lưỡng lự.

"Em không có giấy tờ. Bữa trước anh Hoàng Ngâu rủ rồi; bảo mượn giấy tờ ai đó dùng đỡ mà không được."

"Sợ gì. Đi với anh. Dân chơi mà em!"

"Thôi đi. Dóc tổ hoài."

Con nhỏ chìa ra xấp hình.

"Coi không? Chiều nay mới đi Bolsa lấy về đó."

Tim không để ý lắm. Mắt đăm đăm nhìn ngực con Katie. Y lướt nhanh mấy cái hình mầu, bờm xơm.

"Người mẫu bên ngoài đẹp hơn nhiều."

"Ông chụp hình ngoài tiệm hỏi xin em mấy cái để chưng bày. Em không chịu. ổng cù cưa hoài mới đưa."

Có tiếng điện thoại reo. Đứng gần Katie tiện tay bốc máy. Tim nghe loáng thoáng.

"Katie đây. Sao bồ biết tui ở bên này?"

Con nhỏ đi ra phía phòng ăn, nói nhỏ lại. Tim để ý.

"Bồ đừng dùng thuốc đó, không được đâu. Nó xúi bậy đó! Bồ mà dùng tui giận cho coi" Tim ngạc nhiên. Những ý nghĩ không được trong sáng lắm nổi lên trong đầu nó. Cố ý lắng nghe, Tim ráp nối cuộc đàm thoại của Katie và người bạn, rồi cười một mình đểu giả. Y xốc lại quần, lục túi tìm gói thuốc lá. Nhìn phía sau con Katie, Tim nghe vành tai mình nóng lên...

Cô bạn nào đó của Katie bên kia đầu dây hình như có chuyện buồn. Nghe giọng Katie trả lời, Tim đoán chắc không phải việc bình thường.

Nếu Tim không lầm, người bên kia là Josie, con nhỏ ở căn 40.

"Bồ làm vậy bố mẹ đánh chết."

"Tui muốn 'run away' rồi. Mẹ ghẻ khó quá! Bả đi đánh bài thua tùm lum. Ba tui mắc nợ thẻ tín dụng lút đầu, muốn phá sản vì vợ hai... Hôm qua đi làm ca đêm về, ổng phải chạy lên sòng bạc bốc bả về. Hai người la lối om sòm. Xuýt nữa hàng xóm kêu cảnh sát."

Katie ái ngại nghe bạn nói.

"Thế rồi ra ngoài bồ ở đâu?"

" Anh..."

Josie muốn nói tên người quen mà ngại. Cô ta nhìn cửa phòng, nhìn xuống sân sau. Nhà chưa có ai về. Bên căn chung cư 30, Tim đến sau lưng Katie bất ngờ ôm eo con nhỏ. Katie chỉ kịp chào Josie, ngưng điện thoại. Bàn tay tên con trai vòng quanh cái bụng nhỏ, mười ngón tay đan cứng. Katie cố vùng ra mà không được. Tim cho tay vào quần Katie, sờ soạn trên mông sau nụ hôn ẩu. Chỉ có tiếng răng đụng vào nhau! Họ không biết, không nghe những lời lục bát thơ mộng của tuổi lớn bên nhà: "Lần đầu ta ghé môi hôn. Trăm con ve nhỏ hết hồn kêu vang" trong những ngày cuối hè Mỹ Quốc.

*

"I've seen the blue sky in your eye" không làm Josie rung động. Frank cố tìm thêm trong sách vở, cố nhớ đối thoại từ phim ảnh để nói với con nhỏ. Nó phải tỏ tình một lần không thì ấm ức; không thì giấc ngủ khó khăn lắm mới đến mỗi đêm. Josie gần đi học lại rồi. Đã sắp hết mùa hè, sắp hết thời gian của con diều giấy thả bay lưng trời "câu" em. Hình như con nhỏ không còn thích thú với cuộn cước, với ba lời hỏi vu vơ; với buổi chiều chạy rong rong cùng Frank trong lối chung cư cho diều no gió lên cao. "Diều ơi! Diều ơi! Càng cao càng vui. Lên tới mây xanh... Cho quên đi gió bão. Cho quên đi khốn khổ. Tuổi trẻ thật vui. Buổi chiều thật say."

Frank lục tủ lạnh, xách đại sáu lon bia của ông già chạy sang tìm Út Hai. Chỉ có anh này mới giúp được nó thôi. Út Hai làm thơ đăng báo mà. ít ra anh ăn nói cũng nhuyễn hơn nó, một thằng cù lần, tán gái chỉ nhìn bằng mắt. Có hôm nào đó, Frank thấy Út Hai tán hưu tán vượn với ai qua điện thoại. "Tôi vẫn nhìn thấy em, giữa đám đông xa lạ... Vì em mang trong mắt, dáng quê nhà thiết tha..."; rồi gì nữa, Frank cố nhớ lại... "Tuổi hai mươi nghe gió nóng bên vành tai. Theo những chiếc hôn đầu tiên, tôi đã yêu người..." Tình quá, nghĩ lại Frank còn tưởng tượng được khuôn mặt cô nhỏ nào đó, nếu hiểu được được chắc cảm động lắm. Út Hai ngó ít nói sao có nhiều tài quá! Frank lẩm bẩm. Nó mở cửa chỗ đậu xe chung cư 30, bước vào nhà bếp là gọi Út Hai ơi ới.

"Gì đó mày?"

Út Hai đang nằm coi thể thao trên ghế sa lông, nhổm cổ lên hỏi.

"Sư phụ!"

Frank đặt sáu lon bia trên bàn, nhìn thằng nhỏ.

"Sư phụ 'gà' cho em cái thơ. Thơ tình. Em 'mết' con Josie quá. Nói chuyện điện thoại hoài ba má nó la..."

"Mày muốn tao làm sao đây?"

"Sư phụ chỉ em viết lá thơ tình bằng tiếng Việt Nam. Nhét thêm 'cái gì' sư phụ nói với bồ bữa trước đó!"

Út Hai phì cười. Thằng Frank ngây ngô thật. Ai đời thơ tình lại đi nhờ người khác viết. Lại gởi cho Josie, con nhỏ trung học mắt cứ liếc sang chung cư 30 khi nghe tiếng xe Út Hai đi làm về. Út Hai cầm lon bia Frank mở ra mời.

"Uống đi anh Út. Uống xong rồi 'quậy' cho em vài giòng. Em 'chiệu' Josie quá."

Giọng nó kéo dài chữ "chiệu" có vẽ diễu cợt nhưng Út Hai nghe được nỗi tha thiết. Thằng bé sống miệt ruộng vườn; vừa lớn như cây như cỏ thì đổi đời, chuyển sang môi trường khác, không trăng không gió thênh thang, không bờ mương ngọn cỏ ướp nồng, mở rộng chân trời tuổi "bẻ gãy sừng trâu". Nó trải qua những ngày đăm đăm hai con mắt với tivi, đóng khung trong thành phố với cao ốc, với tình người đôi lúc lạnh nhạt như vôi. Frank chưa hoà nhập được với cuộc sống mới. Nó lạc lõng ở trường, xa lạ với ngôn ngữ nước người, với ca dao quê mẹ. Vốn liếng còn vài câu vè ca tụng lãnh tụ được nhồi vào đầu hồi còn bên nhà. Qua đây rừng sách báo Việt làm nó bối rối. Tạp chí văn học viết "cao" quá đọc nó không hiểu. Mớ báo lá cải chỉ toàn quảng cáo, tin điện ảnh Mỹ Tàu dịch ra. Nó bơi, nó lội, nó chới với trong chốn trăm hoa đua nở dại; nơi một ông chủ chợ, một người chào hàng, tên làm báo quảng cáo là một ông thần vĩ đại! Nó thương con Josie, muốn nói được những lời như anh Út Hai nói với bồ mà chịu. Lối đối thoại cải lương nghe được từ phim chắc gì Josie rung động. Con nhỏ bằng tuổi nó mà. Ăn nói như dân gốc thành phố thứ thiệt. Nó nài nỉ với Út Hai.

"Viết cho em đi anh Út. Bữa nào có tiền anh em mình đi coi phim Tàu."

Út Hai ngồi dậy, nốc một hơi bia.

"Sao bữa này chịu chơi dữ 'dzậy' mầy?"

Nó nhìn thằng Frank thấy thương thương. Con Josie cũng tán nó dữ lắm nhưng Út Hai sợ... Dính vào lỡ lãnh "cái búa". Tù mục xương, úa héo đời với cảnh sát chết mẹ. Anh Hoàng Ngâu dặn hoài khi thấy nó đi chơi với con nhỏ một mình, từ lúc Út Hai rã đám với người bồ cũ. Josie với Út

Hai chỉ là bạn, to nhỏ qua điện thoại cho vơi nỗi sầu.

"Thôi tao giúp mày. Bữa nào viết thư cho Josie đi. Xong rồi qua đây tao sửa lại."

"Anh chấm cho em hả."

"Thì vậy chứ sao bi giờ. Thằng chà chớm! Còn nhỏ mà cũng bày đặt yêu với thương." "Viết thư tình tiếng Việt khó quá ông anh. Ở bên nhà em còn nhỏ quá, làm bài luận chưa xong."

"Muốn gì đây nữa 'thằng ông nội'. Bộ để tao viết hết cả cái thư hay sao?"

Frank nhe răng ra cười.

"Được đó! Làm 'dzậy' đi ông anh. Út Hai mà, thơ được phổ nhạc hát toàn thế giới chứ ít sao."

"Đụ má đừng xạo ke nghen mầy. Chuyện của tao xía mỏ vào làm gì."

Nói thế chứ Út Hai cũng cắm cúi viết hộ thư tình cho Frank. Nó bỏ cả buổi chiều, viết xong hai trang thư bằng mực tím. Đọc lui đọc tới Út Hai tưởng mình viết cho bồ ruột. Cũng chiều nắng chiều mưa nhìn cửa sổ nhà bên kia đường, nhìn cánh diều tung gió trên mái mà buồn buồn, mà hân hoan, mà nhớ, mà thương. Út Hai không dám "phịa" quá. Sợ con Josie hỏi tới hỏi lui thằng Frank thì bể mánh. Hai đứa nó đọc đi đọc lại bức thư tình. Chỗ nào không được, Út Hai thêm bớt cho đúng với ý Frank. Chai bia đã lạnh. Frank chạy vào lấy cái ly đá cho "sư phụ" Út. Phải có ông "Bud" này vào thư tình mới bốc như diều, mới lên được cửa sổ phòng Josie.

"Giờ mày tính sao? Cái thư xong rồi. Tui trả nợ mấy chai bia với chầu xi nê sắp tới rồi nghe cha nội."

Frank ngồi im. Mắt nó nhìn những giòng thơ mực tím, nhớ dậu mồng tơi bên nhà. "Hoa mồng tơi ngày xưa mầu tím. Canh mồng tơi mẹ nấu cả nhà ăn. Con lớn lên làm lính giữ xóm giữ làng..." Anh Hoàng Ngâu lúc xỉn đọc thơ dạo nọ nó nhớ đến giờ. Út Hai và Hoàng Ngâu là hai người nó phục sát đất. ít ra trong vóc dáng bụi đời rất mất dạy, họ còn rất nhiều vốn liếng quê nhà trong hồn. Frank quay sang Út Hai.

"Anh xong rồi đó. Chuyện gởi cái thư này tui nhờ anh Hoàng Ngâu."

"A mày ngon. Hỏi ông Ngâu thử xem có cách nào tình hơn cho tao biết với!"

Hai đứa nó cụng ly cái cộp. Buổi chiều cuối tuần ở chung cư vẫn thế. Nắng vàng ở bên ngoài lối đi, nắng vàng trong lòng thằng bé tuổi lớn, tìm chỗ trú ngụ tâm hồn, tìm một mối tình thơ. Hai đứa nó ngồi đó, bừng bừng men bia trong người và nghe chút gió của ruộng đồng quê hương thổi nhẹ trong hồn. Nó chợt nhận ra vì sao ba má nó không thích ở Mỹ...

*

Hoàng Ngâu đứng với Frank sau nhà xe nhìn qua chung cư 40. Mẹ ghẻ Josie đang quét dọn sau sân liếc xéo hắn một cái. Trong mắt bà những thằng độc thân mất dạy này ngày nào cũng ám hướng tốt nhà mình. Nhất là cái thằng thả diều, cứ chạy ngang cửa mà kêu bô bô "lên đi, lên đi". Bà ghét mấy thằng này lắm. Đang bài bạc không khá, chồng lại cất hết thẻ tín dụng, mẹ ghẻ của Josie đâm ra bực bội.

"Thua me gỡ bài cào", bà trút giận vào đám con chồng, vào cái đám "mất dạy" chung cư 30, đối diện phía sau căn nhà bà ở. Có đứa nào cứ gọi điện thoại, bà bắt máy thì không nói. Thỉnh thoảng nó lại ngưng ngang xương làm bà ta ấm ức, chửi thề giọng Sài Gòn nhuyễn như khoai tây bột. Sáng nay ông chồng chở mấy đứa con đi chợ, bà đang quét dọn chăm chỉ như một tay nội trợ số một thì thằng Frank xuất hiện. Nó lễ phép hỏi.

"Thưa bác Josie có nhà không?"

"Hông!"

Người đàn bà trả lời cộc lốc làm thằng bé quê quá, đi một hơi qua nhà Hoàng Ngâu. Nó móc lá thư tình vất xuống bàn lắc đầu chán nản. Hoàng Ngâu châm điếu thuốc nhìn thằng Frank.

"Giống như tao thuở trước nhờ bạn bè trao thơ tình thôi; tim đập loạn cào cào khi nhìn thấy người nhà con nhỏ. Mày như vầy là hơn thiên hạ rồi, dám đơn thân độc mã hỏi ngay bà già."

Mặt thằng Frank dài ra trông tội nghiệp.

"Mày đừng nản. Tao có cách này hay hơn, nghe không thằng nhỏ đang xấc bất xang bang vì tình vật!"

"Làm thế nào giờ anh?"

Hoàng Ngâu nghĩ một thoáng.

"Về nhà lấy con diều đi. Con diều giấy mày hay thả đó."

Frank ngạc nhiên định hỏi lại. Con diều giấy làm thả chơi kia thì ăn nhập gì với nó và Josie, với lá thơ tình anh Út Hai viết giùm bằng mực tím. Nhưng anh Hoàng Ngâu có bao giờ nói chơi đâu, lời nào lời nấy như đinh đóng cột!

"Em về lấy mang qua liền."

Hoàng Ngâu ngoắc nó lại.

"Thôi để mai đi Frank. Chiều rồi, bà già nó còn quanh quẩn ngoài đó. Đợi mai bả đi đánh bài tao chỉ mày cách này."

*

Sau lần Katie bị Tim bờm xơm rồi hôn bậy, con nhỏ không dám trở lại chung cư 30 nữa. "Tổ quỉ!", Katie nói vậy đó. Cô ta không trả lời những cú "page" của Tim. Hôm đó chạy về nhà, Katie vào phòng tắm súc miệng, rửa mặt cả mười phút mà mùi nước hoa đàn ông cứ dính vào

người. Cô ta sợ chung cư 30, sợ nụ hôn đầu, năm mười tám tuổi. Chuyện xảy ra không có gì thơ mộng như Katie nghĩ. Người con gái chỉ kịp vùng ra bỏ chạy. Bao nhiêu mộng đời vỡ lỡ, bao nhiêu ước mơ tuổi lớn bị nhuốm chàm. Katie quên Hoàng Ngâu, quên Út Hai, quên đi tiếng đàn guitar chập chùng trong đêm trầm trầm theo những bài thơ phổ nhạc của Út Hai, của Hoàng Ngâu. Giọng anh Hoàng Ngâu sao nghe buồn buồn theo bài hát. Katie nhìn bàn tay trái anh bấm hợp âm, nhìn nét mặt anh diễn tả theo cung bậc, theo lời ca mà chùng lòng. Giờ cô sợ bị người ta khinh thường. Cô sợ Tim sẽ khoe vang lên thành tích của mình, sợ mang tiếng. Gần đến niên học mới rồi, Katie có cớ để ít sang đó chơi. "Em gần đi học, cần ôm lại bài vở." Lời cô nh ấn lại với Hoàng Ngâu như vậy.

Mấy người khác trong nhà không biết chuyện của Tim với Katie. Ai cũng nghĩ Tim đã cưới vợ thứ ở Việt Nam... Lúc này đang làm giấy tờ bảo trợ cô ta sang Mỹ nên anh tu. Ai hiểu con bằng mẹ. Bà cụ biết Tim đang hoãn việc lo giấy tờ bảo trợ lại, Tim cố tình chậm đi để vợ vừa cưới ở Việt Nam năn nỉ người anh có thế lực trong đảng, lấy lại căn nhà cho mẹ. Cho vợ thứ sang Mỹ sớm quá kẹt Tim. Giấy tờ ly dị với vợ trước lo chưa xong. Có tính toán mưu toan thế nào Tim cũng không dám đùa với luật pháp Mỹ, lấy hai vợ có hôn thú cùng một lúc!

Tim kể điều đó với mẹ. Giọng gã rất hãnh diện. Chuyện hôn ầu Katie xảy ra vì kẹt quá... Con nhỏ phơi phới trước mắt như đóa hoa nở rộ, nhịn sao thấu! Còn nhiều dự tính nữa Tim chưa có dịp thi thố cùng Katie. Như ngày xưa với cô vợ đầu, lúc còn là bồ; Tim đã dự định mở động, con nhỏ làm gái tiếp khách, là bọn bạn học Tim. Y làm ma cô thâu tiền và đi học.

Hôm nay mặt thằng Tim tím bầm. Nó không dám đi ăn cưới một người bạn ở sở. Con mắt bên phải bị ai đấm vào, sưng to lên. Út Hai nói đùa "đừng nhìn qua lỗ khóa phòng người ta" làm nó nổi sùng. Hai thằng to tiếng rồi choảng nhau một trận. Tim lại bị đo ván. Thằng tập làm ma cô này chỉ dựa vào đám đông. Hắn làm sao đọ được với Út Hai, thằng múa quyền trong phim võ hiệp Việt Nam. Thêm Hoàng Ngâu nữa, thấy thằng em dở võ nghệ, anh đứng dậy sữa soạn nhào vô. Không cần biết Út Hai lỗi hay phải, mày đánh em tao, tao nhào vô đánh lại rồi tính sau. Frank phải xen vào kéo Út Hai ra không thằng Tim ăn đòn nhừ tử. Tụi nó coi bộ sắp rã đám. Frank liếc thấy Katie đi qua bên ngoài. Cô ta không vào nhưng mắt như ngó Hoàng Ngâu. Dầu sao trong đám cô hồn chung cư 30, anh ta vẫn là người dễ mến nhất. "Không biết có nên gởi lại anh Ngâu cái hình", Katie nói một mình. Hôm nay cô không còn mặc cái áo hở rốn nữa.

*

Hoàng Ngâu coi lại cây sáo cột vào bụng diều. Cái ống trúc nhỏ hy

vọng không làm con diều giấy lao đao, hạ cánh ẩu trên đường chung cư hay hàng khuynh diệp. Anh nói với Frank rồi, gởi thư tình của nó cho Josie theo đường bưu điện không khác gì "gởi gió cho mây ngàn bay"; chắc chắn thư bị bà mẹ ghẻ chặn lại, bóc ra, xé tan xé nát cho vào thùng rác. Bà "chằn ăn trăn quấn" từ lúc thất nghiệp ngày nào mà không lục thùng thư. Bà chờ tiền thất nghiệp, chờ "bill" thẻ tín dụng. Đang ghét mấy thằng "cô hồn các đẳng" vẫn điện thoại tán con bà, thấy được cái thư không đề địa chỉ người gởi, bà phải thắc mắc bóc ra ngay. Thế đó là công thằng Út Hai như công dã tràng. Thư tình đầu đời của Frank coi như "thư không người nhận". Chắc thằng bé sẽ buồn, sẽ mất ngủ; biết đâu lại tình nguyện đi Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ thì ông bà già nó "lỗ vốn nặng". Vượt biên tốn mấy chục cây vàng, mang được thằng con trai qua xứ tự do, cho ăn học chứ đâu phải để nó đi lính Hợp Chủng Quốc.

Hoàng Ngâu canh hướng gió. Anh bảo Frank căng dây cước thả diều ra cách anh khoảng chục bước. Chiếc sáo nhỏ treo gần bụng diều biết đâu có thể trổi được khúc Trương Chi thời đại, văng vẳng tiếng lòng Frank gởi My Nương Josie. Frank đưa tay rờ lên bụng. Cái thư vẫn nằm đó, mang tâm hồn Frank nhờ người ta viết lại cứ cồn cộm trêu chọc thằng bé. Nó quay lại hỏi Hoàng Ngâu, tay giật giật sợi dây cước. "Lạy trời...", nó bắt đầu khấn trong bụng. Đàng kia anh Ngâu ra hiệu sẵn sàng. Frank co giò chạy thật nhanh. Trời thương thật, có gió! Con diều chao qua chao lại rồi lên cao. Tụi nhỏ trong chung cư vỗ tay hoan hô. Chắc tụi nhóc này ngạc nhiên khi thấy anh Ngâu chơi thả diều. Anh cười nhìn Frank. Mặt nó rạn rỡ hẳn ra.

"Rồi làm sao nữa ông anh?"

"Mày thả cho diều lên cao rồi tính."

Hoàng Ngâu nhớm cẳng nhìn vào nhà Josie. Con bé đang làm gì trong đó không biết. Sao chưa chịu lên lầu coi Frank thả diều như mọi bữa, lúc thằng bé lớn tiếng hô "lên đi, lên đi" và tay giật giật sợi dây cước. Con diều lên thật cao. Tiếng o o của ống áo buộc dưới bụng diều phát ra, là lạ với bọn nhóc Việt Nam lớn lên ở Mỹ. Vài người láng giềng ngoại quốc nghe âm thanh lạ xuống từ trời cũng kéo cửa đứng nhìn. Hoàng Ngâu bước lại gần Frank nói nhỏ. Thằng bé gật gật cái đầu tóc nhuộm, tay sờ bụng kiểm soát lại phong thư. Hai lon bia đủ làm nó bốc rồi. Lúc này trời chỉ bằng cái vung.

Cửa nhà xe Josie mở ra, trống trơn. Người mẹ ghẻ không có nhà. Thằng Frank đổi sợi dây diều sang tay trái, tay kia mở nút áo lấy bức thư tình, chạy vội lại phía sau chung cư 40. Nó nhét phong thư vào tay con Josie, ghé tai nói nhỏ: "Anh yêu em thấy mẹ!" và trao vội sợi dây cước thả diều...

Ba bài ngắn

DUNG NHAM

1.
Tôi căm thù loài người
Và tôi khinh bỉ nó
Tôi chán ghét loài người
Mà có tôi trong đó.

2.
Tôi yêu dòng sông lửa
Ngụt cháy dưới dại dương
Tôi yêu dòng thác lửa
Đổ tiệc xuống dời thường

3.
Lòng tốt như cỏ non
Càng trải càng bị dẫm
Nhưng cỏ có sá gì
Héo tàn rồi lại mọc.

Thằng Tim dọn ra khỏi nhà sau vụ đánh lộn với Út Hai. Nó trốn thì đúng hơn vì bị sở thuế dí. Số an sinh xã hội của người vợ thứ không có. Nó khai thuế năm rồi, lấy lại nhiều tiền quá bị cơ quan thuế vụ nghi ngờ. Người ta đòi hỏi giấy tờ của vợ (còn ở Việt Nam), của đứa con nó cấp dưỡng tiền tháng có tháng không, những biên lai đóng góp việc từ thiện... Tim hoảng! Tim sợ xanh mặt khi nghĩ đến những cú gian lận thuế vài năm trước. Giải pháp cuối cùng, nó chạy về Việt Nam! Tim dự định ở luôn bên đó. Hy vọng người vợ hai sẽ thương yêu và rõ nó hơn, một người chồng Việt Kiều có mộng về sống lại trên đất nước vì thương thân! ❐

THƠ HỒ MINH DŨNG

Gửi người hoa mai tứ thời

Tứ thời mai
Tứ thời người
Cảm ơn chị, cảm ơn người chị yêu
Xa mai
Đã gửi gắm rồi
Người quên
Có giọt sương trời, tưới thôi
Ngàn năm sau
Ghé thăm nhau
Vạn niên thanh nở không màu - nở tươi.

Gửi cây cọ ở Midway

Không ai
Lạ
Không ai
quen
Ai không nhớ không ai quên
Cũng huề
Xa
Cây cọ
Lúc nhớ về
Nhớ
Đứt ruột nhớ bốn bề
quạnh hiu
Tâm ứng thủ đã về chiều
Ôm con mương cạn
Ngủ liều vài đêm
Mùa thu tàn
nói với em
Mãn đình hồng với thềm hoang
Nở xòa.

Cái địa chỉ cũ

Bùi Bích Hà

Trong số các bạn học cũ thời niên thiếu, Ngạn là người duy nhất bỏ nhiều thời gian cất công đi tìm Hậu. Mấy năm trước, dạo áp Tết, tòa soạn tờ báo thường đăng bài của Hậu chuyển đến cho nàng một bưu thiếp viết từ Việt Nam, chữ ngoài phong bì rất đẹp, của một người ký tên là Đỗ Ngạn.

Tấm thiệp mở đầu bằng một câu với phong thái văn chương cổ điển thời những tập lưu bút thập niên 50 *"Ngày mình về bạn đã đi xa, lòng cứ bâng khuâng hoài một nỗi nhớ..."* Chẳng biết vì sao, câu văn ấy đọc xong, cứ in vào trí nhớ Hậu một cách dai dẳng. Về sau, Hậu biết rằng chính cái nét cổ điển của nó đã làm Hậu mũi lòng vì mặc dầu thời gian trôi qua đã hơn bốn mươi năm, đã biết bao biến động xảy ra trong cuộc đời mỗi người, anh chàng Ngạn nào đấy vẫn cứ giữ nguyên những cảm xúc của anh vào cái thời họ quen biết nhau. Hậu tưởng tượng ra tâm hồn Ngạn, trái tim Ngạn, giống như một khối băng trong trẻo, cất giữ trong nó những kỷ niệm lóng lánh và tươi mát của một quãng đời không thể nào quên.

Dĩ nhiên chỉ một câu ngắn ngủi ấy trên tấm bưu thiếp thì Hậu không tài nào nhớ ra Ngạn ngay lập tức. Nàng dè dặt hồi âm, đòi Ngạn kể thêm chi tiết để giúp nàng động não nhưng Ngạn im lặng. Cuộc sống xô bồ, bận bịu trên xứ Mỹ lại tiêu hao thêm vài năm. Câu văn Ngạn viết trên tấm bưu thiếp gởi cho Hậu như một cánh pensée êm ái ép khô trong lòng Hậu.

Thế mà sáng hôm qua, họ bỗng gặp lại nhau. Hậu đứng dưới giàn hoa giấy màu đỏ ở cửa nhà Ngạn, gọi chuông. Đằng sau cánh cửa lưới, Ngạn nhìn thấy Hậu trước nên khi bước hẳn ra ngoài đón nàng, Ngạn kêu lên như một tiếng nấc:

"Sao em gầy thế?"

Hậu nhìn Ngạn, chưa biết phải làm gì nên nàng cười bâng quơ. Tiếng

nói Ngạn khác lạ. Tuy Hậu không thực sự nhớ tiếng nói của Ngạn ngày xưa như thế nào vì hồi đó họ không có cơ hội nói với nhau nhiều nhưng bây giờ, Ngạn nói thứ tiếng không phải là thổ ngữ địa phương nơi chàng sinh trưởng. Hậu nhận ra mái tóc, vầng trán, ánh mắt thăm thẳm dưới đôi lông mày thường cau lại như trĩu nặng nỗi buồn của Ngạn. Tất cả hình ảnh về Ngạn mà Hậu gọi dậy từ ký ức nàng là cái dáng dấp nhanh nhẹn, tươm tất, phiến lưng thẳng của Ngạn khi chàng đẩy cái xe đạp sạch bóng từ hè phố trước nhà xuống lòng đường và ngồi lên yên, nhẹ nhõm phóng đi như một mũi tên.

Hậu trả lời Ngạn:

"Đời sống ở đây vất vả lắm anh ạ."

Trong chiếc áo sơ mi sọc nâu mới cứng, trông Ngạn khỏe mạnh, vạm vỡ so với tuổi chàng. Ngạn cười luôn miệng, nhắc lại ngôi nhà của Hậu ở bên này cánh đồng nước, bên kia là chùa Áo vàng, phòng ăn nhà Hậu có một cái bàn thật dài và anh trai nàng hay tập thể dục với một đôi tạ cầm tay ở hiên trước. Những điều Ngạn nói đều đúng cả, vậy mà đến giữa câu chuyện , Hậu vẫn cứ ngờ ngợ:

"Anh có nhầm em với ai khác không?"

Ngạn cười lớn, hỏi có vẻ chế diễu

"Nhầm thế nào được, chính em. Chỉ khác một tí, hồi bé em tròn xoe."

Hậu có ít chia xẻ với Ngạn chẳng qua là vì Ngạn đã chỉ lặng lẽ tham dự vào quãng đời mới lớn của Hậu và lặng lẽ rời bỏ mà không hề tỏ lộ gì với nàng.

Nửa như tình cờ, nửa như giãi bày, Ngạn nói vào khoảng không:

"Hồi đó anh đã đầy đủ giấy tờ đi Pháp du học nhưng mẹ anh thì còn vướng mắc vào chuyện tiền bạc dự trữ cho anh nên nửa đêm có bà cô rủ ra Hà Nội học, anh đi liền, tưởng chỉ hai năm thôi..."

Mấy chữ sau cùng của Ngạn làm Hậu sắp xếp được cái cơn cớ đã khiến Ngạn tự dưng biến mất khỏi thành phố vào những ngày cả nước xôn xao vì hiệp định Genève.

Một thoáng giây im lặng tiếp theo sau câu nói của Ngạn dường như đã dựng lên bức tường ngăn trở giữa hai người. Cái khoảng cách muôn trùng vừa được số phận thu ngắn lại bỗng dài ra như cũ. Họ như hai quân cờ trên một bàn cờ đang đánh, không đứng được gần nhau.

Bên kia cái bàn nhỏ, tiếng Ngạn bình thản cất lên, không một mảy may cảm nhận sự xâu xé kỳ dị đang vuốt vào lòng Hậu những vết xước xót như muối xát.

"Nhìn lại đời mình, anh thấy buồn cười. Chung qui là do phần số cả.

Thày bói bảo anh phải cái hạn xa gia đình hai mươi năm."

Ngạn nói với vẻ nồng nhiệt và thành khẩn. Hình như việc tin vào số phận làm chàng yên tâm, không phải tự cắt nghĩa hay biện bạch lòng vòng với chính mình.

Chàng nói tiếp:

"Sau này mới biết thày bói nói đúng. Trước đây, đã nhiều lúc anh nghĩ không phải chỉ hai mươi năm mà chắc là không bao giờ anh còn được bước chân về quê cũ nữa."

Hậu chợt nôn nao muốn hỏi Ngạn "Lúc đó có khi nào anh nhớ đến em không?", nhưng nàng chỉ yên lặng nhìn Ngạn, lòng hơi buồn bã biết rằng giữa họ với nhau, trong quãng đời xa cách vừa qua, qủa thật chẳng còn những cái chung hoặc những điều giống nhau nữa.

Ngạn vẫn tiếp tục nói:

"Lúc vừa đặt chân xuống ga H, anh vội vàng chạy đến cổng trường cũ, chỉ kịp gặp lại một người bạn thân thiết đang làm giáo viên ở đấy. Rồi anh đi tìm em nhưng nhà em đổ nát, vườn tược hoang tàn, hàng xóm nói bố em mất, gia đình em dời đi xa đã lâu. Anh được phân một căn phòng nhỏ bên hông ngôi nhà thờ phía sau trường bà xơ. Quanh căn phòng có mấy bãi đất đá. Mỗi sáng đi làm, anh đèo sẵn hai cái xô nhựa đằng sau xe đạp để chiều về lấy đất ven bờ ruộng A.C., đem về vun luống trên bãi đất đá ấy. Anh trồng cà chua, bí đao, rau xà lách, rau thơm, ăn mệt nghỉ, còn thừa đem ra chợ bán, đổi lấy tí chất đạm."

Ngạn ngưng một lát, đưa bàn tay quyệt qua mũi để lấy dáng dấp tự nhiên. Bàn tay Ngạn cắt móng sạch sẽ nhưng các đốt tay gồ lên, thô ráp, không còn thư sinh nữa. Hậu chợt nghĩ thầm: "bàn tay anh cày cuốc nhiều thế, có còn nhớ những vuốt ve êm dịu của tình yêu không?".

Bên kia cái bàn nhỏ, Ngạn cười cợt tiếp:

"Nói đến ăn, anh lại nhớ thời thành phố sơ tán, anh sống tập thể với cơ quan. Một bữa anh bị thằng cha thủ trưởng kiểm điểm khéo. Hắn bảo anh "bác đi đâu mà đêm nào cũng đi đến khuya thế! Mang tiếng đấy!". Anh trả lời hắn: "Mang tiếng gì? Ai nói mặc họ, tôi đi chuyện của tôi". Hắn xì xèo "không được, người ta đồn thổi, lôi thôi lắm". Anh cáu sườn "Anh muốn biết tôi đi đâu phải không? Cho một thằng theo đi" Nói xong anh hỏi to "Đứa nào muốn tối tối đi chơi với tao?". Có một thằng trẻ tình nguyện đi với anh. Thế là tối hôm sau, xong việc nhà nước, anh thắng bộ tươm tất rồi ra đi cùng thằng nhỏ. Đến khu tập thể phụ nữ, anh tạt vào một phòng có hai người đàn bà đắp chiếu nằm ngủ. Nghe tiếng anh, một cô thò bàn tay chỉ lên cái kệ trên đầu vách, nói bằng giọng cái khê đặc: "Nó ở đấy". Anh đến chỗ bàn tay chỉ, lôi xuống, một cái đĩa nhỏ có hai miếng

bột mì đã luột chín, cán mỏng ra như hai cái bánh bèo Ngự Bình mà danh từ hồi đó gọi là cái nắp hầm, chia cho thằng nhóc một, anh một. Để trả cái đĩa vào chỗ cũ, anh đi tiếp mấy nơi nữa là bụng cả hai thằng no kềnh. Về đến tổ, anh và nó uống mỗi đứa một gô nước rồi lăn quay ra ngủ trong khi khối đứa khác dần dọc vì đói...

Ngạn như một người họa sĩ, vẽ ra các bức tranh nhưng không có lời phụ diễn. Vì sao những người phụ nữ ở khu tập thể kia nhường bớt phần ăn của họ cho chàng thì chàng không nói, mà Hậu cũng không nỡ hỏi. Tiếng cười hồn nhiên của Ngạn sau mỗi câu chuyện xoáy vào lòng Hậu một cảm giác xót xa, buồn bực. Hậu nhớ lại hình ảnh Ngạn thời cả hai còn sống gần nhau trong cái thành phố đường kính không qúa mười cây số, hàng ngày đi về học trên cùng những con phố chật, chỉ nhìn thấy nhau thôi cũng đã luống cuống như suồng sã. Hồi đó, Hậu rất yêu đôi mắt có ánh nhìn thăm thẳm của Ngạn, cả đôi lông mày của chàng lúc nào cũng khẻ cau như cố tìm tòi một cái gì ngoài tầm tay. Hậu không bao giờ tưởng tượng được cái thế giới ước mơ thăm thẳm trong đôi mắt Ngạn rồi ra lại thể hiện như cuộc đời bốn mươi năm chàng vừa sống qua.

Hình như Ngạn vui chân đi lạc một đỗi đường. Từ đó, thời gian của chàng chỉ còn là sự đối phó với những cảnh ngộ khó khăn để được sống còn, cái sống còn định nghĩa đơn giản bằng ăn, ngủ, nhậu nhẹt, đi xem bói và ân ái với đàn bà.

Hậu bứt rứt như có một điều gì khó hiểu mà nàng không tự giải thích được:

"Sao anh mất công đi tìm em dữ vậy? Gởi một bưu thiếp từ Saigon mất tới mười ngàn đồng?"

Ngạn đáp trơn tru, như thể câu nói vượt ra khỏi chàng, không có chủ đích:

"Anh vẫn nhớ em."

Đôi mắt Ngạn, thân thể Ngạn không dự phần vào câu nói tình tứ, thủy chung của chàng. Rõ rệt là chàng đã thuộc một cõi sống khác không hề có Hậu. Tiếng nói của chàng chỉ là âm hao dội về từ một dĩ vãng mà chàng chôn sâu tận đáy lòng, mà chàng mơ hồ muốn sống lại giây lát bên này bờ đoạn tuyệt, hình tượng chính mình từ một quãng đời thanh xuân với nhiều khao khát chàng biết là không còn cơ hội bắt đầu lại. Bên kia cái bàn nhỏ có hai tách trà đã nguội, Ngạn nhìn xuống những viên gạch lót nhà và nối tiếp câu chuyện:

"Anh lập gia đình, có con, rồi li dị."

Đến đây, Ngạn ngẩng đầu nhìn sâu vào mắt Hậu, vừa đương cự với một vẻ chịu đựng mệt mỏi sự nghi ngại của Hậu, vừa như tháo gỡ cho

chính mình:

"Cô ấy cũng chẳng có lỗi gì đâu. Chắc chỉ là vì do kinh tế yếu kém quá nên người ta không thể vui vẻ được. Cô ấy như một cái tủ lạnh, như một cái xác chết. Trong chỗ riêng tư nhất, anh luôn bị dày vò vì ý nghĩ mình hành động như một con vật chỉ sống theo bản năng, không có đầu óc. Anh cảm thấy nhục nhã, đau khổ, nhờm tởm, y như thể người đàn bà ấy bị anh hiếp vậy."

Ngạn thở rốc, mặt anh nhăn nhúm:

"Sau cùng, anh phải thôi, chia tay, chấm dứt bản cáo trạng cho anh và cực hình cho cô ấy."

Khi Ngạn ngưng tiếng, Hậu bắt lại cái ánh mắt thăm thẳm của Ngạn ngày xưa, cái thăm thẳm sôi nổi và diệu vợi của dòng sông êm đềm, xanh ngắt dưới nắng hè, cuồn cuộn bão tố dưới mưa dông, cái thăm thẳm bí ẩn và hoang vu của dãy núi đầy huyền thoại phủ bóng rợp lên tuổi thanh xuân trong cái thành phố họ sinh ra và lớn lên.

Trong một khoảnh khắc lắng đọng, trí óc ngừng suy tưởng, Hậu nghe lao xao trong lòng tiếng rung xa xôi của một cái phong linh treo ở đầu gió "Hãy đến đây, ngồi bên cạnh em, cầm lấy tay em, để em úp mặt trên vai áo anh, chúng ta đều có những nỗi niềm cần chia sẻ". Thế nhưng Hậu ngồi bất động trên ghế. Thần trí nàng như một cái lò vi ba bị nung nóng, làm nát nhoét, chảy nhão hết mọi thứ bên trong. Trong cái nhập nhòe của nước mắt ứa lên mi, Hậu cảm nhận hết nỗi cô đơn của hai người, tựa như hai hòn bi thủy tinh lăn lóc, tưởng giống nhau nhưng mỗi viên óng ánh một cách và không bao giờ thể nhập vào nhau được. Ý nghĩ ấy như một vết cắt ngọt làm lòng Hậu đau buốt.

Bên kia cái bàn nhỏ, Ngạn cười một cách dung dị:

"Sau cùng thì anh cũng gặp lại được em."

Hình như chàng có sự yên tâm của một người tìm ra cái địa chỉ hẹn đến, làm Hậu có một liên tưởng ngộ nghĩnh là suốt đời, chàng đã phí thời giờ, phí công cho những cái địa chỉ đến chẳng có mục đích gì. Trước khi đứng dậy, Hậu lưỡng lự hỏi Ngạn:

"Sắp có một cuộc họp mặt lớn của các bạn bè cũ, anh có muốn đến để gặp thêm cố nhân không?"

Mắt Ngạn đang cười lấp lánh bỗng tối lại:

"Anh cũng ngại, sợ đem chuyện không vui đến cho nhau. Tuy nhiên, để xem."

Ra về giữa cái nắng trưa rộn rã mà quạnh hiu của Cali, Hậu tự hỏi không biết con người thường là nạn nhân của đám đông hay chính nó là cơ hội để bắt đầu những cái mới mà nó không biết hoặc không có can đảm

THƠ TRẦN VĂN NAM

Trăng mái ngàn năm

Sống quen phường phố sáng trưng
Mãi khi điện tắt thấy ngưng dọng hình
Mái nhà xuống thấp, bóng rình
Ta như gặp lại thình lình quê thơ
Vầng trăng vượt tả ngạn bờ
Con đường làng sáng gọi đò sang sông
Mái tranh in bóng, sân lồng
Cái mờ nhạt ấy tang bồng theo ta
Ngàn năm trăng mái lân la
Phố đèn nào biết trăng nhà cố tri
Sông trời chảy sáng lưu ly
Còn trăng còn mái còn khi hẹn hò.

Ngày vô nhiễm

Chiều không khói, ngày không mây
Trong cơn gió chướng ngàn Tây thổi về
Đồng hành rặng núi pha lê
Con chim hồ hải mới mê bạt trời
Về sa mạc, rụng tơi bời
Khói lam ô nhiễm hiểu đời bại vong
Một ngày, ngoài nỗi ước mong
Xanh trời vô nhiễm trải lòng thi ca.

để thử thách?

Ngạn đứng trên khoảng sân đậu xe vẫy tay chào Hậu. Cuộc gặp tình cờ của họ thoáng qua, như một chiếc lá phai rụng âm thầm dưới cơn gió thoảng.

Chẳng phải chỉ riêng Ngạn ôm cơn mộng lỡ bốn mươi năm của chàng, cả Hậu cũng để lỡ suốt đời nàng những địa chỉ bước chân nàng đi qua mà không dừng lại.❐

Người lính trong truyện Trần Hoài Thư

Nguyễn Vy-Khanh

Văn học Việt Nam từ nửa thế kỷ nay có thể nói là một văn học chủ yếu chiến tranh: chiến tranh chống thực dân 1945-54, chống cộng trong Nam và chống "mỹ ngụy" ngoài Bắc 1954-1975, chống chủ nghĩa ngoại nhập, chống độc tài tranh đấu cho dân chủ, tự do từ ngày 30-4-1975, ở trong cũng như ngoài nước. Trong cuộc chiến 1954-1975, "văn học" chống "mỹ ngụy" điều động bởi Hà-Nội từ các nhà văn bộ đội và các xưởng viết văn từ Bắc vào đến Trường Sơn, Cục "R", đã sản xuất nhiều hình ảnh lính bộ đội hoặc "giải phóng" hăng say với lý tưởng "đuổi Mỹ" và cứu người miền Nam đang bị "ngụy" và "thực dân mới" ... bóc lột, cơ cực (!). Những người lính có khi được gọi là "thanh niên xung phong" này đầu óc được thông tin Nhà Nước bơm đầy hận thù, chấp nhận sinh Bắc tử Nam, bắn giết, phá "địch", không tâm hồn tư riêng, quên gia đình và bản thân, vv. Vì nhu cầu tuyên truyền chính trị, người lính bộ đội và giải phóng thường được mô tả theo cùng một khuôn rập. Trong Văn Học Việt Nam Chống Mỹ Cứu Nước, Viện văn học của Hà nội đã ... tự hào tổng kết :

"Văn học của chúng ta trong những năm chống Mỹ đã làm đúng những lời căn dặn đó của Đảng. (...) Chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội là hai mảng đề tài lớn nhất trong những năm này, mặc dù đề tài trên đã chiếm vị trí hàng đầu. (...) Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã trở thành một nội dung tư tưởng chủ yếu của văn học trong những năm chống Mỹ, và những anh hùng, chiến sĩ trên các lãnh vực đã trở thành những nhân vật chính mà các tác phẩm văn học đã miêu tả. (...) Trường đào tạo các nhà văn trẻ vẫn tiếp tục mở hết khóa này đến khóa khác. ..." (1)

Bên này vĩ tuyến 17, báo chí, xuất bản phẩm tràn ngập những hình ảnh chiến sĩ cộng hòa gan dạ, yêu nước, bảo quốc an dân. Họ là bảo hiểm cho người hậu phương, là an ninh nơi thôn làng, là giải cứu cho những

vùng địch tạm chiếm. Người lính cộng hòa được các nhà văn thơ Nguyễn Đạt Thịnh, Nguyễn Mạnh Côn, Nhất Tuấn, Hà Huyền Chi, Hồ Minh Dũng, Văn Quang, vv tâm lý chiến hóa cũng như lãng mạn và thi vị hóa. Những anh hùng ca được nuôi dưỡng suốt cuộc chiến.

Nhưng cuộc chiến càng kéo dài, người lính càng trở nên cô đơn, bi quan và đăm chiêu dưới các ngòi bút của Thế Uyên, Dương Nghiễm Mậu, Phan Nhật Nam, Nguyên Vũ,... hoặc trằn trọc không lối thoát đến độ phải đối kháng hoặc phản chiến như Ngụy Ngữ, Trần Hữu Lục.

Đó là vì miền Nam Cộng hòa chế độ tự do dân chủ hơn, do đó bên cạnh những hình ảnh chính thức, đã có những người lính bạt mạng như Nguyễn Bắc Sơn :

... Kẻ thù ta ơi, những đứa xâm mình
Ăn muối đá và điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu
Đi hành quân, rượu đế vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem chiến cuộc như tai trời ách nước
Ta bắn trúng ngươi, vì ngươi bạc phước
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Vì căn phần ngươi xui khiến đó thôi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau...

Chiến tranh chấm dứt vào cuối tháng tư 1975 nhưng văn học chiến tranh vẫn tiếp diễn ở hai mặt trận trong và ngoài nước. Trong nước, vì nhu cầu chiến thắng và thống nhất, một nền "văn chương cách mạng" hậu giải phóng được chính thức phát động. Nào là biên khảo, nhận định, hồi ký, truyện ngắn dài, truyện trinh thám, vv cập nhật vai trò những người lính "cách mạng, giải phóng" và bôi đen những người lính phe đối nghịch bị lãnh đạo và đồng minh lừa dối bỏ rơi và nay đang tàn tạ trong các trại học tập. Người "chiến thắng" đặt nặng việc phá hủy văn hóa Việt Nam Cộng Hòa. ghi cả trong nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV (1976) nhiệm vụ phải "quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới" ở miền Nam (2).

Ở hải ngoại, một nền văn học lưu vong được hình thành. Đây sẽ là một văn học Miền Nam nối dài với những đặc điểm của hoàn cảnh mới của dân tộc. Chiến tranh 1954-75 tàn cuộc vì cờ gian bạc lận. Miền Nam bị các thế lực ngoại bang cấu kết bức tử, bị lương tâm nhân loại mù quáng vì tuyên truyền, bỏ rơi. Người lính cộng hòa bị bức tử nhưng chưa chết,

được người bỏ xứ phục hồi dưới nhiều hình thức. Một dòng văn chương hoài niệm được bắt đầu và kéo dài tới cả hôm nay, dài về thời gian hơn cả những hoài niệm của cuộc di cư 1954. Các truyện thơ về người lính, của người lính, lần lượt xuất hiện ngay từ những năm đầu lưu vong và đều đặn hơn từ những đợt vượt biển, đoàn tụ gia đình (ODP) và gần nhất là HO cựu tù cải tạo. Nhưng phải đợi đến đầu thập niên 1980, các nhà văn thơ từng khoác quân phục Cộng hòa góp mặt càng đông đảo và đáng kể như Cao Xuân Huy (*Tháng Ba Gãy Súng*), Nguyễn Ý Thuần, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Khánh Trường, Nguyên Vũ, Hoàng Khởi Phong (*Ngày N+*), Phạm Huấn, Hà Huyền Chi, Nguyễn Tấn Hưng, vv.

Hình thức thứ hai là các hồi ký lao tù từ những năm đầu thập niên *1980 : Đại Học Máu của Hà Thúc Sinh, Đáy Địa Ngục của Tạ Tỵ, Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo, vv. Người lính thua trận bị thù hằn trả đũa. Những đấu trí vô vọng, những đầu óc một chiều ngoan cố dù đã thắng trận cờ. Những cảnh đời khốn cùng, những con người hèn hạ ! Phần lớn các hồi ký cải tạo nói chung không đi xa hơn những ký sự, chuyện đời.

Bên cạnh những hoạt động văn chương, còn có những bài báo, các truyện kể, những đính chính tranh luận về những trận đánh và một số biến cố lịch sử, càng xa cuộc chiến càng mãnh liệt, trên các báo chí hội đoàn và thương mãi. Nói chung, người ta nói và viết nhiều đến những sĩ quan cao cấp, về những cử chỉ anh hùng hoặc thối nát, tầm thường của họ mà ít nhắc nhở đến những người lính thấp nhỏ hơn; họ có chết hoặc bỏ chạy cũng ít ai nói tới.

Hình ảnh người lính đã theo chừng ấy giai đoạn trôi nổi với cuộc chiến, lúc nào cũng hào hùng vĩ đại, nhưng cũng có những người lính rất tầm thường, đáng thương vì là nạn nhân của những thư hùng bạo lực, của những mưu đồ tranh chấp. Những người lính tầm thường hơn nhưng tâm tư phức tạp: có người vì lý tưởng, nhưng một cách thực tế họ đã chiến đấu vì tình đồng đội, vì nghĩa "thầy trò", vì màu cờ sắc áo của binh chủng.

Những người lính của Trần Hoài Thư đặc biệt có tất cả các đặc tính vừa kể. Anh đã viết về những người lính có thật, những cái sống thực thường nhật, những cái anh đã sống; đã lăn lộn với bom đạn, anh đã sống cái tang thương của bom đạn, và anh đã đưa kinh nghiệm đó vào văn chương. Trong bài này chúng tôi giới hạn ở các truyện ngắn (anh còn là một nhà thơ) anh đã viết ở hải ngoại từ 1980 tức từ khi anh vượt biển đến Hoa Kỳ, đã được xuất bản trong tập *Ra Biển Gọi Thầm* (3) hoặc đã xuất hiện trên các tạp chí văn học và cộng đồng ở Bắc Mỹ. Tác phẩm của anh xuất hiện đều đặn trên nhiều báo chí ở khắp Bắc Mỹ kể cả mạng lưới

thông tin internet.

Ra Biển Gọi Thầm gồm 20 truyện ngắn, ngoại trừ bốn truyện đã đăng báo trước 1975 và được viết lại, phần lớn được viết vào những năm gần đây, có bốn truyện duy nhất có ghi chú ngày viết thì đều là 1995. Các tác phẩm Trần Hoài Thư viết về người lính nhìn chung, như một tiếng nói của lương tâm, một nhức nhối của tiềm thức, một hoài niệm về một quá khứ gần đó mà đã xa, về chính tuổi trẻ bị đánh mất, về những bạn bè, những mối tình đổ vỡ, đau khổ và những cảnh đời trái ngang.

Điểm trội bật trong các truyện là cái nhìn của anh như một người lính về cuộc chiến, một cái nhìn không lạc quan về một chiến trường bi thảm, ngoài lề tiếng nói của chính quyền, ...

Trước 1975, anh đã nghĩ :

" Tôi đang viết về một thảm kịch, cho con cháu chúng ta trong tương lai, để sau này khi lớn lên chúng sẽ hiểu về cuộc chiến này. Đêm qua, cả làng bên sông, nơi mà bọn tôi đã đến và gìn giữ, sau đó bàn giao lại cho nghĩa quân và xây dựng nông thôn, đã bị pháo dập. Địch kéo về cả đại đội chọc thẳng vào làng. Từ lâu những người bên kia đã coi cái làng như một cái gai cần phải nhổ bằng bất cứ giá nào. Những người ngồi ở Sàigòn hay Hoa thịnh Đốn thì muốn coi ngôi làng như một thành công trong chính sách bình định phát triển. Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Họ đã ngu xuẩn để hiểu về kế hoạch bảo vệ dân làng về lâu về dài. Một trung đội nghĩa quân làm sao đủ sức che chở cả ngôi làng. (...) Tôi đã đến cùng với bãi hoang tàn để hiểu rõ hơn về sự thật của cuộc chiến. Cuối cùng cũng vẫn là dân vô tội. Rõ ràng chúng ta đã bị thua. Chúng ta đã đến với họ, mang lại niềm tin cho họ, nhưng chúng ta không thể bảo vệ họ... " (Nhật Ký Hành Quân, tr. 129).

20 năm sau, trong *Thư Về Người Đồng Đội Cũ Sau 25 Năm Thất Lạc*, Trần Hoài Thư có dịp nhìn lại cuộc chiến :

" Tôi viết đến đây, bằng tất cả sự bình an của chính mình , sau hơn hai mươi năm, về một cuộc chiến kỳ lạ, vô ích, phi nghĩa phi nhân. Lúc này, chúng ta có quyền thẩm định về giá trị của chiến tranh và lịch sử. Nhưng tôi không thể bình an khi cái cuồng điên kia đã trở thành thú tính. Họ rõ ràng hơn chúng ta. Bởi vì họ có cả một khối thép thành trì bên ngoài và khối thép căm thù bên trong đầu óc, và con tim họ. Còn chúng ta thì cô đơn. (...) Chúng ta đã chiến đấu trong nỗi cô đơn và quả cảm. Và chết cũng quả cảm và cô đơn. Như bao nhiêu đứa con của một đại đội bộ binh. Như bao nhiêu người trẻ tuổi không may sinh vào một nơi đầy bao nhiêu tai ương lớn lao nhất của quả địa cầu" (tr 74).

Người lính THT đáng tội, chỉ vì anh có suy nghĩ, biết nhìn thấy

những bất nhân và bất công, những tâm địa và tư cách của những kẻ cùng chiến tuyến:

" Tôi đã vùng vẫy. Tôi đã thét gào. Tôi mang kính cận dày, cột dây thung sau gáy để nhảy trực thăng, nhảy diều hâu trong khi con cái những kẻ quyền lực trốn lính hay ở hậu cứ. Xin các ngài đừng lên mặt dạy đời trong khi các ngài chưa biết thế nào là máu thấm vào áo trận. Cũng xin các người bên kia đừng chửi tôi là lính đánh thuê, đánh giặc mướn trong khi tôi mời các người từng điếu Pall Mall. Tôi là tôi. Tôi làm chủ lấy tôi. Tôi quyết định lấy đời tôi" (Nha Trang, tr. 174-175).

Phẫn nộ, cô đơn, sau một trận đánh hình như tất cả đội ngũ đều chết, người lính đó quyết định bỏ ngũ. Anh lý luận : *"Kẻ đào ngũ trái lại phải là một tay lính chiến đấu cô độc nhất, bởi vì nó chẳng có đội ngũ. Cứ xem tôi là kẻ hèn, nhưng có biết bao kẻ hèn hơn tôi. Mượn áo lính để tiến thân. Chưa bao giờ ra mặt trận một ngày mà hùng hổ la gào. Nghe tiếng súng nổ thì són đái. Thách có tay nào mang kính 8 độ đi thám báo...."* (Thư Về Người Đồng Đội..., tr. 77)

Một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, trớ trêu, khó hiểu. Hai người yêu nhau cùng lớn lên ở cùng một địa phương mà rồi mỗi người phải một chiến tuyến, người yêu theo cộng sản như Hồng cô gái quán cà phê mê thơ văn chàng trong *Vết Thương Không Rời*, như Quỳnh người nữ quyết tử viên sau trở thành cô giáo quận lỵ Tuy Phước trong *Tháng Bảy Mưa Ngâu*, vv. Hoặc như hai cha con theo cường điệu của cuộc chiến, ngày kia phải đối đầu nhau trên cùng bãi chiến, trong *Người Anh Hàng Xóm*. Một chiến tranh tàn bạo, bắn lầm là chuyện thường tình giữa hai lằn đạn, nhưng tại sao nạn nhân lại là một đứa trẻ 12 tuổi (tr. 128), vv. Người lính có suy nghĩ, có con tim nhiều khi đã phải thả thanh niên trốn quân dịch đang trốn về nhà làm ruộng, nhưng biết đâu lại là VC nằm vùng, sẽ đi đắp đê, gài mìn, ...!

Vết Thương Không Rời kể chuyện trung đội thám kích xuống đổi đột kích một đêm mưa gió như đến "từ bốn cõi âm binh", mà lại là vùng quê ngoại của thiếu úy Tân. Toán quân anh đi giải cứu quê cũ của anh nhưng địch không lẽ lại là cả ngôi làng. Khi mục tiêu đã đạt, địch đã bị giết thì hóa ra là những cán bộ gái thường ngày ở quận lỵ vẫn liếc mắt đưa tình với mọi sĩ quan. Càng đi sâu vào cuộc chiến, người lính đó biết lịch sử có những bước đi khắc nghiệt, có những khoảng cách của định mệnh xa mà gần, gần rồi xa như nhịp cầu Ô Thước mà anh đã phải chấp nhận. *Tháng Bảy Mưa Ngâu* đưa hai người yêu nhau đến gần nhưng rồi mãi mãi xa, vì dây oan nghiệt ý thức hệ đối nghịch và nay người quê nhà người lưu xứ xa xôi !

Người lính THT không lý thuyết cao siêu, không siêu tưởng. Trong cái tương đối của đời lính, anh chỉ đi tìm hạnh phúc cho cuộc đời, đi tìm và khi tưởng có được, anh dựng xây một tình yêu, muốn dừng lại, "sẽ không còn phóng đãng, bụi đời". Sau những ngày chạm trán với kẻ thù, với tử thần, bị dồn nén, dĩ nhiên người lính có những phóng đãng, hoang đàng. Trong *Sỏi Đá Ngậm Ngùi* sáng tác mới nhất (24-9-96) (4), ứng chiến ở một vùng đồi Bình Định nơi đó có tháp Chàm, nơi đó chàng "tơi tả trong những khu rừng khổ sai", người sĩ quan độc thân đưa người người yêu đi thăm căn cứ. Sau đó mỗi lần đi phục kích, chàng "không quên giả vờ vào nhà em, xin gáo nước lạnh" bên kia sông Tuy Phước. Mẹ cô gái đã từ gọi "thiếu úy" đến "cậu" rồi "cháu", ba chàng đánh điện tín hứa sẽ vào đi hỏi, tưởng hạnh phúc sắp đến gần, nhưng định mệnh cả dân tộc ập đến với sự sụp đổ tức tưởi của miền Nam Cộng Hòa, nói chi đến chuyện cá nhân. Hãy nghe tiếng buồn cũa người lính cộng hòa :

"Em, người sắp làm vợ của anh cũng mất. Anh bị bắt làm tù binh, để sau đó bị giải từ trại tù này qua trại tù khác, để không có thì giờ mà nhớ lại một người thân yêu cũ, đến buổi cuối cùng, thấy bóng em nhỏ nhoi côi cút ở bên kia sông. Tạm biệt hay là vĩnh biệt. Không bao giờ anh dám nghĩ đến dưới đôi giày trận, những hạt cát vô tình lọt vào trong giày, mà đau nhức suốt đời. Sỏi cát ngậm ngùi. Tiếng hát cất lên từ một người cô phụ hay tiếng u uất thống thiết từ những người yêu nhau muốn gần nhau mà phải vĩnh biệt chia xa."

Một cuộc chiến buồn thảm, đó có thể là lý do tại sao các chuyện tình của người lính THT không bao giờ có đoạn cuối vui và ... bình thường. Không chết giữa hai làn đạn thì cũng chết vì hải tặc, lấy chồng Mỹ, bặt tin, vv. Trước những giây phút đẹp của những cặp tình nhân dù họ là kẻ thù, người lính phải trực diện với kẻ thù đó vẫn hơn một lần chứng tỏ còn có tình người, có tâm hồn. Trong *Viễn Thám*, trung đội thám kích đang săn tin về một đơn vị Bắc quân mới xâm nhập vùng Trường sơn, đã không ngờ gặp một cặp bộ đội đang hát bên bờ suối. Quân thù đó nhưng người lính đã không bắn. *"Tôi không thể chơi cái trò dã man như vậy. Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cữu (...) Tiếng hát như nói lên những điều câm nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cữu"* (5)

Trong các truyện của THT, người đọc thường gặp lại một số hình ảnh, địa danh và nhân vật quen thuộc vì thường là chuyện đời lính của chính tác giả. Những Quy Nhơn, Huế, Tuy Phước, Đà Nẵng và Cần Thơ

(ít hơn). Những đồng đội Nha, Minh, Năm Râu, những người lính Thượng Lương Văn Tướng, Y Đao, Nay Lat, vv. Còn nhân vật xưng tôi thường là Ba Cận Thị hoặc thiếu úy Tân. Những người đồng đội "huynh đệ chi binh" như anh tà lọt: *"Ông thầy, ở đây có lá giang, ông thầy nghỉ để em nấu canh lá giang với thịt hộp cho ông thầy ăn"* (5). Ngoài những người đồng đội, Trần Hoài Thư còn viết về những cấp chỉ huy. Dĩ nhiên anh có nhắc đến những "Mặt Trời" thường chỉ tới thị sát khi mặt trận đã xong, gắn huy chương, vỗ về, cả những nhắn nhủ, đòi hỏi trước mỗi chiến dịch, công tác. Anh cũng viết về những nhũng lạm của các cấp chỉ huy, những hại việc nước và chính nghĩa chung ! Nhưng đặc biệt khi viết về hai tướng Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam (Khi về Nữu Ước) và "đại bàng" Hạnh (Nha Trang), ngòi bút của anh trở nên thiết tha, cảm động, đầy tình người ! Hãy nghe những lời của tướng Hưng - trong truyện là hồn ma quanh quất ở công viên Nữu Ước:

"Ta rất thương đứa con gái đầu lòng của ta. Vì ta mà nó khổ. Bây giờ nó cận thị nặng hơn cả chú em nữa. Nhà nó bây giờ chỉ có mỗi bề 4 mét, mưa thì nước ngập quá đầu gối, không có cả nhà vệ sinh. Nhưng căn nhà lại nằm trong kế hoạch giải tỏa. Tương lai nó không biết ở đâu nữa". (...) "... nhờ chú em nhắn lại những người còn mến ta. Cái nấm đất chôn ta đã bị san bằng rồi. Cả cây trụ đèn dùng để làm dấu mộ ta cũng bị đào nhổ rồi. Ta lạnh lắm. Từ lâu ta không có hương lửa..." (tr. 99-100)

Đó là cái bẽ bàng của những kẻ đầu đàn có lương tri, họ đã thành nhân dù đã không thành công. Và còn nhiều cái bẽ bàng khác với người lính của THT. Bẽ bàng của những ngày cuối của chiến tranh. Trong hai truyện khác mới viết gần đây, *Dưới Những Cánh Rừng Già* (6), *Ngày Cuối Tại Một Thị Trấn* (7), anh tả tình cảnh bi đát của hồi kết thúc cuộc chiến, những người lính bị rơi vào bẫy, bị bỏ rơi với định mệnh của cả dân tộc. Trong DNCRG, đám tàn quân cản đường tiến của Bắc quân trong khi cấp chỉ huy bỏ chạy. *"Tội này ai gây nên. Lịch sử này ai gánh chịu. Những người lính của tôi, họ ít học, người gốc nông dân, người gốc Thượng, gốc Nùng, người bị bắt đi quân dịch, họ đâu có tội gì để gánh cái khối đá tảng của lịch sử. Những người có trách nhiệm bây giờ ở đâu, sao máy thì bặt tăm không một lời thăm hỏi. Hay họ đã chạy trốn rồi (Mà quả vậy, sau này tôi được biết ông trung đoàn trưởng và toàn ban tham mưu của ông đả đào tẩu hồi nửa đêm)"*. Tiếp viện chờ không thấy, đám tàn quân bất ngờ bị pháo kích, họ trở thành *" những con mồi tội nghiệp. Làm sao chúng tôi biết là thị xã TĐ đã mất từ lâu, và tên sĩ quan trong trung tâm hành quân mà chúng tôi liên lạc để báo cáo, để hy vọng, để đặt hết bao nhiêu nương cậy, chính là tên địch nằm vùng đã ra lệnh pháo dập xuống*

đầu chúng tôi".

Ngày Cuối Tại Một Thị Trấn là một anh hùng ca của đại đội trinh sát. Những người lính dũng cảm làm tròn nhiệm vụ bảo vệ phi trường, khu trại gia binh và bản doanh trung đoàn khi tình hình chiến sự đang nghiêng về thua hơn là thắng. Đại đội cầm cự được ba ngày đối đầu với quân chính quy, nhưng "tin mật" đã lộ, "Và những người hối hả lên máy bay là những người có thế lực". Dân chúng nghe tin cứ chạy về phi trường, rồi bao kêu thương, tất cả đã muộn màng...! Phần còn lại cho những người lính là con đường rút trong hốt hoảng và chết chóc !

Tàn cuộc chiến, bị bỏ rơi, người lính không lâu sau còn bị kẻ chiến thắng gian trá bắt tù đày, biệt xứ và bị trả thù. Đi lính là để trả nợ non sông, nhưng tháng tư 1975, người lính còn phải trả nợ cho những sai lầm của lãnh đạo, chỉ huy. *Người Và Quỉ* là cảnh thiên đường học tập, người thì điên, người chịu đựng, người căm phẫn. Trong tuyệt vọng, lương tâm người lính có dịp được thử thách.

Học tập ra, người lính thua cuộc sống lây lất ngay trong quê hương đất nước anh đã bị thương đổ máu, mất cả tuổi trẻ để bảo vệ. Anh lính cộng hòa trở thành *Người Bán Cà Rem Dạo* vẫn giữ được cái kiêu hãnh của con người trước xảo trá : anh từ chối vào Hội nhà văn thành phố, dù sẽ được chế độ mới cho một số quyền lợi. Anh lính sẽ trốn đi, chấp nhận xa quê hương.

Đời sống lưu đày nơi xứ người khó khăn, cô đơn. Tuổi trung niên, người lính di dân phải làm lại cuộc đời, học tiếng nói, học nghề. Để cho con cháu, cho mai sau ! Người lính bị ép bỏ cuộc chơi, "tủi như người không có quê hương", có lúc phải chạm trán với những người bản xứ thiên tả, kỳ thị. Rồi những người thân quen, bạn bè và đồng đội cũ sẽ tái hồi với người lính. Những mất mát và hạnh phúc còn lại. Nỗi đời cô đơn xa xứ ấy được Trần Hoài Thư ghi lại qua các truyện *Thư Về Người Đồng Đội Cũ Sau 25 Năm Thất Lạc, Người Về Trăm Năm, Ở Một Nơi Nào Rất Xa, Cho Con Mùa Tựu Trường, Bên Này Dòng Hudson, Đất Khách (8), Người Bị Thua Cuộc (9)*, vv. Người lính phải xa xứ nhưng vẫn có cái nhìn rộng lượng như đối với một nữ sinh viên VN du học con cán bộ cao cấp, trong *Một Nơi Nào Rất Xa*. Có lẽ anh mong một ngày kia khi bụi mờ quá khứ lắng bớt, sự thật về sinh mạng dân tộc, về một giai đoạn lịch sử sẽ được những thế hệ đi sau không phải nhìn với những lăng kính, sẽ hiểu rõ hơn.

Trần Hoài Thư có những tác phẩm về người lính rất thành công và cảm động như *Bãi Chiến, Khi Về Nữu Ước, Tháng Bảy Mưa Ngâu, ...*

Trong toàn bộ, truyện về người lính của anh là những hoài niệm, ưu tư, khắc khoải, những cay đắng hoài nghi, nhưng cũng là những chân dung những người lính thật, có lữa có lòng, có tốt có xấu, nhưng vượt trên tất cả là thân phận của những con người bị đày đọa, hy sinh, lừa dối. Khác với những hồi ký của các lãnh tụ, tướng lãnh, tác phẩm của THT là những đau khổ anh hùng của những người lính vô danh, những tâm tư của một thế hệ trẻ bị nướng vào chiến tranh.

Các truyện của Trần Hoài Thư về người lính cũng là truyện của chính anh, từ những mối tình, đời lính - anh là trung đội trưởng thám kích bộ binh vùng hai (đại đội 405 Thám kích sư đoàn 22 BB), những lần bị thương, rồi đào ngũ trốn ở Nha Trang và Phan Rang viết hàng loạt truyện và thơ đăng trên Bách Khoa, Văn Học, ... đến chuyện phải tái trình diện, bị giáng lon chuyển sang sư đoàn 23 ở Ban Mê Thuột rồi thuyên chuyển về quân đoàn 4 làm phóng viên chiến trường.

Chân dung người lính của anh sẽ giúp các thế hệ trẻ hơn hiểu hơn về một cuộc chiến, về một thế hệ, những nạn nhân. Người đọc có cảm tưởng anh còn muốn những người hôm qua là địch đối đầu ở trận chiến có cái nhìn trung thực hơn về người lính cộng hòa. Anh đã tự hứa viết giùm những người không thể viết, không thể nói, những người mang áo lính cộng hòa bị bỏ quên. Dù anh thú nhận không thể viết hết những gì chiến tranh đã gây nên nhưng chúng ta hy vọng anh đã lay động được lương tâm con người; biết đâu những tên đồ tể của chiến tranh sẽ cải tà quy chính (!), về với con người, lòng người, xây dựng những cuộc sống an bình và hạnh phúc ! Hơi thừa nếu cho rằng nhà văn Trần Hoài Thư có cái can đảm của người lính thám kích. Thật vậy, anh đã dám nói lên những sự thật đau lòng của chiến tranh, của những người cùng chiến tuyến, dám nói khác những tiếng nói chính thức mà nhiều người đã nhàm nghe ! Như anh đã thổ lộ đâu đó anh tự hào là người đã nghe trái phá nổ, do đó anh hiểu mãnh lực của trái phá như thế nào!❐

(1) Hà-nội: Khoa học xã hội, 1979, tr. 14-15.
(2) Văn Hóa Văn Nghệ Miền Nam Dưới Chế Độ Mỹ Nguy.
Hà nội : Văn Hóa, 1977. Tr. 8.
(3) Tác giả xuất bản, Plainfield, NJ, 1995. 222 trang.
(4) Tạp chí liên mạng Văn Học Nghệ Thuật số 238, 16-10-1996.
(5) Viễn Thám (Dân Chủ Mới số 55, 8-1996) tr. 59-61.
(6) Viết 17-9-1996, đăng trên VHNT số 233 (4-10-1996)
(7) Viết 26-8-1996, đăng trên VHNT số 223 (4-9-1996).
(8) VHNT số 203 (5-7-1996).
(9) VHNT số 210 (31-7-1996).

Ngô Thế Vinh, không có khoảng cách giữa tác giả và tác phẩm

Nguyễn Xuân Hoàng

Bài viết dưới đây là một lời tựa dành cho tuyển tập truyện ngắn của nhà văn Ngô Thế Vinh. Tuyển tập mang tên Mặt Trận Ở Sài Gòn, do nhà Văn Nghệ xuất bản, sẽ phát hành vào đầu tháng Năm 1996. Ngô Thế Vinh nguyên là y sĩ trưởng của Tiểu đoàn 81 Biệt Cách Dù. Trước năm 1975 tác phẩm Vòng Đai Xanh của ông đã đoạt giải Văn học Nghệ thuật Toàn quốc 1971. Ngay trong thời gian này, Ngô Thế Vinh bị ra toà vì bài báo Mặt Trận Ở Sài Gòn. Sau năm 1975, cũng như những người lính khác, ông bị đi "học tập cải tạo". Sau ngày ra tù, ông qua Mỹ, và "học, làm việc" lấy lại bằng hành nghề bác sĩ. Hiện ông đang cư ngụ tại Nam California. Bài viết của Nguyễn Xuân Hoàng, thay lời tựa cho tập truyện Mặt Trận Ở Sài Gòn cho thấy một khía cạnh của tình bạn giữa tác giả và người viết trong hơn ba mươi năm qua. Nó cũng cho thấy đây là một vấn đề không chỉ đặt ra trong văn học mà còn cả trong đời sống của chúng ta nữa. [Văn Học] Người đọc vốn thường hay đồng hoá tác giả với nhân vật chính của những trang sách, thế nhưng, trong một số trường hợp người viết ở đời thường lại là âm bản của nhân vật của mình. Lỗi không phải ở tác giả. Càng không phải lỗi của người đọc. Tất nhiên không ai ngây thơ cho rằng nhân vật chính diện chính là tác giả. Và người viết phải hiện diện trên từng hành động cuả nhân vật chính diện này. Nhưng đây là một vấn đề văn học. Nó đòi hỏi những nhà nghiên cứu văn học trong khi bàn về mối tương quan giữa người viết và người đọc sẽ có những cái nhìn hoàn chỉnh hơn. Ở đây tôi muốn nói trường hợp Ngô Thế Vinh: không có một khoảng cách nào giữa tác giả và những trang viết của ông. Người đọc có cơ hội theo dõi những tác phẩm của Ngô Thế Vinh, từ tiểu thuyết đầu tay Mây Bão xuất bản vào thập niên sáu mươi tại Sài Gòn, đến tập truyện Mặt Trận Ở Sài Gòn này, vào giữa thập niên chín mươi ở California, Hoa Kỳ chắc chắn sẽ nhận ra ngay điều này: Ngô Thế Vinh trong sách và Ngô Thế Vinh ngoài đời chỉ là một. Tác phẩm gồm mười hai truyện, một nửa là những sáng tác trước năm 1975 và nửa sau là những bài viết sau 1975. Thế nhưng, toàn bộ tuyển tập Mặt Trận Ở Sài Gòn tự nó mang tính nhất quán rõ rệt. Sự nhất quán ấy không chỉ có giữa tác giả và những trang viết, mà còn nhất quán cả từ những dòng chữ đầu tiên đến những dòng

chữ sau cùng về toàn bộ những gì ông đã viết hơn ba mươi năm qua.

Ngô Thế Vinh là nhà văn của những ước mơ, hay nói rõ hơn ông là nhà văn của lương tâm. Ở Sài Gòn một năm trước ngày Mùa Hè Đỏ Lửa giáng xuống miền Trung, Ngô Thế Vinh viết trong Mặt Trận Ở Sài Gòn rằng "Không lẽ những mộng tưởng binh nghiệp chỉ có thể biến chúng tôi thành những tên gác dan cho bọn nhà giàu, một thứ cảnh sát công lộ chỉ đường trên dòng luân lưu của lịch sử"..."Rằng ngoài chiến trường súng đạn quen thuộc, họ [người lính] còn phải đương đầu với một trận tuyến khác mỏi mệt hơn- đó là cảnh thối nát bất công của xã hội mà dân tộc đang phải hứng chịu trong tối tăm tủi nhục." Người ta hiểu lý do tại sao Ngô Thế Vinh phải ra hầu toà trong khi trước đó tác phẩm Vòng Đai Xanh của ông vừa được giải Văn học Nghệ thuật Toàn quốc 1971. Bởi vì ngoài vai trò một bác sĩ và một người lính, ông còn là một nhà văn mơ ước về một xã hội tốt đẹp hơn. Ông là một người lính chiến đấu cho tổ quốc, hy sinh cho một lý tưởng, nhưng ông không muốn sự hy sinh ấy nhằm bảo vệ cho "một thứ xã hội trên cao", một xã hội hưởng thụ thừa mứa, cuả "một đám người kêu gào chiến tranh nhưng lúc nào cũng ở trên và đứng ngoài cuộc chiến ấy."* Hơn ai hết, Ngô Thế Vinh biết rõ những suy nghĩ của anh trong một xã hội đang tan rã ở Sài Gòn lúc bấy giờ cũng chẳng khác nào những suy nghĩ của bọt biển, thế nhưng khi cầm bút viết xuống trang giấy những suy nghĩ "phạm thánh" ấy trong một không khí đe doạ và khủng bố, phải nói Ngô Thế Vinh là một người dũng cảm. Khi tôi viết cuốn truyện dài đầu tay của mình, cuốn Kẻ Tà Đạo vào năm 1972 tại Sài Gòn, tôi đã dành gần một chương để nhắc đến anh như một lời cảm ơn. Tôi đã gọi Vinh là "lương tâm của tôi". Và giờ đây, sau hơn hai mươi năm nhìn lại Ngô Thế Vinh, nhìn lại những trang sách mới viết của Vinh tôi thấy những suy nghĩ của tôi về anh vẫn nguyên vẹn như xưa, như khi chúng tôi ngồi bên nhau ở quán Givral, Sài Gòn một buổi sáng Chủ Nhật năm 1972 nói về cái trát gọi anh ra toà vì bài Mặt Trận Ở Sài Gòn của anh trên tạp chí Trình Bày. Bởi vì với Giấc Mộng Con Năm 2000, truyện cuối trong tập truyện Mặt Trận Ở Sài Gòn, viết vào tháng Giêng năm 1995, Ngô Thế Vinh vẫn không rời bỏ con đường mà anh đã đi trước kia. Vinh vẫn tiếp tục là con người của xã hội, là nhà văn của xã hội. Ngô Thế Vinh vẫn là tiếng nói cuả trái tim và lương tâm. Giấc mơ nào cũng chỉ là giấc mơ. Nhưng tôi vẫn luôn luôn mong ước thấy giấc mơ của Vinh trở thành hiện thực. Tôi mong như vậy. Và tôi tin điều ấy sẽ đến với Ngô Thế Vinh. Đến với chúng ta.

* Trong *Mặt Trận Ở Sài Gòn*, vừa do Nhà Văn Nghệ xuất bản

Thương tiếc nhạc sĩ Lê Thương

Quỳnh Giao

(Phát biểu trong đêm tưởng niệm Lê Thương, do hội văn hoá Việt Mỹ, đài phát thanh VNCR và nhật báo Người Việt tổ chức ngày 4 tháng Mười tại phòng sinh hoạt báo Người Việt, Orange County, California)

Nhạc sĩ Lê Thương là người như Phạm Duy đã viết, thực sự "khóc cười theo mệnh nước nổi trôi" vì âm nhạc và cuộc đời của ông đã gắn liền với vận mệnh đất nước trong nhiều thập niên. Là một trong những người tiên phong khai sáng ra nền tân nhạc cải cách Việt Nam, từ những năm 1935 trở đi, ông đã trôi dạt khắp nơi từ Bắc vào Nam và có thể nói là làm đủ nghề, kể cả làm đốc công đồn điền cao su, giáo sư âm nhạc, đạo diễn điện ảnh và giáo sư về sử trong nhiều trường trung học miền Nam.

Ông là người duyên dáng và có tài thuyết giảng, lại hiểu rộng biết nhiều nên bạn bè và cả những hậu sinh sau này ai cũng quý mến. Trong sự giao tế của ông ở mọi nơi với mọi người, nhạc sĩ Lê Thương chỉ để lại những tình cảm tươi thắm và những tiếng cười dòn dã.

Chúng ta không thể không nói tới tiếng cười khi nghĩ đến tên một bài hát nổi tiếng của ông, là bài Thằng Cuội. Tên bài hát không phải là chị Hằng, cung Quảng, hay Nguyệt Ca Nguyệt Cầm, hay chú Cuội, như của nhiều tác giả khác có thể đã viết, mà là Thằng Cuội. Và lại là một "thằng cuội già... ôm một mối mơ". Làm sao chúng ta không nghe thấy tiếng cười khúc khích của cả trẻ thơ lẫn người lớn vì lời ca và hình ảnh ngộ nghĩnh này? Quỳnh Giao nhớ mãi bài hát thiếu nhi đó vì bài hát đã dẫn mình vào tân nhạc, khi Quỳnh Giao mới lên bảy và hát lần đầu trong Ban Tuổi Xanh của nữ kịch sĩ Kiều Hạnh, thân mẫu của Mai Hương.

Hôm nay, gặp nhau ở nơi đây để nhớ về Lê Thương, Quỳnh Giao nghĩ rằng đất nước ta quả là thiếu may mắn.

Lê Thương là người ôm nhiều hoài bão cho tuổi thơ. Lê Thương thường nói nhiều về những giấc mơ của ông cho các em thiếu nhi, nhưng ông không có điều kiện xây dựng và điều khiển một trung tâm sinh hoạt thiếu nhi chắc chắn là rất rực rỡ tươi đẹp. Những gì tuổi thơ nhận từ Lê Thương là một số bài ca bất hủ gần như em nhỏ nào cũng thuộc, nhưng, so với những ước mơ của ông cho tuổi thơ, phần di sản đó thực ra vẫn còn là ít ỏi và trẻ thơ nước ta hát nhạc Lê Thương mà có khi quên mất người. Ở một hoàn cảnh tốt đẹp khác, Quỳnh Giao nghĩ rằng nước ta đã phải có một vườn hoa cho thiếu nhi mang tên Lê Thương.

Ngày nay, nhớ Lê Thương, ai ai cũng nhắc đến liên khúc Hòn Vọng Phu và những lời ca hoành tráng mà mình nghe từ khi còn thơ ấu chưa hiểu gì. Quỳnh Giao nghĩ rằng chính là những hình ảnh trong truyện ca đó mới dẫn chúng ta sau này, vào tuổi khôn lớn hơn một chút, đến chỗ hiểu và yêu Chinh Phụ Ngâm và những trang hùng sử của dân tộc. Đặc biệt là hào khí trong ba bài Hòn Vọng Phu của ông lại không u uẩn như hình tượng hòn vọng phu có thể gợi lên.

Quả như ông viết trong lời kết của bài cuối, trường ca Hòn Vọng Phu đã là

Vết bước đi trên phiến đá mòn còn in dấu,
từ bóng cây ngôi mộ bên đường,
từ mái tranh bên đình trong làng,
nguồn sử xanh âm thầm vẫn sống,
bao mối thương vang dậy trong lòng.

Nếu có so sánh lời ca trong Hòn Vọng Phu mà gần như ai cũng thuộc trước khi vào tới nhà trường để được làm quen với thơ nôm của Đoàn Thị Điểm, như

"bên Man Khê còn tung gió bụi mịt mù,
bên Tiêu tương còn thương tiếc bao ngàn trùng",

hoặc

"Đò vạn lý, đò ải quan, đò rừng lá nước trong, bao cá lội từng đàn
Thành Cổ Loa, đền Vạn Kiếp, bao tháng năm vẫn chưa xoá nhoà..."

với một số tác phẩm xuất hiện trong cùng giai đoạn thì mới thấy rằng Lê Thương đã đi sớm hơn các tác giả đồng thời của ông. Chúng ta nhớ ông nhiều là vì vậy.

Lê Thương còn là người đã đào tạo ra nhiều thế hệ nhạc sĩ và nghệ sĩ. Khi ông mất, đa số lại ở xa để có thể đến thăm viếng thầy một lần cuối. Những ngậm ngùi và nuối tiếc đó đã khiến Quỳnh Giao ngây thơ tâm tưởng rằng cảnh nguyệt thực mới xảy ra ngay trước đêm rằm Trung Thu có thể là phương cách của cung Quế vấn tang thay cho chúng ta ở bên

ngoài quê hương, để tiếc nhớ Lê Thương.

Được sinh hoạt từ sớm trong lãnh vực âm nhạc, Quỳnh Giao có hân hạnh học hỏi và quen biết nhạc sĩ Lê Thương. Nhưng, có một chi tiết rất đặc biệt về Lê Thương mà Quỳnh Giao được biết thì lại ĩi không ở trong lãnh vực âm nhạc. Nhạc sĩ Lê Thương không chỉ là đạo diễn mà còn là một diễn viên có tài. Ông từng thủ vai linh mục thật xuất sắc trong một cuốn phim dựng trên truyện phim của Hà Thúc Như Hỷ và tác phẩm của Nhã Ca về Huế trong Mậu Thân. Cuốn phim Đất Khổ này lại bị Bộ Thông Tin và Dân Vận cấm không cho chiếu vì nội dung quá bi thảm, cho nên đa số chúng ta không được thấy tài nghệ của một Lê Thương tài tử điện ảnh. Đất nước ta không có may mắn cũng là trong ý nghĩa đó.

Lời cuối của Quỳnh Giao là tân nhạc Việt Nam đã trải qua sáu thập niên, thời gian coi như một đời người, từ thuở sơ sinh cho tới tuổi già. Lê Thương có góp phần nuôi dưỡng và phát triển nền tân nhạc đó ở nhiều khía cạnh khác nhau. Ông ra đi, Quỳnh Giao thực sự không rõ nền tân nhạc đó sẽ đi về đâu, điều đó có lẽ tùy thuộc ở những người đi sau. Nhưng, qua cách thức chúng ta tôn vinh những người có công khai phá và vun bồi cho tân nhạc và nghệ thuật, chúng ta có thể đoán biết ra tương lai của thể loại này. Vì vậy, với tư cách là một người trình bày các ca khúc và luôn luôn biết ơn những người sáng tác, Quỳnh Giao xin cảm tạ quý vị và các bạn đã tổ chức và tham dự buổi sinh hoạt tưởng niệm ngày hôm nay để tưởng nhớ nhạc sĩ Lê Thương.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **12/1/96** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 12 năm 1996**.

Gửi anh Tạ Trọng HIệp

Trúc Chi Tôn Thất Kỳ

Nhà nghiên cứu Tạ Trọng Hiệp đã từ trần tại Paris Pháp quốc tháng 10 vừa qua vì bệnh ung thư. Cái chết của nhà nghiên cứu Việt học uy tín này là một cái tang chung cho giới nghiên cứu, và cộng đồng người Việt hải ngoại. Văn Học xin đăng lá thư của nhà thơ Trúc Chi gửi người bạn đã quá cố, như một lời phân ưu đặc biệt gửi tới gia đình anh Tạ Trọng Hiệp.

California ngày 4 tháng 11 năm 1996
Anh Hiệp thân,

Thói quen từ thời tập viết một bức thư cho nó có đầu có đuôi có xuôi có ngược - như người Huế tôi vẫn thường nói - khiến tôi đề ngày tháng trước khi viết mấy hàng gửi anh. Tôi đã định xóa cái hàng đầu đi. Dễ quá, bấm một cái nút là xong. Nhưng mà ngón tay trỏ của tôi đã dừng lại ở cái nút delete. Bởi vì không có gì hiện ra cả thì có gì đâu mà xóa: tôi nghĩ như thế là vì đã có lần đi tiễn chân một người bạn, một người thân trong một giáo đường thênh thang, trong một chánh điện ngát trầm hương, hình như tôi chợt thoáng hiểu lờ mờ được cái nghĩa của bốn chữ *vạn cảnh giai không*.

Cách đây mấy phút, ăn cơm tối xong, tôi ngồi vào bàn định viết vài hàng về *Tạ Trọng Hiệp*, như đã hứa với anh Nguyễn Mộng Giác. Nhưng bật máy lên rồi, tôi lại muốn nói chuyện với anh. Nơi anh tạm trú hiện nay, ngày tháng trở nên vô nghĩa. Cái không gian trong đó có anh hiện nay và có tôi ngồi ở California cũng mất luôn cái thế đứng của nó.

Vậy là anh tạm thời rẽ sang một lối khác để mà nghỉ chân trên con đường đi từ vô thủy đến vô chung. Chữ nghe thì lớn lối, nhưng mà *vô thủy đến vô chung* nghĩa là gì, chắc anh phải báo mộng cho Phạm Công Thiện

mà nói chuyện cho ra lẽ, mà có lẽ rồi tôi cũng phải phôn cho Thiện, hiện ở bên Úc, mà tán dóc về cái cliché này.

Nơi anh tạm nghỉ chân, những người còn đang bước như tôi, gọi là nơi *ca trùng lửa đóm*, là *miền dị lộ*, là *suối vàng, hoàng tuyền, chín suối, cửu tuyền, le siècle des siècles, secula seculorum, world without end*, vân vân và vân vân. Tôi nói lung tung vậy vì tôi viết thư cho anh mà không có địa chỉ. Cái chỗ không nơi chốn đó đã làm tốn giấy mực, tốn hơi của quá nhiều người rồi. Hỏi thêm một lượt nữa lại chỉ tổ làm rối rắm cho cái suy nghĩ muôn đời của những người có suy nghĩ. Tìm cho ra cái địa chỉ hiện nay của anh dĩ nhiên là không khắc phục được khó khăn nào của các nhà bưu điện tối tân bực nhất trên thế giới. Nhưng mà chắc chắn là biết anh ở đâu rồi thì tôi không có lý do gì, không dại gì mà mất thì giờ viết mấy giòng này.

Vậy thì tôi cứ nói chuyện với anh bằng cái giọng Huế mà hôm ấy anh vừa cười vừa nhiệt tình nói với tôi rằng anh nghe chưa quen. Thôi thì giọng Hà Nội, Sài Gòn hay Huế chi thì cũng là tiếng nói của con rồng cháu tiên cả, cũng là tiếng Việt. Cái tiếng Việt mà anh hằng yêu mến ấy lại còn có một thứ văn tự mà anh rất mê, mê đến độ anh đã bỏ hết cả cuộc đời anh để tìm hiểu: Chữ Nôm.

Vậy thì anh cứ nghe tôi nói với cái tai của một học giả khiêm tốn nói ít lắng nghe nhiều, như hồi anh còn ngậm cái tẩu thuốc có một lớp cao dày đến gần năm ly, mà anh suýt quên ở phòng trọ của tôi ở Hampstead, bên rìa Luân Đôn. Như cái hôm anh nói cho tôi biết vì sao anh thích văn Nguyễn Tuân. Như cái hồi tôi giữ một cuốn sách của anh quá lâu, đến độ anh phải hết sức tế nhị gián tiếp hỏi bạn đồng sự với tôi là anh NGọc Phách, tôi mới sực nhớ mà nhờ Phách trao lại cho anh trước khi Phách từ Luân Đôn qua nghỉ hè bên thủ đô của cựu mẫu quốc. Như cái hôm ăn cơm trưa trong canteen đài BBC ở Bush House, có giáo sư Honey, có cả anh Xuân Kỳ, Hữu Đại, Ngọc Phách và cả Phi Bằng nữa, nếu tôi không nhớ sai. Hôm ấy, anh cho chúng tôi biết một vài khó khăn căn bản trong việc nghiên cứu chữ Nôm: tài liệu ít, lối ký âm lại bất nhất không có hệ thống rõ rệt. Tuy vậy, anh khiêm nhường nói rằng anh "cũng biết chút ít" nhờ sự hướng dẫn giúp đỡ của một người "thông minh lỗi lạc là giáo sư Hoàng Xuân Hãn" (nguyên văn lời anh mà tôi không quên). Chúng tôi ngồi nghe anh nói, nói rất ít. Nhưng mà đâu vào đó, không thiếu cũng không thừa. Tôi thầm phục anh là còn trẻ - lúc ấy anh chừng trên ba mươi là nhiều - mà đã chín chắn. Tôi nhớ rõ cái tính tiết kiệm lời nói của anh là vì trước đó, cũng như về sau này, trong công việc hàng ngày, tôi buộc phải chăm chú nghe những bài diễn văn tràng giang đại hải của khá nhiều

các yếu nhân trên chính trường các nước. Nghĩ lại, tôi thấy đa số có biệt tài nói rất nhiều, rất lâu, rất hùng hồn về những điều mà họ biết rất ít, hoặc là không biết gì cả.

Anh thì lại không vậy, phải không anh Hiệp? Còn nhớ sau bữa cơm trưa vui vẻ bổ ích mà tôi học được khá nhiều về cách cấu tạo chữ nghĩa của ông cha ta, chúng mình lấy xe buýt ra trường School of Oriental and African Studies vì anh có hẹn với một giáo sư chuyên về cổ văn Trung quốc tại đó, còn tôi cũng phải ra đó chiều hôm ấy có chút việc. Ngồi trên xe buýt, nhân nói chuyện về cái tên của thủ đô nước Anh, tôi hỏi anh tại sao hồi trước báo chí mình có khi viết *Luân Đốn*. Anh cầm cái tẩu trong tay, viết vào khoảng không hai chữ Luân Đôn bằng chữ Hán, rồi cẩn thận đáp rằng anh nghĩ chữ *Đôn* có khi đọc là *Đốn*, nhưng lại vội thêm ngay rằng anh đoán như vậy thôi chứ không biết chắc. Anh nói về Paris sẽ tra cách phiên thiết chữ đó rồi sẽ viết thư sau. Tôi hỏi cho biết vậy thôi chứ cũng không quan tâm lắm vì ngày nay chẳng ai còn gọi thủ đô của giống Hồng mao là *Luân Đốn* nữa. Vậy mà ít lâu sau đó, tôi vô cùng ngạc nhiên và cảm động khi nhận một lá thư khá dài của anh từ Pháp gửi qua ghi rõ cách đọc chữ *Đôn*. Tôi có đưa lá thư đó cho toàn ban Việt ngữ xem. Mọi người, nhất là anh Xuân Kỳ, đều phục anh là người có tinh thần học giả: đã không tìm hiểu thì thôi, mà tìm thì tìm cho đến nơi đến chốn.

Vậy thì tôi cứ tiếp tục nói chuyện với anh như cái buổi tối trong phòng trọ của tôi, anh ngủ dưới đất, tôi nằm trên giường. Nghe thì vô lễ, tuyệt đối không đếm xỉa chi đến cái tính hiếu khách cố hữu của người mình. Nhưng mà nói cho ngay, cái nệm mà tôi nhường cho anh, đặt giữa sàn nhà dù sao vẫn êm hơn mấy cái lò xo tốt ở trên giường: khoảng cách giữa cái lưng của tôi và mấy cái lò xo đó chỉ là một lớp vải mỏng. Tôi cấn cái, không thẳng giấc. Anh lạ nhà, ngủ không được. Tôi lò mò dậy pha cà phê. Nói chuyện cho đến sáng. Rồi ra đường tìm một quán cà phê ăn điểm tâm. Nhưng mà, như anh đã biết, nếu người Pháp thích sống ở ngoài đường, kể như suốt ngày ngồi ở các quán cà phê mà trù liệu mọi việc, mà nghỉ xả hơi, mà gặp nhau, mà gây nhau, mà viết lách, mà làm thơ làm phú, thì người Anh lại thích sống ở trong nhà. Bây giờ ra sao tôi không biết chứ hồi ấy, ngay cả khu Hampstead rất nghệ sĩ, về đêm trà đình tửu điếm khách khứa ra vào tấp nập, vậy mà tìm cho ra một cái quán cà phê mở cửa sớm mà đón lấy hai người khách tha hương là anh và tôi thiệt là gay. Phải chờ đến chín giờ mới có quán mở cửa, mà lúc ấy chỉ mới bảy giờ hơn. Còn nhiều thì giờ, chúng mình thả bộ xuống phía dưới khu Hampstead, đi ngang ngôi nhà mà ngày trước, thi hào John Keats, bậc thi tài mệnh yểu ấy, đã từng cư ngụ. Ngôi nhà xinh xắn dễ thương, tôi nhớ có cái vườn hoa

nho nhỏ gần cổng, được chính phủ xem là di tích lịch sử nên vẫn được chăm sóc kỹ, không có dấu rêu phong. Chỉ đi ngang qua thôi chứ không vào được vì còn sớm quá, chưa mở cửa. Với cái tính nghịch ngợm từ nhỏ, tôi đã để lại một cái danh thiếp ngoài cửa với mấy chữ quốc ngữ: *Tạ Trọng Hiệp và kẻ tiện sĩ này rất tiếc không được chiêm bái tôn nhan.* Anh trợn mắt nhìn tôi, nhưng lại nói rất khẽ: "Kể anh cũng khá nghịch đấy chứ". Tôi nhớ có nói với anh là đáng lẽ tôi phải để cho anh viết mấy chữ đó bằng chữ Nôm.

Sau đó, chúng mình lại đi thẳng luôn ra Hampstead Heath, cái khu rừng nho nhỏ rất thơ mộng mà nhà viết truyện gián điệp lừng danh John le Carré đã dùng làm bối cảnh cho một cuốn sách hết sức ly kỳ của ông ta. Khi đi dạo trong khu rừng hơi mờ sương (buổi sáng nào ở Luân Đôn mà lại không có chút sương), anh đã kể cho tôi nghe một vài kỷ niệm ngày nhỏ - có lẽ vì sương sớm đưa anh về những ngày ấy - hồi anh còn trọ tại nhà một người bà con thời còn học tiểu học, nếu tôi nhớ không lầm. Anh nói rằng một trong những điều làm ấm lòng anh thời ấy là được một người cậu đến đón về nhà mỗi tuần. Rồi anh kể rất tỉ mỉ về cái thú được người cậu chở anh bằng xe đạp, qua những cánh đồng những ruộng lúa mà dĩ nhiên tôi chưa từng trông thấy. Ngày nhỏ tôi có ra Bắc nhưng lại chỉ quanh quẩn ở trong thành phố Hà Nội, mà cũng không được lâu, nên ngay cả ba mươi sáu phố phường tôi cũng không nhớ được một, nói chi đến phong cảnh miền quê ngoài ấy. Nhưng mà nghe anh tả, tôi thấy quen thuộc lắm. Nào là làn sương mỏng, dậu mồng tơi, hàng cây xoan,khăn mỏ quạ, nào là sóng lúa, bờ đê, ngàn dâu, bụi chuối, vân vân. Tôi hỏi đùa anh:

" Không có cánh cò trắng, không có chim vành khuyên à?"

Anh ngạc nhiên:

"Có chứ. Nhưng mà sao anh biết?"

"Nghe anh tả đồng quê ngoài Bắc mà cứ tưởng như đang đọc Khái Hưng, Thạch Lam."

Anh cười rất hiền lành, khiêm tốn:

"Ấy, ước gì mình cũng có tài tả cảnh của Khái Hưng"

Rồi chúng mình đi ăn sáng ở gần cái rạp xi nê chuyên chiếu phim của Kurosawa, của Ingmar Bergman, của Jean Renoir mà tại đó, tối hôm trước, chúng mình đã có dịp thưởng thức tài diễn xuất tuyệt luân của Jean Gabin trong phim La Grande Illusion. Rồi tôi ăn một bữa cơm sáng của người Anh có đủ trứng chiên, thịt ba chỉ ướp muối, bánh mì và dĩ nhiên là cả trà sữa nữa, trong khi anh chỉ dùng có hai lát bánh mì nướng phết bơ và một tách cà phê sữa, theo thói quen buổi sáng ăn ít của một người đã từng

sống rất lâu ở Pháp. Rồi chia tay ở trạm tầu hầm Hampstead. Rồi hẹn ngày tái ngộ. Rồi thôi.

Cho đến hôm nay. Ba mươi mấy năm rồi, anh Hiệp nhỉ. Trong cái chớp mắt ấy, thỉnh thoảng tôi cũng có gặp lại anh qua những bài anh viết mà hồi trước tình cờ tôi được đọc trên các báo trong nước. Ngày ong vỡ tổ năm 1975, chạy loạn qua Pháp, tôi có điện thoại cho anh hai lần nhưng không gặp. Trước khi rời Paris sang đất nước cũ của các bộ lạc người da đỏ, tôi có nhờ một văn hữu, vốn cũng biết anh, nhắn một lời thăm hỏi. Lời nhắn ấy có được chuyển tới anh hay không, nay cũng không quan trọng chi nữa. Bởi vì nơi anh đang nghỉ chân hiện nay và chắc là mãi mãi về sau này nữa, lời nói và ý nghĩ của thế nhân chả còn nghĩa quái gì cả, tôi dám đoan chắc như vậy, nếu chúng không được rạng chiếu bằng ánh bao la của tình thương trong một niệm nguyện cầu.

Mong anh nhận ở trong những hàng chữ trên đây lòng nhớ tiếc chân thành của một người bạn không có được cái học lực của anh, nhưng cũng cùng san sẻ chút gắn bó với cái ngôn ngữ của một vùng đất nhỏ trên địa cầu này, cái ngôn ngữmà một học giả tiền bối tin là mãi mãi trường tồn ngày nào còn có truyện Kiều (nhất là một bản Kiều chữ Nôm mà anh vừa cười vừa nháy mắt nói với tôi là "không bao giờ cho ai mượn cả")

Thân mến,

mua báo cũ

Trên mười một năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 15, 19, 20, 27, 29, 31, 32, 33, 34, 38, 39, 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 & 118, 119, 120, 121...

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

Tiểu thuyết về sự ruỗng nát nhân tính:
Từ Thiên sứ tới Marie Sến.

Lý thuyết gia Mác-xít Georg Lukács, trong cuốn "Lý thuyết về tiểu thuyết", định nghĩa: "Tiểu thuyết là câu chuyện về một cuộc tìm kiếm "khùng điên" (demoniacal), những chân giá trị, trong một thế giới cũng khùng điên tự bản chất, nhưng ở một đẳng cấp cao hơn, theo một cách thế khác biệt". Chỗ khác, ông lại coi tiểu thuyết là hình thức sung mãn nam tính,(the novel is the form of virile maturity).

Khùng điên, thoái hóa (degraded), ruỗng nát nhân tính... khi đọc *Marie Sến*, cuốn tiểu thuyết mới nhất của Phạm Thị Hoài, chúng ta đều nhận ra, nhưng hình thức sung mãn nam tính, không thấy có. Y hệt như cuộc chiến tàn nhẫn đã nuốt gọn tất cả hùng tính, nam tính rồi. Trên mạng Internet, qua tranh luận về cuốn tiểu thuyết này, Văn Học ghi lại trong số trước (126), Phạm Chi Lan đã nhận xét: "Một tác phẩm châm biếm xã hội ở giai đoạn giao thời, giai đoạn chập chững bước vào thế giới hỗn mang của tiểu tư sản, một tác phẩm cực kỳ cay đắng và khá cường điệu nhằm vào một giai cấp trí thức (giống đực, người viết thêm vô) mới". Thảo nào Trần Mạnh Hảo phải la làng.

Cay đắng, không phải chỉ riêng cho trí thức giống đực, mà ngay cho chính tác giả Phạm Thị Hoài, khi viết, khi đặt tên cho nhân vật chính của bà là *Marie Sến*. Khi phải từ bỏ giấc mơ về một *thiên sứ*. Khi viết *Thiên sứ*, văn của bà ngọt ngào, giấc mơ của bà trong sáng, tuyệt vời bao nhiêu, bây giờ hết cả rồi. Cũng vậy, chất thần thoại đầy thi tính, đậm đặc muối của rừng trong những câu chuyện *Hu Tát* của Nguyễn Huy Thiệp. Sau *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, *Một Thoáng Xuân Hương*, *Con Gái Thủy Thần* của Nguyễn Huy Thiệp, cuộc tìm kiếm khùng điên những chân giá trị (Lukács), cơn điên rồ gọi tên sự vật (la rage de nommer, M. Foucault, Chữ và Vật, Les Mots et les Choses) bây giờ mới bắt đầu. Nguyễn Huy Thiệp tra hỏi tất cả những vị thần giống đực trong lịch sử. Phạm Thị Hoài,

trong cuộc sống hàng ngày. Có thể nói, đây một cuộc đi tìm một giống đực đã mất.

Biển, Những giọt nước cam lồ,và Những nụ hôn.

Văn Học vừa rồi có một bài viết về truyện cực ngắn. Bài viết làm tôi nhớ tới tập truyện cực ngắn, ở trong lòng bàn tay của Kawabata, người Nhật, Nobel văn chương 1968. Trong bài mở đầu, tác giả tâm sự: "Nhiều người viết, khi trẻ, thường làm thơ. Tôi, thay vì thơ, viết những truyện ở trong lòng bàn tay...Tinh thần thi ca trong những ngày trẻ thơ của tôi sống mãi ở trong chúng".

Truyện ngắn "Biển", tác giả Miêng, được đăng trên Thế Kỷ 21, số 68, Tháng Chạp 1994, cũng thuộc loại truyện cực ngắn. Đọc "Biển", tôi nghĩ, ngoài tinh thần thi ca ra, còn có những giọt nước cam lồ nhỏ xuống cho cả một thế hệ: Một người đàn bà khóc thương một người đàn ông mất trí nằm trong bệnh viện, và trong những giờ phút cuối cùng của đời mình, người đàn ông mất trí đã lầm lẫn vị nữ tu bồ tát với người vợ đã chết trong lần vượt biển.

Lầm lẫn, có lẽ không phải như vậy. Hay có lẽ đây chỉ là giá trị giả, giá trị biểu kiến so với giá trị thực của truyện ngắn, kiểu chủ từ giả, chủ từ thực trong văn phạm. Trong cuốn "Chữ và Vật", M. Foucault cho rằng, người điên, hay "kẻ khác" (l'autre) là một người nhìn sự vật tất cả đều giống nhau, khác với người bình thường, kẻ "vẫn thế" (le même). Thi sĩ, nhà văn...ở giữa hai cực điểm đó. Ông cũng cho rằng tự tử là "phán đoán sáng suốt cuối cùng" (the last lucid judgment) của con người bình thường. Nếu chúng ta chấp nhận hành động vượt biển như là phán đoán sáng suốt cuối cùng, như vậy người đàn ông sống sót trong khi vợ con chết hết kia đã thực sự tin rằng vị nữ bồ tát chính là người vợ của ông. Cũng tương tự như vậy, khi người đàn bà gọi điện thoại cho chồng: "Xong rồi, anh...Vâng, lúc năm giờ sáng, trong tay em..."

Nếu cuộc Chiến Tranh Lớn 1914-1918 với tất cả những đau thương mất mát, vẫn còn được loài người kinh nghiệm thông qua những giá trị, hình thức văn hóa phổ cập, mạch lạc "vượt thời gian", cuộc Chiến Tranh Lớn 1939-1945 không cho con người còn được khả năng này (Jay Winter, The Great War in European Cultural History, Cambridge, 1996). "Sau Auschwitz mà còn làm thơ thì thật là dã man" (Adorno). Lò Thiêu Người vượt quá mọi biểu hiện, mọi trình diễn. Không thể nói được. Và Văn hóa, Nghệ thuật Hậu-Hiện đại Âu châu đã phát sinh từ đống tro tàn của những lò thiêu người. Trước đó, đã có thời con người trông mong ở quá khứ,

mong nó đem lại niềm an ủi: Hoài hương (nostalgie) chính là cái hồn nhân hậu của con người, ngay từ giây phút đầu tiên bị đuổi khỏi Vườn Địa Đàng, ngay phút đầu tiên lìa xa cuống rốn, lìa xa bụng mẹ. Sau Lò Thiêu Người, nghệ thuật mất khả năng nhiệm mầu, phù thủy: Chữa lành những vết thương. Có một đứt đoạn lịch sử ở đây.

Khi con người Việt Nam bỏ nước ra đi, thâm tâm họ đều cảm nhận một điều, đã có một đứt đoạn lịch sử với quá khứ, với truyền thống, theo nghĩa họ không trông mong một sự lặp lại, không trông mong ở quá khứ một niềm an ủi, mà là một quyết tâm. Một khởi đầu. Tất cả là khởi đầu, ở nơi đất lạ, nơi thiên nhiên, con người đều tỏ vẻ thù nghịch. Hội nhập là vấn đề sống chết. Có người đành hi sinh hoàn toàn quá khứ. Có người đành phải kéo dài...

Đọc Miêng, đọc Trần Mộng Tú...chúng ta càng hiểu rõ tại sao người mẹ và đứa con thường được dùng làm biểu tượng ghi lại cuộc hành trình bỏ nước ra đi của những người tị nạn. Trong thơ Trần Mộng Tú, có một người đàn bà vọng phu Việt Nam, một người đàn bà trông chồng nhất quyết không chịu biến thành đá. Chồng ở đây, có thể là người đàn ông mất trí trong truyện ngắn của Miêng, nhưng, nếu đẩy dòng thơ của bà vượt quá mức thời gian, vượt mọi biểu tượng, vượt qua sự hữu hạn, thì đó chính là ngôn ngữ. Người Tình của Trần Mộng Tú chính là Tiếng Việt.

Có người cho rằng dòng văn chương hải ngoại là một tiếp nối dòng văn chương Miền Nam trước 1975. Tôi không tin. Sau cuộc phần thư 1975 của những người Cộng sản, tuy đau xót nhưng là "tất yếu" đối với chúng ta, sau phán đoán sáng suốt cuối cùng; dòng văn chương lưu vong là hy vọng của con người Việt Nam cả ở hải ngoại lẫn trong nước. Một dòng văn chương tâm linh. Một nghệ thuật của sự cứu rỗi. Chúng ta cần những giọt nước mắt cam lồ, chứ không phải những đau thương, vật vã, hoài niệm quá khứ.

Trong khi chờ Gogol

Phải đợi cả một thế kỷ qua đi, người đọc mới có được một bản dịch Anh ngữ "đàng hoàng" tác phẩm Dead Souls, *Những linh hồn chết*, của Gogol. Và cho tới bây giờ, nhân vật giả tưởng Pavel Ivanovich Chichikov lại một lần nữa nhập xác, qua những thương gia, "biznesmen", những nhân vật trong xã hội đen "mafia", trong giới "lãnh đạo bằng bom đạn" của Tân Nga-xô.

Những linh hồn chết kể về những chuyến phiêu lưu "phi lý" của Chichikov, qua khắp nước Nga, để mua những tá điền, những nô lệ đã chết nhưng chủ đất chưa kịp khai báo. Anh ta đã dùng danh sách đó để

vay tiền nhà nước, như thể họ vẫn còn sống. Người ta có thể tưởng tượng ra một anh chàng Chichikov tân thời đang đi khắp nước Nga, mua những hợp đồng của những công nhân nhà máy hiện chưa được thanh toán, rồi dùng nó để vay nợ Ngân hàng Thế giới.

Những độc giả nước ngoài đầu tiên chỉ được biết tác phẩm như một tài liệu mang tính xã hội của một nước Nga đầu thế kỷ 19. Tới năm 1942, một thế kỷ sau khi tác phẩm được xuất bản lần thứ nhất, với bản dịch của Bernard Guilbert Guerney, khi đó những độc giả Anh ngữ mới nhận ra tầm vóc đầy đủ của tính châm biếm, "satire", trò chơi đùa với ngôn ngữ, và sự bịa đặt đầy chất mộng mị của Gogol. Nabokov, trong một bài nghiên cứu về Gogol, viết năm 1944, cho rằng Dead Souls liên quan tới từ "poshlost" của tiếng Nga, một từ gần như không thể dịch được, đại khái có thể hiểu như là "quan trọng giả, đẹp giả, thông minh giả". Như vậy đây là cuốn tiểu thuyết ít nói về nước Nga hơn là sự ruỗng nát của nhân tính. Cũng trong cùng cuốn sách, ông vứt bỏ mọi bản dịch tác phẩm, chỉ giữ lại bản của Guerney (chủ nhân một tiệm sách ở New York, một người viết tiểu thuyết, chết năm 1979).

Nicolai V. Gogol (1809-1852), ngoài Dead Souls, còn mấy tác phẩm khác nữa, nhưng đây là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, và chỉ có mỗi một nửa được hoàn tất. Nửa sau là những đoạn rời. Qua giai thoại, ông viết từ một gợi ý của Turgenev. Viết được một, hai trăm trang, ông đọc cho bạn nghe. Turgenev nói gần như mếu: Không ngờ dân NGa khổ đến như vầy sao! Gogol biết như vậy là hỏng, và viết lại từ đầu. Ông dự kiến đây là tập thứ nhất của một tác phẩm bộ ba đầy tham vọng: Cả nước Nga sẽ xuất hiện ở trong đó, ông hứa hẹn. Trong thập niên cuối đời, ám ảnh này lôi ông vào những khuynh hướng thần bí mang chất tôn giáo, khi ông cố gắng ghi lại sự sa đọa và cứu rỗi của Chichikov. Trước khi chết, Gogol đốt toàn bộ bản thảo. Nhưng với vài nhà phê bình, tất cả năng lực sáng tạo, Gogol đã dồn hết vào phần đầu. Tác phẩm hoàn tất từ chỗ dang dở đó, và *Những linh hồn chết* là một đại tác phẩm.

Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của A. Gide.

"Không có bạn, liệu tôi viết nổi cuốn sách này không ? Tôi nghi ngờ điều đó, bởi vậy xin tặng bạn cuốn sách này." Đó là lời đề tặng trên bản thảo "Những kẻ làm bạc giả" của André Gide. Người được đề tặng là Roger Martin du Gard. Khi sách được xuất bản, lời đề tặng, ngắn gọn hơn, nhưng "dữ dằn" hơn: "Tặng Roger Martin du Gard *cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi*". Người ta vẫn được hiểu qua giai thoại, Gide viết tác phẩm

trên khi bị bạn chê là không biết viết tiểu thuyết, và cuốn sách là một trả lời. Nhưng sự thực không đơn giản, và lý thú hơn nhiều.

Đó là tháng Giêng 1920. R.M. du Gard đang có ý nghĩ viết một cuốn tiểu thuyết dài. Ông đã mất 20 năm với nó. Tác phẩm Les Thibault, kể sự về một gia đình trưởng giả, trong thời bình và trong thời chiến. Tác phẩm được gợi hứng từ Chiến tranh và Hòa bình, của L. Tolstoi, khi du Gard mới 18 tuổi. Ông viết cho Gide: Bạn sẽ cười nếu thấy tôi ngồi một mình suốt ngày trước một cái bàn lớn, trên bầy ra,(y hệt như tướng Joffre trước những bản đồ Marne), bản đồ hành quân của 16 thời kỳ khác nhau của cuốn sách, kéo dài 40 năm... Trong khi làm việc tôi nghĩ tới bạn". Và bức thư đề ngày 22 tháng Bảy 1920 đã là nguồn gốc cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Gide: Tôi càng ngày càng bị "đập" (frappé), bởi ý nghĩ: Bạn giầu có hơn nhiều, so với tác phẩm của bạn... Tôi không mong bạn viết nhiều, mà ít đi, thưa hơn. ít những cuốn sách tiếp nối nhau, vừa khác nhau vừa rời rạc, tản mạn, hạn hẹp, đặc thù. Mỗi cuốn là một góc đời, và trong góc đó, người ta hình như chẳng thể nào đi thật sâu. Không cuốn nào diễn tả cuộc đời, tôi không đến nỗi ngu dại khi nói, cuộc đời với cái toàn thể của nó, nhưng mà là sự giầu có, lớn lao, hùng vĩ, phức tạp. Ngày bạn viết một tác phẩm rộng lớn (large), toàn cảnh (panoramique) mà tôi mong đợi, những tác phẩm trước đó sẽ chỉ là những sửa soạn, tuy ý thức mãnh liệt, lóng lánh chất thiên tài, nhưng một thiên tài bị hạn chế một cách tự nguyện. Những nghiên cứu tuyệt hảo, nhưng tựu chung, vẫn chỉ là những nghiên cứu. Tại sao bạn tới độ chín mùi như vậy mà tác phẩm (lớn) vẫn chưa ra đời ?

Cũng trong cùng bức thư, R. M. du Gard đưa ra lời giải thích, khi so sánh Gide với Dostoiesky, qua tác phẩm L'Idiot, và qua tính ghê tởm chuyện tào lao, mớ bòng bong, khiến bạn mình không quyết tâm tập trung vào một đề tài nhất định. Nghệ thuật của Gide đã phân chia L'Idiot ra thành 5, hoặc 6 truyện kể (récits), 5 hoặc 6 nghiên cứu, cái về sự chọn lựa, cân nhắc của Muichkin giữa Nastasia và Agalé, cái về tính tình kỳ lạ của Elisabeth, và cứ như thế... "Và tôi nghĩ rằng sức mạnh kỳ lạ của L'Idiot đến từ việc tác giả của nó đã ôm choàng lấy mọi chủ đề khác nhau đó. Và tôi cũng nghĩ rằng một khi có tài như bạn, vấn đề đâu có khó. Tất cả chỉ là có dám không. Và có kiên nhẫn, làm việc một cách hăng say, không ngừng đầu, tới khi đi tới cùng."

Bức thư của R. M. du Gard đã là một yểm trợ, và ông biết ơn người viết, như trong thư trả lời bạn. Nó cho ông nhìn lại, và làm một điểm để khởi đầu. Khi đó ông đã bước vào những năm 50 của cuộc đời, và phần lớn nhất tác phẩm ở phía sau ông.

Thực sự, mỗi tác phẩm của Gide chỉ trình bầy một khía cạnh của nhân cách của ông. R.M. du Gard đã có lần nói với bạn một cách thẳng thừng mà không sợ sỗ sàng. "Bạn giống như mặt trăng. Người ta chỉ nhìn thấy một mẩu". Mỗi mẩu, mỗi đoạn rời, trong sự riêng lẻ của nó, là một tác phẩm hoàn tất. Nhưng chồng lên nhau, chúng cho thấy sự rã rời, tương phản, chống đối, đến nỗi một độc giả tài tử của cuốn này bị khớp khi gặp phải cuốn sau. Nghệ thuật của Gide là từ cực điểm này nhẩy qua cực điểm khác. Như trên đã nói, ông ghê tởm chuyện tào lao.

Độc giả Việt Nam vẫn thường tự hỏi, tại sao chúng ta không có những tác phẩm lớn, toàn cảnh ? Nhìn lại văn chương Miền Nam không thôi, nhưng năm trước 1975, người viết có cảm giác, lời trách cứ của Roger Martin du Gard đối với Gide cũng có thể áp dụng với một số cây viết hàng đầu của chúng ta.

Họ không hề viết chuyện tào lao. Đều có vẻ ghê tởm mớ bòng bong là cuộc chiến. Cũng có những tác phẩm đụng tới nó, nhưng hoàn toàn theo thế thụ động, theo kiểu tao bị mày giải phóng. Vả chăng cuộc chiến đó cũng thật thâm hiểm, tàn nhẫn: Tất cả những kẻ nào lăm le lột trần nó đều bị nó ra tay trước, Y Uyên chẳng hạn.

Họ không hề muốn có một tác phẩm ôm choàng lấy tất cả những gì đã được họ viết ra, chưa nói chuyện ôm choàng lấy tất cả những phức tạp của cuộc đời, của cuộc chiến; một cuộc chiến mà sau đó, tất cả những gì được viết ra đều phải đổi khác, theo suy nghĩ của Adorno: Sau Auschwitz mà còn làm thơ thì thật là dã man.

Một nhà thơ ngoại quốc có nói, với chiến tranh, chỉ có ba cách: Chống nó. Chấp nhận nó, đại khái như nhân vật chính trong "Chuông gọi hồn ai" của Hemingway, cho dù cuộc chiến đó không phải của anh ta nhưng những tiếng chuông đang đổ dồn kia là để gọi hồn anh đó. Hoặc không thèm để ý tới nó. Không được như Gide, những nhà văn của chúng ta không chịu đi tới cực điểm. Họ lửng lơ giữa cả ba thái độ. Theo tôi, có một người, Nguyễn Xuân Hoàng, ngay ở một trong những tác phẩm đầu tiên, Kẻ Tà Đạo, đã để cho nhân vật chọn lựa thái độ thứ ba, và sau này, hình như, (Tôi chưa được đọc những tác phẩm sau của ông) vẫn tiếp tục cho nhân vật chọn lựa như vậy, nhưng bản thân, ông vẫn nghĩ, thái độ đó không ổn, và chỉ là của nhân vật, thuộc loại anti-héros (qua cuộc phỏng vấn trên Văn Học số mới đây cho thấy). Vấn đề, chỉ là ý thức nhà văn muốn vượt ý thức nhân vật (ý này tôi mượn của G.Lukács), để tiếp tục sáng tác, trong những cuốn tới, trong một xã hội mới mà chiến tranh không là quá khứ mà là hiện tại, tương lai: Vấn đề hội nhập. Hội nhập theo kiểu Kẻ Tà Đạo.❐

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lý văn Nam St Louis MO, Don Nguyen Woodinville WA, Mai Ngọc Phước Suisse, Đoàn Xuân Kiên London UK, Nguyễn Nguyên Phương Denver CO, Phạm văn Thức Kanata Ont Canada, Nguyễn văn Dũng Lethbridge Alberta Canada, County of Santa Clara CA, Nguyễn Hoàng Lân Settle WA, Trần tiến Ngạc Stockton CA, SBS Radio Sydney, Lê Ngọc Thọ Anjou Canada, Thân V. Nguyễn Irvine CA, Lê Đình Phú, CA, Lê Chi Lăng Mission Viejo CA, France Publications Paris France, Trần văn Nam San Gabriel CA, Thuy Doan Reading PA, Thanh Ba Mai Norway, Nguyen Nga My Indianapolis IN, Đoàn Khoách S Diego CA, Thai Nguyen Chicago IL, T. Lam Issaquah WA, Nguyễn văn Dũng Alberta Canada, Cửu Long Giang Bookstore Baton Rouge LA, Trần Ngọc Toàn Springfield VA, County of Los Angeles Public Library, Vinet Com., Inc Westminster CA, Pitney Bowes Norwalk CT, Milpitas Comm Lib CA, EBSCO (for Menzies Library Australia), RMIT Bundoora LibraryVIC Australia, NP Vietnamese Books, Ross Barnum Lib Denver MN, Fields Corner Branch Lib Dorchester MA, HB Hillview Branch Lib San Jose CA, Uni Western Sydney MacArthur ACQ Lib, Resource Center Woodville HS Australia, Hume-Moonee Vly Reg VIC Australia, Lib Menzies Australian National University, Carrie Estelle Doheny Mem Lib, Camarillo CA, Huong Nuuyen Seattle Public Lib WA, Uni of Calif. Berkeley CA, Univ of Washington State Libraries WA, Biblio Ville Montreal Canada, Tran Viet Thuy Hawthorne CA, Footscray Library Services Australia, Chapman Library Salklake City UT

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Lịch, Phượng, Trái tim tôi, Ba bài ngắn gửi từ Hawthorne CA, Gửi người hoa mai tứ thời, Gửi cây cọ ở Midway, Cảm tạ gửi từ Atlanta GA, Tin Cái đình gửi từ Netherlands, Vàng phai gửi từ Springfield MD, Chùm đoản thi cảm đề tranh bạn gửi từ Phoenix AZ, Bài thơ cho người đàn bà đi bên cạnh đời tôi gửi từ Dorchester MA, Cho em hoàn xanh bóng mượt gửi từ Beaverton OR, Một cuốn thơ mới tìm lại được:.Nguyễn văn Tường thi tập, gửi từ San Francisco CA, băng thơ Tô Thùy Yên, Phan Duy và Cao

Đông Khánh giới thiệu và trình bày, gửi từ Houston TX, Sinh nhật, Tết gửi từ Gauting Germany, Chữ i và y trong chánh tả tiếng Việt gửi từ London England, Những câu chuyện về hôn nhân gửi từ Cabramatta Australia, Trái cam và Tình yêu gửi từ Issaquah WA, Mầu sắc nỗi buồn, Đường nguyệt gửi từ Roxboro PQ Canada, Ngày vô nhiễm, Trăng mái ngàn năm gửi từ San Gabriel CA, Biển gửi từ York City Ontario Canada, Cơn gió chạy vòng gửi từ Falls Church VA, Nhà ở phố gửi từ Gernamy, Tạp ghi gửi từ York City Canada, Thư gửi người tình xưa, Thêu áo gửi từ Brownsburg IN, Thơ Đỗ Bình gửi từ Certy France, Đường về quê mẹ gửi từ Port Arthur TX, Bên thầm kín tôi, Mùa đông hát, Em tháng Chín, Bài tặng H. gửi từ Fountain Valley CA, Chén trà sen gửi từ Fountain Valley CA, Hoặc gửi từ Palm Beach FL, Bản tin Hưng Việt, Anaheim CA, Ngoại truyện gửi từ Houston TX, Lão phó và mụ vợ có số phải đi xa gửi từ Germany, Trả lời phỏng vấn của Lưu Nguyễn, Nguyễn thị Thanh Bình, Tìm anh trong sương mù gửi từ Seattle WA, Sắc không gửi từ Montery Park CA

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

🕮 Tiếng sông Hương

Đặc san Kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học (1896-1996) do Phương Anh Trang chủ trương biên tập, Dã Oanh - Tâm Liên thực hiện, Dương Quốc Bình, Nguyễn H. Cường lo phần kỹ thuật, dày 250 khổ lớn 8"x11", giá 15 Mỹ kim. Do nhiệt tâm và công phu liên lạc, sưu tầm, biên soạn của Anh Nguyễn Cúc, từ lâu Tiếng Sông Hương vẫn được xem là niên san có nhiều giá trị về bài vở, sáng tác lẫn nghiên cứu, viết về Huế. Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập trường Quốc Học, Ban biên tập càng đôn hết công phu để thực hiện một kỷ vật xứng đáng cho tất cả những cựu học sinh Quốc Học qua nhiều thế hệ, trong chiều dài một thế kỷ. Ngoài bài vở đóng góp của nhiều

cựu học sinh Quốc Học nay đã trở thành danh nhân trong nhiều ngành, anh Nguyễn Cúc còn cất công lục lọi ở các thư viện và sưu tập gia đình nhiều tài liệu hiếm, như sắc dụ ngày 23.10.1896 thiết lập Trường Quốc Học của Vua Thành Thái . Dĩ nhiên phần mang nhiều xúc động cho bạn đọc cựu học sinh nhất là những kỷ niệm về ngôi trường thân yêu, thầy xưa bạn cũ.

Muốn mua tập đặc san này, xin liên lạc về

Tiếng Sông Hương
6730 Stichter St.,
Dallas, TX 75230

🕮 Nhớ Huế

Ấn phẩm kỷ niệm 100 năm thành lập trường Quốc Học, do Hội Thân hữu Huế-Thừa Thiên Nam California chủ biên. Cùng biên tập theo một mục tiêu như "Tiếng Sông Hương" ở Dallas TX, nhưng "Nhớ Huế" nới rộng chủ đề, bao gồm cả kỷ niệm 79 năm thành lập trường Đồng Khánh, và trong nhiều bài có cả việc thành lập Đại học Huế nữa. Nội dung thiên về ký sự, sáng tác hơn là khảo cứu. Bài vở đóng góp từ nhiều cây bút quan trọng của đất thần kinh, hiện sống rải rác trên khắp thế giới. Đặc san là kết quả lòng hăng say của những người con xứ Huế hiện sống xa quê hương, đặc biệt là những người trong ban chủ biên như: Võ văn Tùng, Nguyễn văn Y, Nguyễn Ngọc Thanh, Tôn Thất Tùng, Hoàng Giao, Nguyễn Khoa Thiều, Hồ văn Phú, Nguyễn Đình Mô, Thái Bá, Thái Doãn Ngà, Hoàng Thi Thao, Hà Thúc Như Hỷ, Hoàng Ngọc Trác, Dương Công Liêm, Phan Đắc Khôi. Đặc san dày 182 trang, hiện có bày bán tại các hiệu sách.

🕮 Đặc san Quốc Học-Đồng Khánh

Kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học, 79 năm trường Đồng Khánh, do Hội Ái hữu Quốc Học Đồng Khánh Nam California chủ trương, Trần Sĩ Lâm, Bùi Bích Hà, Kim Hà biên tập, Trần Sĩ Lâm trình bày. Đặc san trình bày và biên soạn dưới hình thức một cuốn sách, nên rất tiện lợi trong việc cất giữ trong tủ sách. So với hai đặc san nói trên, đặc san Quốc Học Đồng Khánh có nhiều chất văn nghệ hơn. Có lẽ vì ba người trong ban chủ biên là ba nhà văn: Trần Sĩ Lâm, Bùi Bích Hà và Kim Hà.

Địa chỉ liên lạc:
Hội AHQHĐK
P.O. Pox 2104
Westminster, CA 92684, USA
Phone:714-531-5771.

🕮 Sống và Viết

Tùy bút của Võ Phiến, Văn Mới xuất bản, sách dày 170 trang, giá 10 Mỹ kim. Tác phẩm này tập hợp những bài viết mới nhất của Võ Phiến, gồm hai phần:
Phần "Sống", là những bài tùy bút
Phần "Viết", có hai chương:
Chương I gồm một số suy tưởng

của Võ Phiến về các vấn đề sáng tác.

Chương 2 là cảm tưởng về một số sáng tác phẩm của văn học hải ngoại.

Địa chỉ nhà xuất bản: Văn Mới
1528 S. Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035, USA
Phone: 310-559-0413

Sách do Nhà Xuất bản Văn Nghệ phát hành, hiện có bán tại các nhà sách.

🕮 Lời của quá khứ

Tập truyện ngắn của Khế Yêm, bìa Thái Tuấn, phụ bản Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường, Văn Mới xuất bản, dày 120 trang, giá 7 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ ba được xuất bản của nhà thơ Khế Yêm, sau kịch *Hột Huyết* (Sài gòn 1972), thi tập *Thanh Xuân* (Hoa Kỳ 1992). Giống như thơ, truyện của Khế Yêm cô đọng, quá nhiều chất trí tuệ nên đòi hỏi kiên nhẫn nơi bạn đọc. Sách cũng do Văn Nghệ phát hành.

🕮 Câu chuyện giữa đường

Tập truyện ngắn của Nguyễn Hiền, Cái Đình (Hoà Lan) xuất bản, gồm mười ba truyện ngắn của một tác giả từng gửi bài đăng nhiều lần trên Văn Học. Nguyễn Hiền sinh năm 1951 tại Huế, lớn lên ở Sài gòn, hành nghề dược sĩ và lưu lạc sang Hoà Lan năm 1980. Tại Hoà Lan, tác giả là một nhân vật hoạt động tích cực cho cộng đồng người Việt tại đấy, chưa kể bỏ thì giờ sáng tác, đóng góp nhiều truyện hay cho các tạp chí Việt ngữ và Hoà ngữ. "Câu chuyện giữa đường" chứng tỏ tài viết truyện già dặn, óc nhận xét con người tinh tế và nhân hậu của tác giả.

Bạn đọc Văn Học muốn mua sách xin liên lạc về
Nhà xuất bản Cái Đình
Den Uylstraat 36
8015 DZ ZWOLLE
The Netherlands
Phone: +31 (0) 384600989
Giá mỗi tập truyện ngắn
12 Mỹ kim.

🕮 Vàng, thi tập của Cao Xuân Tứ, bìa của Võ Đình, Cái Đình (Hoà Lan) xuất bản, sách dày 60 trang, giá 8 Mỹ kim. Cao Xuân Tứ là một nhà thơ quen thuộc với bạn đọc Văn Học từ nhiều năm nay, những bài thơ (cả Việt ngữ lẫn ngoại ngữ) lần đầu được in chung thành một thi tập trang nhã. Tác giả cộng tác với nhiều tạp chí Việt ngữ như Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Độc Lập, và các báo ngoại văn như Edinburgh Review (Anh), Westerly (Úc), De Tweede Ronde (Hoà Lan), Deus Ex Machina (Bỉ). Năm 1995, Cao Xuân Tứ nhận được giả thưởng thi ca Dunya của Hoà Lan.

Muốn có sách xin liên lạc về nhà xuất bản Cái Đình.

🕮 Băng thơ Tô Thùy Yên

Gồm những bài thơ nổi tiếng của Tô Thùy Yên như Đăng tử, Trường sa hành, Qua sông, Chiều

trên phá Tam giang, Goá phụ, Anh hùng tận, Hề ta trở lại căn nhà cỏ, Em nhỏ làm chi chim biển Bắc, Ta về. Băng thơ do Phan Dụy (nữ) và Cao Đông Khánh (nam) giới thiệu và diễn ngâm. Với tài mix của Tiến Đức, John Eklund, phụ đệm dương cầm của Duy Khang, băng thơ là một kết hợp tốt giữa chữ nghĩa và âm thanh, giữa thơ và giới thưởng ngoạn.

Địa chỉ liên lạc:
13114 Max Road
Pearland, TX 77581

🕮 **Thơ Tình / Love Poems** của Du Tử Lê, Tủ sách văn học Nhân Chứng tái bản lần thứ tư, gồm hai phần: phần đầu là thơ dịch sang Anh ngữ do Đỗ Đình Tuân, Huỳnh Sanh Thông, Vũ Ngự Chiêu & Kirl Lindsay, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Trọng Lệ, J.K. Lô, Nguyễn Thu Hương và Nguyễn Tấn Lai. Phần hai là thơ Việt, trong đó có nhiều bài độc giả vẫn tìm kiếm như Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển, Khác tháng Chín, Kẻ từ phương đông qua, K. khúc của Lê...Sách dày 200 trang, giá 12 Mỹ kim.

Có thể hỏi mua tại các hiệu sách hoặc liên lạc về hai nhà phát hành:

Văn Nghệ (714) 527-5761
Đại Nam (818) 244-0135.

🕮 **Văn hiến, nền tảng của minh triết**, biên khảo của Nguyễn Đăng Trúc, Định Hướng Tùng Thư xuất bản, sách dày 240 trang, giá 15 Mỹ kim.

Tác giả đặt câu hỏi ở cuối sách: "Không tiếp nhận được hồn của văn hiến, thì đào bới truy tìm cái xác đã chôn dưới đất hay bị mục mối gặm mòn để làm gì?"

Nguyễn Đăng Trúc dùng kiến thức triết học giải mã những huyền thoại, huyền sử Việt Nam để tìm ra cái hồn của văn hiến. Ông có tìm ra hay không, xin tìm mua và đọc theo địa chỉ:

Định Hướng Tùng Thư
13 G Rue de l'Ill
67116 Reichstett France

🕮 **The Vietnam Review**, số ra mắt Aurumn-Winter 1996 do Huỳnh Sanh Thông, Hoàng Ngọc Hiến, Trương Vũ chủ biên, gồm nhiều bài biên khảo Việt học và sáng tác viết thẳng hoặc dịch sang Anh ngữ, dày 570 trang. Có thể coi The Vietnam Review là hậu thân của Vietnam Forum, vì người biên tập chính vẫn là giáo sư Huỳnh Sanh Thông. So với Vietnam Forum, The Vietnam Review in ấn đẹp hơn. Có điều đáng tiếc là các phụ bản tranh tài liệu và ảnh chụp vẫn không được chăm sóc chu đáo, chưa đủ tiêu chuẩn quốc tế của một tạp san nghiên cứu đại học.

Một tạp san nghiên cứu cần thiết cho giới nghiên cứu Việt học và sinh viên. Địa chỉ liên lạc:
46 Glendower Road
Hamden, Conecticut 06517, USA

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00